



NGUYỄN THỊ LY KHA – TRỊNH CAM LY (đồng Chủ biên)
TRẦN VĂN CHUNG – PHẠM THỊ KIM OANH – BÙI THANH TRUYỀN

TIẾNG VIỆT

SÁCH GIÁO VIÊN



TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ LY KHA – TRỊNH CAM LY (đồng Chủ biên)
TRẦN VĂN CHUNG – PHẠM THỊ KIM OANH – BÙI THANH TRUYỀN

Tiếng Việt

SÁCH GIÁO VIÊN



TẬP MỘT

Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



LỜI NÓI ĐẦU

Các thầy cô giáo kính mến!

Sách giáo viên Tiếng Việt 3 là tài liệu hướng dẫn giảng dạy kèm theo sách học sinh, vở bài tập, vở tập viết *Tiếng Việt 3* thuộc bộ sách *Chân trời sáng tạo*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Sách được biên soạn với mục đích giới thiệu một phương án dạy học các bài trong sách học sinh Tiếng Việt 3 theo *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn cấp Tiểu học*.

Sách giáo viên Tiếng Việt 3 gồm hai tập, trình bày phương án tổ chức hoạt động cho các nội dung dạy học, tương ứng với từng bài học trong hai tập sách học sinh. Để tăng tính chủ động cho các thầy cô trong giảng dạy, các bài hướng dẫn cụ thể được biên soạn theo hướng những thiết kế có tính gợi ý, nêu một vài phương án để thầy cô lựa chọn hoặc dựa vào đó để tổ chức các hoạt động phù hợp với thực tế lớp học. Bên cạnh đó, sách cũng chú giải thêm một số khái niệm từ góc độ Việt ngữ học và giáo dục ngôn ngữ cho người bản ngữ dưới dạng các lưu ý. Ngoài ra, sách cũng nêu một vài phương án đánh giá năng lực tiếng Việt của học sinh sử dụng tiếng Việt là ngôn ngữ thứ hai và học sinh có nhu cầu đặc biệt học hoà nhập dưới dạng các gợi ý thêm.

Ngoài những phần vừa nêu, ở đầu sách, tác giả còn trình bày một số vấn đề chung như *Quan điểm biên soạn*, *Những điểm mới của sách giáo khoa Tiếng Việt 3*. Trong sách còn có phần phụ lục giúp các thầy cô thuận lợi hơn khi giảng dạy và sử dụng sách với các nội dung: *Nội dung chương trình môn Tiếng Việt lớp Ba*, *Phân phối chương trình sách giáo khoa Tiếng Việt 3*, *Mẫu chữ viết hoa và quy trình hướng dẫn viết chữ hoa*.

Cùng với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, các tác giả đã nỗ lực để có được một tài liệu hướng dẫn giảng dạy môn Tiếng Việt cho học sinh lớp Ba khả thi, chất lượng, hiệu quả. Tuy vậy, cuốn sách chắc vẫn khó tránh khỏi thiếu sót. Các tác giả mong nhận được những góp ý quý báu từ các thầy cô để sách được hoàn thiện hơn trong những lần in sau.

Các tác giả

MỤC LỤC

Trang
3

Lời nói đầu

Phần một – HƯỚNG DẪN CHUNG

A. Những vấn đề chung	6
1. Quan điểm biên soạn	6
2. Một số điểm mới của sách giáo khoa Tiếng Việt 3	9
3. Cấu trúc sách và các bài học	11
B. Hướng dẫn dạy học	21
1. Bài mới	22
2. Bài ôn tập	31
C. Tổ chức hoạt động dạy học	39
1. Dạy nói và nghe	39
2. Dạy đọc	44
3. Dạy viết	49
4. Tổ chức hoạt động vận dụng	54
D. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá	55
1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất	55
2. Hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực	55
3. Một vài gợi ý về kiểm tra, đánh giá cuối học kì I	57
E. Một vài nội dung khác	59
1. Nội dung chương trình môn Tiếng Việt lớp Ba	59
2. Phân phối chương trình sách giáo khoa <i>Tiếng Việt 3, tập một</i>	63
3. Mẫu chữ viết hoa và quy trình hướng dẫn viết chữ hoa	74

Phần hai – HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Chủ điểm 1 VÀO NĂM HỌC MỚI (TUẦN 1 – 2)	80
Bài 1 Chiếc nhãn vở đặc biệt	80
Bài 2 Lắng nghe những ước mơ	85
Bài 3 Em vui đến trường	89
Bài 4 Nhớ lại buổi đầu đi học	94
Chủ điểm 2 MÁI TRƯỜNG MẾN YÊU (TUẦN 3 – 4)	98
Bài 1 Cậu học sinh mới	98
Bài 2 Bản tin Ngày hội Nghệ sĩ nhí	103
Bài 3 Mùa thu của em	107
Bài 4 Hoa cỏ sân trường	112
Chủ điểm 3 NHỮNG BÚP MĂNG NON (TUẦN 5 – 6)	116
Bài 1 Gió sông Hương	116
Bài 2 Triển lãm Thiếu nhi với 5 điều Bác Hồ dạy	122

Bài 3	Hai bàn tay em	125
Bài 4	Lớp học cuối đông	130
Chủ điểm 4	EM LÀ ĐỘI VIÊN (TUẦN 7 – 8)	135
Bài 1	Phần thưởng	135
Bài 2	Đơn xin vào Đội	140
Bài 3	Ngày em vào Đội	143
Bài 4	Lễ kết nạp Đội	148
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (TUẦN 9)		153
Tiết 1		153
Tiết 2		155
Tiết 3		157
Tiết 4		158
Tiết 5		158
Tiết 6		159
Tiết 7		160
Chủ điểm 5	ƯỚC MƠ TUỔI THƠ (TUẦN 10 – 11)	161
Bài 1	Ý tưởng của chúng mình	161
Bài 2	Điều kì diệu	166
Bài 3	Chuyện xây nhà	169
Bài 4	Ước mơ màu xanh	173
Chủ điểm 6	CÙNG EM SÁNG TẠO (TUẦN 12 – 13)	177
Bài 1	Đồng hồ Mặt Trời	177
Bài 2	Cuốn sách em yêu	182
Bài 3	Bàn tay cô giáo	186
Bài 4	Thư Bảy xanh	190
Chủ điểm 7	VÒNG TAY BÈ BẠN (TUẦN 14 – 15)	194
Bài 1	Chú sẻ và bông hoa bằng lăng	194
Bài 2	Thư thăm bạn	199
Bài 3	Đôi bạn	202
Bài 4	Hai người bạn	207
Chủ điểm 8	MÁI ẤM GIA ĐÌNH (TUẦN 16 – 17)	211
Bài 1	Ông ngoại	212
Bài 2	Vườn dứa của ngoại	216
Bài 3	Như có ai đi vắng	220
Bài 4	Thuyền giấy	224
ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (TUẦN 18)		229
Tiết 1		229
Tiết 2		230
Tiết 3		232
Đánh giá cuối học kì I		234

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ SÁCH TIẾNG VIỆT 3, BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Ở phần *Hướng dẫn chung*, sách giáo viên (SGV) *Tiếng Việt 3*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* nêu những vấn đề có tính chất chung như *Quan điểm biên soạn*; *Những điểm mới của sách*; *Cấu trúc sách và các bài học*; *Tổ chức các hoạt động dạy học*; *Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá*,... trước khi trình bày các phương án dạy học cho từng bài cụ thể.

1. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN

Để đáp ứng mục đích biên soạn, quan điểm chung về biên soạn sách giáo khoa (SGK) Tiếng Việt cấp tiểu học, nhóm tác giả (TG) quan niệm SGK *Tiếng Việt 3*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* cần dạy học ngôn ngữ thông qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe trong ngữ cảnh tự nhiên, gắn gũi với đời sống thực, hấp dẫn, khơi gợi được hứng thú của học sinh (HS) thông qua hệ thống ngữ liệu và cách khai thác phù hợp.

1.1. Yêu cầu của việc bảo đảm quan điểm giao tiếp và quan điểm tích hợp

Nhóm TG quan niệm SGK *Tiếng Việt 3*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* đảm bảo: (1) Sự phù hợp giữa chương trình (CT), SGK với cách thức học tập, khả năng tham gia hoạt động học tập của HS; (2) Sự phù hợp với các đặc tính cá nhân của HS khi tham gia vào quá trình dạy học ngôn ngữ; (3) Việc tạo môi trường ngôn ngữ chân thật giúp HS hình thành và phát triển năng lực đọc, viết, nói và nghe.

1.1.1. Quan điểm giao tiếp

Để đảm bảo quan điểm giao tiếp trong việc biên soạn, nhóm TG biên soạn SGK *Tiếng Việt 3*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* tuân thủ sáu vấn đề sau:

1. Tập trung hình thành năng lực giao tiếp tiếng Việt cho HS.
2. Tổ chức các hoạt động đọc, viết, nói và nghe có mục đích giao tiếp.
3. Tổ chức bài học thành hệ thống hoạt động/ bài tập (BT).
4. Dạy học các kĩ năng ngôn ngữ gắn liền ngữ cảnh chân thực với HS.
5. Công nhận, khai thác, vận dụng kinh nghiệm ngôn ngữ, xã hội của HS.
6. Ưu tiên việc dạy ý nghĩa của ngôn từ hơn việc dạy cấu trúc, hình thức ngôn ngữ.

1.1.2. Quan điểm tích hợp

Để đảm bảo quan điểm tích hợp trong việc biên soạn, nhóm TG biên soạn SGK *Tiếng Việt 3* tuân thủ năm vấn đề sau:

1. Tích hợp dạy học bốn kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.
2. Tích hợp dạy ngôn ngữ và dạy văn chương nhằm bồi dưỡng các phẩm chất, năng lực sử dụng ngôn ngữ.
3. Tích hợp dạy các giá trị văn hoá, giáo dục, phát triển nhân cách.
4. Tích hợp phát triển ngôn ngữ và tư duy.
5. Tích hợp dạy Tiếng Việt với các môn học và hoạt động giáo dục khác (Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm, Âm nhạc, Mỹ thuật, Giáo dục thể chất, Tin học và Công nghệ, Giáo dục địa phương,...).

1.2. Quan điểm giao tiếp và quan điểm tích hợp

1.2.1. Quan điểm giao tiếp và tích hợp được thể hiện qua việc biên soạn các bài học

a. SGK *Tiếng Việt 3* tạo điều kiện để giáo viên (GV) tổ chức dạy học và phát triển các kĩ năng ngôn ngữ cho HS trên cùng một ngữ liệu nguồn: từ bài đọc, các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe cũng như các kiến thức về tiếng Việt, văn học được rèn luyện và phát triển.

b. SGK *Tiếng Việt 3* tạo cơ sở để GV thực hiện hoạt động liên kết các hành vi ngôn ngữ; khai thác đa phương thức trong dạy học – sách tạo điều kiện để GV tổ chức cho HS thực hiện đồng thời nhiều hoạt động – việc sử dụng văn bản đa phương thức trong dạy học giúp HS thụ đắc kiến thức và phát triển các kĩ năng hiệu quả hơn. Ví dụ (VD): việc dạy đọc kết nối với việc tổ chức các hoạt động giúp HS nhận thức về các hành vi ngôn ngữ có trong văn bản, để từ đó HS có thể vận dụng vào việc tạo lập ngôn bản/ văn bản; hoặc hoạt động dạy viết mà sách thể hiện cũng sẽ giúp GV tổ chức kết hợp rèn luyện nhiều kĩ năng đồng thời (nhìn, nghe, đọc, vận động,...).

c. SGK *Tiếng Việt 3* liên kết các thể loại văn bản trong trục chủ điểm của bài học.

Chủ điểm kết nối nội dung các ngữ liệu dùng cho đọc, viết, nói và nghe.

Hoạt động tổ chức cho HS tiếp cận thể loại văn bản (hình thức) được thực hiện gắn kết với hoạt động tổ chức chiếm lĩnh nội dung của văn bản. Đây là cơ sở để tạo liên kết về nội dung: các BT, các hoạt động rèn luyện kĩ năng đọc, viết, nói và nghe đều có nội dung gắn với chủ điểm của văn bản tập đọc, các hoạt động tổ chức khai thác, vận dụng ý tưởng, sự hiểu biết từ BT đọc sang BT nói, viết sáng tạo.

Trường liên tưởng được sách chú ý thể hiện xuyên suốt. GV có thể khai thác qua việc dạy học các đơn vị kiến thức, vì khi các thông tin được xử lí một cách kĩ lưỡng (gắn bó với những kinh nghiệm sống, hiểu biết của HS được liên kết chặt chẽ với nhau theo trường nghĩa) sẽ giúp quá trình ghi nhớ của HS trở nên có ý nghĩa; giúp HS thấy mục đích của việc

học và giúp hình thành động cơ học tập tích cực ở HS.

d. SGK *Tiếng Việt 3* gia tăng tỉ lệ các văn bản thông tin với các thể loại cơ bản:

- Văn bản thông tin khoa học thường thức;
- Văn bản giới thiệu;
- Văn bản hướng dẫn;
- Văn bản hành chính (thông báo, đơn từ);
- Văn bản báo chí (tin tức, quảng cáo).

Các thể loại văn bản trên góp phần giúp HS nâng cao năng lực đọc hiểu các thể loại văn bản bên cạnh văn bản văn chương.

Đồng thời sách chú ý đến việc khai thác các hiểu biết về đề tài, nội dung, thể loại văn bản, hành động ngôn ngữ của văn bản HS đọc hiểu sang ngôn bản/ văn bản HS tạo lập (nói, viết sáng tạo).

Mặt khác, sách cũng chú ý tới việc tích hợp dạy đọc, viết, nói và nghe với các môn học khác trong CT, như *Tự nhiên và Xã hội*, *Đạo đức*, *Hoạt động trải nghiệm*, *Âm nhạc*, *Mĩ thuật*, *Giáo dục thể chất*, *Tin học* và *Công nghệ*,...

e. SGK *Tiếng Việt 3* thiết kế các hoạt động trong một bài học đi từ việc khai thác kinh nghiệm ngôn ngữ, vốn sống để HS rút ra ý nghĩa của việc đọc, viết; tự giác tham gia vào hoạt động đọc, viết và vận dụng các điều đã học để nói, viết (sáng tạo). Quy trình khép kín và nâng cao này sẽ gia tăng năng lực sử dụng tiếng Việt, năng lực tư duy cho HS.

Ngoài ra, SGK *Tiếng Việt 3* cũng thể hiện hoạt động đọc mở rộng (ĐMR) theo tiến trình hợp lí, giúp GV có thể tổ chức các hoạt động hướng dẫn HS ĐMR một cách có hiệu quả. Theo mô hình trục kĩ năng, các lĩnh vực kiến thức, đơn vị kiến thức và kĩ năng trọng tâm được *Tiếng Việt 3* thiết kế theo dạng vòng xoáy đồng tâm, triển khai và lặp lại để củng cố và nâng cao theo chủ điểm (sẽ tiếp tục được mở rộng, nâng cao ở các lớp trên trong toàn bộ cấp học).

1.2.2. Theo định hướng đổi mới được quy định trong CT Ngữ văn 2018, SGK *Tiếng Việt 3*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* chuyển tải những thành tựu giáo dục hiện đại qua các bài học, các chủ điểm với những tên gọi gần gũi, thân thuộc với HS, lấy HS làm trung tâm, phát triển và mở rộng dần theo vòng tròn đồng tâm.

Các nội dung giáo dục về sự chia sẻ, về những nét đẹp của văn hoá, phong tục tập quán được bố trí, sắp xếp hài hoà với các nội dung các bài học.

Mặt khác, các nội dung về giáo dục bình đẳng giới, giáo dục đạo đức, bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước, giáo dục ý thức về chủ quyền quốc gia, biển đảo, giáo dục lòng biết ơn lãnh tụ, anh hùng dân tộc,... được kết nối, lồng ghép qua các bài đọc hiểu, chính tả, kể chuyện, viết sáng tạo,...

Bên cạnh đó, những hình ảnh về HS có hoàn cảnh khó khăn hoặc có nhu cầu đặc biệt, như gia đình có bố hoặc mẹ đơn thân, HS bị khiếm khuyết về cơ thể, HS gặp khó khăn về ngôn ngữ nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của người thân, thầy cô giáo,... được cân nhắc, cài đặt nhẹ nhàng qua một số bài đọc (*Điều kì diệu, Cô Hiệu trưởng, ...*), vẫn đảm bảo giữ được màu sắc trong trẻo, hồn nhiên, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí, tâm lí nhận thức, tâm lí phát triển của HS lớp 3.

Đặc biệt, các chủ điểm của sách *Tiếng Việt 3* được kế thừa và phát triển trên cơ sở SGK *Tiếng Việt 1* và SGK *Tiếng Việt 2*. Sự kế thừa này thể hiện rõ nguyên tắc đồng tâm xuyên suốt bộ sách. Đồng thời tạo điều kiện giúp GV và HS sử dụng sách *Tiếng Việt 3* hiệu quả hơn.

1.2.3. SGK *Tiếng Việt 3*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* chú trọng phát huy vai trò của kênh hình. Trong sách, các biểu tượng (icon) được thiết kế trên cơ sở gắn với hình ảnh của HS và sử dụng một số kí hiệu thường dùng trong sách Tiếng Việt tiểu học CT 2006 và sách Tiếng Việt 2, bộ kí hiệu (như kí hiệu *Giải nghĩa từ*, kí hiệu *Câu hỏi, bài tập*; kí hiệu *Mẫu*, kí hiệu *Bài tập tự chọn*) để “phạm trù hoá” các hoạt động vào từng hoạt động đọc, viết, nói và nghe, đồng thời giúp tăng thêm tính hấp dẫn của sách đối với HS.

SGK *Tiếng Việt 3* được in với giấy chất lượng tốt, nhiều tranh ảnh được đầu tư công phu, nhờ vậy các trang sách có tính thẩm mỹ cao, gây hứng thú với HS. Vấn đề trường nhìn trong các văn bản đọc đều được chú ý thiết kế để phù hợp với trường nhìn của HS, giúp HS nâng cao tốc độ đọc và khả năng đọc hiểu.

Kèm với SGK là SGV gồm phần giới thiệu chung, hướng dẫn dạy học các kiểu bài và cách thiết kế *Kế hoạch bài dạy* ở từng bài học cụ thể mà sách học sinh (SHS) đã hiện thực hoá, cụ thể hoá CT.

Đồng thời, SGK *Tiếng Việt 3* còn gồm vở bài tập (VBT) (bao gồm các nội dung chính tả, luyện từ, luyện câu, ĐMR, luyện viết sáng tạo,...), vở tập viết (VTV) (bao gồm các nội dung ôn luyện viết chữ hoa, rèn kĩ thuật viết thông qua các ngữ liệu luyện viết tên riêng, tên địa danh, câu, đoạn ứng dụng) để giúp HS rèn luyện, phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

2. MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA SGK TIẾNG VIỆT 3

2.1. Tiếp nối Tiếng Việt 1, Tiếng Việt 2

Các đặc điểm về cấu trúc và nội dung tư tưởng, quan điểm biên soạn và triết lí giáo dục đã được khẳng định ở *Tiếng Việt 1* và *Tiếng Việt 2*.

Chẳng hạn cấu trúc các bài học của một chủ điểm, cấu trúc từng bài học; quan điểm giao tiếp và tích hợp trong biên soạn; triết lí dạy chữ – dạy người; ứng dụng những thành tựu của giáo dục học, tâm lí học hiện đại, tâm lí học nhận thức, tâm lí học ngôn ngữ của trẻ em trong việc lựa chọn hệ thống ngữ liệu, thiết kế BT.

Trong từng ngữ liệu của bài đọc và BT đều hướng tới mục đích giáo dục, chứa đựng triết lí giáo dục. Nội dung giáo dục HS ý thức về văn hoá truyền thống, ý thức về quê hương đất nước, ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình,... luôn được chú trọng và cài đặt hài hoà với các nội dung rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

2.2. Thiết kế nội dung theo mạch chủ điểm và theo trình tự

Nội dung ngữ liệu để hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực được thiết kế theo mạch chủ điểm liên quan đến năm nội dung lớn theo mạch nhìn từ bản thân HS mở rộng ra thế giới xung quanh HS. Cụ thể như sau:

- ♦ Bản thân
- ♦ Gia đình
- ♦ Nhà trường
- ♦ Quê hương, đất nước
- ♦ Thiên nhiên và môi trường

Không chỉ hoạt động đọc hiểu, mở rộng vốn từ (MRVT) mà tất cả các hoạt động dạy học như: *Viết kĩ thuật* (tập viết và chính tả), *Viết sáng tạo* (viết câu và viết đoạn văn ngắn), *Nói và nghe* (ngghi thức lời nói và nói và nghe theo chủ đề)... cũng gắn bó chặt chẽ với năm mạch nội dung trên và với từng chủ điểm. Chẳng hạn, nội dung “viết thư cho người thân” mà CT đề ra gắn với mạch nội dung *Gia đình, Bạn bè*. Hoặc yêu cầu “viết đoạn văn ngắn về một việc chứng kiến hoặc tham gia” mà CT đề ra gắn với mạch nội dung *Nhà trường, Thiên nhiên và môi trường*,...

Năm nội dung trên tương ứng và tích hợp hàng ngang với các chủ điểm, nội dung của các môn học khác. Chẳng hạn, SGK các môn *Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm, Mĩ thuật, Âm nhạc*, đều có các mạch chủ điểm lớn tương tự và gần như song hành về thời điểm được học. Các bài đọc của các văn bản thông tin cho các mạch nội dung xã hội, thế giới tự nhiên, môi trường đều có sự kết nối chặt chẽ với CT và tài liệu dạy học môn *Tự nhiên và Xã hội, Hoạt động trải nghiệm*; hoặc nội dung giáo dục đạo đức, nhân cách trong các bài học cũng được xem xét trong mối quan hệ mật thiết với CT và tài liệu dạy học môn *Đạo đức, Mĩ thuật, Âm nhạc*,...

2.3. Thiết kế chủ điểm, bài học theo nguyên tắc liên kết tích hợp

Mỗi chủ điểm/ bài học đều được xây dựng theo một cấu trúc khép kín, liên kết, tích hợp theo cả trục ngang và trục dọc các nội dung, kĩ năng trong từng tuần học, bài đọc và BT, đảm bảo liên kết phần bài học và phần thực hành – luyện tập – vận dụng, giữa các tuần trong một mạch nội dung và giữa các nội dung lớn với nhau. Giáo dục HS từ việc biết yêu quý với những gì gắn bó, gần gũi, thân quen đến yêu quê hương, đất nước, cội nguồn dân tộc.

2.4. Thiết kế các kĩ năng theo trình tự hợp lí

Các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe được thiết kế, tính toán theo ma trận nhằm đảm bảo tính tiến trình theo hướng tăng dần về số lượng, chất lượng, độ khó. Chẳng hạn, kĩ năng kể chuyện được thiết kế từ nghe – kể đến xem – kể, đọc – kể. Trong đó, kĩ năng nghe – kể, xem – kể là kĩ năng được kế thừa và phát triển mạch đã triển khai ở lớp Một và lớp Hai, kĩ năng đọc – kể được triển khai ở lớp Hai, lên lớp Ba, các kĩ năng này được cài đặt nâng cao qua hệ thống BT phù hợp với các chủ điểm cũng như giai đoạn của từng học kì.

Chẳng hạn, hoạt động ĐMR được bắt đầu từ nêu tên văn bản, tên TG, nguồn, chi tiết thích nhất đến việc nêu nội dung, bài học được rút ra, đánh giá về bài/ truyện đọc; từ chia sẻ với bạn đến việc biết hỏi lại điều mình chưa rõ; từ việc viết *Phiếu đọc sách* kết hợp lúc đọc sách đến việc chia sẻ trong giờ ĐMR trên lớp; từ tìm đọc trong sách báo đến tìm đọc trên internet,... đều thể hiện được trình tự hợp lí của hoạt động nhận thức cũng như hoạt động rèn luyện kĩ năng.

2.5. Thiết kế quy trình khép kín cho các hoạt động rèn luyện và phát triển kĩ năng

Bên cạnh việc chú ý tính tích hợp, liên kết chặt chẽ giữa ngữ liệu đọc với việc phát triển các kĩ năng nói, nghe, đọc, viết; mỗi kĩ năng riêng biệt còn được chú ý thiết kế theo một quy trình hướng dẫn quá trình nhận thức khép kín cho người học nhằm đảm bảo tính phù hợp với khả năng tiếp nhận của HS, tính trọn vẹn của một kĩ năng, hướng đến việc HS tự khám phá, tự làm chủ quy trình thực hiện một kĩ năng ngôn ngữ.

Nhóm TG chủ đích sắp xếp các thể loại từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Mỗi thể loại như *viết thư (thư tay hoặc thư điện tử); tả đồ vật quen thuộc; thuật việc được chứng kiến hoặc tham gia; viết về tình cảm, cảm xúc về con người, cảnh vật; viết về lí do vì sao thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe; ...* đều được hình thành kĩ năng theo các bước:

Bước 1: Nhận diện thể loại (chọn văn bản mẫu phù hợp với trình độ nhận thức của HS lớp Ba, hạn chế tối đa việc sử dụng văn bản mẫu là tác phẩm của các nhà văn để tránh áp lực cho GV khi dạy cũng như HS khi học về sản phẩm cần đạt của HS, phân tích cấu tạo, cách triển khai,...

Bước 2: Tìm ý (theo yêu cầu của CT) với mục đích giúp HS biết cách chuẩn bị, phát triển nội dung cho bài nói/ viết.

Bước 3: Nói miệng (trên cơ sở ý đã tìm) chỉnh sửa, hoàn thiện bài nói.

Bước 4: Viết chính thức (dựa trên kết quả nói).

3. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CÁC BÀI HỌC

3.1. Cấu trúc chung của sách

– Theo quy định của CT Giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn, môn Tiếng Việt cấp Tiểu học, SGK *Tiếng Việt 3*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* biên soạn cho 35 tuần thực học,

tổng cộng 245 tiết; chia thành 2 tập:

+ Tập một có 8 chủ điểm, tương ứng với 16 tuần học và 2 tuần ôn tập – kiểm tra đánh giá.

+ Tập hai có 7 chủ điểm tương ứng với 15 tuần học (chủ điểm 15 gồm 3 tuần) và 2 tuần ôn tập – kiểm tra đánh giá.

3.1.1. Cấu trúc chủ điểm

– Về thời lượng:

Mỗi chủ điểm gồm hai tuần học, mỗi tuần 7 tiết, mỗi buổi/ ngày 1 → 2 tiết, có thể xếp vào giờ chính khoá của mỗi buổi sáng. Ngoài ra, các trường học hai buổi/ ngày có thể xếp thêm 1 – 2 tiết/ tuần vào giờ tự học buổi chiều để tạo điều kiện cho HS luyện đọc, viết và làm BT để củng cố các kĩ năng đã học buổi sáng và MRVT.

– Về số bài và kiểu bài:

Mỗi chủ điểm có bốn bài đọc hiểu kèm theo các nội dung thực hành luyện tập các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Cuối mỗi bài đều có phần *Vận dụng*.

– Về loại thể văn bản:

Mỗi chủ điểm có bốn văn bản, trong đó tỉ lệ giữa văn bản thơ, truyện, miêu tả và thông tin luôn được chú trọng, đảm bảo tính cân đối, hài hoà theo yêu cầu của CT và được bố trí nhất quán suốt hai tập sách: Bài 1: văn bản truyện → Bài 2: văn bản thông tin → Bài 3: văn bản thơ → Bài 4: văn bản miêu tả (văn chương).

	CHỦ ĐIỂM	TUẦN	TÊN CHỦ ĐIỂM	GHI CHÚ
TẬP 1 (18 tuần)	1	1, 2	Vào năm học mới	18 tuần cho 8 chủ điểm và 2 tuần ôn tập
	2	3, 4	Mái trường mến yêu	
	3	5, 6	Những búp măng non	
	4	7, 8	Em là đội viên	
		9	Ôn tập giữa học kì I	
	5	10, 11	Ước mơ tuổi thơ	
	6	12, 13	Cùng em sáng tạo	
	7	14, 15	Vòng tay bè bạn	
	8	16, 17	Mái ấm gia đình	
		18	Ôn tập cuối học kì I	

TẬP 2 (17 tuần)	9	19, 20	Bốn mùa mở hội	17 tuần cho 7 chủ điểm và 2 tuần ôn tập
	10	21, 22	Nghệ sĩ tí hon	
	11	23, 24	Niềm vui thể thao	
	12	25, 26	Thiên nhiên kì thú	
		27	Ôn tập giữa học kì II	
	13	28, 29	Quê hương tươi đẹp	
	14	30, 31	Đất nước mến yêu	
	15	32, 33, 34	Một mái nhà chung	
		35	Ôn tập cuối học kì II	

3.1.2. Cấu trúc bài học

Tiếp nối SGK *Tiếng Việt 2*, mỗi chủ điểm được thiết kế gồm bốn bài học, mỗi bài học được thiết kế gồm ba hoạt động chính: *Khởi động*, *Khám phá và luyện tập*, *Vận dụng*.

3.1.2.1. Cấu trúc chung

► Phần 1: KHỞI ĐỘNG

– Mở đầu bài học đều là hoạt động *Khởi động* nhằm kết nối trải nghiệm của người học với bài học và văn bản đọc.

– Phần *Khởi động* gồm (các) câu lệnh và thường kèm tranh ảnh, từ ngữ gợi ý,... để khơi gợi hứng thú cho HS, giúp HS kết nối với bài học từ những trải nghiệm về văn hoá, xã hội, ngôn ngữ đã có. Các hoạt động được tổ chức chủ yếu thông qua hoạt động nói, trao đổi, chia sẻ, hướng tới hình thành năng lực giao tiếp và hợp tác.

► Phần 2: KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

Đọc

* *Văn bản đọc và tranh minh hoạ:*

– Phần văn bản đọc và tranh minh hoạ bài đọc (nếu có) được trình bày dưới phần *Khởi động*.

– Kèm theo phần văn bản đọc có thể có phần giải nghĩa từ khó, vừa giúp HS nâng cao năng lực đọc trôi chảy, vừa tạo điều kiện để HS nắm nội dung bài đọc (Một số từ ngữ khó gắn với ngữ cảnh được chú giải trong SGK).

* *Câu hỏi, bài tập:*

Sau phần văn bản đọc và tranh minh hoạ bài đọc là *Câu hỏi, bài tập* hướng dẫn tìm hiểu bài bao gồm câu hỏi đọc hiểu nội dung và câu hỏi đọc hiểu hình thức.

* *ĐMR/ Luyện tập:* Sau hoạt động *Cùng tìm hiểu* là hoạt động ĐMR (bài 1 và bài 3) trong sự gắn kết nội dung và kĩ năng với bài đọc nhằm hỗ trợ HS tìm đọc thêm các

văn bản nghệ thuật và thông tin, nội dung gắn với chủ điểm đang học hoặc hoạt động *Luyện tập* (bài 2 và bài 4) giúp HS thực hành, luyện tập các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe và ôn luyện kiến thức tiếng Việt gắn với nội dung văn bản đọc.

① Tập viết, Chính tả

Hoạt động *Tập viết, Chính tả* xuất hiện ở bài 1 và bài 3, ngay sau hoạt động *Đọc*, gồm:

– Ôn luyện viết chữ hoa (bài 1): từ và câu ứng dụng. Các nội dung tập viết đều xuất hiện chữ hoa cần ôn tập, đa số gắn kết với nội dung chủ điểm đó cũng như các nội dung luyện tập mở rộng cho việc sử dụng từ ngữ, viết câu, đoạn ở các nội dung tiếp theo. Ngữ liệu dùng viết ứng dụng đều sử dụng từ nguồn ca dao và thơ lục bát. Nội dung luyện viết tự chọn và luyện viết thêm được trình bày trong VTV.

– Hoạt động Chính tả (bài 3) gồm: chính tả đoạn bài với hai hình thức: nghe – viết và nhớ – viết. Bên cạnh chính tả đoạn bài là các BT chính tả giúp HS củng cố các trường hợp chính tả có quy tắc, như viết *iêu/ yêu, iên/ yên*; chính tả ngữ nghĩa, như viết *d/ gi* và viết *ch/ tr, s/x* trong một số cặp từ tối thiểu gắn với nghĩa để hiểu đúng và viết đúng (VD: *chuyện/ truyện, chuyển/ truyền, chào/ trào, ...; sách/ xách, sinh/ xinh, ...*); viết một vài vần khó nhưng có tần số sử dụng khá cao, như *êch/ uêch, ênh/ uênh* và rèn luyện tránh các lỗi chính tả do ảnh hưởng của biến thể ngữ âm phương ngữ.

Đồng thời, nội dung viết hoa tên riêng người Việt, địa danh Việt; tên riêng người nước ngoài, địa danh nước ngoài cũng được bố trí cài đặt hài hoà gắn với nội dung bài đọc, nội dung chủ điểm.

② Luyện từ và câu

Hoạt động *Luyện từ và câu* xuất hiện ở bài 1 và bài 3, ngay sau hoạt động *Viết kĩ thuật*, gồm các BT, câu hỏi để rèn luyện kĩ năng sử dụng từ, viết câu theo yêu cầu cần đạt của CT.

③ Nói và nghe

Hoạt động *Nói và nghe* xuất hiện ở bài 2 và bài 4, ngay sau hoạt động *Đọc*, gồm:

– Các BT rèn luyện kĩ năng nói, nghe, nói và nghe tương tác gắn với nội dung chủ điểm xuất hiện sau bài 2.

– Các BT rèn luyện kĩ năng kể chuyện theo các hình thức *nghe – kể, xem – kể* hoặc *đọc – kể* gắn với nội dung chủ điểm xuất hiện sau bài 4.

④ Viết sáng tạo

Hoạt động *Viết sáng tạo* xuất hiện ở bài 2 và bài 4, ngay sau hoạt động *Nói và nghe* với hệ thống BT nhận diện thể loại, tìm ý, nói, viết sáng tạo.

Hoạt động *Khám phá và Luyện tập* được tổ chức chủ yếu thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe hướng tới hình thành năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học cũng như các năng lực chung.

► Phần 3: VẬN DỤNG

Phần vận dụng trong phạm vi bài học (hoạt động mở rộng) nhằm giúp HS vận dụng những nội dung đã học vào thực tế đời sống, kết hợp phát triển ngôn ngữ cho HS với những hình thức thông dụng, được các em yêu thích như chơi trò chơi, đọc thơ, đóng vai, hát, vẽ,... về những nội dung có liên quan đến bài học. Việc tích hợp ngôn ngữ, vận động, âm nhạc, vẽ,... trong đó ngôn ngữ là chính và là nền tảng sẽ tạo thêm một cơ hội để HS rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt.

Hoạt động *Vận dụng* chủ yếu hướng tới hình thành năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo (HS có thể thực hiện cùng bạn hoặc người thân. Nếu có yêu cầu thực hiện cùng người thân, GV hướng dẫn thực hiện và có thể tổ chức cho HS tập dượt trước bằng cách thực hiện cùng bạn ở lớp vào cuối tiết – nếu còn thời gian).

3.1.2.2. Các mục trong một bài học

Bài 1: (4 tiết)

(1) Khởi động

(2) Khám phá và luyện tập:

- + Đọc (văn bản truyện)
- + Viết (Tập viết)
- + Luyện từ và câu

(3) Vận dụng: *Vận dụng nội môn hoặc vận dụng cuộc sống*

Bài 2: (3 tiết)

(1) Khởi động

(2) Khám phá và luyện tập:

- + Đọc (văn bản thông tin)
- + Nói và nghe
- + Viết sáng tạo

(3) Vận dụng: *Vận dụng nội môn hoặc vận dụng cuộc sống*

Bài 3: (4 tiết)

(1) Khởi động

(2) Khám phá và luyện tập:

- + Đọc (văn bản thơ)
- + Viết (Chính tả)
- + Luyện từ và câu

(3) Vận dụng: *Vận dụng nội môn hoặc vận dụng cuộc sống*

Bài 4: (3 tiết)

(1) Khởi động

(2) Khám phá và luyện tập:

- + Đọc (văn bản miêu tả)
- + Nói và nghe (Kể chuyện)
- + Viết sáng tạo

(3) Vận dụng: *Vận dụng nội môn hoặc vận dụng cuộc sống*

3.2. Ngữ liệu

3.2.1. Ngữ liệu dạy đọc

3.2.1.1. Văn bản văn học

Tỉ lệ khoảng 75% gồm các văn bản văn chương dùng làm ngữ liệu cho hoạt động đọc hiểu (và gợi ý cho hoạt động ĐMR) bao gồm: truyện (truyện cổ, truyện ngụ ngôn, truyện hiện đại), thơ, văn miêu tả (bài văn). Văn bản văn học được chọn lọc, sử dụng tác phẩm của các nhà văn viết cho thiếu nhi nổi tiếng như Thanh Tịnh, Huy Cận, Xuân Quỳnh, Nguyễn Trọng Hoàn, Trần Hoài Dương, Phạm Hồ, Trần Đức Tiến, Ma Văn Kháng, Đinh Hải, Nguyễn Nhật Ánh, Quang Huy,... Nhóm TG cũng chọn lọc đưa vào một số tác phẩm của các nhà văn trẻ như Nguyễn Thị Kim Hoà, Nguyễn Thị Bích Ngọc (Bảo Ngọc), Lục Mạnh Cường, Võ Diệu Thanh, Trương Huỳnh Như Trân, Trần Tùng Chinh,... Ngoài ra, nhóm TG cũng chú ý đến việc lựa chọn đưa vào sách một số tác phẩm văn học nước ngoài có giá trị do các dịch giả nổi tiếng chuyển ngữ như Lép Tôn-xtôi (Lev Tolstoy), Mác-xim Go-rơ-ki (Maksim Gorky), Xu-khôm-lin-xki (Vasilij Aleksandrovič Sukhomlinskij),...

3.2.1.2. Văn bản thông tin

Tỉ lệ khoảng 25% dành cho văn bản thông tin (bài đọc) gồm văn bản thông tin khoa học thường thức, văn bản giới thiệu, văn bản hướng dẫn, văn bản thông báo, đơn từ, tin tức, quảng cáo. Các văn bản đều được lựa chọn từ các nguồn đáng tin cậy, như *Tuyển tập Hồ Chí Minh*, *Báo Tiền Phong*, ...

3.2.2. Ngữ liệu dạy các nội dung khác

Ngữ liệu dùng để dạy viết, nói và nghe (nhất là kể chuyện) cũng như dùng dạy chính tả, luyện từ và câu cũng được chọn lọc một cách nghiêm túc, cẩn trọng từ các tác phẩm viết cho thiếu nhi của các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng như Băng Sơn, Nguyễn Đình Thi, Tô Hoài, Sơn Nam, Đỗ Chu, Xuân Quỳnh, Phạm Hồ, Trần Đăng Khoa, Nguyễn Quang Thiều, Ngô Quân Miện, Tạ Duy Anh, Trần Quốc Toàn,... Ngoài các tác phẩm văn học viết, các TG còn chọn thêm các tác phẩm văn học dân gian như ca dao, đồng dao, vè,...

3.2.3. Phân bố văn bản trong một chủ điểm

Mỗi chủ điểm gồm bốn văn bản được nhóm TG cố gắng sắp xếp theo thứ tự: văn bản truyện, văn bản thông tin, văn bản thơ, văn bản miêu tả. Tỷ lệ này được kiểm soát ở phần đọc hiểu và cả phần ĐMR.

Tuy nhiên, để phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý – nhận thức của HS lớp Ba, ngôn ngữ, cách diễn đạt ở các văn bản cung cấp thông tin khoa học thường thức, văn bản giới thiệu không “thuần túy” theo lô-gic rõ ràng và chặt chẽ về thể loại văn bản khoa học.

3.3. Nội dung dạy học

Trên cơ sở nội dung và yêu cầu cần đạt CT Giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn quy định đối với lớp Ba, SGK *Tiếng Việt 3*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* trình bày các mạch chính: đọc, viết, nói và nghe, kiến thức tiếng Việt, văn học và ôn tập, kiểm tra.

3.3.1. Đọc

3.3.1.1. Đọc thành tiếng và đọc hiểu

Mỗi bài đọc được thiết kế gồm văn bản đọc, tranh minh họa, gợi ý (giải nghĩa một số từ ngữ khó), câu hỏi, BT đọc hiểu.

Dựa vào yêu cầu của CT về số chữ đối với từng thể loại văn bản, nhóm TG đã chia thành các “chặng”, tăng dần độ dài văn bản trên cơ sở tiếp nối lớp Hai và đảm bảo đạt số chữ CT quy định vào cuối năm học.

Bốn tuần đầu nhóm TG thiết kế bốn câu hỏi, BT cho mỗi bài đọc. Từ tuần thứ năm, mỗi bài đọc gồm năm câu hỏi, BT.

Về nội dung câu hỏi, BT, nhóm TG chú trọng đến câu hỏi vận dụng, câu hỏi gắn với đặc trưng thể loại nhằm nâng cao năng lực đọc hiểu cho HS.

Về hình thức câu hỏi, BT, nhóm TG cũng lưu ý tăng cường hình thức trắc nghiệm bên cạnh hình thức tự luận. Đặc biệt, một số câu hỏi được gợi ý dưới dạng kênh hình hỗ trợ HS lựa chọn đáp án hoặc nói câu trả lời.

3.3.1.2. Đọc mở rộng

Thể loại, nội dung văn bản đọc cũng như yêu cầu ĐMR cũng được tính toán đảm bảo yêu cầu về kỹ năng tăng dần qua các “chặng”.

Đặc biệt, ở mỗi thể loại văn bản, nhóm TG có thiết kế các dạng *Phiếu đọc sách* như một gợi ý, hướng dẫn cho GV trong quá trình tổ chức hoạt động ĐMR ở từng bài học.

3.3.2. Viết

3.3.2.1. Tập viết

Mỗi bài nhóm TG thiết kế hướng dẫn HS viết 1 – 4 chữ hoa (kiểu 1 hoặc kiểu 2) cỡ nhỏ kết hợp luyện viết từ ngữ và câu ứng dụng.

Các chữ viết hoa được sắp xếp theo nhóm nét, các từ ứng dụng và câu ứng dụng có nội dung gắn với chủ điểm và có chứa chữ cái viết hoa vừa học.

3.3.2.2. Chính tả

Để phát triển kĩ năng nghe – viết cho HS, đồng thời góp phần làm giàu thêm vốn văn chương cho HS, nhóm TG cũng chủ đích đưa 13 bài chính tả ngoài sách để luyện viết cho HS. HS được thực hành luyện viết văn bản văn xuôi và văn bản thơ với tỉ lệ cân đối giữa các thể loại. Theo yêu cầu cần đạt của CT, nhóm TG cũng cài đặt các bài chính tả nhớ – viết để hình thành kĩ năng viết đúng nội dung đã học thuộc cho HS.

Phần BT chính tả được bố trí tối đa hai BT cho mỗi tiết học, gồm chính tả bắt buộc (chính tả có quy tắc; chính tả ngữ nghĩa (bên cạnh trường hợp có tính chất “cổ điển” như *d/ gi*, TG đưa thêm trường hợp viết *ch/ tr*; *s/x* trong một số cặp tối thiểu cần gắn với ngữ nghĩa, như đã trình bày ở phần hai khám phá và luyện tập viết một vài văn khó như *êch/ uêch*, *ênh/ uênh*) và chính tả phương ngữ với tỉ lệ được kiểm soát một cách kĩ lưỡng.

3.3.2.3. Viết sáng tạo

Theo CT Giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn, việc dạy viết sáng tạo (kĩ năng viết đoạn văn ngắn) thể hiện ở kĩ năng tạo lập văn bản, bao gồm cả dạng nói và viết. Đối với lớp Ba, việc dạy viết sáng tạo nhằm mục đích bước đầu chuẩn bị cho việc hướng dẫn viết theo thể loại. SGK *Tiếng Việt 3* lựa chọn cách dạy viết sáng tạo dưới dạng hướng dẫn HS nhận thức được quá trình tạo lập văn bản của mình hơn là nhấn mạnh vào kết quả sản phẩm làm văn của các em.

Để làm được điều này, nhóm TG thiết kế dạy kĩ năng viết sáng tạo theo hai giai đoạn:

❖ Giai đoạn làm quen gồm các dạng bài đơn giản: *tự giới thiệu, viết thông báo, bản tin ngắn, điền thông tin vào tờ khai in sẵn, ...* Mỗi dạng bài được dạy 1 – 2 tiết, cố gắng kết nối với bài đọc để tạo ngữ cảnh nói, viết tự nhiên. Sản phẩm của HS ở giai đoạn này yêu cầu từ 4 – 5 câu để có sự kết nối với lớp Hai.

❖ Giai đoạn luyện viết theo thể loại được thiết kế hai tiết cho các thể loại ôn tập của lớp Hai, 4 – 5 tiết cho mỗi thể loại học mới: *viết thư (thư tay hoặc thư điện tử), tả đồ vật quen thuộc, thuật việc được chứng kiến hoặc tham gia, viết về tình cảm, cảm xúc về con người, cảnh vật, viết về lí do thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe, ...* Nhóm TG chủ đích sắp xếp các thể loại từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Để giúp HS hình thành kĩ năng nói, viết, với mỗi thể loại học mới ở lớp Ba, chúng tôi chọn cách giúp HS hình thành kĩ năng theo các bước:

Bước 1: Nhận diện thể loại (chọn văn bản mẫu phù hợp với trình độ nhận thức của HS lớp Ba, hạn chế tối đa việc sử dụng văn bản mẫu là tác phẩm của các nhà văn để tránh áp lực cho GV khi dạy cũng như HS khi học về sản phẩm cần đạt của HS) phân tích cấu tạo, cách triển khai,...

Bước 2: Tìm ý (theo yêu cầu của CT) với mục đích giúp HS biết cách chuẩn bị, phát triển nội dung cho bài nói/ viết.

Bước 3: Nói miệng (trên cơ sở ý đã tìm) chỉnh sửa, hoàn thiện bài nói.

Bước 4: Viết chính thức (dựa trên kết quả nói).

Mỗi thể loại với chu kì bốn bước trên thường được thực hiện 2 – 3 lần để đáp ứng yêu cầu hình thành kĩ năng viết. Gợi ý cho mỗi đề bài được đưa ra từ dễ đến khó (gợi ý bằng câu, câu hỏi, hình ảnh, từ ngữ,...) với hình thức đa dạng, phong phú (tranh ảnh, sơ đồ tư duy dạng hình ảnh, đoạn ngữ liệu,...) hỗ trợ HS tìm ý và nói, viết được đúng thể loại với những yêu cầu đơn giản. Ở mỗi “chặng”, đặt ra yêu cầu viết từ 5 – 7 câu, đến 6 – 8 câu, 7 – 9 câu và 8 – 10 câu. Sau khi viết bài, HS được hướng dẫn đánh giá bài viết (tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng): chỉnh sửa, hoàn thiện, trang trí và trình bày bài viết.

3.3.3. Nói và nghe

3.3.3.1. Nói và nghe tương tác và nghi thức lời nói

Hoạt động nói và nghe được thiết kế gồm:

Nói và nghe tương tác ở hoạt động *Khởi động* của tất cả các bài: HS được nói, trao đổi, chia sẻ dựa trên kinh nghiệm xã hội và ngôn ngữ về một vấn đề liên quan tới nội dung bài đọc để dẫn vào bài.

Yêu cầu cần đạt về kĩ năng nói, nghe, nói và nghe tương tác theo yêu cầu của CT được hình thành chủ yếu ở bài 2 của mỗi chủ điểm. Mỗi kĩ năng: *phát biểu ý kiến trước nhóm, tổ, lớp; giới thiệu các thành viên, các hoạt động của nhóm, tổ, lớp; nói về một người, đồ vật; nói về một số đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình ảnh trong truyện tranh hay phim hoạt hình; nghe một câu chuyện, tưởng tượng và diễn tả lại đáng về hoặc hành động, lời nói của một nhân vật trong câu chuyện; nói chuyện qua điện thoại với cách mở đầu và kết thúc phù hợp*,... được thiết kế lặp lại từ 2 – 3 lần để đáp ứng yêu cầu hình thành kĩ năng. Ngữ cảnh nói đa số gắn với văn bản đọc và gắn với thực tiễn cuộc sống, hình thức tổ chức hoạt động hình thành nghi thức lời nói phong phú, đa dạng.

Đồng thời một số nghi thức lời nói được hình thành ở lớp Hai cũng được ôn luyện lại trong quá trình hình thành kĩ năng nói và nghe hoặc trong các hoạt động *Luyện tập, Vận dụng*,...

3.3.3.2. Kể chuyện

Kĩ năng kể chuyện được tiếp tục phát triển trên nền tảng ở lớp Hai với các yêu cầu cần đạt cụ thể: kể được một câu chuyện đơn giản đã đọc, nghe hoặc xem (có sự hỗ trợ, gợi ý); kết hợp lời kể, điệu bộ thể hiện cảm xúc về câu chuyện. Nói 2 – 3 câu về một tình huống do em tưởng tượng.

Những yêu cầu cần đạt về kĩ năng kể chuyện ở lớp Ba được hình thành, phát triển trên nền tảng các kĩ năng kể chuyện đã được hình thành ở lớp Hai (kể từng đoạn hoặc toàn

bộ câu chuyện dựa vào tranh và câu, câu hỏi hoặc từ ngữ gợi ý), cài đặt ở bài 4 của mỗi chủ điểm với ba hình thức: Nghe – kể (9 bài), Xem – kể (1 bài), Đọc – kể (6 bài). Theo đó, mạch kĩ năng kể chuyện lớp Ba được thiết kế gồm: kể toàn bộ câu chuyện (kết hợp phát triển ý từng đoạn: thêm vào đoạn kể một vài chi tiết đơn giản tả ngoại hình, lời nói, ý nghĩ của nhân vật,...), kể phân vai, kể bằng lời một nhân vật trong truyện, tưởng tượng để kể thêm phần kết cho câu chuyện,... dựa vào tranh hoặc sơ đồ kết hợp với từ ngữ gợi ý, câu, câu hỏi.

Những câu chuyện được chọn lọc đa dạng về thể loại, nội dung gần gũi, phù hợp với chủ điểm, tranh ảnh hoặc sơ đồ minh hoạ sinh động, hấp dẫn, khơi gợi nhu cầu nói và trí tưởng tượng, sáng tạo của HS.

3.3.4. Kiến thức tiếng Việt, văn học

Kiến thức tiếng Việt được dạy thành hai mạch thông qua việc hình thành các kĩ năng:

1. *Mạch luyện từ*: từ loại (*danh từ, động từ, tính từ, từ bổ sung thêm ý cầu khiến, từ bộc lộ cảm xúc*); từ đồng nghĩa, trái nghĩa; biện pháp so sánh tu từ và MRVT theo chủ đề.

2. *Mạch luyện câu*: Dạy câu chia theo chức năng của vị ngữ (*Ai là gì?, Ai làm gì?, Ai thế nào?*), từ ngữ trả lời các câu hỏi (*Khi nào?, Lúc nào?, Bao giờ?, Ở đâu? Vì sao?...*), câu chia theo mục đích nói kết hợp với dấu câu; dạy mở rộng câu bằng cách hướng dẫn HS tìm/ viết từ ngữ trả lời câu hỏi *Khi nào?, Ở đâu?, Vì sao?...*

Cả hai mạch đều được kết hợp hài hoà, chặt chẽ với hoạt động MRVT (MRVT theo cấu tạo, ngữ nghĩa, trường nghĩa; hệ thống hoá vốn từ, tích cực hoá vốn từ,...). HS đều được tiếp cận thông qua mẫu một cách tự nhiên (không dạy khái niệm, ghi nhớ), tất cả đều nhằm hướng tới việc cung cấp mẫu ngôn ngữ giúp các em sử dụng ngôn ngữ giao tiếp một cách thành thạo. Hệ thống BT được thiết kế từ dễ đến khó, mỗi mạch kiến thức được dạy lặp đi lặp lại với hình thức đa dạng giúp HS ghi nhớ tự nhiên.

Về thuật ngữ, dựa vào đặc điểm nhận thức của HS lớp Ba và thực tiễn dạy học *Luyện từ và câu* của CT hiện hành, chúng tôi thống nhất sử dụng chung thuật ngữ “từ ngữ” trong các câu lệnh để giúp GV cũng như HS không lúng túng trong quá trình dạy – học.

Kiến thức văn học được dạy tích hợp với dạy học đọc hiểu, kể chuyện, viết sáng tạo qua các câu hỏi, BT về: 1. *Bài học rút ra từ văn bản*; 2. *Địa điểm và thời gian*; 3. *Suy nghĩ và hành động của nhân vật* với các hình thức câu hỏi, BT đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức, liên hệ, so sánh, kết nối.

3.4. Hình thức trình bày sách

Như đã trình bày ở phần cấu trúc bài học, để tránh lúng túng trong việc phân định hoạt động *Khám phá* và hoạt động *Luyện tập*, nhóm TG chọn giải pháp gộp chung hai hoạt động này và gọi là *Khám phá và luyện tập*. Vì vậy, SGK *Tiếng Việt 3*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* trình bày các hoạt động theo ba nhóm chính: *Khởi động, Khám phá và luyện tập*,

Vận dụng. Nhóm hoạt động *Khám phá và luyện tập* bao gồm các hoạt động được nhận diện bằng các Icon: Icon *Đọc*, Icon *Viết*, Icon *Luyện từ và câu*, Icon *Nói và nghe*, Icon *Viết sáng tạo*. Ngoài ra, sách sử dụng thêm bốn kí hiệu: *Giải nghĩa từ và Câu hỏi, bài tập* (sau văn bản đọc), *Bài tập tự chọn* (ở hoạt động viết chính tả), *Mẫu* (ở các BT Luyện từ và câu).

Nội dung dạy đọc đã sơ được thiết kế trên trang đôi để thuận tiện cho HS khi thực hiện hoạt động đọc thành tiếng, đọc hiểu và học thuộc lòng (nếu có).

Nhóm TG cố gắng kết hợp hài hoà giữa kênh chữ và kênh hình, vừa đảm bảo yêu cầu đọc hiểu văn bản đa phương thức vừa giúp trang sách thoáng, đẹp, hấp dẫn HS.

Mỗi tập sách gồm: *Lời nói đầu*, *Bảng kí hiệu dùng trong sách*, *Mục lục sách* và các bài học được sắp theo chủ điểm. Cuối sách là *Bảng tra cứu thuật ngữ*, *Bảng tra cứu tên riêng tiếng nước ngoài*.

B. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC

Do đặc điểm của nội dung dạy học *Tiếng Việt 3*, ở phần *Hướng dẫn chung*, tài liệu trình bày: (1) Gợi ý tổ chức dạy học bài học mới, (2) Gợi ý tổ chức dạy học bài ôn tập.

Kiểu bài học mới hay bài ôn tập đều có yêu cầu cần đạt. Yêu cầu cần đạt là kết quả HS đạt được trong và sau mỗi bài học. Yêu cầu cần đạt của từng bài học, tiết học được trình bày trong các bài soạn ở cuốn sách này được TG biên soạn thiết kế theo *yêu cầu cần đạt về kĩ năng đọc, viết, nói và nghe* cho HS lớp Ba mà CT đã nêu. Do đó, bên cạnh việc dựa vào các bài học ở SHS, dựa vào CT, GV cần dựa trên thực tế *phẩm chất, năng lực* của HS để có thể linh hoạt điều chỉnh yêu cầu cần đạt sao cho phù hợp với HS lớp mình giảng dạy. Chẳng hạn, nếu thực tế HS trên mức chuẩn tối thiểu, thì GV sẽ nâng yêu cầu cần đạt; nếu HS chưa đạt chuẩn tối thiểu, GV sẽ tìm cách điều chỉnh để giúp HS đạt chuẩn tối thiểu.

Để thuận tiện cho GV, phần yêu cầu cần đạt của tài liệu này sẽ được thiết kế theo dạng yêu cầu cần đạt của từng hoạt động. Các yêu cầu cần đạt sẽ được đánh số thứ tự. Về cơ bản, thứ tự của các yêu cầu cần đạt tương ứng với thứ tự của các hoạt động.¹

Để yêu cầu cần đạt ở mỗi chủ điểm, mỗi bài học không gây cảm giác “cồng kềnh”, tránh được sự “trùng lặp nhàm chán”, **phần yêu cầu cần đạt phẩm chất** như *bồi dưỡng ở HS lòng yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực* sẽ được viết ở phần mở đầu mỗi chủ điểm. Cũng nhằm tránh trùng lặp; **phần yêu cầu cần đạt về năng lực chung** như *phát triển ở HS năng lực giao tiếp và hợp tác* qua hoạt động nhóm và cả lớp; *năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo* qua các hoạt động chính của mỗi bài học (khởi động, khám phá, luyện tập và vận dụng); *năng lực tự chủ và tự học* qua hoạt động học cá

¹ Chọn cách viết yêu cầu cần đạt theo hoạt động, tác giả nhằm tránh tình trạng trùng lặp trong diễn đạt mà những cách viết khác khó tránh được. Ngoài ra cách viết này giúp người đọc thấy được các hoạt động cũng như trình tự các hoạt động trong một bài dạy học.

nhân, được trình bày và được thể hiện tích hợp trong các hoạt động và yêu cầu cần đạt của hoạt động.

1. BÀI MỚI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc

- Trao đổi được với bạn về:
 - + Những nội dung mà tên chủ điểm gợi ra¹.
 - + Những phỏng đoán về nội dung mà tên bài học, bài đọc và tranh minh hoạ gợi ra.
- Đọc trơn bài đọc, ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa. Hiểu được nội dung, ý nghĩa của bài đọc, biết liên hệ bản thân.
- Tìm đọc một văn bản theo thể loại, viết *Phiếu đọc sách* và chia sẻ được về văn bản đã đọc.

2. Viết đúng kiểu chữ hoa, tên riêng/ tên địa danh, câu ứng dụng (bài 1); viết được đoạn chính tả nghe – viết hoặc nhớ – viết; củng cố và rèn luyện các trường hợp chính tả có quy tắc đã học, bổ sung luyện tập viết hoa tên riêng nước ngoài; rèn luyện chính tả ngữ nghĩa, tránh các lỗi chính tả do ảnh hưởng của biến thể ngữ âm phương ngữ; nắm được quy tắc viết hoa tên riêng người và tên địa lí Việt Nam; tên riêng người và tên địa lí nước ngoài (bài 3).

3. Ôn luyện nhận diện và sử dụng được từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm để tạo câu; mở rộng, hệ thống hoá và tích cực hoá vốn từ – MRVT theo chủ điểm (bài 1, bài 3).

4. Đặt được câu theo yêu cầu bài học (bài 1, bài 3).

5. Thực hiện được hoạt động nói và nghe theo tình huống (bài 2); kể lại một câu chuyện đã nghe/ đọc/ xem (bài 4).

6. Nói, viết được 5 – 7 câu, 6 – 8 câu, 7 – 9 câu đến 8 – 10 câu về một chủ đề theo gợi ý (bài 2, bài 4).

7. Thực hành một nội dung vận dụng ngôn ngữ liên quan đến bài học hoặc thực tiễn.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGK.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật (nếu có) dùng minh hoạ.
- Máy chiếu/ bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, băng hình, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc.
- Thẻ từ hỗ trợ HS tìm từ ngữ, chơi trò chơi,...
- Sách, báo có truyện, bài thơ, bài văn, bài đọc và *Phiếu đọc sách* cho hoạt động ĐMR².

¹ Hoạt động này chỉ có ở bài 1 của chủ điểm, các bài tiếp theo chỉ khai thác tên bài học và tên bài đọc – tên văn bản đọc.

² HS tự chuẩn bị và mang tới lớp theo hướng dẫn của GV ở cuối tiết học trước, dùng ở bài 1 và bài 3.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

*** BÀI 1 VÀ BÀI 3** (mỗi bài 4 tiết):

TIẾT 1¹

A. KHỞI ĐỘNG²

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm (bài 1); HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, hỏi đáp về những sự vật, hiện tượng,... có liên quan theo gợi ý và câu hỏi/ câu lệnh ở phần khởi động.

– HS phỏng đoán nội dung bài đọc qua tên bài và tranh/ ảnh minh hoạ.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu.

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và đọc một số từ ngữ khó do ảnh hưởng của biến thể phương ngữ (Việc xác định từ ngữ khó đọc tùy thuộc vào đối tượng HS và tình hình thực tế khi GV tổ chức hoạt động học tập trên lớp. GV có thể dự đoán trước các từ ngữ khó đọc với từng đối tượng/ nhóm đối tượng HS trong lớp để chủ động tổ chức hoạt động. Hoạt động này có thể thực hiện chung trước lớp, cũng có thể thực hiện trong nhóm); hướng dẫn cách ngắt nghỉ theo logic ngữ nghĩa; kết hợp giải nghĩa một số từ ngữ khó (từ ngữ khó lựa chọn ở phần luyện đọc thành tiếng là từ ngữ mới hoặc phương ngữ, chỉ có nghĩa từ điển).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích và nghe GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (Từ ngữ khó lựa chọn ở phần luyện đọc hiểu là từ mới hoặc từ xuất hiện với nghĩa mới gắn với ngữ cảnh xuất hiện).

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc trong SHS (Khi HS trả lời, GV hướng dẫn HS cách dùng từ ngữ, cụm từ chính thêm vào từ ngữ của mình để tránh đọc lại câu hỏi).

– HS rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc trên cơ sở tìm hiểu bài dưới sự hướng dẫn của GV.

¹ Sự phân chia nội dung các tiết ở SGK chỉ mang tính gợi ý. Tùy thuộc vào đối tượng HS và điều kiện thực tế địa phương, GV có thể linh hoạt thời gian tổ chức các hoạt động.

² Tùy thực tế bài học, thực tế HS, GV chủ động tổ chức hoặc không tổ chức việc kiểm tra bài cũ – cho HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung bài học trước.

– HS tự suy nghĩ hoặc thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi kết nối bài đọc với thực tiễn (nếu có).

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại/ học thuộc lòng

– HS xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS nghe GV đọc lại đoạn cần luyện đọc thêm/ học thuộc lòng (GV đã chọn và ghi bảng phụ).

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn luyện đọc thêm hoặc học thuộc lòng theo phương pháp tự nhẩm thuộc, xoá dần hoặc thay từ ngữ bằng hình ảnh,...

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.2. Đọc mở rộng

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

– HS tìm đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một văn bản theo hướng dẫn của GV:

+ Viết vào *Phiếu đọc sách*.

+ Trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung đã đọc.

1.2.2. Chia sẻ Phiếu đọc sách

– HS chia sẻ trong nhóm nhỏ về *Phiếu đọc sách*. HS có thể đọc hoặc chia sẻ văn bản trong nhóm.

– Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

*** Bài 1**

2.1. Ôn luyện viết chữ hoa

– HS quan sát mẫu chữ hoa, nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ hoa.

– HS quan sát GV hoặc HS viết mẫu và nêu quy trình viết chữ hoa (nếu cần).

– HS viết chữ hoa vào bảng con (nếu cần) và VTV.

2.2. Luyện viết từ ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ ứng dụng.

– HS xác định chiều cao các con chữ, nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ hoa và cách nối từ chữ viết hoa sang chữ viết thường.

– HS quan sát cách GV viết chữ có chữ cái viết hoa (nếu cần).

– HS viết từ ứng dụng vào VTV.

2.3. Luyện viết câu ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ca dao/ thơ (được dùng làm ngữ liệu cho luyện viết thêm).

– HS viết câu ca dao/ thơ vào VTV.

2.4. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng.

– HS xác định khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng, nghe GV lưu ý cách trình bày.

– HS viết câu ứng dụng vào VTV.

2.5. Đánh giá bài viết

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

*** Bài 3**

2.1. Nghe – viết/ Nhớ – viết

– HS đọc/ đọc thuộc lòng đoạn thơ/ văn, trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung của đoạn thơ/ văn.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ ngữ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ; quan sát một số tiếng/ từ dễ viết sai do ngữ nghĩa.

– HS nghe GV đọc từng cụm từ hoặc nhớ viết đoạn thơ vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi một ô khi viết chữ đầu đoạn văn; lùi vào 3 – 4 ô đầu mỗi dòng thơ, nếu viết thơ/ vè/ đồng dao 3 – 4 – 5 chữ; lùi vào hai ô đầu mỗi dòng sáu chữ, lùi một ô đầu mỗi dòng tám chữ, nếu viết ca dao, thơ (thể lục bát).

– HS nghe GV đọc lại bài viết, tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả có quy tắc/ chính tả ngữ nghĩa

– HS xác định yêu cầu của BT và ngữ liệu, tranh ảnh kèm theo (nếu có).

– HS nhắc lại quy tắc (đối với BT viết hoa tên người và tên địa lý Việt Nam) hoặc đặt từ trong ngữ cảnh để tìm hiểu nghĩa và hình thức chữ viết tương ứng (đối với BT chính tả ngữ nghĩa phân biệt *d/ gi*, *ch/ tr*, *s/ x* trong các cặp tối thiểu).

– HS thực hiện BT vào VBT.

– HS chữa BT bằng nhiều hình thức: chữa cá nhân, chia sẻ trong cặp/ nhóm, chơi

trò chơi,...

– HS đọc lại bài/ câu/ đoạn/ từ ngữ đã điền, có thể đặt câu với từ ngữ tìm được hoặc tìm hiểu nội dung đoạn ngữ liệu.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Luyện tập chính tả ngữ nghĩa/ phương ngữ

– HS xác định yêu cầu của BT và ngữ liệu, tranh ảnh kèm theo (nếu có).

– HS lựa chọn theo vùng phương ngữ và lỗi mình thường mắc phải do phương ngữ: BT dành cho phương ngữ Bắc trong khung nền vàng nhạt; BT dành cho phương ngữ Nam trong khung nền xanh da trời.

– HS thực hiện BT vào VBT.

– HS chữa BT bằng nhiều hình thức: chữa cá nhân, chia sẻ trong cặp/ nhóm, chơi trò chơi,...

– HS đọc lại bài/ câu/ đoạn/ từ ngữ đã điền, có thể đặt câu với từ ngữ tìm được hoặc tìm hiểu nội dung đoạn ngữ liệu.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 4

3. Luyện từ ¹

– HS xác định yêu cầu của BT, quan sát mẫu, đọc ngữ liệu, quan sát tranh ảnh kèm theo (nếu có).

– HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm nhỏ. Chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

4. Luyện câu

– HS xác định yêu cầu của BT, quan sát mẫu và đọc ngữ liệu, quan sát tranh ảnh kèm theo (nếu có).

– HS đặt câu/ lựa chọn dấu câu/ lựa chọn hoặc tìm từ ngữ cần điền,... theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.

– HS nói trước lớp câu/ dấu câu/ từ ngữ,... để hoàn thành câu theo yêu cầu BT.

– HS nghe bạn và GV nhận xét bài làm của mình.

– HS viết vào VBT nội dung mình đã làm.

– HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

¹ Tùy bài cụ thể mỗi mục luyện từ (3) hoặc luyện câu (4) có thể gồm một số BT nhỏ.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động, quan sát mẫu và đọc gợi ý, ngữ liệu; quan sát tranh ảnh kèm theo (nếu có), nghe GV hướng dẫn thực hiện hoạt động.
- HS thực hiện hoạt động theo nhóm nhỏ.
- HS trưng bày sản phẩm (nếu có), chia sẻ, rút kinh nghiệm.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

Lưu ý: Tùy bài cụ thể, HS có thể thực hiện hoạt động này ở lớp hoặc ở nhà; nếu thực hiện ở lớp, GV tổ chức các hoạt động như vừa nêu. Nếu thực hiện ở nhà, GV hướng dẫn trước cho HS cách thức thực hiện.

* BÀI 2 VÀ BÀI 4 (mỗi bài 3 tiết):

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, hỏi đáp về những sự vật, hiện tượng,... có liên quan theo gợi ý và câu hỏi/ câu lệnh ở phần khởi động.
- HS phỏng đoán nội dung bài đọc qua tên bài và tranh/ ảnh minh họa.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu.
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và đọc một số từ ngữ khó do ảnh hưởng của biến thể phương ngữ (Việc xác định từ ngữ khó đọc tùy thuộc vào đối tượng HS và tình hình thực tế khi GV tổ chức hoạt động học tập trên lớp. GV có thể dự đoán trước các từ ngữ khó đọc với từng đối tượng/ nhóm đối tượng HS trong lớp để chủ động tổ chức hoạt động này. Hoạt động này có thể thực hiện chung trước lớp, cũng có thể thực hiện trong nhóm.); hướng dẫn cách ngắt nghỉ theo logic ngữ nghĩa; kết hợp giải nghĩa một số từ ngữ khó (Từ ngữ khó lựa chọn ở phần luyện đọc thành tiếng là từ ngữ mới hoặc phương ngữ, chỉ có nghĩa từ điển).
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích và nghe GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (Từ ngữ khó lựa chọn ở phần luyện đọc hiểu là từ mới hoặc từ xuất hiện với nghĩa mới gắn với ngữ cảnh xuất hiện).

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc trong SHS (Khi HS trả lời, GV hướng dẫn HS cách dùng từ ngữ, cụm từ chính thêm vào từ ngữ của mình để tránh đọc lại câu hỏi).

– HS rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc trên cơ sở tìm hiểu bài dưới sự hướng dẫn của GV.

– HS tự suy nghĩ hoặc thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi kết nối bài đọc với thực tiễn (nếu có).

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS nghe GV đọc lại đoạn cần luyện đọc thêm (GV đã chọn và ghi bảng phụ).

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn luyện đọc thêm.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

1.2. Luyện tập

– HS xác định yêu cầu của hoạt động, quan sát mẫu và đọc gợi ý, ngữ liệu; quan sát tranh ảnh kèm theo (nếu có), nghe GV hướng dẫn thực hiện hoạt động, kết nối nội dung bài đọc với yêu cầu hoạt động.

– HS thực hiện hoạt động theo nhóm nhỏ.

– HS trưng bày sản phẩm (nếu có), chia sẻ, rút kinh nghiệm.

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

2. Nói và nghe

*** Bài 2: Nói và nghe**

– HS xác định yêu cầu của BT, đọc các tình huống và gợi ý, quan sát tranh ảnh minh họa (nếu có).

– HS trả lời một số câu hỏi/ câu lệnh.

– HS phân vai để nói và đáp lời phù hợp với mỗi tình huống hoặc nói đơn thoại trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ (tùy vào yêu cầu của BT).

– Một số nhóm HS nói và đáp trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

*** Bài 4: Kể chuyện**

2.1. Nghe – kể/ đọc – kể/ xem – kể dựa vào sơ đồ/ từ ngữ/ câu gợi ý

2.1.1. Kiểu bài nghe – kể

– HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phỏng đoán nội dung câu chuyện.

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ nhất (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể) để kiểm tra phỏng đoán. GV vừa kể vừa dùng các câu hỏi kích thích sự phỏng đoán, trí tò mò nhằm thu hút sự tập trung chú ý của HS.

– HS trao đổi về phỏng đoán của mình sau khi nghe câu chuyện.

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ hai (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể hoặc kết hợp ghi âm giọng kể với tranh, ảnh minh hoạ) kết hợp quan sát từng tranh minh hoạ để ghi nhớ nội dung từng đoạn của câu chuyện.

2.1.2. Kiểu bài xem – kể

– HS quan sát tranh hoặc sơ đồ và đọc các câu, câu hỏi, từ ngữ gợi ý, đọc tên truyện và phỏng đoán nội dung câu chuyện.

2.1.3. Kiểu bài đọc – kể

– HS quan sát tranh hoặc sơ đồ và đọc các từ ngữ gợi ý, các câu, câu hỏi để nhớ lại nội dung truyện, khuyến khích HS ghi chép lại một số tình tiết chính bằng sơ đồ đơn giản.

2.2. Kể lại từng đoạn câu chuyện

– HS quan sát tranh và từ ngữ gợi ý/ câu/ câu hỏi và nghe GV hướng dẫn kể lại một đoạn của câu chuyện trước lớp, khuyến khích HS thể hiện sự sáng tạo bằng cách thêm vào từng đoạn của câu chuyện một vài chi tiết nhỏ nhờ câu/ câu hỏi gợi ý của GV.

– HS kể từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật).

2.3. Kể toàn bộ câu chuyện

– HS kể nối tiếp từng đoạn của câu chuyện trong nhóm.

– Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

2.4. Trao đổi về nhân vật, nội dung, ý nghĩa câu chuyện hoặc tưởng tượng để kể thêm phần kết

Ở phần này, tùy thuộc nội dung câu chuyện, GV có thể tổ chức cho HS thực hiện một trong các hoạt động:

– Nói về nhân vật em thích và giải thích lí do hoặc trao đổi với bạn về nội dung, ý nghĩa câu chuyện.

– Tưởng tượng để kể thêm phần kết của câu chuyện trong nhóm/ trước lớp dựa vào tranh ảnh, từ ngữ,... gợi ý.

– Đặt một tên khác cho truyện và giải thích cách đặt tên.

– Nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

TIẾT 3

3. Viết đoạn văn ngắn

* Tiết nhận diện thể loại

3.1. Nhận diện thể loại

– HS xác định yêu cầu BT, đọc lại bài đọc hoặc đoạn văn cho trước và trả lời câu hỏi/ BT trong cặp/ nhóm nhỏ.

– Một vài nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS rút ra nhận xét về cấu tạo, nội dung, hình thức đoạn ngữ liệu.

3.2. Tìm ý cho BT viết đoạn văn ngắn

– HS xác định yêu cầu của BT.

– HS tìm ý cho nội dung sẽ viết (theo yêu cầu đề bài) dựa vào các câu, câu hỏi, từ ngữ, hình ảnh gợi ý. Khuyến khích HS sơ đồ hoá và phát triển các ý tìm được trên cơ sở nhận xét, góp ý của bạn và GV.

– Một vài HS chia sẻ kết quả tìm ý trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, hoàn thiện nội dung tìm ý.

* Tiết luyện tập

3.1. Nói miệng đoạn viết dựa trên kết quả tìm ý

– HS xác định yêu cầu của BT.

– HS nói với bạn trong cặp/ nhóm nhỏ nội dung viết (theo yêu cầu đề bài) dựa vào kết quả tìm ý của tiết trước. Khuyến khích HS phát triển ý, mở rộng câu, thêm vào bài nói hình ảnh so sánh,... trên cơ sở nhận xét, góp ý của bạn và GV.

– Một vài HS nói trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Viết đoạn văn ngắn dựa trên kết quả nói

– HS xác định yêu cầu của BT.

– HS viết đoạn văn vào VBT.

– HS trao đổi bài cho bạn hoặc đọc bài trước lớp để nghe nhận xét, góp ý.

– HS trang trí và trưng bày bài viết.

– HS nghe GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động, quan sát mẫu và đọc gợi ý, ngữ liệu; quan sát tranh ảnh kèm theo (nếu có), nghe GV hướng dẫn thực hiện hoạt động.

– HS thực hiện hoạt động theo nhóm nhỏ.

- HS trưng bày sản phẩm (nếu có), chia sẻ, rút kinh nghiệm.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

2. BÀI ÔN TẬP

Kiểu bài ôn tập gồm ôn tập giữa và cuối mỗi học kì. Kiểu bài này hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm* thông qua việc ôn lại các bài học ở các chủ điểm đã học trước đó/ các chủ điểm được học trong học kì tương ứng. Đồng thời, ở kiểu bài ôn tập, HS được ôn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe, được củng cố và phát triển các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. Thêm vào đó, ở bài ôn tập cuối kì còn có đề kiểm tra định kì cho GV tham khảo để luyện tập cho HS thực hiện kiểm tra, đánh giá các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe hoặc thiết kế đề kiểm tra, đánh giá định kì.

2.1. Bài ôn tập giữa học kì

Nội dung ôn tập giữa học kì được phân bổ theo từng tiết, gồm:

- Tiết 1: Ôn luyện đọc thành tiếng, đọc hiểu văn bản truyện; ôn luyện kĩ năng viết chữ.
- Tiết 2: Ôn luyện đọc thành tiếng, đọc hiểu văn bản thông tin; ôn luyện kĩ năng viết chính tả.
- Tiết 3: Ôn luyện đọc thành tiếng, đọc hiểu văn bản thơ; ôn luyện kiến thức tiếng Việt.
- Tiết 4: Ôn luyện đọc thành tiếng, đọc hiểu văn bản miêu tả; ôn luyện kĩ năng viết sáng tạo.
- Tiết 5: Ôn luyện đọc thành tiếng, đọc hiểu văn bản mới.
- Tiết 6: Ôn luyện kiến thức tiếng Việt.
- Tiết 7: Ôn luyện kĩ năng viết sáng tạo.

TIẾT 1

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện lại các văn bản truyện đã học từ đầu học kì: đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài.
2. Ôn luyện viết chữ hoa, từ ứng dụng và câu ứng dụng.
3. Phát triển năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và tính sáng tạo; bồi dưỡng phẩm chất trung thực, tự tin, nhân ái, chăm chỉ.¹

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.

¹ Yêu cầu cần đạt này chỉ trình bày ở phần *Hướng dẫn chung*.

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác. Tranh ảnh SHS phóng to (nếu được).
- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi (nếu có).
- Mẫu chữ viết hoa (cỡ nhỏ).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- Nhóm 4 HS bắt thăm, đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc.
- HS nghe bạn đọc để nhớ lại tên bài đọc, tên TG, nội dung bài.
- Một số HS bắt thăm, đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi.

2. Ôn luyện viết chữ hoa (cỡ nhỏ)

2.1. Ôn luyện viết chữ hoa

- HS quan sát mẫu chữ hoa cỡ nhỏ, nhắc lại chiều cao, độ rộng các chữ (theo nhóm chữ).
- HS quan sát GV viết mẫu (có thể gọi HS có kĩ thuật viết tốt để viết mẫu) và nêu quy trình viết 1 – 2 chữ hoa cỡ nhỏ.
- HS viết chữ hoa cỡ nhỏ vào VTV.

2.2. Luyện viết từ ứng dụng (tên riêng người, tên địa danh)

- HS đọc và tìm hiểu về tên riêng người hoặc địa danh.
- HS quan sát và nhận xét cách viết tên riêng người hoặc địa danh.
- HS xác định độ cao các con chữ, vị trí đặt dấu thanh, khoảng cách giữa các tiếng,...
- HS quan sát cách GV viết tên riêng người hoặc địa danh (nếu cần, có thể gọi HS có kĩ thuật viết tốt để viết mẫu).
- HS viết các tên riêng người hoặc địa danh vào VTV.

2.3. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng.
- HS viết câu ứng dụng vào VTV.

2.4. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu thơ/ ca dao.
- HS viết chữ hoa cỡ nhỏ và câu thơ/ ca dao vào VTV.

2.5. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

TIẾT 2

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện lại các văn bản thông tin đã học từ đầu học kì: đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài.
2. Ôn luyện kĩ năng viết chính tả.
3. Phát triển năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và tính sáng tạo; bồi dưỡng phẩm chất trung thực, tự tin, nhân ái, chăm chỉ.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác. Tranh ảnh SHS phóng to (nếu được).
- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi (nếu có).
- Thẻ ghi từ ngữ ở BT chính tả (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- Nhóm 4 HS bắt thăm, đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc.
- HS nghe bạn đọc để nhớ lại tên bài đọc, tên TG, nội dung bài.
- Một số HS bắt thăm, đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi.

2. Ôn luyện chính tả

2.1. Nghe – viết

- HS đọc bài viết, trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung bài viết.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ ngữ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ; quan sát một số tiếng/ từ dễ viết sai do ngữ nghĩa.
- HS nghe GV đọc từng dòng và viết vào VBT.
- HS nghe GV đọc lại bài viết, tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả quy tắc

- HS xác định yêu cầu của BT.
- HS nhắc lại quy tắc chính tả (nếu có).
- HS thực hiện vào VBT.
- HS chữa BT bằng nhiều hình thức.
- HS giải nghĩa (nếu cần) và đặt câu với từ ngữ tìm được hoặc đọc lại và tìm hiểu nội dung đoạn ngữ liệu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Luyện tập chính tả phương ngữ

- HS xác định yêu cầu của BT và lựa chọn BT phù hợp.
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS chữa BT bằng nhiều hình thức.
- HS giải nghĩa (nếu cần) và đặt câu với từ ngữ vừa điền hoặc đọc lại và tìm hiểu nội dung đoạn ngữ liệu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện lại các văn bản thơ đã học từ đầu học kì: đọc thuộc lòng và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài.
2. Ôn luyện kiến thức tiếng Việt.
3. Phát triển năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và tính sáng tạo; bồi dưỡng phẩm chất trung thực, tự tin, nhân ái, chăm chỉ.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác. Tranh ảnh SHS phóng to (nếu được).
- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi (nếu có).
- Thẻ từ để tổ chức hoạt động hoặc trò chơi (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- Nhóm 4 HS bắt thăm, đọc thuộc lòng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài.

- HS nghe bạn đọc để nhớ lại tên bài đọc, tên TG, nội dung bài.
- Một số HS bắt thăm, đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài trước lớp.

- HS nghe bạn và GV nhận xét phân đọc và trả lời câu hỏi.

2. Ôn luyện từ và câu

2.1. Ôn luyện về từ ngữ

- HS xác định yêu cầu của BT.
- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm nhỏ. Chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

2.2. Ôn luyện về câu

- HS xác định yêu cầu của BT.
- HS điền từ ngữ, đặt câu,... theo yêu cầu BT trong cặp/ nhóm nhỏ.
- HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS viết vào VBT 1 – 2 câu theo yêu cầu BT.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

TIẾT 4

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện lại các văn bản miêu tả đã học từ đầu học kì: đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài.

2. Ôn luyện kĩ năng viết sáng tạo.

3. Phát triển năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và tính sáng tạo; bồi dưỡng phẩm chất trung thực, tự tin, nhân ái, chăm chỉ.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác. Tranh ảnh SHS phóng to (nếu được).
- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi (nếu có).
- Tranh ảnh sơ đồ phóng to để tổ chức hoạt động viết sáng tạo (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu

- HS xác định yêu cầu của BT 1.

– Nhóm 4 HS bắt thăm, đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài.

– HS nghe bạn đọc để nhớ lại tên bài đọc, tên TG, nội dung bài.

– Một số HS bắt thăm, đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi.

2. Ôn kĩ năng viết sáng tạo

– HS xác định yêu cầu của BT và các gợi ý.

– 1 – 2 HS nói miệng nội dung viết.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

– HS viết vào VBT đoạn văn theo yêu cầu.

– HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

TIẾT 5

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện kĩ năng đọc thành tiếng và đọc hiểu văn bản thông qua một VB mới.

2. Phát triển năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và tính sáng tạo; bồi dưỡng phẩm chất trung thực, tự tin, nhân ái, chăm chỉ.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGK.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác. Tranh ảnh SHS phóng to (nếu được).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV giới thiệu bài đọc.

– HS đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm nhỏ, đọc cả bài trong nhóm đôi.

– 1 vài cặp/ nhóm HS đọc bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Ôn luyện đọc hiểu

– HS đọc các câu hỏi, BT.

– HS thực hiện trong cặp/ nhóm nhỏ, có thể thực hiện một số yêu cầu vào VBT.

– Một số HS chia sẻ kết quả trước lớp, kết hợp giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).

– HS đọc lại toàn bài.

- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 6

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện kiến thức tiếng Việt.
2. Phát triển năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và tính sáng tạo; bồi dưỡng phẩm chất trung thực, tự tin, nhân ái, chăm chỉ.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.
- Thẻ từ, bảng phụ để tổ chức cho HS chữa BT hoặc chơi trò chơi.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn luyện về từ ngữ

- HS xác định yêu cầu của BT.
- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm nhỏ. Chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

2. Ôn luyện về câu

- HS xác định yêu cầu của BT.
- HS tìm từ ngữ, đặt câu,... theo yêu cầu BT trong cặp/ nhóm nhỏ.
- HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS viết vào VBT 1 – 2 câu theo yêu cầu BT.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

TIẾT 7

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện kĩ năng viết sáng tạo.
2. Phát triển năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và tính sáng tạo; bồi dưỡng phẩm chất trung thực, tự tin, nhân ái, chăm chỉ.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

- HS xác định yêu cầu của BT và các gợi ý.
- HS chia sẻ với bạn về các yêu cầu của BT, có thể nói miệng trong cặp/ nhóm nhỏ.
- HS viết đoạn văn ngắn vào VBT.
- Một vài HS đọc nội dung bài làm cá nhân trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS trưng bày sản phẩm ở *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm* của lớp.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

Lưu ý: Khi hướng dẫn HS thực hiện các BT, đặc biệt là các BT đặt câu, viết đoạn, các phỏng đoán khi thực hiện hoạt động đọc hiểu,... GV cần khuyến khích, động viên, khơi gợi để HS mạnh dạn nêu suy nghĩ của mình; tránh việc áp đặt, chỉ trích, chê bai; chỉ uốn nắn nếu lời nói, viết của HS vi phạm đạo đức, thuần phong mỹ tục.

2.2. Bài ôn tập cuối học kì

Nội dung ôn tập cuối học kì được phân bổ theo từng tiết, gồm:

- Tiết 1: Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu văn bản.
- Tiết 2: Ôn luyện đọc thành tiếng, kĩ năng viết chữ hoa hoặc viết chính tả đoạn bài và BT chính tả.
- Tiết 3: Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc thuộc lòng, kiến thức tiếng Việt.
- Đánh giá cuối học kì (4 tiết):
 - + Đánh giá kĩ năng đọc: đọc thành tiếng và đọc hiểu (kết hợp đánh giá kĩ năng đọc hiểu văn bản và đánh giá kiến thức tiếng Việt);
 - + Đánh giá kĩ năng viết: chính tả đoạn bài và viết đoạn văn ngắn.

Lưu ý: GV có thể thực hiện đánh giá cuối HKI theo đề kiểm tra, đánh giá định kì gợi ý hoặc có thể thiết kế đề kiểm tra, đánh giá định kì dựa vào yêu cầu cần đạt theo các “chặng” phù hợp với *Kế hoạch bài dạy* môn học do GV xác định.

2.2.1. Các tiết ôn tập

Ở các tiết ôn tập, GV tổ chức cho HS thực hiện các nội dung ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu; ôn luyện viết hoa hoặc viết chính tả đoạn bài; ôn luyện chính tả quy tắc/ ngữ nghĩa và chính tả phương ngữ; ôn luyện kiến thức tiếng Việt như đã trình bày ở mục 2.1. *Bài ôn tập giữa học kì.*

2.2.2. Đánh giá cuối học kì

Bài đánh giá cuối học kì thiết kế dưới dạng đề kiểm tra đánh giá để GV tham khảo, gồm các nội dung kiểm tra đánh giá kĩ năng đọc: thành tiếng, đọc hiểu và kĩ năng viết: viết

chính tả, viết đoạn văn ngắn. Nội dung này được gợi ý thực hiện trong 4 tiết, bám sát theo chuẩn yêu cầu cần đạt mà CT đã đề ra. GV có thể thiết kế dưới dạng *Đề kiểm tra định kì* hoặc sử dụng VBT cho HS luyện tập.

C. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. DẠY NÓI VÀ NGHE

GV hướng dẫn HS cách nắm nội dung nghe, cách hiểu đúng thông điệp mà người nói truyền tải, đánh giá quan điểm của người nói, có thái độ nghe phù hợp, tích cực; tôn trọng người nói, tuân thủ quy tắc luân phiên lượt lời, quy tắc giữ thể diện người nói, người nghe.

Hoạt động dạy nói và nghe được thiết kế trong hoạt động khởi động của bài học, hoạt động MRVT, hoạt động kể chuyện, hoạt động nói sáng tạo của các bài học và bài viết sáng tạo (tập làm văn). Ngoài ra, kĩ năng nói, nghe, nói và nghe tương tác được rèn luyện trong tất cả các giai đoạn của tiết học, khi HS tương tác với GV và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

1.1. Nói và nghe kết nối bài học

Các dạng BT của kiểu bài này chủ yếu gồm: nói về tranh, ảnh minh họa và kết nối những hiểu biết của bản thân với đối tượng được thể hiện trong tranh, ảnh minh họa và những nội dung tên bài đọc gợi ra; trải nghiệm ngữ cảnh đòi hỏi HS thể hiện khả năng sử dụng ngôn ngữ của mình để giải quyết vấn đề. Tùy bài cụ thể, GV có thể tổ chức cho HS:

(1) Kể tên, nói, chia sẻ, trao đổi, bày tỏ ý kiến,... về tranh, ảnh minh họa và kết nối những hiểu biết của bản thân với đối tượng được thể hiện trong tranh, ảnh minh họa cùng những nội dung mà tên bài đọc gợi ra.

(2) Trải nghiệm ngữ cảnh đòi hỏi HS sử dụng khả năng ngôn ngữ (kể tên, nói, chia sẻ, trao đổi, bày tỏ ý kiến, thi đố, vận động theo nhạc,...) để giải quyết vấn đề và kết nối những hiểu biết của bản thân với đối tượng được thể hiện trong tranh, ảnh minh họa cùng những nội dung tên bài đọc gợi ra.

Ở nội dung này, GV có thể tổ chức hoạt động dạy học:

Bước 1: GV hướng dẫn HS đọc nhiệm vụ và các gợi ý (nếu có).

Bước 2: HS quan sát và phân tích mẫu (nếu cần).

Bước 3: HS thảo luận và nêu cách giải quyết nhiệm vụ trong cặp/ nhóm nhỏ.

Bước 4: HS chia sẻ kết quả.

Bước 5: Kết nối kết quả thực hiện nhiệm vụ với đối tượng được thể hiện trong tranh, ảnh minh họa và những nội dung tên bài đọc gợi ra.

→ Giới thiệu bài học mới.

1.2. Nói và nghe theo nghi thức giao tiếp

Ở lớp Ba, CT không đặt ra yêu cầu dạy các nghi thức giao tiếp độc lập. Tuy nhiên, các nghi thức giao tiếp như: chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi,... vẫn được cài đặt tự nhiên trong một số hoạt động như *Luyện tập*, *Vận dụng* hay kết hợp với một số dạng nói – đáp theo tình huống giao tiếp cho sẵn như gọi điện thoại,... nhằm mục đích ôn luyện, củng cố, nâng cao kĩ năng cho HS. Khi dạy kiểu bài này, GV chú ý cho HS thực hành các yếu tố thuộc về nghi thức lời nói như nhận diện từ xưng hô thích hợp, nhận biết sự luân phiên lượt lời, chờ đợi đến lượt, có thái độ và hành vi ứng xử phù hợp với ngữ cảnh, biết kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ để hỗ trợ giao tiếp,... Khuyến khích HS nói đa dạng trong mỗi tình huống, tránh máy móc, rập khuôn. Tùy bài cụ thể, GV có thể tổ chức cho HS:

(1) Nói đáp theo tình huống giao tiếp cho sẵn: Kiểu bài này thường gắn với với hoạt động *Luyện tập*, hoạt động *Nói và nghe* hoặc hoạt động *Vận dụng*.

(2) Đóng vai nhân vật để nói đáp theo yêu cầu: Kiểu bài này thường gắn với dạng đóng vai nhân vật ở bài đọc hiểu.

Ở nội dung này, GV có thể tổ chức hoạt động dạy học:

Bước 1: GV hướng dẫn HS đọc nhiệm vụ và các gợi ý (nếu có) để hiểu rõ tình huống giao tiếp.

Bước 2: HS quan sát và phân tích mẫu (nếu cần).

Bước 3: HS thảo luận và cách giải quyết nhiệm vụ trong cặp/ nhóm nhỏ.

Bước 4: HS chia sẻ kết quả.

Bước 5: Đánh giá, nhận xét.

1.3. Hỏi – đáp tương tác

Các dạng BT này bao gồm: luyện hỏi – đáp theo mẫu gợi ý; luyện hỏi – đáp theo nội dung bài học. Tùy bài cụ thể, GV có thể tổ chức cho HS:

(1) Luyện hỏi – đáp theo mẫu gợi ý: Dạng BT này có thể xuất hiện ở hoạt động *Khởi động*, hoạt động *Cùng tìm hiểu*, hoạt động *Đọc mở rộng*, hoạt động *Luyện tập*, hoạt động *Vận dụng*.

(2) Luyện hỏi – đáp theo nội dung bài học: Dạng BT này luôn được sử dụng trong các tiết học, môn học. Tùy bài học cụ thể ở SHS, GV linh động giao các BT cho HS thực hiện.

Ở nội dung này, GV có thể tổ chức hoạt động dạy học:

Bước 1: GV hướng dẫn HS đọc nhiệm vụ và các gợi ý hoặc mẫu (nếu có).

Bước 2: HS thảo luận và đưa ra cách giải quyết nhiệm vụ trong cặp/ nhóm nhỏ hoặc trước lớp.

Bước 3: Đánh giá, nhận xét.

1.4. MRVT và phát triển lời nói

Việc dạy MRVT và phát triển lời nói không chỉ được thực hiện ở tiết luyện tập sử dụng từ và câu mà còn được tích hợp, lồng ghép trong các bài học ở các hoạt động đọc văn bản, tập viết, chính tả, hoạt động mở rộng (ĐMR, *Luyện tập*, *Vận dụng*) và nói – viết sáng tạo. Các dạng BT chủ yếu cho kiểu bài này gồm: MRVT bằng tranh gợi ý; MRVT thông qua bài đọc; MRVT bằng cách tìm từ khác nhau ở âm đầu hoặc vần; MRVT theo cấu tạo từ, theo trường nghĩa,...

Để MRVT và phát triển lời nói cho HS, GV có thể tổ chức:

(1) MRVT và phát triển lời nói bằng tranh gợi ý: HS quan sát tranh → tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, tính chất gợi ra từ tranh → giải nghĩa từ ngữ (nếu cần) → nói, viết câu có từ ngữ tìm được.

(2) MRVT và phát triển lời nói thông qua bài đọc: HS đọc một văn bản và tìm những từ ngữ được yêu cầu theo một trường nghĩa nhất định. GV hướng dẫn HS giải nghĩa từ ngữ (nếu cần) và đặt câu có chứa các từ ngữ tìm được.

(3) MRVT và phát triển lời nói bằng cách tìm từ chứa âm, vần: Dạng bài này được tích hợp chủ yếu trong các BT chính tả và hoạt động đọc thành tiếng, thường được tổ chức thành BT trong VBT. Để dạy dạng bài này, GV tổ chức cho HS tìm từ chứa tiếng có âm/ vần theo yêu cầu → nói, viết câu có từ ngữ tìm được.

(4) MRVT và phát triển lời nói theo cấu tạo từ: Dạng bài này thường cho sẵn một tiếng, yêu cầu HS tìm tiếng ghép với tiếng đã cho để tạo từ mới → nói, viết câu có từ ngữ tìm được.

(5) MRVT và phát triển lời nói theo nghĩa của từ: Dạng bài này thường cho sẵn từ và nghĩa của từ, như thể từ – thể nghĩa hoặc BT giải ô chữ, giải câu đố,... HS dựa vào các dữ kiện đã cho để tìm từ ngữ theo yêu cầu và nói, viết câu có từ ngữ tìm được.

(6) MRVT và phát triển lời nói theo trường nghĩa: Dạng bài này được thiết kế dựa trên lí thuyết trường nghĩa với 3 kiểu nhỏ:

① Tìm từ ngữ chỉ tình cảm/ cảm xúc/ đồ vật/ hoạt động (của các nhân vật có trong tranh,...)/ đặc điểm, công dụng của đồ vật,...

② Tìm từ ngữ có thể kết hợp với từ đã cho;

③ Nói, viết câu chỉ tình cảm/ cảm xúc/ giới thiệu đồ vật/ thuật hoạt động chứng kiến hoặc tham gia.

Tuỳ thuộc từng kiểu BT mà GV lựa chọn linh hoạt các hình thức tổ chức thực hiện BT: tìm từ ngữ → giải nghĩa từ ngữ (nếu cần) → nói, viết câu có từ ngữ tìm được → mở rộng câu.

1.5. Nghe – nói trong kể chuyện

(1) Dạng bài nghe – kể: Dạng bài này được thiết kế với mục đích tiếp tục hỗ trợ HS hiểu, thực hành, vận dụng một số kỹ năng nghe – nói trong khi kể: sử dụng âm lượng trong khi nói/ kể, quy tắc lắng nghe và phản hồi tích cực, kỹ năng nhận diện lời nói, hành động của nhân vật và đóng vai, kỹ năng lựa chọn giọng kể phù hợp với giọng của nhân vật,...

Để rèn kỹ năng nghe – kể, GV có thể tổ chức:

Bước 1: GV cho HS đọc tên câu chuyện, quan sát tranh minh họa để phỏng đoán về nội dung câu chuyện và các yếu tố truyện như nhân vật, bối cảnh, tình tiết, kết thúc → Giới thiệu bài.

Bước 2: GV tổ chức cho HS nghe kể 1 – 2 lần, kết hợp kiểm tra phỏng đoán của HS hoặc kèm theo câu hỏi kích thích sự tập trung chú ý lắng nghe của HS, câu/ câu hỏi/ từ ngữ gợi ý giúp HS nắm bắt nội dung chính từng đoạn của câu chuyện (tương ứng với từng tranh minh họa). Khuyến khích HS làm quen với kỹ năng nghe – ghi bằng cách ghi chép lại một vài tình tiết chính của câu chuyện bằng từ ngữ, sơ đồ đơn giản,...

Bước 3: GV tổ chức kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm/ trước lớp kết hợp với việc thực hiện một số kỹ năng nghe – nói trong khi kể. Ở bước này, tùy từng bài, từng giai đoạn GV có thể hướng dẫn HS cách kể và phát triển, sáng tạo nội dung một đoạn câu chuyện bằng các câu hỏi gợi ý. Giai đoạn đầu, trước khi HS kể toàn bộ câu chuyện, GV có thể tổ chức cho HS kể nối tiếp các đoạn câu chuyện trong nhóm. Giai đoạn sau có thể yêu cầu HS kể phân vai, kể bằng lời một nhân vật trong truyện,... Tuy nhiên, GV cần lưu ý không nên đặt ra yêu cầu về nội dung, kỹ năng kể chuyện, đặc biệt kỹ năng phát triển, sáng tạo nội dung các đoạn câu chuyện như nhau với tất cả các HS trong lớp.

Bước 4: GV tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá phần trình bày của mình và các bạn.

Bước 5: GV tổ chức cho HS tìm hiểu nội dung, ý nghĩa, rút ra bài học từ câu chuyện và liên hệ với bản thân. Có thể hướng dẫn HS tưởng tượng, kể thêm phần kết của câu chuyện.

(2) Dạng bài xem – kể: Dạng bài này được thiết kế với mục đích tiếp tục hỗ trợ HS thực hành, vận dụng một số kỹ năng nghe – nói ở mức độ cao: Xây dựng cốt truyện, tình tiết, nhân vật,... từ tranh ảnh, câu/ câu hỏi/ từ ngữ gợi ý. Cuối học kì II, HS còn được làm quen với dạng bài xem – kể ở mức độ cao.

Để rèn kỹ năng xem – kể, GV có thể tổ chức:

Bước 1: GV cho HS đọc tên câu chuyện, quan sát tranh minh họa để phỏng đoán về nội dung câu chuyện và các yếu tố truyện như nhân vật, bối cảnh, tình tiết, kết thúc → Giới thiệu bài.

Bước 2: GV tổ chức cho HS quan sát kỹ từng tranh minh họa theo đúng trật tự diễn biến. GV sử dụng câu/ câu hỏi/ từ ngữ gợi ý dưới tranh để giúp HS trả lời về tình tiết

chính trong mỗi tranh. Yêu cầu mỗi HS đều phải trả lời được ít nhất một câu về nội dung mỗi tranh. GV có thể sử dụng thêm các câu hỏi phụ, sử dụng các kỹ thuật phát triển lời nói để giúp HS có thể đưa ra các ý kiến, đánh giá, nhận xét,... về nhân vật/ tình tiết có trong tranh. Giai đoạn cuối học kì II, khi HS làm quen với dạng bài xem – kể ở mức độ cao: HS tự xây dựng một số tình tiết chính – các nút thắt và mở nút để hoàn thiện nội dung câu chuyện, GV khuyến khích HS phát triển câu chuyện và giải quyết theo nhiều hướng để hỗ trợ HS phát triển khả năng liên tưởng, tưởng tượng cũng như rèn kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Bước 3: GV hướng dẫn HS tập hợp các ý tưởng vừa nói cho từng tranh và ghép nối giữa các bức tranh để kể từng đoạn và toàn bộ câu chuyện theo nhóm nhỏ/ trước lớp.

Bước 4: GV cho HS tự đánh giá và đánh giá về phần trình bày của mình và của bạn.

Bước 5: GV tổ chức cho HS tìm hiểu ý nghĩa của câu chuyện, đánh giá về nhân vật/ bài học trong câu chuyện, liên hệ bài học đó với bản thân.

(3) Dạng bài đọc – kể: Dạng bài này được thiết kế với mục đích tiếp tục hỗ trợ HS hiểu, thực hành, vận dụng một số kỹ năng nghe – nói trong khi kể giống như ở dạng nghe – kể và xem – kể. Tuy nhiên, ở dạng bài này, văn bản đọc trong SHS vừa là yếu tố thuận lợi nhưng đồng thời cũng là thách thức với cả GV và HS. GV cần thể hiện bản lĩnh và kỹ năng sư phạm để hướng dẫn HS kể được một câu chuyện không theo hình thức đọc – kể lại nguyên văn bài đọc trong SHS.

Để rèn kỹ năng đọc – kể, GV có thể tổ chức:

Bước 1: GV cho HS đọc lại truyện. Ở dạng bài này, cần ưu tiên việc khuyến khích HS làm quen với kỹ năng đọc – ghi bằng cách ghi chép lại một vài tình tiết chính hoặc tóm tắt câu chuyện bằng từ ngữ, sơ đồ đơn giản,...

Bước 2: GV tổ chức cho HS kể từng đoạn câu chuyện trong nhóm/ trước lớp trên cơ sở quan sát tranh minh họa và các câu/ câu hỏi/ từ ngữ gợi ý dưới tranh. Ở bước này, để tránh việc HS đọc – kể lại nguyên văn bài đọc trong SHS, GV cần đặc biệt chú trọng hướng dẫn HS cách ghi nhớ tình tiết chính và phát triển, sáng tạo nội dung từng đoạn câu chuyện bằng các câu hỏi gợi ý.

Bước 3: GV tổ chức cho HS kể lại toàn bộ câu chuyện trong nhóm/ trước lớp trên cơ sở kết quả của bước 1. Trước khi HS kể toàn bộ câu chuyện, GV có thể tổ chức cho HS kể nối tiếp các đoạn câu chuyện trong nhóm. Giai đoạn sau có thể yêu cầu HS kể phân vai, kể bằng lời một nhân vật trong truyện,...

Bước 4: GV tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá phần trình bày của mình và các bạn.

Bước 5: GV tổ chức cho HS tìm hiểu nội dung, ý nghĩa, rút ra bài học từ câu chuyện,... và liên hệ với bản thân. Có thể hướng dẫn HS tưởng tượng, kể thêm phần kết của câu chuyện.

1.6. Dạy nói sáng tạo theo gợi ý

(1) *Nói theo câu hỏi/ câu gợi ý*: GV tổ chức cho HS đọc và thảo luận về nội dung câu hỏi/ câu gợi ý. HS thảo luận để nêu lên những ý tưởng cho việc trả lời nội dung câu hỏi. HS phân công công việc và thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ (một HS đọc câu hỏi, một HS trả lời và đổi ngược lại).

(2) *Giới thiệu về sự vật, hoạt động theo gợi ý*: GV tổ chức cho HS đọc yêu cầu của hoạt động. HS nghe GV giới thiệu/ nhắc lại cách giới thiệu về sự vật, hoạt động. HS đọc các câu gợi ý. HS thảo luận trong nhóm về ý tưởng cho từng gợi ý và thực hiện BT.

2. DẠY ĐỌC

2.1. Đọc thành tiếng (đọc trôi chảy, lưu loát, tiến tới đạt tốc độ 70 – 80 tiếng/phút theo yêu cầu cần đạt):

Hoạt động đọc thành tiếng thường được tổ chức gồm các bước:

Bước 1: GV đọc mẫu kết hợp đặt câu hỏi kích thích sự hứng thú, tập trung theo dõi của HS. GV chú ý đọc mẫu kết hợp ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ, giọng điệu phù hợp với nội dung và thể loại của văn bản đọc (**Lưu ý**: Việc hướng dẫn giọng đọc cài đặt ở bước này chỉ có tính chất hỗ trợ GV đọc mẫu. Yêu cầu đọc diễn cảm/ đọc củng cố/ đọc nâng cao đối với HS chỉ được thực hiện trên cơ sở HS đã tìm hiểu nội dung bài đọc).

Bước 2: GV hướng dẫn HS đọc một số từ ngữ khó đọc, cách ngắt nghỉ hơi theo dấu câu/ cụm từ có nghĩa, cách ngắt nhịp (đối với văn bản thơ).

Bước 3: GV tổ chức cho HS đọc thành tiếng theo cặp/ nhóm nhỏ, đọc luân phiên theo đoạn/ bài (hình thức đọc nối tiếp câu chỉ áp dụng với những địa phương và những HS gặp khó khăn khi đọc). GV sửa lỗi phát âm theo hướng tiếp cận cá nhân, chỉ giải quyết trước lớp những lỗi phát âm điển hình, nhiều HS trong lớp cùng mắc.

Bước 4: GV tổ chức cho HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó bằng những cách phù hợp, khuyến khích HS đặt câu. Từ ngữ khó lựa chọn ở phần luyện đọc thành tiếng là từ ngữ mới hoặc phương ngữ, chỉ có nghĩa từ điển. Ngoài những từ ngữ được cài đặt trong SHS, SGV, tùy đối tượng HS và điều kiện thực tiễn ở địa phương, GV có thể giải nghĩa thêm một số từ ngữ khác. Lên lớp Ba, GV cần khuyến khích HS làm quen với việc sử dụng từ điển để tìm hiểu nghĩa của từ ngữ khó.

Lưu ý:

– Trên thực tế, các bước 2, 3 và 4 có thể thực hiện song song, thực hiện trong nhóm hoặc trước lớp.

– Mỗi bài, GV có thể linh hoạt lựa chọn phương pháp, kỹ thuật, hình thức tổ chức hoạt động khác nhau để giờ học thêm sinh động, hấp dẫn.

2.2. Đọc hiểu

2.2.1. Dạy học đọc hiểu văn bản văn học

(1) Nhóm BT đọc hiểu nội dung

Yêu cầu cần đạt về đọc hiểu nội dung văn bản văn học được CT quy định gồm:

- Nhận biết được chi tiết và nội dung chính. Hiểu được nội dung hàm ẩn của văn bản với những suy luận đơn giản.
- Tìm được ý chính của từng đoạn văn dựa trên các câu hỏi gợi ý.
- Hiểu được điều TG muốn nói qua văn bản dựa vào gợi ý.

Ở lớp Ba, các TG không chọn thiết kế quy trình dạy đọc hiểu nội dung theo kiểu tìm ý từng đoạn → tìm ý cả bài. Tuy từng bài, chúng tôi chọn phương án thiết kế BT đọc hiểu phù hợp với đặc trưng thể loại và nội dung văn bản. Để thực hiện điều này, SHS thường thiết kế mỗi câu hỏi tương ứng với một chi tiết/ nội dung chính với hình thức tương đối phong phú, đa dạng; mức độ từ nhận biết đến thông hiểu, vận dụng. Do đó, HS dễ dàng hơn trong việc nhận biết chi tiết, ý chính từng đoạn và nội dung chính toàn bài.

Hiểu được nội dung hàm ẩn là kỹ năng khó với HS tiểu học do các em hay bị nhiễu bởi nội dung của từng đoạn, cả bài hoặc không phân biệt được nội dung và ý nghĩa. Vì vậy, một trong những cách hỗ trợ HS thực hiện loại BT này là GV đưa ra các gợi ý theo hình thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn để HS đối chiếu với các ý đã biết, rồi chọn lựa ý phù hợp. Sau đó, GV đặt câu hỏi hướng dẫn HS giải thích lí do vì sao chọn (căn cứ vào nội dung nào trong bài đọc để chọn ý đó).

(2) Nhóm BT đọc hiểu hình thức

Yêu cầu cần đạt về đọc hiểu hình thức văn bản văn học được CT quy định gồm:

- Nhận biết được điệu bộ, hành động của nhân vật qua một số từ ngữ trong văn bản.
- Nhận biết được thời gian, địa điểm và trình tự các sự việc trong câu chuyện.
- Nhận biết được văn và biện pháp tu từ so sánh trong thơ.
- Nhận xét được về hình dáng, điệu bộ, hành động của nhân vật trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình.

Các yêu cầu này chủ yếu được cài đặt trong các BT kể chuyện, nói và nghe, một số được cài đặt trong các BT luyện từ, luyện câu. Tuy nhiên, tùy thuộc văn bản, nhóm TG cũng thiết kế các BT đọc hiểu hình thức phù hợp với yêu cầu.

(3) Nhóm BT đọc hiểu liên hệ, so sánh, kết nối

Yêu cầu cần đạt về đọc hiểu liên hệ, so sánh, kết nối văn bản văn học được CT quy định gồm:

- Lựa chọn một nhân vật trong tác phẩm đã học hoặc đã đọc, nêu tình cảm và suy nghĩ về nhân vật đó.

– Lựa chọn một nhân vật hoặc địa điểm trong tác phẩm đã học hoặc vẽ lại được nhân vật, địa điểm đó.

Các BT này được thiết kế ở nhiều văn bản văn học, ở câu hỏi BT đọc hiểu, hoạt động *Luyện tập* hoặc hoạt động *Vận dụng*. GV khuyến khích HS bày tỏ ý kiến cá nhân và giải thích lí do em thích/ không thích nhân vật/ địa điểm, tránh ép HS trả lời rập khuôn, máy móc theo định hướng của GV.

Ngoài ra, CT cũng yêu cầu HS thuộc lòng được ít nhất tám đoạn thơ, bài thơ hoặc đoạn văn đã học; mỗi đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 60 chữ. Tiếp nối lớp Hai, yêu cầu này được cài đặt ở hầu hết các văn bản thơ và một vài văn bản văn xuôi.

2.2.2. Dạy học đọc hiểu văn bản thông tin

(1) Nhóm BT đọc hiểu nội dung

- Trả lời được: Văn bản viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý?
- Tìm được ý chính của từng đoạn trong văn bản.

(2) Nhóm BT đọc hiểu hình thức

- Nhận biết được một số loại văn bản thông tin thông dụng, đơn giản qua đặc điểm của văn bản: văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 – 3 sự việc; văn bản giới thiệu một đồ vật; thông báo ngắn; tờ khai đơn giản.
- Nhận biết được cách sắp xếp thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian.
- Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản.

(3) Nhóm BT đọc hiểu liên hệ, so sánh, kết nối

- Nêu được những điều học được từ văn bản.

Tùy từng tiêu loại văn bản thông tin, các TG sẽ lựa chọn thiết kế câu hỏi, BT hỗ trợ HS đọc hiểu văn bản phù hợp, đáp ứng yêu cầu cần đạt của CT. GV cần lưu ý, dạy một văn bản không cần đáp ứng hết các yêu cầu cần đạt đã nêu ở trên.

2.3. Đọc nâng cao (đọc lại, đọc hay, đọc diễn cảm, đọc cũng cố)

Thông thường, sau khi tìm hiểu bài đọc, GV sẽ tổ chức cho HS *luyện đọc lại* một đoạn hoặc cả bài đọc. Sự khác biệt về chất giữa hoạt động đọc thành tiếng và đọc nâng cao phần lớn được quyết định bởi kết quả của hoạt động đọc hiểu. Với HS lớp Ba, yêu cầu đọc nâng cao gồm: *đọc bài với sắc thái giọng đọc phù hợp, phân biệt và bước đầu đọc đúng giọng người dẫn chuyện và các nhân vật (văn bản truyện), nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng*. Để HS có thể nắm được yêu cầu và luyện đọc nâng cao, GV cần kết nối từ kết quả tìm hiểu bài kết hợp với đọc mẫu đoạn luyện đọc.

Hoạt động đọc nâng cao thường được tổ chức gồm các bước:

Bước 1: GV kết nối từ kết quả tìm hiểu bài giúp HS xác định giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

Bước 2: GV đọc mẫu kết hợp ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ, giọng điệu phù hợp với nội dung và thể loại của văn bản đọc. (**Lưu ý:** Việc xác định giọng đọc cũng có thể được củng cố thêm sau khi GV đọc mẫu).

(Trên thực tế, các bước 1 và 2 có thể đổi chỗ cho nhau).

Bước 3: GV hướng dẫn HS đọc một số chi tiết khó (câu chia theo mục đích nói, lời nhân vật,...) trong đoạn luyện đọc (nếu cần).

Bước 4: GV tổ chức cho HS đọc thành tiếng theo cặp/ nhóm nhỏ.

Bước 5: HS đọc/ thi đọc trước lớp.

GV cần lưu ý linh hoạt điều tiết thời lượng các hoạt động, tăng thời lượng đọc thành tiếng ở những địa phương HS đọc chưa tốt, tăng thời lượng đọc hiểu và đọc nâng cao nếu HS đã đọc thành tiếng đạt yêu cầu. Yêu cầu đọc nâng cao không nhất thiết phải đặt ra với 100% HS trong lớp. Đây cũng được xem như một yêu cầu hỗ trợ GV dạy học phân hoá đối tượng.

2.4. Học thuộc lòng

Hầu hết yêu cầu học thuộc lòng xuất hiện cuối các bài đọc văn bản thơ và một vài văn bản văn xuôi.

Hoạt động học thuộc lòng thường được tổ chức gồm các bước:

Bước 1: HS đọc lại đoạn cần học thuộc lòng (đoạn chỉ định hoặc đoạn tự chọn).

Bước 2: HS học thuộc lòng cá nhân hoặc trong cặp/ nhóm nhỏ theo các phương pháp tự nhẩm thuộc, xoá dần hoặc thay từ ngữ bằng hình,...

Bước 3: HS đọc/ thi đọc thuộc lòng trước lớp.

2.5. Đọc mở rộng

Mục đích của hoạt động ĐMR là giúp HS rèn luyện kỹ năng đọc hiểu, đọc độc lập, đọc chia sẻ, góp phần nâng cao văn hoá đọc, bồi dưỡng niềm yêu thích đọc sách. Ở lớp Ba, CT yêu cầu HS phải đọc mở rộng 35 văn bản văn học (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng internet) có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học và 18 văn bản thông tin (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng internet) có kiểu văn bản và độ dài tương đương các văn bản đã học.

Đây là hoạt động không bắt buộc phải thực hiện trong giờ học chính khoá. GV có thể hướng dẫn HS ĐMR trong buổi học thứ hai, đọc ở thư viện và trong một số giờ khác hoặc đọc ở nhà. Trên cơ sở đó, hoạt động ĐMR trong SGK *Tiếng Việt 3* cài đặt gợi ý cho GV tổ chức, hướng dẫn HS ĐMR 35 văn bản (28 văn bản văn học và 7 văn bản thông tin) với các yêu cầu cần đạt:

(1) HS nói được tên truyện, bài thơ, bài văn hoặc tên bài đọc, tên TG; tên cuốn sách, tên tờ báo hoặc tên trang website có bài đọc.

(2) HS nhận ra bài học từ nội dung bài thơ, bài văn, bài đọc hoặc truyện (nhân vật, thông tin mới, chi tiết thú vị, hình ảnh đẹp, câu văn hay, vần thơ,...).

(3) HS viết được vào *Phiếu đọc sách* những thông tin chính như tên bài, tên TG, tên cuốn sách, tờ báo có bài đọc, bài học từ nội dung bài thơ, bài văn, bài viết hoặc truyện (nhân vật, thông tin bổ ích, chi tiết thú vị, hình ảnh đẹp, câu văn hay, vần thơ,...).

(4) HS chia sẻ được *Phiếu đọc sách* với bạn, chia sẻ cách tìm bài đọc, những chi tiết/nội dung hay, thú vị, đáng nhớ,...

SGK *Tiếng Việt 3*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* thiết kế hoạt động ĐMR theo thời lượng mỗi tuần có một bài ĐMR – gắn liền với hoạt động đọc (bài 1 và bài 3). Nội dung ĐMR bao gồm HS tìm đọc truyện, bài thơ, bài văn (văn bản miêu tả văn chương), văn bản thông tin, chia sẻ về bài/ truyện đã đọc và viết vào *Phiếu đọc sách* những thông tin cần thiết (hoạt động này không bắt buộc thực hiện trong giờ học chính khoá). Tiếp nối lớp Hai, GV hướng dẫn HS đọc tên sách, tên tử sách trên góc trái/ phải của bìa sách hoặc tra cứu một số trang mạng để tìm được văn bản theo yêu cầu. GV lưu ý hướng dẫn HS tìm bài đọc, đọc bài và viết *Phiếu đọc sách* trong hoạt động dặn dò ở tuần trước đó. GV có thể thực hiện làm mẫu lại trong một số tiết dạy đầu tiên có hoạt động này. Ở tiết chia sẻ, GV tổ chức cho HS chia sẻ về bài/ truyện đã đọc, gồm các bước sau:

Bước 1: GV tổ chức cho HS xác định yêu cầu BT (chia sẻ về truyện/ bài thơ/ bài văn/ văn bản thông tin đã đọc).

Bước 2: Tùy thuộc vào thể loại và nội dung văn bản đọc, GV tổ chức cho HS chia sẻ về bài đọc (có thể dựa vào văn bản hoặc những nội dung đã ghi chép trên *Phiếu đọc sách*): *những điều em thích, những điều em ghi nhớ, những điều em thấy thú vị hoặc những thông tin mới,...*

Bước 3: GV tổ chức cho HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* theo cặp/ nhóm nhỏ.

Bước 4: GV tổ chức cho một vài HS trình bày *Phiếu đọc sách* trước lớp. HS trưng bày *Phiếu đọc sách* tại *Góc sáng tạo/ Góc trưng bày* của lớp.

Bước 5: HS nghe bạn và GV nhận xét về phần chia sẻ *Phiếu đọc sách*.

So với lớp Hai, hoạt động ĐMR có ba yêu cầu được nâng cao về kĩ thuật đọc và chia sẻ: Việc tìm, đọc bài và viết *Phiếu đọc sách* không thực hiện trên lớp (rèn luyện năng lực tự chủ và tự học trên cơ sở kĩ năng đã hình thành ở lớp Một và lớp Hai); nội dung chia sẻ về bài đọc được phát triển, mở rộng, nâng cao, không quá phụ thuộc vào những ghi chép của HS trong *Phiếu đọc sách*; Yêu cầu tìm đọc trên internet cũng được khuyến khích hướng dẫn và tổ chức cho HS thực hiện, nhất là những vùng có điều kiện truy cập mạng internet.

3. DẠY VIẾT

3.1. Tập viết

Các chữ viết hoa được sắp xếp theo nhóm chữ để khai thác được kĩ năng viết chữ hoa đã được hình thành ở lớp Hai cũng như tạo điều kiện thuận tiện cho việc ôn luyện nâng cao, tiết giảm thời lượng dạy viết kĩ thuật.

Giống với lớp Một và lớp Hai, ở lớp Ba HS tiếp tục được ôn luyện các chữ hoa kiểu 1 và kiểu 2 cỡ nhỏ.

Từ ngữ ứng dụng được lựa chọn là tên người hoặc tên địa lí Việt Nam. Các câu/ đoạn ứng dụng đa số có nội dung gắn liền với nội dung chủ điểm. Cả từ ngữ và câu/ đoạn ứng dụng đều chứa chữ cái viết hoa được ôn tập.

Các bước tổ chức việc dạy viết hoa và viết từ ngữ, câu/ đoạn ứng dụng cũng như nội dung luyện viết tự chọn, luyện viết thêm được thực hiện tương tự như các bước dạy kĩ thuật viết theo mẫu ở lớp Hai.

3.2. Chính tả

HS được thực hành kiểu bài chính tả nghe – viết, nhớ – viết đối với dạng văn bản là các đoạn văn, thơ trích từ trong bài đọc hoặc ở ngoài (theo một tỉ lệ được kiểm soát). Sau bài viết, HS được thực hành một số BT chính tả có quy tắc, chính tả ngữ nghĩa và chính tả phương ngữ. Một số gợi ý tổ chức hoạt động dạy học:

(1) Chính tả nghe – viết: Dạng BT này giúp HS luyện tập khả năng chuyển đổi âm thanh được nghe thành chữ viết đúng chính tả, rèn kĩ năng nghe – hiểu đúng nghĩa của từ, câu, đoạn. GV cần giúp HS đọc lại câu/ đoạn cần viết, đàm thoại gợi mở để giúp HS hiểu đúng nghĩa của từ, câu, đoạn cần viết. Trường hợp đoạn cần viết có tiếng/ từ ngữ khó đọc, dễ viết sai do phương ngữ, GV tổ chức cho HS đánh vần, nhận diện tiếng/ từ đó.

(2) Chính tả nhớ – viết: Dạng BT này giúp HS luyện tập khả năng tái hiện nội dung văn bản đã học thuộc lòng thành chữ viết đúng chính tả, rèn kĩ năng ghi nhớ – hiểu đúng nghĩa của từ, câu, đoạn. GV cần giúp HS đọc thuộc lòng lại câu/ đoạn cần viết, đàm thoại gợi mở để giúp HS hiểu đúng nghĩa của từ, câu, đoạn cần viết. Trường hợp đoạn cần viết có tiếng/ từ ngữ khó đọc, dễ viết sai do phương ngữ, GV tổ chức cho HS đánh vần, nhận diện tiếng/ từ đó.

(3) Chính tả có quy tắc: Ở lớp Ba, các BT chính tả có quy tắc gồm viết hoa tên riêng, tên địa lí Việt Nam được tiếp tục phát triển trên cơ sở HS đã được học từ lớp Hai. BT viết hoa tên người, tên địa lí nước ngoài là nội dung chính tả mới ở lớp Ba. Với BT chính tả có quy tắc, GV cho HS nhắc lại quy tắc, thực hiện BT và tự kiểm tra, đánh giá bài làm của mình, của bạn. Trong một số trường hợp, HS cũng có thể rút ra quy tắc trên cơ sở thực hiện BT. Riêng BT viết hoa tên người, tên địa lí nước ngoài, GV cho HS thực hiện theo kĩ thuật dạy học chính tả nhìn – viết.

(4) Chính tả ngữ nghĩa: Dạng BT này, chỉ xảy ra với cặp *d/ gi*; được thiết kế dưới dạng BT lựa chọn, BT tìm tiếng, từ ngữ, BT đặt câu; GV hướng dẫn HS đặt yếu tố cần tìm trong ngữ cảnh hoặc tìm tiếng, từ ngữ, đặt câu theo yêu cầu; tổ chức thực hiện BT và tự kiểm tra, đánh giá bài làm của mình, của bạn.

(5) Chính tả phương ngữ: Dạng BT này được thiết kế dưới dạng BT lựa chọn, GV hướng dẫn HS đặt yếu tố cần tìm trong ngữ cảnh; tổ chức thực hiện BT và tự kiểm tra, đánh giá bài làm của mình, của bạn.

3.3. Viết sáng tạo

Mục đích của kiểu bài viết sáng tạo là giúp HS chuyển đổi ý tưởng được trình bày dưới dạng ngôn ngữ nói trong hoạt động luyện nói sáng tạo thành ngôn ngữ viết và làm quen với việc viết câu/ đoạn văn ngắn.

Để làm được điều này, nhóm TG chủ đích sắp xếp các thể loại từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp và thiết kế dạy kỹ năng viết sáng tạo theo hai giai đoạn:

Giai đoạn làm quen gồm các dạng bài đơn giản: *tự giới thiệu, viết thông báo, bản tin ngắn, điền thông tin vào tờ khai in sẵn,...* Mỗi dạng bài được dạy 1 – 2 tiết, cố gắng kết nối với bài đọc để tạo ngữ cảnh nói, viết tự nhiên. Sản phẩm của HS ở giai đoạn này yêu cầu từ 4 – 5 câu để có sự tiếp nối với lớp Hai.

Giai đoạn luyện viết theo thể loại được thiết kế linh hoạt, sắp xếp theo trình tự từ ôn luyện đến học mới, từ dễ đến khó: *viết thư (thư tay hoặc thư điện tử); tả đồ vật quen thuộc; thuật việc được chứng kiến hoặc tham gia; viết về tình cảm, cảm xúc về con người, cảnh vật; viết về lí do vì sao thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe,...*

Theo CT Giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn, việc dạy viết sáng tạo chính là sự thể hiện kỹ năng tạo lập văn bản, bao gồm cả dạng nói và viết. Ở lớp Ba, việc dạy kỹ năng viết thể hiện sự hướng dẫn bước đầu chuẩn bị cho việc viết theo thể loại. SGK *Tiếng Việt 3* lựa chọn cách dạy kỹ thuật viết dưới dạng hướng dẫn HS nhận thức được quá trình tạo lập văn bản của mình hơn là nhấn mạnh vào kết quả sản phẩm làm văn của các em. Để làm được điều này, sách lựa chọn và phân chia việc viết đoạn văn ngắn của HS thành các giai đoạn: 1. Nhận diện thể loại; 2. Tìm ý; 3. Nói và sửa chữa; 4. Viết hoàn chỉnh. Tùy theo mỗi thể loại làm văn cần được lĩnh hội, các bước vừa nêu sẽ được phân bổ trong từ 2 đến 4 tiết trên lớp. Yêu cầu về số câu trong đoạn cũng được nâng dần, từ 5 – 7 câu → 6 – 8 câu → 7 – 9 câu → 8 – 10 câu. Cụ thể, việc tổ chức dạy học những kiểu bài mới sẽ được tiến hành như sau:

(1) Giai đoạn nhận diện thể loại

Để giúp HS nhận diện đúng thể loại làm văn cần học, SGK *Tiếng Việt 3* sử dụng chủ yếu phương pháp học theo mẫu (mẫu ở đây được hiểu là đoạn văn được giới thiệu có tính chất tham khảo, hỗ trợ HS nhận diện thể loại, không được hiểu theo nghĩa tìm hiểu để làm

đúng như mẫu). Theo đó, sách chọn văn bản mẫu phù hợp với trình độ nhận thức của HS lớp Ba, hạn chế tối đa việc sử dụng văn bản mẫu là tác phẩm của các nhà văn để tránh áp lực cho GV khi dạy cũng như HS khi học về sản phẩm cần đạt của HS. Giai đoạn nhận diện thể loại, GV sẽ tiến hành các hoạt động như sau:

Bước 1: GV giúp HS hiểu mục đích và ý nghĩa của thể loại bằng cách liên hệ với phần nội dung bài đọc trước đó (nếu có); cung cấp mẫu đến cho HS, tổ chức cho HS tìm hiểu mẫu.

Bước 2: GV tổ chức cho HS tìm hiểu mẫu bằng hệ thống câu hỏi hoặc BT. GV lưu ý giúp HS xem xét, phân tích mẫu trên phương diện liên quan đến cách thức làm bài văn theo thể loại (mục đích viết, cấu tạo, triển khai ý, thể hiện tình cảm/ thái độ của người viết, đối tượng của bài viết); tránh cách hỏi về nội dung của bài văn mẫu. HS có thể tiến hành bước này theo hình thức toàn lớp, cá nhân hoặc cặp/ nhóm.

Bước 3: Tổ chức cho HS thực hành theo mẫu.

Bước 4: Tổ chức cho HS luyện tập.

VD: Bài *Viết đoạn văn ngắn về tình cảm của em với thầy cô giáo hoặc một người bạn*, thuộc Bài 2: *Điều kì diệu*, Chủ điểm 5: *Ước mơ tuổi thơ*, Tiếng Việt 3, tập 1, trang (tr.) 81.

1. Nhận diện đoạn văn viết về tình cảm với thầy cô giáo hoặc một người bạn

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc đoạn văn viết về tình cảm của một bạn nhỏ với Minh trong truyện *Ý tưởng của chúng mình*.
- HS thảo luận trong nhóm nhỏ trả lời các câu hỏi tìm hiểu nội dung đoạn viết và cách viết.
- HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp.
- HS nghe bạn nhận xét và GV chốt ý (có thể dùng sơ đồ để chốt về cấu trúc và một vài lưu ý khi làm bài).
- HS rút ra những lưu ý khi viết đoạn văn ngắn về tình cảm với bạn bè hoặc thầy cô giáo.

(2) Giai đoạn tìm ý

Giai đoạn tìm ý được thiết kế với mục đích giúp HS biết cách chuẩn bị, phát triển nội dung cho bài nói/ viết theo yêu cầu.

Theo đó, GV thường tiến hành các hoạt động như sau:

Bước 1: Tìm hiểu đề bài. GV cần giúp HS hình dung đối tượng cần viết trong bài là gì, hoàn cảnh, thời gian,... liên quan đến đối tượng đó. GV nên diễn đạt đề bài thành một tình huống giao tiếp để các em nảy sinh trạng thái tâm lí muốn trao đổi, thể hiện ý nghĩ của

mình về đối tượng đó. Với một số đề bài, GV cũng có thể điều chỉnh hoặc thay thế để đảm bảo phù hợp với đối tượng HS cụ thể và điều kiện thực tiễn địa phương.

Bước 2: Tìm và phát triển ý. Điều quan trọng nhất trong bước này chính là giúp HS có thói quen động não, suy nghĩ về những đặc điểm, nội dung của đối tượng mà mình muốn nói tới ở bước 1. Một số biện pháp dạy học mà GV có thể sử dụng trong bước này là: HS tự đặt câu hỏi về đối tượng mình muốn nói đến (VD: sử dụng bảng câu hỏi *ai, cái gì, ở đâu, khi nào, như thế nào, tại sao, cảm nghĩ/ tình cảm gì về đối tượng đó*); HS suy nghĩ và ghi chép lại những ý tưởng vào giấy nháp; HS lập sơ đồ tư duy/ sơ đồ cây về sự kiện chi tiết/ sắp xếp các thông tin có liên quan,...). HS có thể trao đổi với bạn trong cặp/ nhóm nội dung tìm ý của mình để được góp ý, sắp xếp, bổ sung, phát triển,...

Bước 3: HS chia sẻ trước lớp. GV giúp HS tổ chức sơ đồ khoa học để có thể hình dung về cấu trúc của bài viết cũng như gợi ý bằng một vài câu hỏi, từ khoá để HS phát triển, mở rộng ý cho bài viết.

VD: Bài *Viết đoạn văn ngắn về tình cảm của em với thầy cô giáo hoặc một người bạn*, thuộc Bài 2: *Điều kì diệu*, Chủ điểm 5: *Ước mơ tuổi thơ*, Tiếng Việt 3, tập 1, tr.81.

2. Tìm ý cho đoạn văn ngắn viết về tình cảm với thầy cô giáo hoặc một người bạn

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.
- HS trả lời một vài câu hỏi để định hướng việc thực hiện yêu cầu:
 - + Em chọn viết về ai? Vì sao?
 - + Tình cảm của em với thầy cô hoặc bạn như thế nào?
 - + Kỉ niệm đẹp giữa em với thầy cô hoặc bạn ra sao?
 - + ...
- HS làm bài cá nhân vào VBT, tập ghi chép bằng sơ đồ.
- Một vài HS chia sẻ sơ đồ trong nhóm và trước lớp (GV có thể chụp bài làm của HS chiếu lên màn hình để HS quan sát).
- HS nghe bạn và GV nhận xét để bổ sung, hoàn chỉnh nội dung tìm ý.

(3) Giai đoạn nói (miệng)

Giai đoạn nói miệng được thiết kế với mục đích giúp HS biết cách nói và phát triển nội dung bài nói dựa vào sơ đồ đã lập. Đây cũng là bước chuẩn bị cho giai đoạn viết bài hoàn chỉnh.

Theo đó, GV thường tiến hành các hoạt động như sau:

Bước 1: HS đọc lại đề bài và sơ đồ/ dàn ý của tiết trước.

Bước 2: HS nói miệng trong cặp/ nhóm dựa vào sơ đồ/ dàn ý đã có. HS giúp nhau nhận xét, góp ý để bổ sung, phát triển,... bài nói.

Bước 3: HS chia sẻ trước lớp. GV giúp HS hoàn chỉnh, phát triển, mở rộng ý cho bài nói bằng cách nhận xét, đặt câu hỏi về cấu trúc, nội dung, cách dùng từ, đặt câu, mở rộng câu, phát triển ý,...

VD: Bài *Viết đoạn văn ngắn về tình cảm của em với thầy cô giáo hoặc một người bạn*, thuộc Bài 4: *Ước mơ màu xanh*, Chủ điểm 5: *Ước mơ tuổi thơ*, Tiếng Việt 3, tập 1, tr.89.

1. Nói về tình cảm của em với thầy cô giáo hoặc một người bạn

- HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc lại nội dung tìm ý cho đề bài viết về tình cảm của em với thầy cô giáo hoặc một người bạn.
- HS nói trong nhóm đôi và nhận xét, giúp bạn hoàn chỉnh bài nói.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét về nội dung nói.

(4) Giai đoạn viết đoạn văn hoàn chỉnh

Giai đoạn viết đoạn văn hoàn chỉnh được thiết kế với mục đích giúp HS biết cách viết lại nội dung đã nói. Đây cũng là bước cuối cùng trong chu trình hình thành kỹ năng viết đoạn văn. Vì vậy, ở một số tiết, HS được làm quen với việc trang trí, trình bày, chia sẻ bài viết.

Theo đó, GV thường tiến hành các hoạt động như sau:

Bước 1: HS tự viết đoạn văn hoàn chỉnh vào VBT dựa vào nội dung nói và những góp ý của bạn và GV.

Bước 2: HS chia sẻ bài viết trong cặp/ nhóm và giúp nhau nhận xét, góp ý,... cho đoạn văn.

Bước 3: HS chia sẻ trước lớp. GV và HS đánh giá một số bài viết.

Sau đó, tùy từng bài cụ thể, HS có thể thực hiện thêm các bước:

Bước 4: HS trang trí và trưng bày bài viết trong nhóm/ trước lớp bằng kỹ thuật *Phòng tranh*.

Bước 5: HS nói về những điều em học được/ muốn góp ý cho bài viết của bạn, những điều em muốn chỉnh sửa/ em hài lòng ở bài viết của mình,...

VD: Bài *Viết đoạn văn ngắn về tình cảm của em với thầy cô giáo hoặc một người bạn*, thuộc Bài 4: *Ước mơ màu xanh*, Chủ điểm 5: *Ước mơ tuổi thơ*, Tiếng Việt 3, tập 1, tr.89.

2. Viết đoạn văn ngắn về tình cảm của em với thầy cô giáo hoặc một người bạn

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS nghe GV lưu ý một số nội dung khi viết:
 - + Nội dung
 - + Hình thức
 - + ...
- HS thực hiện bài viết vào VBT.

3. Trang trí và trưng bày bài viết

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS đọc lại và trang trí đơn giản cho bài viết.
- HS trình bày bài viết bằng kỹ thuật *Phòng tranh* trong nhóm hoặc trước lớp.
- HS tham quan *Phòng tranh* và đọc một bài viết em thích.

4. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động vận dụng giúp HS vận dụng các nội dung đã học vào thực tế đời sống, kết hợp phát triển ngôn ngữ cho HS với hình thức phong phú, nội dung đa dạng, được các em yêu thích như đóng vai, giải ô chữ, chơi trò chơi, đọc thơ, vận động theo nhạc, vẽ,... Việc tích hợp ngôn ngữ, vận động, âm nhạc, vẽ,... trong đó ngôn ngữ là chính và là nền tảng giúp HS có thêm một cơ hội rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Nếu có các hoạt động nghệ thuật hỗ trợ cho hoạt động ngôn ngữ, GV cần lưu ý không đánh giá sản phẩm của HS trong giờ học Tiếng Việt bằng tiêu chí của các môn nghệ thuật. Cần hiểu rõ hoạt động nghệ thuật được sử dụng với tư cách hỗ trợ, làm hoạt động ngôn ngữ trở nên sinh động, hấp dẫn.

Hoạt động vận dụng thường được bố trí ở vị trí cuối cùng của bài học. Tùy bài cụ thể, GV có thể tổ chức cho HS thực hiện các bước:

Bước 1: Xác định yêu cầu của hoạt động.

Bước 2: Thực hiện yêu cầu theo nhóm nhỏ.

Bước 3: Chia sẻ, trưng bày sản phẩm, chia sẻ, rút kinh nghiệm.

Tuy nhiên, hoạt động vận dụng cũng có thể được thực hiện linh hoạt, không nhất thiết phải thực hiện cuối bài học mà có thể thực hiện sau khi luyện tập một kỹ năng của bài học.

Hoạt động vận dụng có thể tổ chức ở lớp với các bước và các nội dung như vừa nêu. Tuy nhiên, tùy nội dung bài học, có những hoạt động vận dụng có thể cho HS thực hiện ở nhà. Nếu cho HS thực hiện ở nhà, GV hướng dẫn HS cách thực hiện.

Trong mỗi bài học, việc phân chia các hoạt động dạy học thành các tiết được thực hiện linh hoạt (tùy điều kiện thực tế địa phương và đối tượng HS). Vì vậy, GV cần nghiên cứu kỹ phân phối CT để chủ động xây dựng kế hoạch bài dạy cá nhân phù hợp nhất, chủ động tăng – giảm thời lượng tổ chức từng hoạt động dạy học đáp ứng năng lực của đối tượng HS và điều kiện thực tế địa phương. Đảm bảo cuối năm học, HS đạt yêu cầu về các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe cũng như nắm được các kiến thức tiếng Việt và văn học mà CT quy định.

D. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT

Căn cứ vào Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT Ban hành Quy định đánh giá học sinh Tiểu học ngày 4 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, để thực hiện việc đánh giá phẩm chất, năng lực của HS, GV căn cứ vào kết quả đánh giá thường xuyên và kết quả đánh giá định kì (chủ yếu dựa vào kết quả đánh giá thường xuyên, kết quả bài kiểm tra, đánh giá định kì chỉ mang tính chất tham khảo).

Để thực hiện việc *đánh giá thường xuyên* phẩm chất, năng lực của HS, GV có thể nhận xét bằng lời hoặc viết. Cơ sở để nhận xét là nội dung kiến thức, kĩ năng, phẩm chất cần hình thành, rèn luyện và phát triển (có thể căn cứ vào yêu cầu cần đạt cụ thể về các mạch kiến thức và kĩ năng để chia yêu cầu đánh giá thành các “chặng”). Lời nhận xét phải gồm phần HS đã đạt được, chưa đạt được và hướng khắc phục. GV nên có *Nhật kí đánh giá thường xuyên* để ghi chép lại mức độ đáp ứng cùng những thay đổi tích cực/ hạn chế và quá trình rèn luyện, phấn đấu của HS để phục vụ quá trình đánh giá.

Đồng thời với hoạt động GV đánh giá HS, GV cần hướng dẫn HS *tự đánh giá* và *đánh giá đồng đẳng* (đánh giá lẫn nhau) qua các việc như: (1) Giúp HS hiểu mục đích, ý nghĩa của hoạt động tự đánh giá và đánh giá bạn; (2) Cung cấp cho HS các nội dung cần đánh giá; (3) Hướng dẫn HS cách đánh giá; (4) Làm mẫu cho HS; (5) Cung cấp cho HS một số biểu mẫu.

Ngoài ra, GV cũng cần hướng dẫn *phụ huynh tham gia vào quá trình đánh giá* con em thông qua các phiếu đánh giá, phiếu dẫn dò,... hay khuyến khích HS thực hiện hoạt động tự học ở nhà bằng nhiều hình thức như: kể lại câu chuyện đã học, đọc bài làm,... cho bố mẹ nghe; nhờ/ mời bố mẹ cùng tham gia thực hiện các hoạt động như đọc mở rộng trên internet,... GV nên trao đổi với phụ huynh trong cuộc họp đầu năm, gửi cho phụ huynh phiếu đánh giá thường xuyên; phiếu đánh giá cuối tháng, cuối kì và hướng dẫn phụ huynh phối hợp với GV để có được đánh giá về HS một cách khách quan và chính xác nhất.

Để thực hiện việc *đánh giá định kì* phẩm chất, năng lực của HS, GV cần: (1) Lập bảng hệ thống hoá các đơn vị kiến thức, kĩ năng; (2) Lập bảng ma trận các đơn vị kiến thức, kĩ năng, yêu cầu cần đạt; (3) Thiết kế đề kiểm tra, đánh giá định kì; (4) Tổ chức đánh giá (viết) định kì.

2. HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC

2.1. Đánh giá hoạt động đọc

Có hai nội dung đánh giá: đánh giá đọc thành tiếng và đánh giá đọc hiểu.

*** Về đọc thành tiếng:** GV dựa trên các tiêu chí sau:

(1) Độ chính xác khi giải mã văn bản đọc (số tiếng đọc đúng/ tổng số tiếng, số tiếng đọc được trong 60 giây).

(2) Tốc độ giải mã văn bản đọc (số tiếng đọc đúng¹ trong 60 giây).

(3) Khả năng ngưng nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.

(4) Bước đầu thể hiện giọng đọc phù hợp, nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng.

GV có thể sử dụng văn bản có độ dài khoảng 70 – 75 chữ (học kì I); 75 – 80 chữ (học kì II) cho HS đọc thành tiếng trong thời gian 60 giây, cho HS đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi đọc hiểu liên quan tới nội dung đoạn đọc.

*** Về đọc hiểu:** GV cần đánh giá các khả năng:

(1) Nhận biết chi tiết, hình ảnh, lời nhân vật, hình ảnh so sánh,... được thể hiện tường minh trong văn bản.

(2) Chỉ ra được ý của đoạn đọc/ nội dung, ý nghĩa của văn bản dựa vào gợi ý.

(3) Liên hệ tranh minh hoạ với các chi tiết trong văn bản.

(4) Nhận diện, phân tích, vận dụng được các kiến thức tiếng Việt và văn học theo yêu cầu cần đạt của CT xuất hiện/ có liên quan tới văn bản đọc.

(5) Liên hệ nội dung văn bản với các hoạt động học tập/ đời sống cá nhân.

GV có thể sử dụng văn bản có độ dài khoảng 200 – 225 chữ (truyện), 180 – 190 chữ (miêu tả), 80 – 90 chữ (thơ), 120 – 135 chữ (thông tin) ở cuối học kì I; khoảng 225 – 250 chữ (truyện), 190 – 200 chữ (miêu tả), 90 – 100 chữ (thơ), 135 – 150 chữ (thông tin) ở cuối học kì II, cho HS đọc thầm và trả lời câu hỏi đọc hiểu theo các yêu cầu đánh giá ở trên.

2.2. Đánh giá hoạt động viết

Có hai nội dung đánh giá hoạt động viết của HS:

2.2.1. Đánh giá kĩ thuật viết

– Tập viết (viết chữ hoa, viết chữ thường, viết câu ứng dụng).

– Chính tả (nghe – viết, nhớ – viết, lớp Ba tập trung nghe – viết).

2.2.2. Đánh giá kĩ năng viết thể hiện trong các hoạt động

– Viết sáng tạo dưới các hình thức như viết câu theo mẫu, viết câu theo yêu cầu khác (có từ ngữ, hình ảnh so sánh,...).

– Điền phần thông tin còn trống dựa vào từ ngữ/ vế câu cho trước, viết câu mở/ câu kết cho đoạn văn,...

– Viết đoạn văn ngắn theo gợi ý (với lớp Ba yêu cầu viết 5 – 7 câu → 6 – 8 câu → 7 – 9 câu → 8 – 10 câu).

¹ Số tiếng đọc đúng: bao gồm số tiếng HS giải mã đúng và số tiếng HS giải mã sai nhưng tự sửa lại trong vòng 3 giây.

– Viết tự do: Với kĩ năng viết này, GV cần đánh giá dựa trên ý tưởng của HS theo hướng động viên, khuyến khích, giúp trẻ phát huy trí tưởng tượng và mạnh dạn thể hiện quan điểm, ý kiến cá nhân (với CT lớp Ba, yêu cầu này HS được làm quen chủ yếu ở hoạt động viết *Phiếu đọc sách*).

Lưu ý:

- ① Tránh việc chú trọng đánh giá về các lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.
- ② GV cần thể hiện bốn vai trò khi đánh giá bài viết của HS: *đọc giả, người trợ giúp, người đánh giá, giám khảo*.
- ③ GV cũng cần tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau.

2.3. Đánh giá hoạt động nói và nghe

GV cần tập trung vào các yêu cầu sau:

- (1) HS nói đúng chủ điểm, nội dung và yêu cầu cần đạt, cần luyện tập.
- (2) HS biết điều chỉnh âm lượng giọng nói phù hợp với từng hoàn cảnh (nhóm nhỏ, lớp).
- (3) HS biết thể hiện sự quan tâm, chú ý khi lắng nghe bạn nói, có thái độ lắng nghe tích cực.
- (4) HS bước đầu biết sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (cơ thể, điệu bộ, gương mặt, giọng nói, cử chỉ,...) khi tham gia hoạt động nói và nghe.

2.4. Đánh giá phẩm chất và năng lực chung

GV cần tập trung vào hành vi, việc làm, cách ứng xử, biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS trong quá trình tham gia các hoạt động đọc, viết, nói và nghe; thực hiện bằng phương pháp định tính thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét bằng lời, nhận xét có ghi chú,...

Lưu ý: Khi kiểm tra, đánh giá, cần nhận xét kết quả học tập của HS theo hướng tích cực, cụ thể, đánh giá tiến trình, VD: *Con đã đọc tốt hơn rồi!; Con rất chăm chỉ!; Con đã viết đúng và đẹp hơn.; Con cần cố gắng hơn nhé!;* tránh nhận xét tiêu cực hoặc chung chung như: *Chỉ nguệch ngoạc, cầu thả.; Cần chăm chỉ hơn!; Sai, bạn nào giúp bạn?; Tốt.; Rất giỏi.; Đáng khen.; ...* Mặt khác, cần đánh giá thường xuyên bằng lời, không đánh giá bằng điểm số; đánh giá bằng điểm số chỉ thực hiện ở bài kiểm tra cuối học kì.

3. MỘT VÀI GỢI Ý VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I

3.1. Kiểm tra kĩ năng đọc thành tiếng

– *Yêu cầu cần đạt:* Kiểm tra kĩ năng đọc trôi chảy của HS (mức độ rõ, đúng, tốc độ đọc, âm lượng).

– *Nội dung và hình thức:*

+ Các đoạn văn dùng kiểm tra đọc thành tiếng cần tương đương về độ dài và độ khó của việc đọc thành tiếng (cấu tạo âm tiết, số từ phức); khoảng 70 – 75 chữ.

- + HS bốc thăm, đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi đọc hiểu trên phiếu.
- + GV lắng nghe, quan sát, ghi nhận kĩ năng đọc thành tiếng của HS: mức độ đúng, rõ, tốc độ, âm lượng; lỗi về câu âm, VD: *th, kh* đọc thành *h, x* hoặc mất *th, kh*; lỗi do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: lẫn lộn *l – n*, đọc *r* thành *g*, *tr* thành *t*,¹.

3.2. Kiểm tra kĩ năng đọc hiểu

- *Yêu cầu cần đạt*: Kiểm tra kĩ năng đọc hiểu của HS.
- *Nội dung và hình thức*:
 - + Số lượng câu hỏi:
 - Khoảng sáu câu trắc nghiệm (đa dạng về hình thức) ở mức độ nhận biết và thông hiểu (bốn câu hỏi về nội dung, hình thức văn bản đọc; hai câu hỏi về kiến thức tiếng Việt).
 - Khoảng ba câu hỏi tự luận ở mức độ thông hiểu và vận dụng (hai câu hỏi về nội dung, hình thức văn bản đọc hoặc liên hệ, so sánh, kết nối; một câu hỏi về kiến thức tiếng Việt).
 - + HS tự đọc văn bản và viết câu trả lời vào bài kiểm tra.

3.3. Kiểm tra kĩ năng viết đoạn

- *Yêu cầu cần đạt*: Kiểm tra kĩ năng viết câu của HS.
- *Nội dung và hình thức*: Viết đoạn văn ngắn khoảng 5 – 7 câu theo một trong các thể loại đã học dựa vào gợi ý.

3.4. Kiểm tra kĩ năng viết đúng chính tả

- *Yêu cầu cần đạt*: Kiểm tra kĩ năng nghe – viết đúng chính tả của HS.
- *Nội dung và hình thức*:
 - + Độ dài đoạn viết chính tả khoảng 65 – 70 chữ.
 - + Độ khó của đoạn viết chính tả: chọn hoặc thiết kế đoạn văn có nội dung quen thuộc, gần gũi, dễ hiểu. Trong đoạn văn nên có một số từ có chứa hiện tượng chính tả có quy tắc và chính tả phương ngữ.
 - + GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, đặt tờ giấy làm bài đúng chiều hướng, đúng khoảng cách, cầm bút đúng.
 - + GV đọc to, rõ toàn văn bản viết chính tả lần thứ nhất.
 - + GV đọc, HS viết chính tả: GV đọc từng câu, nếu câu dài cần đọc từng cụm; mỗi cụm đọc 2 – 3 lần; đọc rõ, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS theo quy định.
 - + GV đọc lại toàn văn bản viết chính tả, yêu cầu HS lắng nghe và rà soát lỗi.

¹ Không phải mọi biến thể ngữ âm phương ngữ đều quy vào lỗi. Chỉ xem là lỗi với những biến thể mà người nói “mặc cảm” khi nói ra và nhiều người xem là “ngọng” trong giao tiếp mang tính chính thức xã hội (giao tiếp ngoài phạm vi gia đình, ngoài phạm vi cuộc sống thường nhật), như các trường hợp vừa dẫn hoặc *o → oo, ô → ôô, o → ô, ă → e,...*

E. MỘT VÀI NỘI DUNG KHÁC

1. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN TIẾNG VIỆT LỚP BA¹

(Trích CT Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn – Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT- BGDDT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, tr.26 – 30).

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
ĐỌC KĨ THUẬT ĐỌC – Đọc đúng và bước đầu biết đọc diễn cảm các đoạn văn miêu tả, câu chuyện, bài thơ; tốc độ đọc khoảng 70 – 80 tiếng trong một phút. Biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu hay chỗ ngắt nhịp thơ. – Đọc theo ngữ điệu phù hợp với vai được phân trong một đoạn đối thoại có hai hoặc ba nhân vật. – Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn lớp Hai. – Đánh dấu được đoạn sách đang đọc. – Ghi chép ngắn gọn những nội dung quan trọng vào <i>Phiếu đọc sách</i> hoặc sổ tay. ĐỌC HIỂU Văn bản văn học Đọc hiểu nội dung – Nhận biết được chi tiết và nội dung chính. Hiểu được nội dung hàm ẩn của văn bản với những suy luận đơn giản. – Tìm được ý chính của từng đoạn văn dựa trên các câu hỏi gợi ý. – Hiểu được điều TG muốn nói qua văn bản dựa vào gợi ý. Đọc hiểu hình thức – Nhận biết được điệu bộ, hành động của nhân vật qua một số từ ngữ trong văn bản.	KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT 1. Cách viết nhan đề văn bản 2.1. Vốn từ theo chủ điểm 2.2. Từ có nghĩa giống nhau và từ có nghĩa trái ngược nhau 3.1. Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất 3.2. Sơ giản về câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm: đặc điểm thể hiện qua dấu câu, qua từ đánh dấu kiểu câu và công dụng của từng kiểu câu 3.3. Công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật); dấu ngoặc kép (đánh dấu phần trích dẫn trực tiếp hoặc lời đối thoại); dấu hai chấm (báo hiệu phần giải thích, liệt kê) 4.1. Biện pháp tu từ so sánh: đặc điểm và tác dụng 4.2. Sơ giản về đoạn văn và văn bản có nhiều đoạn: dấu hiệu nhận biết 4.3. Sơ giản về lượt lời thể hiện qua trao đổi nhóm

¹ Chương trình là căn cứ để GV tiến hành các hoạt động giáo dục. Vì vậy, tuy GV có thể có hoặc lấy CT từ một nguồn khác, nhưng tác giả vẫn đưa vào đây để giúp GV thuận lợi hơn trong việc sử dụng các nguồn học liệu.

- Nhận biết được thời gian, địa điểm và trình tự các sự việc trong câu chuyện.
- Nhận biết được vần và biện pháp tu từ so sánh trong thơ.
- Nhận xét được về hình dáng, điệu bộ, hành động của nhân vật trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình.

Liên hệ, so sánh, kết nối

- Lựa chọn một nhân vật trong tác phẩm đã học hoặc đã đọc, nêu tình cảm và suy nghĩ về nhân vật đó.
- Lựa chọn một nhân vật hoặc địa điểm trong tác phẩm đã học hoặc đã đọc, mô tả hoặc vẽ lại được nhân vật, địa điểm đó.

Đọc mở rộng

- Trong một năm học, đọc tối thiểu 35 văn bản văn học (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học.
- Thuộc lòng được ít nhất tám đoạn thơ, bài thơ hoặc đoạn văn đã học; mỗi đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 60 chữ.

Văn bản thông tin

Đọc hiểu nội dung

- Trả lời được: Văn bản viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý?
- Tìm được ý chính của từng đoạn trong văn bản.

Đọc hiểu hình thức

- Nhận biết được một số loại văn bản thông tin thông dụng, đơn giản qua đặc điểm của văn bản: văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 – 3 sự việc, văn bản giới thiệu một đồ vật, thông báo ngắn, tờ khai đơn giản.
- Nhận biết được cách sắp xếp thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian.
- Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản.

4.4. Kiểu văn bản và thể loại

- Đoạn văn kể lại câu chuyện đã đọc hoặc một việc đã làm
- Đoạn văn miêu tả đồ vật
- Đoạn văn chia sẻ cảm xúc, tình cảm
- Đoạn văn nêu lí do vì sao mình thích một nhân vật trong câu chuyện
- Đoạn văn giới thiệu về đồ vật, văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 – 3 sự việc, thông báo hoặc bản tin ngắn, tờ khai in sẵn

5. Thông tin bằng hình ảnh, số liệu (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ)

KIẾN THỨC VĂN HỌC

1. Bài học rút ra từ văn bản
2. Địa điểm và thời gian
3. Suy nghĩ và hành động của nhân vật

NGŨ LIỆU

1.1. Văn bản văn học

- Cổ tích, ngụ ngôn, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả
 - Bài thơ, đồng dao, ca dao, vè
- Độ dài của văn bản: truyện khoảng 200 – 250 chữ, bài miêu tả khoảng 180 – 200 chữ, thơ khoảng 80 – 100 chữ

Liên hệ, so sánh, kết nối

Nêu được những điều học được từ văn bản.

Đọc mở rộng

Trong một năm học, đọc tối thiểu 18 văn bản thông tin (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có kiểu văn bản và độ dài tương đương các văn bản đã học.

VIẾT

KĨ THUẬT VIẾT

- Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa.
- Biết viết đúng tên người, tên địa lí Việt Nam và một số tên nhân vật, tên địa lí nước ngoài đã học.
- Viết đúng những từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương.
- Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn theo hình thức nghe – viết hoặc nhớ viết một bài có độ dài khoảng 65 – 70 chữ, tốc độ khoảng 65 – 70 chữ trong 15 phút.
- Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định.

VIẾT ĐOẠN VĂN, VĂN BẢN

Quy trình viết

Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); hình thành một vài ý lớn; viết thành đoạn văn; chỉnh sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, dấu câu, viết hoa) dựa vào gợi ý.

Thực hành viết

- Viết được đoạn văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến, tham gia.
- Viết được đoạn văn ngắn miêu tả đồ vật.
- Viết được đoạn văn ngắn nêu tình cảm, cảm xúc về con người, cảnh vật dựa vào gợi ý.

1.2. Văn bản thông tin

– Văn bản giới thiệu một đồ vật, văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 – 3 sự việc

– Thông báo ngắn, tờ khai in sẵn

Độ dài của văn bản: khoảng 120 – 150 chữ

2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý

– Viết được đoạn văn ngắn nêu lí do vì sao mình thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

– Viết được đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân, nêu được những thông tin quan trọng như: họ và tên, ngày sinh, nơi sinh, sở thích, ước mơ của bản thân.

– Viết được thông báo hay bản tin ngắn theo mẫu; điền được thông tin vào một sổ tờ khai in sẵn; viết được thư cho người thân hay bạn bè (thư viết tay hoặc thư điện tử).

NÓI VÀ NGHE

Nói

– Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích nói và đề tài được nói tới; có thái độ tự tin và có thói quen nhìn vào người nghe, biết tránh dùng từ ngữ kém văn hoá.

– Biết phát biểu ý kiến trước nhóm, tổ, lớp; giới thiệu các thành viên, các hoạt động của nhóm, tổ, lớp.

– Nói được về một con người, đồ vật, vật nuôi dựa vào gợi ý.

– Kể được một câu chuyện đơn giản đã đọc, nghe hoặc xem (có sự hỗ trợ, gợi ý); kết hợp lời kể, điệu bộ thể hiện cảm xúc về câu chuyện. Nói 2 – 3 câu về một tình huống do em tưởng tượng.

– Nói được về một số đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình ảnh trong truyện tranh hay phim hoạt hình.

Nghe

– Chú ý nghe người khác nói. Đặt được những câu hỏi có liên quan để hiểu đúng nội dung đã nghe.

– Biết hỏi và đáp kết hợp với cử chỉ, điệu bộ thích hợp.

– Nghe một câu chuyện, tưởng tượng và diễn tả lại đáng vẽ hoặc hành động, lời nói của một nhân vật trong câu chuyện đó.

Nói nghe tương tác

– Chú ý lắng nghe, tập trung vào vấn đề trao đổi, không nói lạc đề.

– Biết nói chuyện qua điện thoại với cách mở đầu và kết thúc phù hợp; lắng nghe để hiểu đúng thông tin; nói rõ ràng và tỏ thái độ thích hợp; tập trung vào mục đích cuộc nói chuyện.

2. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH SÁCH TIẾNG VIỆT 3, TẬP MỘT

HỌC KÌ I			
Thứ tự	Chủ điểm	Tuần	Nội dung dạy học
1	VÀO NĂM HỌC MỚI	Tuần 1	Bài 1: Chiếc nhãn vở đặc biệt (4 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Chiếc nhãn vở đặc biệt</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i> , chia sẻ một truyện về trường học
			Viết Ôn viết chữ hoa A, Ă, Æ
			Luyện từ và câu MRVT <i>Học tập</i>
			Bài 2: Lắng nghe những ước mơ (3 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Lắng nghe những ước mơ</i> – Nói về một môn học em thích
			Nói và nghe Giới thiệu các thành viên của nhóm, tổ
			Viết sáng tạo Viết đoạn văn giới thiệu bản thân
		Tuần 2	Bài 3: Em vui đến trường (4 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Em vui đến trường</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i> , chia sẻ một văn bản thông tin về trường học

2	MÁI TRƯỜNG MẾN YÊU	Tuần 3	Viết – Nghe – viết <i>Em vui đến trường</i> – Phân biệt <i>ch/ tr</i> – Phân biệt <i>s/ x, g/ r</i>
			Luyện từ và câu – Luyện tập về từ chỉ sự vật, đặc điểm, hoạt động – Câu kể – dấu chấm
			Bài 4: Nhớ lại buổi đầu đi học (3 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Nhớ lại buổi đầu đi học</i> – Tìm từ ngữ chỉ cảm xúc, nói câu thể hiện cảm xúc trong ngày đầu đi học
			Nói và nghe Đọc – kể <i>Chiếc nhân vở đặc biệt</i>
			Viết sáng tạo Viết đoạn văn tả đồ dùng học tập
			Bài 1: Cậu học sinh mới (4 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Cậu học sinh mới</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i> , chia sẻ một bài thơ về trường học
			Viết Ôn viết chữ hoa <i>N, M</i>
			Luyện từ và câu MRVT <i>Trường học</i> ; mở rộng câu <i>Khi nào?</i> hoặc <i>Ở đâu?</i>
			Bài 2: Bản tin Ngày hội Nghệ sĩ nhí (3 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Bản tin Ngày hội Nghệ sĩ nhí</i> – Chia sẻ về bản tin đã đọc, nghe hoặc xem
			Nói và nghe Nói về việc thực hiện một nhiệm vụ do lớp phân công

			Viết sáng tạo – Nhận diện thông báo – Viết thông báo
			Bài 3: Mùa thu của em (4 tiết) Đọc – Đọc <i>Mùa thu của em</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i> , chia sẻ một bài văn về trường học Viết – Nghe – viết <i>Cậu học sinh mới</i> – Viết hoa địa danh Việt Nam – Phân biệt <i>ch/ tr, ước/ ươt</i> Luyện từ và câu – Luyện tập về từ chỉ sự vật, đặc điểm – Luyện tập câu kể <i>Ai thế nào?</i> Bài 4: Hoa cỏ sân trường (3 tiết) Đọc – Đọc <i>Hoa cỏ sân trường</i> – Tìm từ ngữ chỉ hình dáng, màu sắc, hương thơm, nói câu thể hiện cảm xúc về một loài cây. Nói và nghe Đọc – kể <i>Cậu học sinh mới</i> Viết sáng tạo Điền thông tin vào tờ khai in sẵn
3	NHỮNG BÚP MĂNG NON	Tuần 5	Bài 1: Gió sông Hương (4 tiết) Đọc – Đọc <i>Gió sông Hương</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i> , chia sẻ một truyện về thiếu nhi Viết Ôn viết chữ hoa <i>D, Đ</i>

			Luyện từ và câu MRVT <i>Thiếu nhi</i>
			Bài 2: Triển lãm <i>Thiếu nhi</i> với 5 điều Bác Hồ dạy (3 tiết)
			Đọc – Đọc Triển lãm <i>Thiếu nhi</i> với 5 điều Bác Hồ dạy – Nói về những việc thiếu nhi thực hiện theo lời Bác Hồ
			Nói và nghe Giới thiệu hoạt động của lớp
			Viết sáng tạo Viết bản tin ngắn
		Tuần 6	Bài 3: Hai bàn tay em (4 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Hai bàn tay em</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i> , chia sẻ một văn bản thông tin về thiếu nhi
			Viết – Nghe – viết <i>Đường đến trường</i> – Phân biệt d/ gi – Phân biệt ay/ ây, uôc/ uôt
			Luyện từ và câu So sánh
			Bài 4: Lớp học cuối đông (3 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Lớp học cuối đông</i> – Nói câu thể hiện cảm xúc với một sự vật hoặc sự việc, với một việc làm tốt của bạn bè.
			Nói và nghe Nghe – kể <i>Mơ ước của Sam</i>
			Viết sáng tạo Viết đoạn văn tả cuốn sách

4	EM LÀ ĐỘI VIÊN	Tuần 7	Bài 1: Phần thưởng (4 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Phần thưởng</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i> , chia sẻ một bài thơ về thiếu nhi
			Viết Ôn viết chữ hoa <i>P, R, B</i>
			Luyện từ và câu MRVT <i>Đội viên</i>
			Bài 2: Đơn xin vào Đội (3 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Đơn xin vào Đội</i> – Tìm đường đưa thư, nói câu có từ ngữ chỉ phẩm chất
			Nói và nghe Nói về việc phấn đấu để trở thành đội viên
			Viết sáng tạo Luyện tập điền thông tin vào tờ khai in sẵn
		Tuần 8	Bài 3: Ngày em vào Đội (4 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Ngày em vào Đội</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i> , chia sẻ một bài văn về thiếu nhi
			Viết – Nghe – viết <i>Ngày em vào Đội</i> – Viết hoa địa danh Việt Nam – Phân biệt <i>ch/ tr, an/ ang</i>
			Luyện từ và câu Luyện tập về so sánh
			Bài 4: Lễ kết nạp Đội (3 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Lễ kết nạp Đội</i> – Đóng vai, nói và đáp lời chúc mừng các bạn đội viên mới

5	ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I	Tuần 9	Nói và nghe Nghe – kể <i>Chú bé nhanh trí</i>
			Viết sáng tạo Viết thư điện tử cho bạn bè
			Tiết 1 – Đọc: Ôn tập các văn bản truyện đã học – Ôn viết chữ hoa <i>Ă, Â, N, M, Đ, P, R, B</i>
			Tiết 2 – Đọc: Ôn tập các văn bản thông tin đã học – Viết: + Nghe – viết <i>Con tàu của em</i> + Ôn viết hoa tên người Việt Nam + Phân biệt <i>ay/ ây, iêc/ iêt</i>
			Tiết 3 – Đọc: Ôn tập các văn bản thơ đã học – Luyện từ và câu: MRVT <i>Măng non</i> ; đặt câu có từ ngữ tìm được
			Tiết 4 – Đọc: Ôn tập các văn bản miêu tả đã học – Viết sáng tạo: Tả một món đồ chơi em thích
			Tiết 5 Đọc: Ôn đọc hiểu văn bản <i>Cô Hiệu trưởng</i>
			Tiết 6 – Luyện từ và câu: + Ôn tập về so sánh + Ôn tập về câu kể và mở rộng câu <i>Khi nào, Ở đâu?</i>
			Tiết 7 Viết sáng tạo: Viết đoạn văn giới thiệu một người bạn

6	ƯỚC MƠ TUỔI THƠ	Tuần 10	Bài 1: Ý tưởng của chúng mình (4 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Ý tưởng của chúng mình</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i> , chia sẻ một truyện về ước mơ
			Viết Ôn viết chữ hoa C, G
			Luyện từ và câu MRVT <i>Ước mơ</i>
			Bài 2: Điều kì diệu (3 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Điều kì diệu</i> – Luyện tập về từ ngữ có nghĩa giống nhau; đặt câu có từ ngữ nói về nhân vật trong bài đọc
		Tuần 11	Nói và nghe Nói về một nhân vật trong truyện
			Viết sáng tạo Nhận diện và tìm ý cho bài văn viết về tình cảm với thầy cô giáo hoặc một người bạn
			Bài 3: Chuyện xây nhà (4 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Chuyện xây nhà</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i> , chia sẻ một văn bản thông tin về ước mơ
			Viết – Nghe – viết <i>Chuyện xây nhà</i> – Phân biệt ch/ tr – Phân biệt r/ d/ gi, iên/ iêng
			Luyện từ và câu Luyện tập về so sánh

7	CÙNG EM SÁNG TẠO		Bài 4: Ước mơ màu xanh (3 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Ước mơ màu xanh</i> – Đặt tên và nói về bức tranh em thích
			Nói và nghe Đọc – kể <i>Ý tưởng của chúng mình</i>
			Viết sáng tạo Luyện tập viết về tình cảm với thầy cô giáo hoặc một người bạn
		Tuần 12	Bài 1: Đồng hồ Mặt Trời (4 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Đồng hồ Mặt Trời</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i> , chia sẻ một bài thơ về nghề nghiệp
			Viết Ôn viết chữ hoa <i>S, L, T</i>
			Luyện từ và câu MRVT <i>Sáng tạo</i>
			Bài 2: Cuốn sách em yêu (3 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Cuốn sách em yêu</i> – Ghi nhận xét và nói về <i>Phiếu đọc sách</i> em thích
			Nói và nghe Nói về một đồ vật
			Viết sáng tạo Viết đoạn văn tả một đồ dùng cá nhân
		Tuần 13	Bài 3: Bàn tay cô giáo (4 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Bàn tay cô giáo</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i> , chia sẻ một bài văn về nghề nghiệp hoặc sản phẩm sáng tạo em thích

8	VÒNG TAY BÈ BẠN	Tuần 14	Viết – Nhớ – viết <i>Bàn tay cô giáo</i> – Viết hoa tên người nước ngoài – Phân biệt <i>s/x, âc/ât</i>
			Luyện từ và câu – Từ có nghĩa giống nhau – Câu hỏi – dấu chấm hỏi
			Bài 4: Thứ Bảy xanh (3 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Thứ Bảy xanh</i> – Trao đổi ý tưởng trang trí lớp học từ đồ dùng tái chế
			Nói và nghe Nghe – kể <i>Ông Trạng giỏi tính toán</i>
			Viết sáng tạo Viết đoạn văn nêu lí do thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện
			Bài 1: Chú sẻ và bông hoa bằng lăng (4 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Chú sẻ và bông hoa bằng lăng</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i> , chia sẻ một truyện về bạn bè
			Viết Ôn viết chữ hoa E, Ê
			Luyện từ và câu MRVT <i>Bạn bè</i>
			Bài 2: Thư thăm bạn (3 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Thư thăm bạn</i> – Trao đổi về cách dùng lời xưng hô khi viết thư
			Nói và nghe Nói về một người bạn của em

			Viết sáng tạo Viết thư cho bạn bè
			Bài 3: Đôi bạn (4 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Đôi bạn</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i> , chia sẻ văn bản thông tin về bạn bè
			Viết – Nhớ – viết <i>Đôi bạn</i> – Phân biệt <i>d/ gi</i> – Phân biệt <i>r/ d/ gi, v/ d/ gi</i>
		Tuần 15	Luyện từ và câu – Luyện tập về từ có nghĩa giống nhau – Dấu gạch ngang
			Bài 4: Hai người bạn (3 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Hai người bạn</i> – Nói về hoạt động hoặc trò chơi thường tham gia cùng bạn và cảm xúc của em khi cùng bạn tham gia hoạt động hoặc chơi trò chơi
			Nói và nghe Nghe – kể <i>Những người bạn</i>
			Viết sáng tạo Luyện tập viết thư cho bạn bè
9	MÁI ẤM GIA ĐÌNH	Tuần 16	Bài 1: Ông ngoại (4 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Ông ngoại</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i> , chia sẻ một bài thơ về gia đình
			Viết Ôn viết chữ hoa <i>I, K</i>
			Luyện từ và câu MRVT <i>Gia đình</i>

			Bài 2: Vườn dứa của ngoại (3 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Vườn dứa của ngoại</i> – Thi kể và nói về các loài cây, hoa, quả
			Nói và nghe Nói về một nhân vật trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình
			Viết sáng tạo Viết thư cho người thân
Tuần 17			Bài 3: Như có ai đi vắng (4 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Như có ai đi vắng</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i> , chia sẻ một bài văn về gia đình
			Viết – Nghe – viết <i>Vườn trưa</i> – Phân biệt êch/ uêch – Phân biệt ch/tr, ac/at
			Luyện từ và câu Từ có nghĩa trái ngược nhau
			Bài 4: Thuyền giấy (3 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Thuyền giấy</i> – Tìm từ ngữ nói về mong ước và nói với bạn mong ước của em cho người thân
			Nói và nghe Nghe – kể <i>Món quà tặng cha</i>
			Viết sáng tạo Luyện tập viết thư cho người thân

10	ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I	Tuần 18	Tiết 1 – Đọc: + Ôn luyện đọc thành tiếng và học thuộc lòng + Ôn đọc thành tiếng và đọc hiểu văn bản <i>Nắng hồng</i>
			Tiết 2 – Đọc: Ôn luyện đọc thành tiếng và học thuộc lòng – Viết: + Ôn viết chữ hoa C, G, S, L, Ê, I, K + Phân biệt d/r, ăn/ ăng
			Tiết 3 – Đọc: Ôn luyện đọc thành tiếng và học thuộc lòng – Luyện từ và câu: + Ôn tập về so sánh + Ôn tập từ ngữ có nghĩa giống nhau, từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau + Ôn dấu câu, ôn câu hỏi, câu kể
			Đánh giá cuối học kì I (4 tiết) Đọc – Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi – Đọc hiểu văn bản <i>Các em nhỏ và cụ già</i> Viết – Nghe – viết <i>Hồ Gươm</i> – Viết đoạn văn ngắn hoặc viết thư

3. MẪU CHỮ VIẾT HOA VÀ QUY TRÌNH HƯỚNG DẪN VIẾT CHỮ HOA

Việc ôn luyện kĩ thuật viết hoa ở lớp Ba được sắp xếp theo nhóm nét. Mỗi bài, nhóm TG thiết kế hướng dẫn HS viết 1 – 4 chữ hoa (kiểu 1 hoặc kiểu 2) cỡ nhỏ kết hợp luyện viết từ ngữ và câu ứng dụng có nội dung gắn với chủ điểm và có chứa chữ cái viết hoa vừa học. Vì vậy, SGK *Tiếng Việt 3, tập một* giới thiệu các nhóm chữ hoa: A, Ă, Â; N, M; D, Đ; P, R, B; C, G; S, L, T; E, Ê; I, K; *tập hai* sẽ giới thiệu các nhóm chữ hoa: V, H; O, Ô, Ơ, Q; U, Ư; Y, X; A, Ẫ, Ẻ (kiểu 2); M, N (kiểu 2); Q, V (kiểu 2).

– Các chữ hoa đều có độ cao 2,5 ô li, trừ 2 chữ G và Y có độ cao 4 ô li.

3.1. Chữ A

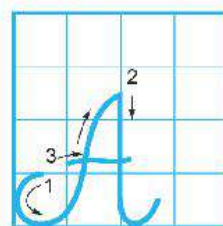
* **Cấu tạo:** gồm nét móc ngược trái, nét móc ngược phải và nét lượn.

* **Cách viết:**

① Đặt bút trên đường kẻ (ĐK) ngang 2 viết một nét móc ngược trái, hơi lượn vòng khi đến điểm dừng trên ĐK dọc 3.

② Không nhấc bút, viết tiếp nét móc ngược phải và dừng bút dưới ĐK ngang 2 và trước ĐK dọc 4.

③ Lia bút đến phía trên ĐK ngang 2, viết nét lượn cắt ngang hai nét móc ngược và dừng bút bên trái ĐK dọc 4, giữa ĐK ngang 2 và 3.



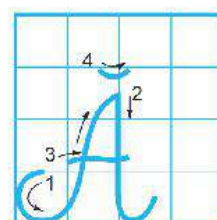
3.2. Chữ Ă

* **Cấu tạo:** gồm nét móc ngược trái, nét móc ngược phải, nét lượn và dấu mũ ngược.

* **Cách viết:**

① Viết như chữ A.

② Lia bút đến ĐK ngang 4, viết nét lượn vòng và dừng bút bên phải ĐK dọc 3.



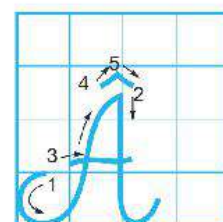
3.3. Chữ Á

* **Cấu tạo:** gồm nét móc ngược trái, nét móc ngược phải, nét lượn và dấu mũ.

* **Cách viết:**

① Viết như chữ A.

② Lia bút đến dưới ĐK ngang 4, viết nét xiên phải, không nhấc bút viết liền mạch nét xiên trái (dấu mũ) và dừng bút dưới ĐK ngang 4, bên phải ĐK dọc 3.



3.4. Chữ N

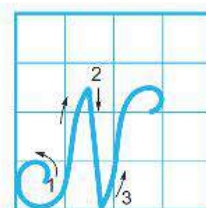
* **Cấu tạo:** gồm nét móc ngược trái, nét xiên trái và nét móc phải.

* **Cách viết:**

① Đặt bút dưới ĐK ngang 2, viết một nét móc ngược trái, hơi lượn sang phải, dừng dưới ĐK ngang 4, bên phải ĐK dọc 2.

② Không nhấc bút, viết tiếp nét xiên trái, dừng trên ĐK ngang 1, trước ĐK dọc 3.

③ Không nhấc bút, viết nét móc phải, hơi lượn vòng tại điểm bắt đầu và dừng bút trên ĐK ngang 3, trước ĐK dọc 4.



3.5. Chữ M

* **Cấu tạo:** gồm nét móc ngược trái, nét thẳng đứng, nét xiên phải, nét móc ngược phải.

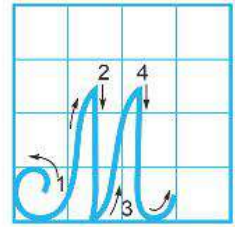
* **Cách viết:**

① Đặt bút dưới ĐK ngang 2, viết một nét móc ngược trái, hơi lượn sang phải, dừng dưới ĐK ngang 4, giữa ĐK dọc 2 và 3.

② Không nhắc bút, viết nét thẳng đứng, cuối nét hơi lượn sang trái một chút, dừng trên ĐK ngang 1.

③ Không nhắc bút, viết nét xiên phải, hơi lượn vòng hai đầu, dừng dưới ĐK ngang 4, bên phải ĐK dọc 3.

④ Không nhắc bút, viết nét móc ngược phải, dừng bút trên ĐK dọc 4, giữa ĐK ngang 1 và 2.



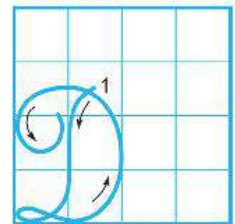
3.6. Chữ D

* **Cấu tạo:** gồm nét móc ngược trái, nét thắt, nét cong phải và nét cong trái.

* **Cách viết:**

① Đặt bút dưới ĐK ngang 4, trước ĐK dọc 3, viết một nét móc ngược trái sát ĐK dọc 2 và hơi lượn vòng khi bắt đầu đến ĐK ngang 1 kết hợp viết nét thắt tiếp xúc với ĐK ngang 1.

② Không nhắc bút, viết liền mạch nét cong phải (Lung của nét cong phải tiếp xúc với ĐK dọc 3), tiếp tục viết liền mạch nét cong trái và dừng bút tại ĐK ngang 3, trước ĐK dọc 2.



Lưu ý: Lung của nét cong trái tiếp xúc với ĐK dọc 1.

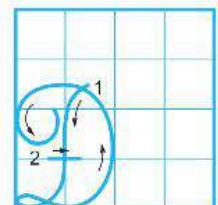
3.7. Chữ Đ

* **Cấu tạo:** gồm nét móc ngược trái, nét thắt, nét cong phải, nét cong trái và nét ngang.

* **Cách viết:**

① Viết như chữ D.

② Lia bút đến điểm trên ĐK ngang 2, trước ĐK dọc 2, viết nét ngang rồi dừng bút sao cho đối xứng qua nét móc ngược trái.

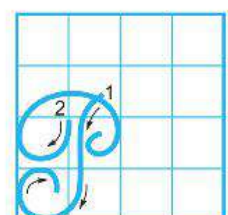


3.8. Chữ P

* **Cấu tạo:** gồm nét móc ngược trái, nét cong trái, nét cong phải.

* **Cách viết:**

① Đặt bút dưới ĐK ngang 4, trước ĐK dọc 3, viết một nét móc ngược trái cách bên phải ĐK dọc 2 một li, hơi lượn vòng khi bắt đầu và dừng bút dưới ĐK ngang 2, trước ĐK dọc 2.



⊙ Lia bút đến điểm giao nhau giữa ĐK ngang 3 và ĐK dọc 2, viết nét cong trái liền mạch với nét cong phải và dừng bút dưới ĐK ngang 3, trước ĐK dọc 3.

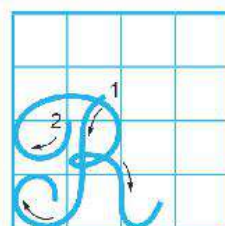
3.9. Chữ R

* **Cấu tạo:** gồm nét móc ngược trái, nét cong trái, nét cong phải, nét thắt và nét móc ngược phải.

* **Cách viết:**

⊙ Đặt bút phía dưới ĐK ngang 4, trước ĐK dọc 3, viết một nét móc ngược trái cách bên phải ĐK dọc 2 một li, hơi lượn vòng khi bắt đầu và dừng bút dưới ĐK ngang 2, trước ĐK dọc 2.

⊙ Lia bút đến điểm giao nhau giữa ĐK ngang 3 và ĐK dọc 2, viết nét cong trái liền mạch với nét cong phải, nét thắt, nét móc ngược phải và dừng bút phía dưới ĐK ngang 2, trước ĐK dọc 4.



Lưu ý: Lưng của nét cong trái tiếp xúc với ĐK dọc 1. Lưng của nét cong phải (trên nét thắt) tiếp xúc với ĐK dọc 3. Nét thắt nằm phía trên ĐK ngang 2 và cắt ngang nét móc ngược trái.

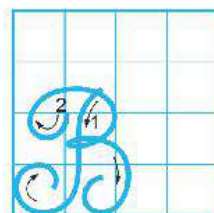
3.10. Chữ B

* **Cấu tạo:** Gồm nét móc ngược trái và nét cong trái, nét cong phải kết hợp với nét thắt.

* **Cách viết:**

⊙ Đặt bút dưới ĐK ngang 4, trước ĐK dọc 3, viết một nét móc ngược trái sát ĐK dọc 2, hơi lượn vòng khi bắt đầu và dừng bút dưới ĐK ngang 2, trước ĐK dọc 2.

⊙ Lia bút đến điểm trên ĐK ngang 3, sát bên phải ĐK dọc 2, viết nét cong trái, liền mạch viết nét cong phải nhỏ và nét cong phải to kết hợp với nét thắt (cắt ngang nét móc ngược trái giữa ĐK ngang 2 và 3) và dừng bút dưới ĐK ngang 2, trước ĐK dọc 3.

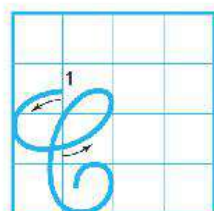


Lưu ý: Lưng của nét cong trái chưa tiếp xúc với ĐK dọc 1; Lưng của nét cong phải nhỏ tiếp xúc với ĐK dọc 3; Lưng của nét cong phải to lấn sang bên phải ĐK dọc 3.

3.11. Chữ C

* **Cấu tạo:** gồm nét cong trái và nét cong phải.

* **Cách viết:** Đặt bút trên ĐK dọc 2, dưới ĐK ngang 4, viết một nét cong trái nhỏ phía trên ĐK ngang 2, lượn vòng lên chạm ĐK dọc 3 viết tiếp nét cong trái lớn liền mạch với nét cong phải và dừng bút bên phải ĐK dọc 2, dưới ĐK ngang 2 (Chỗ bắt đầu viết nét cong trái lớn phải ngang bằng với điểm đặt bút).



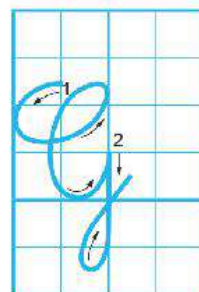
3.12. Chữ G

* **Cấu tạo:** gồm nét cong trái và nét khuyết dưới.

* **Cách viết:**

① Đặt bút trên ĐK dọc 2, dưới ĐK ngang 4 (phía trên), viết một nét cong trái nhỏ (lưng chạm ĐK dọc 1), lượn vòng lên chạm ĐK dọc 3 viết liền mạch nét cong trái lớn, dừng bút tại giao điểm của ĐK ngang 2 (phía trên) và ĐK dọc 3 (Chỗ bắt đầu viết nét cong trái lớn phải ngang bằng với điểm đặt bút).

② Không nhấc bút, viết tiếp nét khuyết dưới và dừng bút trước ĐK dọc 4, dưới ĐK ngang 2 (phía trên).

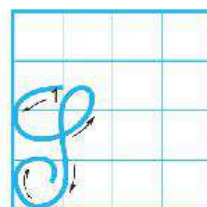


3.13. Chữ S

* **Cấu tạo:** gồm nét cong trái và nét thẳng đứng.

* **Cách viết:** Đặt bút trên ĐK dọc 2, phía dưới ĐK ngang 4, viết một nét cong trái phía trên ĐK ngang 2, lượn vòng lên chạm ĐK dọc 2 viết nét thẳng đứng sát ĐK dọc 2, viết tiếp luôn nét cong trái và dừng bút cách bên phải ĐK dọc 2 một li, phía dưới ĐK ngang 2.

Lưu ý: Lưng của 2 nét cong trái đều chạm ĐK dọc 1. Chỗ bắt đầu viết nét cong trái lớn phải ngang bằng với điểm đặt bút.

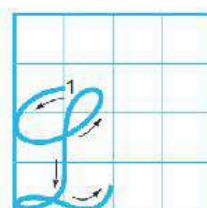


3.14. Chữ L

* **Cấu tạo:** gồm nét cong trái, nét lượn dọc, nét thắt và nét lượn ngang.

* **Cách viết:** Đặt bút trên ĐK dọc 2, dưới ĐK ngang 4, viết một nét cong trái phía trên ĐK ngang 2, lượn vòng lên chưa chạm ĐK dọc 3 viết nét lượn dọc theo ĐK dọc 2, viết tiếp luôn nét thắt và lượn ngang, dừng bút trên ĐK dọc 3, dưới ĐK ngang 2.

Lưu ý: Lưng nét cong trái chạm ĐK dọc 1. Chỗ bắt đầu viết nét lượn dọc phải ngang bằng với điểm đặt bút.

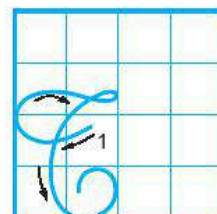


3.15. Chữ T

* **Cấu tạo:** gồm nét cong trái, nét thắt và nét cong phải.

* **Cách viết:** Đặt bút giữa ĐK dọc 2 và 3, phía dưới ĐK ngang 3 một li, viết nét cong trái nhỏ kết hợp viết nét thắt rồi viết tiếp nét cong trái lớn liền mạch với nét cong phải và dừng bút cách bên phải ĐK dọc 2 một li, dưới ĐK ngang 2.

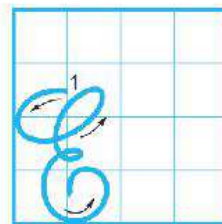
Lưu ý: Lưng nét cong trái nhỏ phải chạm ĐK dọc 1. Nét cong phải chạm ĐK dọc 3 và ĐK ngang 2



3.16. Chữ E

* **Cấu tạo:** gồm nét cong trái, nét cong phải và nét thắt.

* **Cách viết:** Đặt bút trên ĐK dọc 2, dưới ĐK ngang 4, viết một nét cong trái lưng chạm ĐK dọc 1, lượn vòng lên chưa chạm ĐK dọc 3 viết liền mạch nét cong trái thứ hai kết hợp với nét thắt trên ĐK ngang 2 và viết tiếp nét cong trái thứ ba và dừng bút trên ĐK dọc 2, dưới ĐK ngang 2.



Lưu ý: Độ cong của nét cong trái thứ ba rõ nét hơn độ cong của nét cong trái thứ hai; Chỗ bắt đầu viết nét cong trái thứ hai phải ngang bằng với điểm đặt bút.

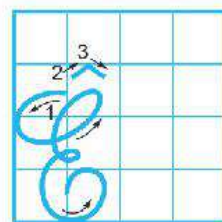
3.17. Chữ Ê

* **Cấu tạo:** gồm nét cong trái, nét cong phải, nét thắt và dấu mũ.

* **Cách viết:**

① Viết như chữ E.

② Lia bút viết dấu mũ ở ĐK ngang 4, giữa ĐK dọc 2, 3.



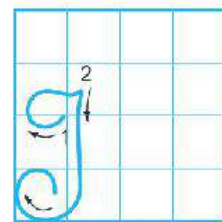
3.18. Chữ I

* **Cấu tạo:** gồm nét cong trái và nét móc ngược trái.

* **Cách viết:**

① Đặt bút trên ĐK ngang 3, trước ĐK dọc 2, viết nét cong trái, hơi lượn lên trước khi dừng dưới ĐK ngang 4 và bên phải ĐK dọc 2.

② Không nhấc bút, hơi lượn sang trái viết nét móc ngược trái cách đều bên phải ĐK dọc 2 một li, khi chạm ĐK ngang 1 thì lượn cong lên rồi uốn vào trong, dừng bút bên trái ĐK dọc 2, dưới ĐK ngang 2.



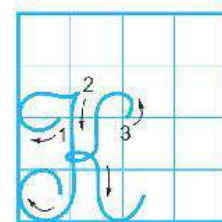
3.19. Chữ K

* **Cấu tạo:** gồm nét cong trái, móc ngược trái, móc phải, nét thắt và nét móc ngược phải.

* **Cách viết:**

① Đặt bút trên ĐK ngang 3, trước ĐK dọc 2, viết nét cong trái, hơi lượn lên trước khi dừng dưới ĐK ngang 4, bên phải ĐK dọc 2.

② Không nhấc bút, hơi lượn sang trái viết nét móc ngược trái theo ĐK dọc 2 khi chạm ĐK ngang 1 thì lượn cong lên rồi uốn vào trong, dừng bút bên trái ĐK dọc 2, dưới ĐK ngang 2.



③ Lia bút đến ĐK ngang 3, viết nét móc phải, đến khoảng giữa thân chữ thì lượn vào trong viết nét thắt cắt qua nét ②, liền mạch viết tiếp nét móc ngược phải, dừng bút dưới ĐK ngang 2, bên phải ĐK dọc 3.

Chủ điểm 1. VÀO NĂM HỌC MỚI (Tuần 1 – 2)

Chủ điểm *Vào năm học mới* hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm*: bồi dưỡng tình cảm yêu mến thầy cô, bạn bè, trường học; tích cực chuẩn bị cho năm học mới; hứng thú với những không gian quen thuộc như góc sáng tạo, sân, vườn trường,...; tích cực tham gia hoạt động học tập và rèn luyện ở trường, ở nhà; tự giác làm những công việc vừa sức,... Từ đó, các em thêm ý thức trách nhiệm về bản thân: *chăm chỉ trong học tập, rèn luyện*.

BÀI 1: CHIẾC NHÃN VỎ ĐẶC BIỆT (tiết 1 – 4, SHS, tr.10 – 12)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Nói được với bạn những chuẩn bị của em cho năm học mới; nêu được phỏng đoán về nội dung bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; bước đầu đọc phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện với giọng phù hợp; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Bạn nhỏ mong muốn được trở lại trường học để gặp bạn bè sau kì nghỉ hè; tích cực chuẩn bị sách vở và đồ dùng học tập cho năm học mới*.

– Tìm đọc được một truyện về trường học, viết được *Phiếu đọc sách* và biết cách chia sẻ với bạn *Phiếu đọc sách* của em.

2. Viết đúng kiểu chữ hoa: A, Ă, Â, tên riêng và câu ứng dụng.

3. Mở rộng được vốn từ về *Học tập*, đặt câu với từ ngữ tìm được.

4. Gọi đúng tên các đồ vật, nói được 1 – 2 câu có sử dụng từ ngữ chỉ đồ vật em thích.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– Tranh ảnh, video clip HS thực hiện một vài hoạt động chuẩn bị cho năm học mới (nếu có).

– Thẻ từ, bảng phụ hoặc máy chiếu ghi các từ ngữ khó, câu dài và đoạn từ *Chị Hai rủ tôi... đến hiện lên*.

– HS mang theo sách có truyện về trường học và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về truyện đã đọc.

– Mẫu chữ viết hoa *A, Ă, Â* cỡ nhỏ.

– Thẻ từ để tổ chức cho HS chơi trò chơi ở BT 1 phần luyện từ và câu.

– Hình ảnh sơ đồ trò chơi *Vui đến trường* phóng to (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Vào năm học mới*.

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về những việc em chuẩn bị cho năm học mới: sách vở, quần áo, ba lô,...

– HS đọc tên bài, phỏng đoán về nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài mới *Chiếc nhãn vở đặc biệt*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (*Gợi ý*: đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả, vui tươi; giọng chị Hai ở đoạn 1 thể hiện tâm trạng hào hứng, ở đoạn 4 trù mên thể hiện tình cảm yêu thương; giọng bạn nhỏ thể hiện niềm mong đợi).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *reo, náo nức, ...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Tôi mở một quyển sách,/ mùi giấy mới thơm dịu/ khiến tôi thêm náo nức,/ mong đến ngày tựu trường.//; Ngắm những quyển vở mặc áo mới,/ dán chiếc nhãn/ xinh như một đám mây nhỏ,/ tôi thích quá,/ liền nói://...*

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có).

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 3

trong SHS (Câu 3: *Bạn nhỏ mong được đến lớp ngay vì muốn khoe với bạn chiếc nhãn vở tự viết*, HS có thể nói thêm vì *bạn nhỏ muốn gặp lại thầy cô và bạn bè*); GV cũng có thể cho HS đọc từng đoạn và trả lời câu hỏi theo nội dung đoạn và kết hợp giải nghĩa từ ngữ khó trong đoạn, nếu cần.

- HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.
- HS trả lời cá nhân câu hỏi 4 trong SHS (GV khuyến khích HS mạnh dạn trả lời, không gò ép HS trả lời theo khuôn mẫu).

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại

- HS xác định được giọng đọc của người dẫn chuyện, chị Hai, bạn nhỏ và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.
- HS nghe GV hướng dẫn đọc phân vai: người dẫn chuyện, chị Hai, bạn nhỏ.
- HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Chị Hai rủ tôi...* đến *hiện lên*.
- HS luyện đọc phân vai trong nhóm đoạn từ *Chị Hai rủ tôi...* đến *hiện lên*.
- HS nghe 1 – 2 nhóm đọc phân vai trước lớp.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một truyện về trường học

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

- HS tìm đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một truyện về trường học theo hướng dẫn của GV:

+ Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em thấy thú vị: *tên truyện, tên tác giả, nội dung của truyện* (HS cũng có thể ghi thêm lời nói, hành động của nhân vật/ chi tiết em thích, lí do),...

+ Trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề hoặc nội dung truyện em đọc.

1.2.2. Chia sẻ Phiếu đọc sách

- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về *Phiếu đọc sách* của em: *tên truyện, tên tác giả, nội dung của truyện* (HS cũng có thể ghi thêm lời nói, hành động của nhân vật/ chi tiết em thích, lí do),... HS có thể đọc một đoạn hoặc chia sẻ truyện cho các bạn trong nhóm.

– Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm* của lớp.

- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Ôn viết chữ A, Ǻ, Ả hoa

- HS quan sát mẫu chữ A hoa, nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét của chữ A hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu (hoặc quan sát qua phần mềm viết chữ), nhắc lại quy trình viết chữ A hoa.
- HS viết chữ A hoa cỡ nhỏ vào bảng con (nếu HS viết tốt, GV có thể bỏ qua bước này, cho HS viết vào VTV).
- HS quan sát mẫu chữ Ǻ, Ả hoa, nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của chữ Ǻ, Ả hoa trong mối quan hệ so sánh với chữ A hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu (hoặc quan sát qua phần mềm viết chữ) và nhắc lại quy trình viết chữ Ǻ, Ả hoa (nếu HS viết tốt có thể chọn một HS thay GV viết chữ Ǻ, Ả hoa trên bảng cho cả lớp quan sát).
- HS viết chữ Ǻ, Ả hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết từ ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ ứng dụng *Chu Văn An* (1292 – 1370, là nhà giáo, thầy thuốc, là người thầy đứng đầu, có nhiều đóng góp đối với Trường Quốc Tử Giám và nền quốc học nước nhà ở thế kỉ XIV – thời nhà Trần,... Ông đã đào tạo nhiều nhân tài cho đất nước. Ông được UNESCO vinh danh là *Danh nhân văn hoá thế giới*. Tên ông được đặt cho nhiều trường học ở các tỉnh, thành nước ta).
- HS nhắc lại cách nối từ chữ C hoa sang chữ h; từ chữ V hoa sang chữ Ǻ và từ chữ A hoa sang chữ n (nếu cần).
- HS quan sát cách GV viết chữ *Chu Văn An* (nếu cần).
- HS viết chữ *Chu Văn An* vào VTV.

2.3. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ca dao:

*Ai ơi bưng bát cơm đầy
Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần.*

Ca dao

(Câu ca dao ca ngợi và khuyên chúng ta ghi nhớ công sức của người nông dân đã vất vả để làm ra hạt gạo.)

- HS viết câu ứng dụng vào VTV.

2.4. Luyện viết thêm¹

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ *Hội An* (Là một thành phố trực thuộc tỉnh Quảng Nam, Việt Nam. Phố cổ Hội An từng là một thương cảng quốc tế sầm uất. Nơi đây có những công trình kiến trúc đã xây dựng từ hàng trăm năm trước, được UNESCO công nhận là *Di sản văn hoá thế giới* từ năm 1999) và nghĩa của câu ứng dụng *Ai cũng mong năm học mới đến thật nhanh*.

– HS viết nội dung luyện viết thêm vào VTV.

2.5. Đánh giá bài viết

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Mở rộng vốn từ Học tập

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– Cá nhân HS tìm 1 – 2 từ ngữ cho mỗi nhóm a, b, c, d và ghi vào bốn thẻ màu.

– HS chia sẻ, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ.

– HS chữa bài bằng hình thức chơi trò chơi *Tiếp sức* trước lớp (Gợi ý: a. *Toán, Tiếng Việt, Mĩ thuật, ...*; b. *giấy, bút, thước, cặp, sách, ...*; c. *giấy bút, sách bút, ...* d. *đọc sách, làm toán, ca hát, ...*).

– HS nghe cá nhân hoặc các nhóm nhận xét, bổ sung, giải nghĩa một số từ ngữ (nếu cần).

– HS nghe GV đánh giá.

3.2. Đặt câu có từ ngữ về Học tập

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS đọc lại các từ ngữ tìm được ở BT 1 và các câu mẫu, đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.

– HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

– 1 – 2 HS nói câu vừa đặt trước lớp.

– HS thực hiện vào VBT.

– Một vài HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

¹ Hoạt động *Luyện viết thêm* có thể thực hiện trong giờ học chính khoá (nếu còn thời gian) hoặc vào giờ tăng cường Tiếng Việt ở buổi học thứ hai.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chơi trò chơi Vui đến trường.*
- HS chơi trong nhóm đôi: *Tìm đường đến trường* (GV khuyến khích HS chọn đường đến trường có các đồ dùng học tập).
- HS nói 1 – 2 câu về đồ vật em thấy trên đường đến trường.
- HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc về trò chơi.
- HS nghe GV nhận xét về hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 2: LẮNG NGHE NHỮNG ƯỚC MƠ (tiết 5 – 7, SHS, tr.13 – 15)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Chia sẻ được về nghề nghiệp em thích theo gợi ý; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; bước đầu thể hiện đúng giọng đọc văn bản thông tin; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Bài tự giới thiệu của bạn Hà Thu là một sản phẩm học tập trong giờ Tiếng Việt, vừa hay lại vừa trang trí đẹp.*
- Nói được 2 – 3 câu về một môn học em thích theo gợi ý.

2. Biết làm quen với các bạn trong nhóm, tổ học tập mới; biết đặt tên nhóm; biết tự giới thiệu, giới thiệu về nhóm, tổ và từng thành viên của nhóm, tổ trước lớp.

3. Nhận diện được cấu trúc, nội dung và viết được đoạn văn ngắn tự giới thiệu về sở thích và ước mơ của bản thân.

4. Nhận xét được bài viết em thích bằng từ ngữ và khuôn mặt phù hợp.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip một số hoạt động nghề nghiệp (nếu có).
- Bảng phụ viết sẵn bài giới thiệu bản thân của Hà Thu.
- Một số bài viết của HS giới thiệu bản thân (nếu có).
- Ảnh chụp chân dung HS để tự giới thiệu.
- Thẻ từ để thực hiện hoạt động vận dụng.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về nghề nghiệp em thích (tên nghề nghiệp, lí do em thích, những cố gắng của em để thực hiện ước mơ nghề nghiệp,...).
- HS đọc tên bài, phỏng đoán nội dung bài đọc: tên sản phẩm, nhận xét về sản phẩm,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Lắng nghe những ước mơ*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (*Gợi ý*: giọng đọc toàn bài thông thả, chậm rãi; nội dung tự giới thiệu của bạn Hà Thu đọc với giọng trong sáng, vui tươi; giọng cô giáo thân thiện, trìu mến).
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:
 - + Cách đọc một số từ ngữ khó: *sinh, rảnh rỗi,...*
 - + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Bố của em kể,/ ngày hôm đó,/ trời thu Hà Nội/ đẹp dịu dàng/ nên bố mẹ đặt tên em/ là Hà Thu.//; Bài tự giới thiệu/ của cô giáo Mĩ thuật/ tương lai/ vừa hay/ lại vừa trang trí đẹp!//;...*
 - + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có).

1.1.2. Luyện đọc hiểu

- HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 3 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có).
- HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.
- HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 4 trong SHS (GV khuyến khích HS nói theo ý kiến cá nhân, lựa chọn được điều em thích nhất trong bài tự giới thiệu của bạn Hà Thu, nêu được lí do em thích. Từ đó, GV kết nối, giúp HS có ý thức học tập bạn Hà Thu để phát triển các ý khi viết câu, đoạn tự giới thiệu), có thể kết hợp sử dụng ảnh chụp chân dung hoặc các hoạt động của HS.

1.1.3. Luyện đọc lại

- HS xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.
- HS nghe GV đọc lại đoạn tự giới thiệu của bạn Hà Thu.
- HS luyện đọc lại trong nhóm đoạn tự giới thiệu của bạn Hà Thu.
- Một vài HS đọc đoạn tự giới thiệu của bạn Hà Thu trước lớp.
- HS khá, giỏi đọc toàn bài.

TIẾT 2

1.2. Nói về một môn học em thích

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và kể tên các môn học ở lớp Ba.
- HS trao đổi trong nhóm đôi về một môn học em thích dựa vào gợi ý:
 - + Em thích môn học nào?
 - + Em thích những hoạt động nào trong giờ học môn đó?
 - + Sản phẩm của môn học là gì?
 - + Cảm xúc của em khi được học môn học đó như thế nào?
 - + ...
- 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Nói và nghe

- HS xác định và phân tích yêu cầu BT.
- HS đọc các gợi ý và trả lời một vài câu hỏi của GV để thực hiện yêu cầu BT:
 - + Em có thể làm gì để làm quen với các bạn trong nhóm, tổ học tập mới?
 - + Em muốn tự giới thiệu với các bạn những gì? Vì sao?
 - + Tên của nhóm, tổ em là gì?
 - + ...
- Một nhóm, tổ HS làm mẫu theo kỹ thuật *Bể cá*: các nhóm, tổ lắng nghe và nhận xét, rút kinh nghiệm.
- HS tổ chức họp nhóm, tổ theo yêu cầu BT.
- Một vài nhóm, tổ giới thiệu trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung thực hành.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Nói về sở thích và ước mơ

- HS đọc và phân tích yêu cầu BT 1.
- HS quan sát tranh, đọc các từ ngữ nói về *sở thích* và *ước mơ* của bạn Hồng Ân.
- HS nói về sở thích và ước mơ của bạn Hồng Ân trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ (GV khuyến khích HS phát triển ý tưởng dựa vào tranh và từ ngữ gợi ý, VD: sở thích → hoạt động, ước mơ → những việc làm để thực hiện ước mơ,...).
- GV nhận xét và rút ra một số điểm cần lưu ý khi giới thiệu bản thân: tên, tuổi, sở thích, ước mơ,...

3.2. Viết đoạn văn ngắn giới thiệu bản thân

- HS đọc và phân tích yêu cầu BT 2.
- HS giới thiệu bản thân trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ (GV khuyến khích HS phát triển ý tưởng, VD: tên → lí do đặt tên; tuổi; sở thích → hoạt động; ước mơ → những việc làm để thực hiện ước mơ,...).
- HS viết 4 – 5 câu giới thiệu bản thân theo nội dung vừa nói vào VBT (GV khuyến khích HS sáng tạo trong cách viết đoạn văn giới thiệu bản thân).
- HS dán ảnh hoặc trang trí đơn giản bài viết.
- 1 – 2 HS đọc bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động vận dụng: *Chơi trò chơi Phòng tranh vui vẻ*.
- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện:
 - + Dán bài viết vào bảng nhóm ở *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm* của lớp theo kĩ thuật *Phòng tranh*.
 - + HS tham quan phòng tranh, đọc các bài viết.
 - + HS vẽ khuôn mặt và ghi từ ngữ nhận xét phù hợp vào thẻ nhận xét và gắn vào bài viết em thích.
- Một số HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc về bài viết em thích trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét kết quả hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 3: EM VUI ĐẾN TRƯỜNG (tiết 8 – 11, SHS, tr.16 – 19)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Chia sẻ về những điều em quan sát được trên đường đến trường theo gợi ý; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Về đẹp của con đường tới trường và những niềm vui của bạn nhỏ mỗi ngày ở lớp.*

– Tìm đọc một văn bản thông tin về trường học, viết được *Phiếu đọc sách* và biết cách chia sẻ với bạn *Phiếu đọc sách* của em.

2. Nghe – viết đúng một đoạn trong bài thơ *Em vui đến trường*; phân biệt *ch/ tr*; *s/ x* hoặc *g/ r*.

3. Luyện tập về từ ngữ chỉ sự vật, đặc điểm, hoạt động.

4. Nhận diện và đặt được câu kể để giới thiệu, để kể hoặc tả; dấu chấm.

5. Chia sẻ được một vài nội dung đơn giản về hình ảnh, màu sắc,... trong một bức tranh mùa thu. Nói được 1 – 2 câu về hình ảnh em thích trong bức tranh.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– Tranh ảnh, video clip một vài con đường đến trường ở thành thị, nông thôn,... có âm thanh tiếng chim hót, tiếng suối chảy, tiếng cười nói, tiếng xe cộ đi lại,... (nếu có).

– Bảng phụ ghi bài thơ.

– HS mang theo sách có văn bản thông tin về trường học và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về những thông tin đã đọc.

– Thẻ từ để tổ chức cho HS chơi trò chơi khi thực hiện các BT chính tả, từ và câu.

– Tranh, ảnh phóng to để tổ chức hoạt động vận dụng (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ về những điều em quan sát được trên đường đến trường (cảnh đẹp, màu sắc, âm thanh, mùi hương,...) bằng các giác quan. GV cũng có thể cho HS xem tranh ảnh, video clip một vài con đường đến trường ở thành thị, nông thôn,... có âm thanh tiếng chim hót, tiếng suối chảy, tiếng cười nói, tiếng xe cộ đi lại,... và trao đổi về những điều em thấy trong tranh ảnh, video clip.

- HS quan sát tranh minh hoạ, đọc tên bài và phỏng đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Em vui đến trường*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng trong sáng, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ vẻ đẹp và cảm xúc của bạn nhỏ khi đi trên đường cũng như khi tới lớp; ngắt nhịp 1/ 4, 2/ 3 hoặc 3/ 2).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *véo von, phơi phới, giục giã, ...*

+ Cách ngắt nhịp một số dòng thơ:

Tiếng trống/ vừa giục giã/

Trang sách hồng/ mở ra/

Giọng thầy/ sao ấm quá!/

Nét chữ em/ hiền hoà.//

Em/ vui cùng bè bạn/

Học hành/ càng hăng say/

Ước mơ/ đầy năm tháng/

Em/ lớn lên từng ngày.//

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *véo von* (âm thanh cao và trong, lên xuống nhịp nhàng, nghe vui và êm tai); *hiền hoà* (hiền lành và ôn hoà);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 3 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *phơi phới* (gợi tả vẻ vui tươi, đầy sức sống của cảm xúc đang dâng lên mạnh mẽ);...

– HS rút ra nội dung bài thơ trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 4 trong SHS (GV có thể hướng dẫn HS làm mẫu khổ thơ đầu. Xác định các tiếng cuối mỗi dòng thơ và phân vân của mỗi tiếng → nhận xét các tiếng có vần giống nhau và vị trí. Đáp án: khổ 1: *nhỏ – đỏ, cành – xanh*; khổ 2: *mới – phới, phương – trường*; khổ 3: *giã – quá, ra – hoà*).

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

- HS xác định lại giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài thơ.
- HS nghe GV đọc toàn bài.
- HS luyện đọc hai khổ thơ em thích trong nhóm, trước lớp và học thuộc lòng bằng cách tự nhẩm thuộc, xoá dần hoặc thay chữ bằng hình,...
- Một số HS thi đọc thuộc lòng trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một bài đọc về trường học

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

- HS tìm đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài đọc về trường học theo hướng dẫn của GV:
 - + HS viết vào *Phiếu đọc sách* những thông tin chính sau khi đọc bài: *tên bài đọc, tên tác giả, nội dung, thông tin em chú ý,...*
 - + HS có thể trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung văn bản đọc.

1.2.2. Chia sẻ Phiếu đọc sách

- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về *Phiếu đọc sách* của em: *tên bài đọc, tên tác giả, nội dung, thông tin em chú ý,...* (HS có thể chia sẻ văn bản cho các bạn trong nhóm cùng đọc).
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào Góc sáng tạo/ Góc Tiếng Việt của lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Nghe – viết

- HS đọc lại đoạn thơ trong bài *Em vui đến trường*, trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung đoạn viết.
- HS quan sát, đánh vần (nếu cần) một số tiếng/ từ ngữ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *giục giã, mở, chữ,...*
- HS nghe GV đọc từng dòng thơ và viết vào VBT (GV hướng dẫn HS: lùi vào 3 – 4 ô đầu mỗi dòng thơ).

- HS trao đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét bài viết.

2.2. Phân biệt ch/ tr

- HS xác định yêu cầu BT 2 và đọc các tiếng ghi trên nhãn vở và quyển vở.
- HS tìm tiếng ở mỗi nhãn vở phù hợp với tiếng ở mỗi quyển vở theo cá nhân hoặc trong nhóm nhỏ.
- HS chơi trò chơi *Tiếp sức*: Gắn nhãn vở cho quyển vở phù hợp trên bảng (Đáp án: *truyền thống, chuyển bóng, lời chào, dâng trào*).
- HS nghe bạn và GV đánh giá kết quả.
- HS đọc lại các từ ngữ ghép được, giải nghĩa và đặt câu (nếu cần).
- HS thực hiện BT vào VBT.

2.3. Phân biệt s/ x hoặc g/ r

- HS xác định yêu cầu BT (3), chọn phần BT sẽ thực hiện và đọc mẫu.
- HS tìm từ trong nhóm nhỏ bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn*.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, các nhóm khác lắng nghe và bổ sung (Gợi ý: *s*: *sạch sẽ, sung sướng, sẵn sàng, san sát, suôn sẻ, se se, se sẽ,...*; *x*: *xôn xao, xào xạc, xa xa, xanh xanh, xám xịt,...*; *g*: *gấp gở, gay gắt, gan góc, gât gù, gánh gồng,...*; *r*: *rung rinh, rì rào, rập rờn, rộn rã, réo rắt, râm ran,...*).
- HS đọc lại các từ ngữ tìm được, giải nghĩa và đặt câu (nếu cần).
- HS thực hiện BT vào VBT.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Tìm từ ngữ chỉ sự vật, đặc điểm, hoạt động

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS chọn 2 – 3 đồ dùng học tập có trên bàn học hoặc trong cặp sách, thực hiện BT vào VBT. Gợi ý:

Từ gọi tên đồ dùng học tập	Từ chỉ hình dáng, màu sắc của đồ dùng học tập	Từ chỉ hoạt động sử dụng đồ dùng học tập
<i>bút mực, quyển vở, thước kẻ,...</i>	<i>thon thon, vuông vức, hình chữ nhật, vàng nhạt, xanh lá,...</i>	<i>viết, kẻ, vẽ,...</i>

- HS chia sẻ kết quả trong nhóm và trước lớp, mỗi em chia sẻ về một đồ dùng học tập.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.2. Nhận diện câu kể, dấu chấm

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS đọc đoạn văn, trao đổi trong nhóm để thực hiện lần lượt các yêu cầu a, b.

(Đáp án:

a. Câu dùng để giới thiệu: *câu 1*.

Câu dùng để kể, tả: *câu 2, 3*.

b. Cuối các câu kể tìm được có *dấu chấm*.)

- Một vài nhóm chia sẻ kết quả trước lớp, mỗi nhóm chia sẻ một yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả và chốt: *Câu kể là câu thường dùng để giới thiệu hoặc dùng để kể, tả. Cuối câu kể có dấu chấm.*

3.3. Đặt câu kể

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS chọn một đồ dùng học tập em thích, thực hiện yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- Một vài HS nói câu trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS viết vào VBT 1 – 2 câu kể để giới thiệu, để kể hoặc tả đồ dùng học tập.
- Một vài HS chia sẻ bài làm trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chơi trò chơi Bức tranh mùa thu.*
- HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý của GV để tìm ý tưởng nói:
 - + Bức tranh em chọn là bức tranh nào?
 - + Bức tranh vẽ những hình ảnh gì?
 - + Bạn nhỏ dùng màu gì để vẽ mỗi cảnh vật trong tranh?
 - + ...
- HS chia sẻ trong nhóm đôi và nói 1 – 2 câu về hình ảnh em thích trong một bức tranh đã chọn.
- HS nghe bạn và GV nhận xét về hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 4: NHỚ LẠI BUỔI ĐẦU ĐI HỌC (tiết 12 – 14, SHS, tr.20 – 23)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Nhớ lại và nói được về ngày đầu tiên đi học theo gợi ý; nêu được phỏng đoán về nội dung bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Bài văn ghi lại những hồi tưởng đẹp đẽ của tác giả về buổi đầu đi học.*

– Tìm được từ ngữ chỉ cảm xúc của tác giả và của bản thân trong ngày đầu tiên đi học. Nói được 1 – 2 câu thể hiện cảm xúc khi nhớ về ngày đầu đi học.

2. Đọc – kể được câu chuyện *Chiếc nhãn vở đặc biệt* theo tranh và từ ngữ gợi ý.

3. Viết được đoạn văn ngắn tả một đồ dùng học tập của em.

4. Biết đồ bạn về các đồ dùng học tập.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– Tranh ảnh, video clip một số cảnh mùa thu (lá vàng rơi) hoặc cảnh HS tựu trường, gặp thầy, gặp bạn,... (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ *Buổi mai hôm ấy...* đến *tôi đi học.*

– Tệp ghi âm và video clip minh họa nội dung truyện *Chiếc nhãn vở đặc biệt* (nếu có).

– Hình ảnh sơ đồ tư duy để thực hiện hoạt động nói/ viết về một đồ dùng học tập.

– Một số câu đố về đồ dùng học tập.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để nói về ngày đầu tiên em đi học (HS có thể nói về những việc chuẩn bị cho ngày đầu đi học, quang cảnh trên đường đi,... hoặc HS cũng có thể chia sẻ cảm xúc của các em trong ngày đầu đi học kết hợp với tranh, ảnh về cảnh HS tựu trường).

– HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh họa để phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài *Nhớ lại buổi đầu đi học.*

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng đọc toàn bài thông thả, chậm rãi, nhấn giọng những từ ngữ thể hiện vẻ đẹp của cảnh vật, hoạt động và trạng thái cảm xúc của bạn nhỏ và các bạn HS).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *nao nức, mon man, nẩy nở, quang đãng, lấm lấm, bờ ngõ, quãng trời rộng,...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Tôi quên thế nào được/ những cảm giác trong sáng ấy/ nẩy nở trong lòng tôi/ như mấy cánh hoa tươi/ mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.//; Buổi mai hôm ấy,/ một buổi mai đầy sương thu/ và đầy gió lạnh,/ mẹ tôi/ âu yếm nắm tay tôi/ dẫn đi/ trên con đường làng dài/ và hẹp.//; Cảnh vật chung quanh tôi/ đều thay đổi,/ vì chính lòng tôi/ đang có sự thay đổi lớn:/ hôm nay/ tôi đi học.//; Họ thêm vùng/ và ước ao thắm/ được như những học trò cũ,/ biết lớp,/ biết thầy/ để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ.//,...*

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *nhớ lại* (nhớ về những việc hoặc chuyện đã xảy ra, còn gọi là hồi tưởng); *tụ trường* (đến trường sau kì nghỉ hè); *âu yếm* (biểu lộ tình thương yêu, trau mến bằng dáng điệu, cử chỉ, giọng nói);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 3 trong SHS (Câu 2: *Tác giả thấy lạ khi đi trên con đường làng quen thuộc vì chính trong lòng tác giả đang có sự thay đổi, đang có nhiều cảm xúc đan xen trong buổi đầu đi học.*), kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *e sợ* (có phần sợ sệt nên ngần ngại, không mạnh dạn); *rụt rè* (tỏ ra e dè, không mạnh dạn); *thèm vùng* (mong muốn có được, hoặc làm được việc gì đó, nhưng giấu đi không thể hiện ra cho người khác biết); *ước ao thắm* (mong ước thiết tha có được, đạt được điều gì đó nhưng kín đáo, không biểu lộ ra ngoài);...

– HS đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 4 (GV có thể hướng dẫn thêm bằng câu hỏi “Vì sao chọn đáp án 3” bằng phương pháp *Loại trừ* hoặc bằng cách dựa vào tên bài chú ý cụm “nhớ lại”/ giảng giải cho HS hiểu từ “kỉ niệm”).

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc của toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

- HS luyện đọc đoạn từ *Buổi mai hôm ấy...* đến *tôi đi học* trong nhóm nhỏ.
- Một vài HS đọc đoạn từ *Buổi mai hôm ấy...* đến *tôi đi học* trước lớp.
- HS đọc toàn bài.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.2. Tìm từ ngữ chỉ cảm xúc trong ngày đầu tiên đi học

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS tìm từ ngữ chỉ cảm xúc trong ngày đầu tiên đi học theo nhóm nhỏ (Đáp án: *bỡ ngỡ; hồi hộp, lo lắng, vui mừng, nôn nao, náo nức, háo hức,...* **Lưu ý:** từ *náo nức* chỉ cảm xúc của trạng thái nhớ lại mà không chỉ cảm xúc của buổi đầu đi học; các từ: *rụt rè, ngập ngừng, e sợ* không phải là từ chỉ cảm xúc mà là từ chỉ trạng thái).
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.3. Nói câu thể hiện cảm xúc trong ngày đầu đi học

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS đọc lại các từ ngữ đã tìm ở BT 2, nói trong cặp hoặc nhóm 1 – 2 câu thể hiện cảm xúc của em khi nhớ về ngày đầu đi học.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung nói.

2. Nói và nghe

2.1. Kể từng đoạn câu chuyện Chiếc nhãn vở đặc biệt

- HS quan sát từng tranh và từ ngữ gợi ý dưới tranh, kể lại từng đoạn câu chuyện trong nhóm nhỏ hoặc trước lớp dựa vào câu hỏi gợi ý của GV:

+ Đoạn 1:

- Tranh vẽ những ai?
- Mỗi người đang làm gì?
- Thái độ của mỗi người ra sao?

+ Đoạn 2:

- Bạn nhỏ đã làm gì để chuẩn bị cho năm học mới?
- Bạn cảm thấy thế nào khi mở một quyển sách mới?

+ Đoạn 3:

- Bạn nhỏ đề nghị được làm gì?
- Bạn làm việc ấy thế nào?

+ Đoạn 4:

- Bạn nhỏ mong điều gì? Vì sao?

2.2. Kể toàn bộ câu chuyện

- HS kể lại toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ, phân biệt giọng các nhân vật khi kể).
- 1 – 2 HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Nói về đồ dùng học tập em thích

- HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc sơ đồ tư duy gợi ý.
- HS nói miệng về một đồ dùng học tập em thích theo gợi ý trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét về nội dung nói để điều chỉnh và phát triển ý tưởng.

Lưu ý: Đây là dạng bài HS đã học ở lớp Hai, vì vậy GV cần lưu ý hỗ trợ HS phát triển ý tưởng khi nói, chú ý nói về đặc điểm nổi bật và cảm xúc với đồ dùng học tập em thích.

3.2. Viết đoạn văn ngắn tả một đồ dùng học tập của em

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS viết đoạn văn vào VBT.
- Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét về nội dung và hình thức trình bày đoạn văn.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chơi trò chơi Đố bạn.*
- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện:
 - + HS chơi đố bạn về đồ dùng học tập trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.
 - + HS có thể sử dụng câu đố sưu tầm được hoặc tự suy nghĩ câu đố dựa vào những đặc điểm nổi bật hay ích lợi của đồ dùng học tập.
 - + Mỗi HS chuẩn bị 1 – 2 câu đố và suy nghĩ lời giải để trả lời các câu đố của bạn.
 - + ...
- HS chơi trong cặp hoặc nhóm nhỏ.
- HS nghe bạn và GV nhận xét về hoạt động và tổng kết bài học.

Chủ điểm 2. MÁI TRƯỜNG MẾN YÊU (Tuần 3 – 4)

Chủ điểm *Mái trường mến yêu* hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*: bồi dưỡng tình cảm yêu mến thầy cô, bè bạn; tích cực tham gia hoạt động học tập, vui chơi ở trường; tham gia các hoạt động diễn ra vào mùa thu,... Từ đó, các em thêm gắn bó với trường học; có cảm xúc tích cực khi tham gia các hoạt động học tập, rèn luyện ở trường.

BÀI 1: CẬU HỌC SINH MỚI (tiết 1 – 4, SHS, tr.24 – 27)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; bước đầu đọc lời các nhân vật và lời người dẫn chuyện với giọng phù hợp; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Gia đình và thầy giáo đều hài lòng vì Lu-i Pa-xơ vừa chăm chỉ học tập, vừa biết dành thời gian cùng các bạn tham gia những trò chơi thú vị.*

– Tìm đọc một bài thơ về trường học, viết được *Phiếu đọc sách* và biết cách chia sẻ với bạn *Phiếu đọc sách* của em.

2. Viết đúng kiểu chữ hoa: N, M, tên địa danh và câu ứng dụng.

3. MRVT về *Trường học*, đặt câu và mở rộng câu với từ ngữ tìm được.

4. Đọc được hai bài đồng dao và cùng bạn chơi một trò chơi dân gian.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh phóng to hình bài đọc *Cậu học sinh mới* (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Thầy hỏi...* đến *nhận cậu vào trường*.
- HS mang theo sách có bài thơ về trường học và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về bài thơ đã đọc.
- Mẫu chữ viết hoa N, M cỡ nhỏ.
- Tranh ảnh, video clip HS tham gia một số hoạt động ở trường để tổ chức luyện từ và câu (nếu có).
- Tranh ảnh, video clip HS tham gia hoặc hướng dẫn một số trò chơi dân gian (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm, từ đó nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Mái trường mến yêu*.

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh, nói với bạn về những điều em thấy trong tranh: nhân vật, địa điểm,...

– HS đọc tên bài, phỏng đoán về nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc *Câu học sinh mới* (*Bài đọc viết về thời thơ ấu của Lu-i Pa-xơ (1822 – 1895) một nhà bác học người Pháp. Ông được biết đến qua những nghiên cứu quan trọng về các nguyên nhân và biện pháp chữa bệnh. Ông là người tạo ra loại vắc-xin đầu tiên chữa bệnh dại và bệnh than. Những khám phá của ông đã cứu sống vô số người. Lu-i Pa-xơ cũng nổi tiếng trong việc phát minh ra kỹ thuật bảo quản sữa và rượu để ngăn chặn vi khuẩn có hại xâm nhập, quá trình này gọi là thanh trùng*).

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (*Gợi ý: giọng người dẫn chuyện thông thả, giọng thầy giáo trầm ấm, thể hiện thái độ thân thiện, giọng Lu-i Pa-xơ vui tươi, thể hiện sự lễ phép; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ địa điểm vui chơi của Lu-i Pa-xơ và các bạn, chỉ thái độ của thầy giáo và gia đình về việc học của Lu-i Pa-xơ*).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *Giô-dép, Ác-boa, Quy-dăng-xơ, Lu-i Pa-xơ, Rơ-nê, Véc-xen, ...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Gia đình ông Giô-dép/ chuyển về Ác-boa/ để Lu-i có thể tiếp tục đi học.//; Cái bãi gần đường vào thị trấn/ là nơi đã diễn ra những pha bóng chớp nhoáng,/ đầy hứng thú và say mê.//; ...*

+ Giải thích thêm nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu cần), VD: *chặng* (đoạn đường);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS (Câu 4: *Lu-i Pa-xơ đáng khen vì cậu vừa chăm chỉ học tập vừa biết*

dành thời gian cùng các bạn tham gia những trò chơi thú vị.), kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *pha* (cảnh diễn ra trong chốc lát, cảnh này nối tiếp cảnh kia trong toàn bộ một sự kiện, trong bài có thể hiểu là một cú sút bóng);...

- HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.
- HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 5 trong SHS (HS có thể kể về cả hoạt động học tập lẫn hoạt động vui chơi, luyện tập thể thao,... Khuyến khích HS phân phối thời gian hợp lý cho các hoạt động), có thể kết hợp sử dụng tranh ảnh về các hoạt động ở trường.

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại

- HS xác định được giọng đọc của người dẫn chuyện, của từng nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.
- HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Thầy hỏi...* đến *nhận câu vào trường*.
- HS luyện đọc phân vai trong nhóm đoạn từ *Thầy hỏi...* đến *nhận câu vào trường*.
- HS nghe 1 – 2 nhóm đọc phân vai trước lớp.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một bài thơ về trường học

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

- HS tìm đọc ở nhà, có thể tìm đọc trên mạng internet (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài thơ về trường học theo hướng dẫn của GV:
 - + Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc bài thơ: *tên bài thơ, tên tác giả, cách tìm bài thơ, khổ thơ em thích* (từ dùng hay hoặc vần thơ hay),...
 - + Trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài thơ em đọc.

1.2.2. Chia sẻ Phiếu đọc sách

- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về *Phiếu đọc sách* của em: *tên bài thơ, tên tác giả, cách tìm bài thơ, khổ thơ em thích* (từ dùng hay hoặc vần thơ hay),... HS có thể đọc một đoạn thơ hoặc chia sẻ bài thơ cho các bạn trong nhóm.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm* của lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Ôn luyện viết chữ N, M hoa

- HS quan sát mẫu chữ N hoa, nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ N hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu (hoặc quan sát qua phần mềm viết chữ N hoa) và nhắc lại quy trình viết chữ N hoa.
- HS viết chữ N hoa cỡ nhỏ vào bảng con (nếu HS viết tốt, GV có thể bỏ qua bước này).
- HS quan sát mẫu chữ M hoa, nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của chữ M hoa trong mối quan hệ so sánh với chữ N hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu (hoặc quan sát qua phần mềm viết chữ M hoa) và nhắc lại quy trình viết chữ M hoa (nếu HS viết tốt có thể chọn một HS thay GV viết chữ M hoa trên bảng cho cả lớp quan sát).
- HS viết chữ N, M hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết từ ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ ứng dụng *Mũi Né* (Tên một mũi biển ở thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Đây là một trung tâm du lịch nổi tiếng của tỉnh Bình Thuận và là một trong số các khu du lịch quốc gia của Việt Nam, nổi tiếng với những đồi cát rộng mênh mông, bãi biển tuyệt đẹp, có thể kết hợp với tranh ảnh hoặc bản đồ).
- HS nhắc lại cách nối từ chữ M hoa sang chữ u và chữ N hoa sang chữ e (nếu cần).
- HS quan sát cách GV viết chữ *Mũi Né* (nếu cần).
- HS viết chữ *Mũi Né* vào VTV.

2.3. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng:

Ai về Quảng Ngãi quê ta,

Mía ngon, đường ngọt trắng ngà dễ ăn.

Ca dao

(*Quảng Ngãi là tên một tỉnh ở Nam Trung Bộ nước ta. Trước đây, Quảng Ngãi được biết đến là xứ sở của nghề trồng mía, nấu đường. Đến mùa thu hoạch mía, không khí rộn ràng khắp làng. Những lò nấu đường thủ công đỏ lửa từ sáng đến tối, mùi đường non thơm phức cả xóm. Nghề trồng mía, nấu đường, không khí rộn ràng và mùi thơm của đường non chính là niềm tự hào của người dân Quảng Ngãi.*)

- HS viết câu ứng dụng vào VTV.

2.4. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ *Nguyễn An Ninh* (1900 – 1943, là nhà văn, nhà báo, nhà nghiên cứu tôn giáo và là nhà cách mạng ở đầu thế kỉ XX) và câu ứng dụng: *Mỗi ngày, em cùng bạn chơi nhiều trò thú vị.*

– HS viết nội dung luyện viết thêm vào VTV.

2.5. Đánh giá bài viết

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động ở trường

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS quan sát tranh minh hoạ, đọc mẫu và tìm cá nhân.

– HS chia sẻ, thống nhất kết quả trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.

– HS chữa bài bằng hình thức chơi trò chơi *Tiếp sức* (Đáp án: *giờ ra chơi, giờ học, giờ đọc sách, giờ sinh hoạt dưới cờ/ giờ chào cờ, giờ tập thể dục, giờ ra về*).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Tìm từ ngữ chỉ cảm xúc khi tham gia các hoạt động ở trường

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS quan sát tranh gợi ý ở BT 1, tìm từ ngữ chỉ cảm xúc của HS trong nhóm nhỏ bằng kĩ thuật *Khăn trải bàn*.

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (Gợi ý: *hào hứng, vui vẻ, say sưa,...*).

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

3.3. Đặt câu nói về cảm xúc khi tham gia các hoạt động ở trường

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS đọc lại các từ ngữ tìm được ở BT 2 và câu mẫu.

– HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.

– HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

3.4. Mở rộng câu bằng từ ngữ trả lời câu hỏi *Khi nào? hoặc Ở đâu?*

– HS xác định yêu cầu của BT 4 và đọc mẫu.

- HS nói câu có từ ngữ trả lời câu hỏi *Khi nào?* hoặc *Ở đâu?* trong nhóm đôi.
- HS thực hiện vào VBT.
- Một vài HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chơi trò chơi Tuổi thơ vui vẻ.*
- HS xác định yêu cầu thứ nhất: đọc nối tiếp trong nhóm đôi/ nhóm nhỏ hai bài đồng dao.
- HS nói về cách chơi các trò chơi có trong hai bài đồng dao.
- Một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS xác định yêu cầu thứ hai: chơi một trò chơi trong nhóm nhỏ (GV có thể tổ chức kết hợp đọc bài đồng dao hoặc hát nói khi chơi).
- HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc về trò chơi.
- HS nghe GV nhận xét về hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 2: BẢN TIN NGÀY HỘI NGHỆ SĨ NHÍ (tiết 5 – 7, SHS, tr.28 – 31)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Kể được tên một số câu lạc bộ dành cho thiếu nhi ở trường hoặc địa phương em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và hình ảnh minh họa.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; bước đầu thể hiện đúng giọng đọc văn bản thông tin; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Ban tổ chức Ngày hội Nghệ sĩ nhí của Trường Tiểu học Mùa Xuân đã viết bản tin về lễ ra mắt các câu lạc bộ của trường với nội dung hấp dẫn, hình thức sinh động.*

- Chia sẻ được với bạn về một bản tin em đã đọc, nghe hoặc xem.

2. Bước đầu biết cách tổ chức và tham gia cuộc họp nhóm để bàn về việc thực hiện một nhiệm vụ do lớp phân công.

3. Nhận diện và viết được thông báo ngắn.

4. Xoay *Cây văn nghệ* để chọn và nói được câu về hoạt động của câu lạc bộ đã chọn hoặc câu lạc bộ em thích.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip một số hoạt động của câu lạc bộ dành cho thiếu nhi ở trường hoặc ở địa phương (nếu có).
- Một số bài viết hoặc bản tin ngắn trên các phương tiện thông tin (báo giấy, tạp chí, ti vi, đài phát thanh,...).
- Một số hình ảnh HS tham gia các nhiệm vụ học tập, hoạt động, công trình măng non của lớp (nếu có).
- Hình ảnh thông báo phóng to (nếu có).
- Mô hình hoặc power point trình chiếu *Cây văn nghệ* để tổ chức hoạt động.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, kể với bạn tên một số câu lạc bộ dành cho thiếu nhi ở trường hoặc địa phương em. HS có thể nói thêm về lịch hoạt động, ích lợi,... của câu lạc bộ.
- HS đọc tên bài, phỏng đoán nội dung bản tin.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Bản tin Ngày hội Nghệ sĩ nhí*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (*Gợi ý*: giọng đọc toàn bài rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng: tên các câu lạc bộ, số lượng HS tham gia, tên tiết mục,..., GV đọc phần giới thiệu về hoạt động của các câu lạc bộ theo thứ tự đã đánh dấu và đọc từ trên xuống, đọc tên câu lạc bộ → hoạt động).
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:
 - + Cách đọc một số từ ngữ khó: *diễn viên, họa sĩ, ...*
 - + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Ngày hội/ đã thu hút hơn 300 học sinh/ và phụ huynh tham gia/ với nhiều hoạt động nghệ thuật sáng tạo://; Ngày hội/ kết thúc trong cảm xúc đẹp/ của phụ huynh và học sinh toàn trường.//; ...*
 - + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *hoạt cảnh* (cảnh diễn bằng người đứng yên trên sân khấu để tượng trưng một sự việc);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

- HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu cần).
- HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.
- HS thảo luận theo nhóm nhỏ bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn* để trả lời câu hỏi 5 trong SHS (HS có thể vẽ gương mặt biểu cảm và nêu từ ngữ phù hợp với thông tin và cách trình bày bản tin. GV khuyến khích HS giải thích lí do chọn các từ ngữ để nhận xét bản tin).

1.1.3. Luyện đọc lại

- HS xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.
- HS luyện đọc lại đoạn thông tin về hoạt động của 3 – 4 câu lạc bộ em thích trong nhóm nhỏ.
- Một vài HS đọc đoạn thông tin về hoạt động của 3 – 4 câu lạc bộ em thích trước lớp.
- HS khá, giỏi đọc toàn bài.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.2. Chia sẻ với bạn về một bản tin em đã đọc, nghe hoặc xem

- HS xác định yêu cầu của BT.
- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ một bản tin em đã được đọc, nghe hoặc xem (có thể mang bản tin hoặc nội dung ghi chép sau khi xem hoặc nghe bản tin tới lớp). HS có thể chia sẻ về nội dung, hình thức, điều em thấy thú vị sau khi đọc bản tin,...
- HS chia sẻ bản tin bằng kỹ thuật *Phòng tranh*.
- Một vài HS có thể chia sẻ cảm xúc hoặc những điều thú vị, ấn tượng về một bản tin của bạn trong nhóm hoặc trước lớp,
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Nói và nghe

- HS xác định và phân tích yêu cầu BT dựa vào một vài câu hỏi gợi ý của GV:
 - + Nhóm em tổ chức họp để làm gì?
 - + Những ai tham gia cuộc họp?
 - + ...
- HS đọc các gợi ý và trả lời một vài câu hỏi của GV để thực hiện yêu cầu BT:
 - + Nhóm em được phân công thực hiện nhiệm vụ nào của lớp?

- + Trong cuộc họp, mỗi thành viên của nhóm được phân công nhiệm vụ gì?
- + Nhóm em cần thảo luận những nội dung gì trong cuộc họp?
- + ...
- Một nhóm HS làm mẫu theo kỹ thuật *Bể cá* để các nhóm nhận xét, rút kinh nghiệm.
- HS tổ chức họp nhóm, có thể ghi chép lại bằng sơ đồ tư duy đơn giản.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung thực hành.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Nhận diện thể loại viết thông báo

- HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc nội dung thông báo.
- HS thảo luận để trả lời các câu hỏi gợi ý trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.
- Một vài nhóm HS chia sẻ kết quả thảo luận trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét về nội dung thảo luận.
- HS nghe GV lưu ý một số nội dung khi viết thông báo ngắn:
 - + Nội dung
 - + Hình thức
 - + ...

Lưu ý: Với HS lớp Ba, viết thông báo chỉ dừng lại ở mức độ yêu cầu HS nhận diện và thực hành những nội dung chính yếu của thông báo, chưa yêu cầu ở mức độ chuẩn theo thể thức quy định của một văn bản hành chính.

3.2. Thực hành viết thông báo

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS trả lời một vài câu hỏi của GV để thực hiện yêu cầu BT:
 - + Thông báo cần viết là của ai viết cho ai?
 - + Người viết viết thông báo để làm gì?
 - + Người viết cần thông báo những nội dung gì?
 - + ...
- HS thảo luận theo nhóm nhỏ để viết thông báo.
- Các nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét về nội dung và hình thức trình bày thông báo ngắn.

3.3. Trao đổi với bạn cách gửi thông báo

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để nói về cách gửi thông báo (Gợi ý: *phát tờ rơi, dán thông báo, đăng website trường, gửi thư điện tử,...*).
- Một vài nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động vận dụng.
- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện trong nhóm:
 - + HS xoay *Cây văn nghệ* để chọn tên một câu lạc bộ. HS có thể chọn một câu lạc bộ trường em tổ chức hoặc câu lạc bộ em thích.
 - + Nói 1 – 2 câu về hoạt động của câu lạc bộ đã chọn.
 - + Nếu là ban tổ chức thì em muốn tổ chức hoạt động gì cho câu lạc bộ?
 - + ...
- HS chơi trong nhóm nhỏ.
- HS nghe bạn và GV nhận xét về nội dung vận dụng và tổng kết bài học.

BÀI 3: MÙA THU CỦA EM (tiết 8 – 11, SHS, tr.32 – 35)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc

- Giải các câu đố và kể được tên một vài hoạt động thường diễn ra vào dịp tết Trung thu; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Vẻ đẹp của thiên nhiên, cảnh vật trong mùa thu, niềm vui cùng bạn rước đèn, niềm vui chuẩn bị đón ngày khai trường.*
- Tìm đọc một bài văn về trường học, viết được *Phiếu đọc sách* và biết cách chia sẻ với bạn *Phiếu đọc sách* của em.

2. Nghe – viết đúng một đoạn trong bài *Câu học sinh mới*; biết cách viết hoa tên địa danh Việt Nam; phân biệt *ch/ tr* hoặc *ươc/ ươt*.

3. Luyện tập về từ ngữ chỉ sự vật, đặc điểm.

4. Đặt câu và xác định các bộ phận của câu nêu đặc điểm.

5. Đặt tên cho bức tranh và nói được về bức tranh ngôi trường em mơ ước.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip về một vài sự vật, hoạt động thường thấy vào dịp tết Trung thu.
- Bảng phụ hoặc máy chiếu có ghi ba khổ thơ cuối.
- HS mang theo sách, báo có bài văn về trường học và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về bài văn đã đọc.
- Thẻ từ để tổ chức cho HS chơi trò chơi khi thực hiện các BT chính tả, BT từ và câu.
- Tranh ảnh phóng to về các bức vẽ ngôi trường để tổ chức hoạt động vận dụng.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, tìm lời giải cho các câu đố, kể tên một vài hoạt động thường diễn ra vào dịp tết Trung thu (Gợi ý: *rước đèn, phá cỗ, múa lân, ngắm trăng, ca hát văn nghệ,...*); GV có thể cho HS xem một số tranh ảnh, video về tết Trung thu (nếu có).

- Đại diện một vài nhóm trình bày kết quả trước lớp.
- HS lắng nghe, nhận xét và bổ sung kết quả.
- HS quan sát tranh minh họa, đọc tên bài và phỏng đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Mùa thu của em*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng đọc toàn bài trong sáng, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ vẻ đẹp, hoạt động và cảm xúc của bạn nhỏ khi tham gia rước đèn cùng bè bạn và khi chuẩn bị đón ngày khai giảng; ngắt nhịp 2/ 2 hoặc 1/ 3).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

- + Cách đọc một số từ ngữ khó: *màu lá sen, rước đèn, hội rằm, ...*
- + Cách ngắt nhịp một số dòng thơ:

Mùa thu của em/

Là/ xanh cỏm mới/

*Mùi hương/ như gợi/
Từ/ màu lá sen.//*

*Mùa thu của em/
Rước đèn/ hộp bạn/
Hội rằm tháng Tám/
Chị Hằng/ xuống xem.//*

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *rằm tháng Tám* (tết Trung thu);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 3 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ, hình ảnh khó, VD: *hoa cúc như nghìn con mắt* (hoa cúc đại đoá, nhiều cánh, cánh cong, trông như nhiều con mắt); *xanh cốm mới, mùi hương gợi màu lá sen* (màu xanh của cốm mới làm xong – GV có thể cho HS xem vật thật/ tranh ảnh cốm mới – cốm làng Vòng, Hà Nội thường gói trong lá sen); *êm* (thời tiết không có hiện tượng biến động, không có mưa gió, cũng không nắng to); *chị Hằng* (một nhân vật trong một truyện cổ Trung Quốc giải thích về tục lệ đón trăng vào dịp Trung thu); *Lật trang vở mới* (gợi hình ảnh năm học mới, các công việc chuẩn bị cho năm học mới).

– HS rút ra nội dung bài thơ trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu (*Vẻ đẹp của thiên nhiên, cảnh vật trong mùa thu, niềm vui cùng bạn rước đèn, niềm vui chuẩn bị đón ngày khai trường*).

– HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 4 trong SHS (GV khuyến khích HS đa dạng hoá nội dung nói: niềm vui trong hoạt động, trong các mối quan hệ với người thân, thầy cô, bè bạn,...), có thể kết hợp sử dụng thẻ các khuôn mặt cảm xúc.

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS xác định lại giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài thơ.

– HS nghe GV đọc toàn bài.

– HS luyện đọc hai khổ thơ em thích trong nhóm, trước lớp và học thuộc lòng bằng cách tự nhẩm thuộc, xoá dần hoặc thay chữ bằng hình,...

– Một số HS thi đọc thuộc lòng trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một bài văn về trường học

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

– HS tìm đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài văn về trường học (có thể là bài miêu tả cảnh vật, con người,...) theo hướng dẫn của GV:

+ Viết vào *Phiếu đọc sách* những nội dung em thích khi đọc bài: *tên bài văn, tên tác giả* (có thể thêm tên sách), *đoạn văn em thích* (hình ảnh đẹp hoặc câu văn hay),...

+ Trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề hoặc nội dung bài đọc.

1.2.2. Chia sẻ Phiếu đọc sách

– HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về *Phiếu đọc sách* của em. HS có thể đọc một vài câu văn hay cho bạn nghe hoặc chia sẻ bài đọc cho các bạn trong nhóm.

– Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc trưng bày *Phiếu đọc sách* vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm* của lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Nghe – viết

– HS đọc lại đoạn văn *Cậu học sinh mới*, trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung đoạn văn.

– HS quan sát, đánh vần (nếu cần) một số tiếng/ từ ngữ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ. VD: *chặng, trụi, quyết liệt, chớp nhoáng*,...

– HS nghe GV đọc từng cụm từ/ về câu và viết vào VBT.

– HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.

– HS nghe bạn và GV nhận xét bài viết.

2.2. Viết hoa địa danh Việt Nam

– HS xác định yêu cầu BT 2, đọc các tên địa danh Việt Nam trong thẻ từ.

– HS nhắc lại cách viết hoa tên địa danh Việt Nam (viết hoa các chữ cái đầu tiên tạo thành mỗi tiếng).

– HS nhận xét cách viết tên riêng trong các thẻ từ (tiếng viết đúng, tiếng viết chưa đúng và cho biết cách chữa).

– HS thực hành viết các tên riêng vào VBT (Đáp án: *Cao bằng* → *Cao Bằng*, *thái Bình* → *Thái Bình*, *Thừa thiên huế* → *Thừa Thiên Huế*, *Lâm đồng* → *Lâm Đồng*, *sóc trắng* → *Sóc Trăng*, *Bà rịa – Vũng tàu* → *Bà Rịa – Vũng Tàu*).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Phân biệt ch/ tr hoặc ước/ uot

- HS xác định yêu cầu BT (3), chọn BT phù hợp để thực hiện.
- HS thực hiện vào VBT và chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ.
- 1 – 2 HS chữa bài, đọc lại đoạn thơ sau khi điền (Đáp án: a. *chiếc, tròn, chung, trời;* b. *trước, mướt, Mướt, Bước*).
- 1 – 2 HS nêu cách hiểu của em về nội dung đoạn thơ.
- HS nghe bạn và GV đánh giá bài làm.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Tìm từ ngữ chỉ sự vật và đặc điểm tương ứng

- HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc các đoạn thơ và mẫu.
- HS thực hiện cá nhân, tìm từ ngữ chỉ sự vật và đặc điểm tương ứng.
- HS chia sẻ và thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ. Đáp án:

Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ đặc điểm
<i>trang sách</i>	<i>hồng</i>
<i>giọng thầy</i>	<i>ấm</i>
<i>nét chữ</i>	<i>hiền hoà</i>
<i>giấy</i>	<i>trắng</i>
<i>dòng kẻ</i>	<i>ngay ngắn</i>

- Một vài nhóm chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.2. Đặt câu nêu đặc điểm của các sự vật theo mẫu Ai thế nào?

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và quan sát mẫu.
- HS đọc lại các từ ngữ vừa tìm được ở BT 1.
- HS đặt câu trong nhóm đôi và thực hiện vào VBT.
- HS tự đánh giá bài của mình và của bạn.

3.3. Xác định các bộ phận của câu

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và quan sát mẫu.
- HS thực hiện vào VBT.

- Một vài HS chia sẻ bài làm trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chơi trò chơi Ngôi trường hạnh phúc.*
- HS quan sát tranh và đặt tên cho bức tranh dựa vào một vài đặc điểm nổi bật (hình ảnh, màu sắc, đường nét,...).
- HS chia sẻ trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ về ngôi trường em mơ ước (HS có thể trình bày ý tưởng dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản).
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét và tổng kết bài học.

BÀI 4: HOA CỎ SÂN TRƯỜNG (tiết 12 – 14, SHS, tr.36 – 39)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Nói về những hình ảnh và âm thanh quen thuộc ở trường; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa. Hiểu được nội dung bài đọc: *Vẻ đẹp và những điều thú vị từ thế giới cây cỏ, hoa lá trong sân trường.*
- Tìm được từ ngữ chỉ hình dáng, màu sắc, hương thơm của 1 – 2 loài cây. Nói được câu thể hiện cảm xúc của em khi thấy một loài cây.
- 2. Đọc – kể được câu chuyện *Cậu học sinh mới* theo tranh.
- 3. Biết cách điền và điền được thông tin vào tờ khai in sẵn.
- 4. Nói được với bạn về vườn trường em mơ ước.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip một số khu vườn, sân trường có trồng nhiều cây, hoa hoặc cảnh HS chăm sóc vườn hoa (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Hoa và cỏ...* đến hết.
- Tranh ảnh, video clip các loài cây cỏ, hoa lá mang nhiều hình dáng, màu sắc, hương thơm khác nhau.
- Tập ghi âm và video clip minh họa nội dung truyện *Cậu học sinh mới* (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói về những hình ảnh và âm thanh quen thuộc ở trường theo gợi ý như bụi cỏ, giỏ hoa leo, giàn hoa, vườn rau, cây cối,... hay tiếng trống trường, tiếng chim hót,... HS có thể chia sẻ cảm xúc của các em khi nghe âm thanh hay nhìn những hình ảnh thân quen,...

– HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phỏng đoán nội dung bài đọc: tên, vẻ đẹp và những điều thú vị của các loài hoa cỏ,...

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài mới *Hoa cỏ sân trường*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (*Gợi ý*: giọng đọc toàn bài thông thả, chậm rãi, nhấn giọng những từ ngữ tả đặc điểm của sân trường, của hoa, cỏ hay hoạt động của người, hoa lá, cỏ cây,...).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *trình nghịch, li ti*,...

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Trên đó/ bước chân của thầy cô/ xen giữa những bước chân trình nghịch/ của các bạn nhỏ.//; Hàng xóm của hoa/ là những bụi cỏ/ đã kết từng hạt/ nhỏ như hạt bụi.//; Nhìn sâu dưới chân cỏ/ thấy được cả những mầm non nhỏ/ như những chú kiến/ đang ngo ngác trước những bước chân học trò/ tung tăng đùa giỡn.//; ...*

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *hạt giống* (hạt dùng để gieo trồng thành cây con);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 3 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *ngo ngác* (ngạc nhiên trước sự việc diễn biến quá bất ngờ);...

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS trả lời câu hỏi 4 trong SHS bằng cách mỗi HS vẽ một khuôn mặt cảm xúc, cùng chia sẻ trước lớp những điều em thích ở sân trường của bạn nhỏ và giải thích lí do.

1.1.3. Luyện đọc lại

- HS xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.
- HS luyện đọc đoạn từ *Hoa và cỏ...* đến hết trong nhóm nhỏ.
- Một vài HS đọc đoạn từ *Hoa và cỏ...* đến hết trước lớp.
- HS khá, giỏi đọc toàn bài.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.2. Tìm từ ngữ chỉ hình dáng, màu sắc, hương thơm của 1 – 2 loài cây

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS tìm từ ngữ chỉ hình dáng, màu sắc, hương thơm,... của 1 – 2 loài cây em biết hoặc em thích theo nhóm nhỏ (HS có thể mang hoa hoặc tranh ảnh các loài cây, loài hoa tới lớp để chia sẻ).
- Một vài nhóm HS trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.3. Nói câu nêu cảm xúc của em về một loài cây

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS đọc lại các từ ngữ đã tìm được ở BT 2.
- HS nói trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ 2 – 3 câu nêu cảm xúc của em khi thấy một loài cây hoặc một loài hoa đẹp (HS có thể kết hợp với tranh ảnh các loài cây, loài hoa hoặc vật thật).
- Một vài HS trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung nói.

2. Nói và nghe

2.1. Sắp xếp tranh phù hợp với trình tự các sự việc trong truyện Cậu học sinh mới

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS hoạt động theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, sắp xếp tranh phù hợp với trình tự các sự việc trong truyện (Đáp án: 3 – 4 – 2 – 1).

2.2. Kể từng đoạn câu chuyện theo tranh

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS quan sát tranh, nhớ lại nội dung bài đọc và kể lại nối tiếp từng đoạn câu chuyện

trong nhóm 4 (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật,...).

– HS thể hiện sự sáng tạo bằng cách thêm vào từng đoạn của câu chuyện một vài chi tiết dựa vào gợi ý của GV:

- + Tả cảnh thiên nhiên Ấc-boa (đoạn 1);
- + Tả ngoại hình hoặc lời nói của nhân vật (đoạn 2);
- + Lời nói, hành động của nhân vật (đoạn 3);
- + Suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật (đoạn 4).

– 1 – 2 nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện trước lớp.

2.3. Kể toàn bộ câu chuyện theo tranh

– HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.

– 1 – 2 HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

– HS nói về nhân vật em thích và giải thích lí do hoặc trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện (nếu còn thời gian).

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Nói với bạn về câu lạc bộ em muốn tham gia

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS quan sát gợi ý hoặc tìm tên một số câu lạc bộ của trường hoặc địa phương em tổ chức (nếu có).

– HS chọn một câu lạc bộ em muốn tham gia và trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ dựa vào một số câu hỏi gợi ý:

- + Em muốn tham gia câu lạc bộ nào? Vì sao?
- + Câu lạc bộ do ai phụ trách?
- + Em cần làm gì nếu được tham gia câu lạc bộ?
- + ...

– Một vài nhóm HS trao đổi trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét về nội dung trao đổi.

3.2. Điền thông tin vào Đơn xin tham gia sinh hoạt câu lạc bộ (theo mẫu in sẵn)

– HS xác định yêu cầu của BT 2, đọc nội dung trên tờ đơn in sẵn.

- HS xác định những thông tin cần điền.
- HS điền thông tin vào đơn in sẵn trên cơ sở kết quả BT 1 vào VBT.
- Một vài HS đọc bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS trưng bày đơn theo kĩ thuật *Phòng tranh* để chia sẻ bài làm trong lớp.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Nói với bạn về vườn trường em mơ ước.*
- HS trao đổi với bạn theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ dựa vào một số gợi ý:
 - + Em mơ ước vườn trường mình thế nào? (độ lớn, màu sắc, hương thơm, cách sắp xếp,... của các loại cây, hoa)
 - + Em sẽ làm gì để vườn trường luôn tươi đẹp?
 - + ...
- Một vài nhóm HS trao đổi trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét về nội dung đã trao đổi và tổng kết bài học.

Chủ điểm 3. NHỮNG BÚP MĂNG NON

(Tuần 5 – 6)

Chủ điểm *Những búp măng non* hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*: giúp các em nhận thức được vị trí, vai trò của mình trong gia đình, với bạn bè, thầy cô và với những người xung quanh... Từ đó, các em thêm mạnh dạn, tự tin khi giao tiếp, có ý thức, trách nhiệm, hứng thú và tích cực tham gia các hoạt động ở nhà, ở trường, ở địa phương.

BÀI 1: GIÓ SÔNG HƯƠNG (tiết 1 – 4, SHS, tr.40 – 43)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Biết giới thiệu bản thân với một người bạn mới quen; nêu được phỏng đoán về nội dung bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; bước đầu đọc phân biệt được lời các nhân vật và lời người dẫn chuyện với giọng phù hợp; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Uyên yêu mến và tự hào về*

quê hương mình. Em mạnh dạn, tự tin giới thiệu về quê hương với cô giáo và những người bạn mới bằng giọng ngọt ngào, truyền cảm.

– Tìm đọc một truyện về thiếu nhi, viết được *Phiếu đọc sách* và biết cách chia sẻ với bạn về đặc điểm của một nhân vật em thích trong truyện.

2. Viết đúng kiểu chữ hoa: *D, Đ*, tên riêng và câu ứng dụng.

3. MRVT về *Trẻ em*, đặt câu về hoạt động học tập của trẻ em.

4. Biết tham gia thi và đọc được những bài thơ ngắn về thiếu nhi.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– Bản đồ, tranh ảnh, video clip về thành phố Huế và các địa danh được nhắc đến trong bài (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ *Trường mới...* đến *có tiếng thì thầm*.

– HS mang theo sách có truyện về thiếu nhi và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về truyện đã đọc.

– Mẫu chữ viết hoa *D, Đ* cỡ nhỏ.

– Thẻ từ để tổ chức cho HS chơi trò chơi ở các BT luyện từ và câu.

– Tranh ảnh, video clip một số hoạt động học tập của HS ở trường (nếu có).

– Một số bài thơ ngắn chủ đề thiếu nhi để hỗ trợ HS thi đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Những búp măng non*.

– HS hoạt động nhóm đôi để giới thiệu bản thân với bạn. Với HS khá, giỏi có thể dùng những câu thơ tự giới thiệu (HS suy nghĩ về nội dung tự giới thiệu bằng một vài câu thơ ngắn) hoặc sáng tạo những cách thức mới,... HS chia sẻ kết quả trong nhóm và trước lớp.

– HS quan sát tranh và thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để nói về những điều em thấy trong tranh minh họa: địa điểm, nhân vật,... → Đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài mới *Gió sông Hương*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả; giọng cô giáo trìu mến, thân thiện; giọng các bạn vui tươi, thể hiện sự quan tâm; giọng Uyên ngọt ngào; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm của Huế, chỉ hành động, thái độ của cô giáo và các bạn với Uyên, chỉ cảm xúc của Uyên ở trường mới,...).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *rop, bối rối, xúm, rụt rè, ...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Em nhớ ngôi nhà nhỏ bên Cồn Hến/ và con đường Lê Lợi rop bóng cây//; Cô giáo nhìn em khích lệ,/ Uyên ngập ngừng/ rồi cất giọng dịu dàng/ đọc một đoạn trong bài Mời bạn về thăm xứ Huế/ của nhà thơ Nguyễn Lãm Thắng://; ...*

+ Giải thích thêm nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu cần), VD: *Lê Lợi* (1385 – 1433, là một nhà chính trị, nhà lãnh đạo. Ông được coi là vị vua huyền thoại của Đại Việt với tài năng quân sự, khả năng cai trị và lòng nhân ái đối với nhân dân. Tên ông được chọn đặt cho một con đường ở Huế, nằm về phía Nam sông Hương, hai bên đường trồng nhiều cây xanh, toả bóng mát, trên đường có rất nhiều công trình kiến trúc Pháp xưa); *tròn xoe* (rất tròn);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS (*Câu 4: Lớp học hôm ấy như có gió sông Hương mát lành thổi tới là do Nhã Uyên đọc cho cô giáo và cả lớp nghe một đoạn thơ về cảnh đẹp xứ Huế bằng giọng ngọt ngào, truyền cảm.*), kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *sâu lắng* (sâu sắc và lắng đọng trong lòng, ở đây ý nói giọng đọc thơ của Nhã Uyên rất truyền cảm, chứa đựng tình yêu quê hương tha thiết);...

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 5 trong SHS (HS có thể nói về cả đặc điểm, hình dáng lẫn tính nết, sở thích, sở trường,... của một bạn cùng lớp. Khuyến khích HS phân phối thời gian hợp lý cho các hoạt động), có thể tổ chức trò chơi bắt thăm tên/ hình ảnh của bạn để nói (giúp hoạt động thêm hấp dẫn).

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc của người dẫn chuyện, từng nhân vật và nhấn giọng ở một số từ ngữ chỉ đặc điểm của Huế, chỉ hành động, thái độ của cô giáo và các bạn với Uyên, chỉ cảm xúc của Uyên ở trường mới,... trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS nghe GV hướng dẫn đọc phân vai: giọng người dẫn chuyện, giọng Nhã Uyên,

giọng cô giáo và các bạn.

- HS luyện đọc phân vai trong nhóm đoạn từ *Trường mới...* đến *có tiếng thì thầm*.
- HS nghe 1 – 2 nhóm đọc phân vai trước lớp.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một truyện về thiếu nhi

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một truyện về thiếu nhi theo hướng dẫn của GV:

+ Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em thấy thú vị sau khi đọc truyện: *tên truyện, tên tác giả, những thông tin về nhân vật (tên, đặc điểm),...*

+ Trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề hoặc nội dung truyện.

1.2.2. Chia sẻ về nhân vật em thích

– HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về *Phiếu đọc sách* của em: *tên truyện, tên tác giả, những thông tin về nhân vật (tên, đặc điểm),...*; HS có thể đọc một đoạn và chia sẻ với bạn về đặc điểm của một nhân vật em thích trong truyện cho các bạn.

– Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm* của lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Ôn luyện viết chữ D, Đ hoa

– HS quan sát mẫu chữ *D* hoa, nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của chữ *D* hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu (hoặc quan sát qua phần mềm viết chữ), nhắc lại quy trình viết chữ *D* hoa.

– HS viết chữ *D* hoa cỡ nhỏ vào bảng con (nếu HS viết tốt, GV có thể bỏ qua bước này, cho HS viết vào VTV).

– HS quan sát mẫu chữ *Đ* hoa, nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của chữ *Đ* hoa trong mối quan hệ so sánh với chữ *D* hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu (hoặc quan sát qua phần mềm viết chữ) và nêu quy trình viết chữ *Đ* hoa (nếu HS viết tốt có thể chọn một HS thay GV viết chữ *Đ* hoa trên bảng cho cả lớp quan sát).

– HS viết chữ *D, Đ* hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết từ ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ ứng dụng *Vừ A Dính* (1934 – 1949, người dân tộc Mông. Năm 13 tuổi, anh làm nhiệm vụ canh gác, liên lạc, tiếp tế gạo, muối cho nhân dân. Năm 1949, anh gia nhập bộ đội Việt Minh. Trong một lần liên lạc, Vừ A Dính bị quân Pháp vây bắt và yêu cầu chỉ điểm nơi ở của cán bộ Việt Minh. Anh chống lại và bị tra tấn nhưng không để lộ tin tức. Cuối cùng, anh hi sinh tại cây đào cổ thụ ở Khe Trúc gần đồn Bản Chăn. Anh được truy tặng danh hiệu *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*).

– HS nghe GV nhắc lại cách nối từ chữ *V* hoa sang chữ *ư* và chữ *D* hoa sang chữ *i* (nếu cần).

– HS quan sát cách GV viết chữ *Vừ A Dính* (nếu cần).

– HS viết chữ *Vừ A Dính* vào VTV.

2.3. Luyện viết câu ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng:

*Dù ai nói ngả nói nghiêng,
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.*

Ca dao

(*Khuyên chúng ta phải biết giữ, bảo vệ ý kiến, quan điểm của mình, không bị lung lay trước những ý kiến, lời nói của người khác.*)

– HS viết câu ứng dụng vào VTV.

2.4. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ *Đon Dương* (Tên một huyện thuộc tỉnh Lâm Đồng, nằm trên cao nguyên với khí hậu mát mẻ, cảnh quan rừng núi tươi đẹp. Đon Dương có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch sinh thái như hồ thủy điện Đa Nhim, rừng cảnh quan đèo Ngoạn Mục, hồ Pro,...) và câu ứng dụng: *Dù đi đâu Nhã Uyên cũng nhớ về quê hương.*

– HS viết nội dung luyện viết thêm vào VTV.

2.5. Đánh giá bài viết

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Từ ngữ có nghĩa giống với trẻ em

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

- HS đọc các thẻ từ và thực hiện BT vào VBT.
- HS trao đổi, chia sẻ và thống nhất kết quả trong nhóm đôi (Đáp án: *nhi đồng, thiếu nhi, thiếu niên, trẻ con*).
- 1 – 2 cặp HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Mở rộng vốn từ Trẻ em

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS tìm 2 – 3 từ ngữ cho mỗi nhóm trong nhóm nhỏ theo kỹ thuật *Khăn trải bàn*.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, các nhóm khác bổ sung (Gợi ý:
 - Từ ngữ chỉ hình dáng của trẻ em: *cao lớn, hồng hào, xinh xắn,...*
 - Từ ngữ chỉ hoạt động học tập: *tập thể dục, vẽ tranh, bơi lội,...*
 - Từ ngữ chỉ tình cảm hoặc chăm sóc của người lớn với trẻ em: *vỗ về, động viên, chăm nom, săn sóc,...*
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.3. Đặt câu về hoạt động học tập của trẻ em

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS đọc lại các từ ngữ vừa tìm ở BT 2 và đặt câu vào VBT (GV có thể trình chiếu tranh ảnh, video clip một số hoạt động học tập của HS ở trường).
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi.
- HS tự đánh giá bài của mình và của bạn.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Thi đọc thơ về thiếu nhi*.
- HS chia sẻ các bài thơ ngắn về thiếu nhi tìm được trong nhóm nhỏ.
- HS thi đọc một bài thơ hoặc một đoạn em thích trong nhóm nhỏ, bình chọn người đọc hay để thi đọc thơ trước lớp.
- HS đại diện nhóm hoặc tổ thi đọc trước lớp.
- HS và GV bình chọn người đọc hay nhất.
- HS nghe GV nhận xét về hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 2: TRIỂN LÃM THIẾU NHI VỚI 5 ĐIỀU BÁC HỒ DẠY (tiết 5 - 7, SHS, tr.44 - 46)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Trao đổi được với bạn về một việc làm thể hiện sự quan tâm của Bác Hồ với thiếu nhi; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và hình ảnh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; bước đầu thể hiện đúng giọng đọc văn bản thông tin; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Việc Bác Hồ dành phòng khách của Phủ Chủ tịch cho các cháu thiếu nhi tổ chức triển lãm Thiếu nhi với 5 điều Bác Hồ dạy nói lên tình cảm, sự quan tâm đặc biệt của Bác với các em.*

– Nói được với bạn về những việc thiếu nhi đã làm theo lời Bác Hồ dạy.

2. Nói được về hoạt động của lớp em trong tháng 9.

3. Viết được bản tin tháng 9 của lớp em.

4. Giải ô chữ và đặt câu với từ ngữ thuộc chủ điểm *Thiếu nhi*.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– Tranh ảnh, video clip một số việc làm thể hiện sự quan tâm của Bác Hồ với thiếu nhi, hoạt động thiếu nhi làm theo lời Bác Hồ dạy (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ *Từ ngày 22 tháng 6...* đến hết.

– Tranh ảnh hoạt động của lớp em trong tháng 9 (nếu có).

– Các ô chữ để tổ chức hoạt động vận dụng.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về một việc làm thể hiện sự quan tâm của Bác Hồ với thiếu nhi. HS có thể nói về việc làm của Bác Hồ và suy nghĩ, cảm xúc của em đối với việc làm đó (kết hợp với tranh ảnh, sách báo,... – nếu có).

– HS đọc tên bài, quan sát ảnh và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Triển lãm Thiếu nhi với 5 điều Bác Hồ dạy*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng đọc toàn bài rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng: các mốc thời gian, tên triển lãm, những việc làm của Bác Hồ, số HS tham gia triển lãm,...).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *triển lãm, sự kiện, ...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Trong 20 ngày/ có gần 10 vạn thiếu nhi/ đến xem triển lãm/ và vui chơi.// Bác Hồ đã đến nói chuyện/ và dự liên hoan với 2 000 thiếu nhi/ trong buổi bế mạc.// Bác rất phấn khởi/ khi nhìn thấy thành tích/ mà các cháu thiếu niên,/ nhi đồng đạt được.//; ...*

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *triển lãm* (tổ chức trưng bày vật phẩm, tranh ảnh hoặc hàng hoá tập trung trong một thời gian và tại một địa điểm nhất định nhằm mục đích giới thiệu, quảng bá đến mọi người trong xã hội, cộng đồng);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 2 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu cần).

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS thảo luận theo nhóm nhỏ bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn* để trả lời câu hỏi 3 trong SHS (Gợi ý: *Bác rất phấn khởi khi nhìn thấy thành tích mà các cháu thiếu niên, nhi đồng đạt được vì Bác rất quan tâm đến các cháu, luôn muốn các cháu học tập và rèn luyện tốt, trở thành người có ích cho đất nước*).

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Từ ngày 22 tháng 6... đến hết*.

– HS luyện đọc lại đoạn từ *Từ ngày 22 tháng 6... đến hết* trong nhóm nhỏ.

– Một vài HS đọc đoạn trước lớp.

– HS khá, giỏi đọc toàn bài.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.2. Nói về những việc thiếu nhi đã làm theo lời Bác Hồ dạy

- HS xác định yêu cầu của hoạt động.
- HS dựa vào các bức tranh và từ ngữ gợi ý dưới tranh, chia sẻ trong nhóm nhỏ bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn*. HS nói một vài câu về việc thiếu nhi đã làm theo lời Bác Hồ dạy, có thể nói về cảm xúc khi tham gia các hoạt động đó. (Gợi ý: *Chúng em tích cực tham gia trồng cây gây rừng; Bạn nào cũng hào hứng khi được giúp đỡ mọi người;...*).
- Một vài HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.
- HS xem thêm một số tranh ảnh, video clip của các bạn thiếu nhi đã làm theo lời Bác Hồ dạy do GV sưu tầm, giới thiệu (có thể sử dụng những hình ảnh HS tham gia hoạt động do trường, lớp tổ chức).

2. Nói và nghe

- HS xác định yêu cầu hoạt động.
- HS đọc và phân tích yêu cầu BT dựa vào một vài câu hỏi gợi ý của GV:
 - + Tháng 9 lớp em tổ chức những hoạt động gì?
 - + Các cá nhân, nhóm, tổ đã tham gia các hoạt động ấy thế nào?
 - + Kết quả ra sao?
 - + ...
- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung thực hành.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Viết bản tin

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS thảo luận nhóm để thống nhất nhanh: tên bản tin, nội dung, cách trình bày,...
- HS thực hiện viết bản tin theo nhóm dựa vào kết quả bài nói ở tiết trước và các nội dung đã thống nhất.

3.2. Trang trí bản tin

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận nhanh trong nhóm để thống nhất về cách trang trí bản tin: chủ đề, chi tiết, màu sắc,...

- HS phân công thực hiện trang trí bản tin trong nhóm.
- HS trưng bày bản tin theo kỹ thuật *Phòng tranh* để chia sẻ bài làm trước lớp.
- HS và GV nhận xét sản phẩm bằng cách vẽ bông hoa cảm xúc, chia sẻ trước lớp điều em thích ở bản tin của nhóm bạn.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động vận dụng: *Chơi trò chơi Giải ô chữ*.
- HS chia đội, quan sát gợi ý và chơi giải ô chữ trước lớp.
- HS và GV nhận xét, tính điểm cho các đội chơi (Đáp án: 1. LUYỆN TẬP; 3. XINH XẮN; 6. NGOAN; 7. RA CHOI; 8. THÔNG MINH – Từ khoá: THIẾU NHI).
- HS sử dụng từ khoá để đặt 1 – 2 câu về một hoạt động của thiếu nhi.
- 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét hoạt động vận dụng và tổng kết bài học.

BÀI 3: HAI BÀN TAY EM (tiết 8 – 11, SHS, tr.47 – 49)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Giúp HS:

1. Đọc:

- Hát một bài hát về đôi bàn tay và trao đổi được về ích lợi của đôi bàn tay; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Bạn nhỏ rất yêu quý đôi bàn tay xinh đẹp của mình vì đôi bàn tay như người bạn, giúp bạn nhỏ làm rất nhiều việc có ích.*
- Tìm đọc một văn bản thông tin về thiếu nhi, viết được *Phiếu đọc sách* và biết cách chia sẻ với bạn cách em tìm bài đã đọc.

2. Nghe – viết đúng đoạn *Đường đến trường*; phân biệt *d/ gi; ay /ây, uôc/ uôt*.

3. Nhận diện biện pháp tu từ so sánh.

4. Đặt được câu có hình ảnh so sánh.

5. Gọi tên và cùng bạn chơi được một trò chơi thiếu nhi; nói được về ích lợi của đôi bàn tay khi tham gia trò chơi.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Video clip, lời một bài hát về đôi bàn tay.
- Bảng phụ ghi ba khổ thơ đầu.

– HS mang theo sách, báo có văn bản thông tin về thiếu nhi và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về văn bản thông tin đã đọc.

– Tranh ảnh Hồ Gươm, đền Ngọc Sơn hoặc hoa gạo (nếu có).

– Thẻ từ để tổ chức cho HS chơi trò chơi khi thực hiện các BT chính tả, luyện từ và câu.

– Tranh ảnh, video clip về một vài trò chơi như *Oẳn tù tì*, *Chi chi chành chành*, *Rối tay*,...

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS múa hát tập thể một bài về đôi bàn tay và trao đổi được về ích lợi của đôi bàn tay (GV có thể sử dụng video clip bài hát để hỗ trợ HS múa hát).

– HS quan sát tranh minh họa, đọc tên bài và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Hai bàn tay em*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (*Gợi ý*: giọng toàn bài trong sáng, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ vẻ đẹp, hoạt động của đôi bàn tay; ngắt nhịp 2/ 2 hoặc 1/ 3).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *áp*, *giăng giăng*, *thủ thi*,...

+ Cách ngắt nhịp một số dòng thơ:

Tay em/ đánh răng/

Răng/ trắng hoa nhài.//

Tay em/ chải tóc/

Tóc/ ngời ánh mai.//

Giờ/ em ngồi học/

Bàn tay/ siêng năng/

Nở hoa/ trên giấy/

Từng hàng/ giăng giăng.//

- + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có).

1.1.2. Luyện đọc hiểu

- HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 và 2 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *áp* (áp bàn tay vào lòng); *thủ thi* (nói nhỏ, vừa đủ nghe, để thổ lộ tình cảm);...
- HS rút ra nội dung bài thơ trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.
- HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 3 và 4 trong SHS (Khuyến khích HS đa dạng hoá nội dung nói về việc làm và những niềm vui khi cùng đôi bàn tay làm việc,...), có thể tổ chức cho HS chơi *Truyền điện* hoặc *Truyền hoa* để nói nối tiếp.

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

- HS xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài thơ.
- HS nghe GV đọc toàn bài.
- HS luyện đọc 2 – 3 khổ thơ em thích trong nhóm, trước lớp và học thuộc lòng bằng cách tự nhẩm thuộc, xoá dần hoặc thay chữ bằng hình,...
- Một số HS thi đọc thuộc lòng 2 – 3 khổ thơ em thích trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một bài đọc về thiếu nhi

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

- HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài đọc về thiếu nhi theo hướng dẫn của GV:

+ HS viết vào *Phiếu đọc sách* những thông tin chính sau khi đọc bài: *tên bài đọc, tên sách, báo có bài đọc, tên tác giả, nội dung chính của bài đọc,...*

+ HS có thể trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề hoặc nội dung văn bản thông tin.

1.2.2. Chia sẻ cách em tìm bài đã đọc

- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về cách em tìm bài đã đọc: *tìm trong sách, báo hoặc tìm trên mạng internet,...* HS có thể chia sẻ văn bản cho các bạn trong nhóm cùng đọc.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào *Góc sáng tạo/ Góc Tiếng Việt* của lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Nghe – viết

- HS đọc lại đoạn *Đường đến trường*, trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung đoạn viết:
 - + Bạn nhỏ và các bạn thường làm gì trên đường đi học?
 - + Bạn nhỏ phát hiện những điều gì trên cây gạo trước cửa đền Ngọc Sơn?
- HS đánh vần một số tiếng/ từ ngữ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *tiu tit, đuối,...*
- HS nghe GV đọc từng cụm từ và viết vào VBT.
- HS nghe GV đọc lại bài, tự soát lại bài.
- HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Phân biệt đ/ gi

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và các chữ ghi trên thẻ.
- HS tìm tiếng phù hợp với mỗi  trong nhóm nhỏ.
- HS chơi trò chơi *Tiếp sức*, viết các tiếng phù hợp với mỗi  (Đáp án: *thúc giục; thẻ đục; phứt giấy; sợi dây; giao bài; dây bầu; dây cộc; giấy dếp*).
- HS đọc lại, giải nghĩa các từ ngữ và đặt câu với một vài từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Phân biệt ay/ ây hoặc uộc/ uôt

- HS xác định yêu cầu của BT (3), chọn BT cần thực hiện và đọc mẫu.
- HS tìm trong nhóm nhỏ bằng kĩ thuật *Khăn trải bàn*.
- HS chữa bài bằng trò chơi *Truyền điện* (Gợi ý: **ay/ ây**: *dạy học, máy bay, găng tay, tỉnh dậy, đám mây, trái cây,...*; **uộc/ uôt**: *viên thuốc, cái cuốc, luộc rau, bạch tuộc, trắng muốt, biết tuốt, lạnh buốt,...*).
- HS giải nghĩa các từ ngữ và đặt câu với một vài từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS thực hiện vào VBT.
- HS nghe bạn và GV đánh giá bài làm.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Nhận diện so sánh

- HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc các khổ thơ, câu văn.

- HS nghe GV hướng dẫn phân tích mẫu một trường hợp:
 - + Hai bàn tay bạn nhỏ được so sánh với gì? Vì sao có thể so sánh như vậy?
 - + Từ nào dùng để so sánh?

→ GV chốt: *Có thể so sánh hai sự vật có một hoặc một vài đặc điểm giống nhau. Để so sánh các sự vật cần dùng từ so sánh.*

- HS trao đổi trong nhóm nhỏ để thực hiện các yêu cầu. Đáp án:

Sự vật 1	Từ ngữ dùng để so sánh	Sự vật 2
hai bàn tay	như	hoa đầu cành
dấu hỏi	như	vành tai nhỏ
nhân vờ	tựa như	đám mây
bông hoa phượng	là	đốm lửa

- Một vài nhóm chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.2. Đặt câu có hình ảnh so sánh

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và quan sát mẫu.
- HS thực hiện yêu cầu BT trong nhóm nhỏ.
- HS viết vào VBT 1 – 2 câu có hình ảnh so sánh theo yêu cầu của BT.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn trong nhóm đôi.
- Một vài HS chia sẻ bài làm trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chơi trò chơi Tuổi thơ vui vẻ.*
- HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý của GV để gọi tên trò chơi trong từng bức tranh:
 - + Các bạn nhỏ trong tranh đang làm gì?
 - + Em đoán các bạn đang chơi trò gì? Vì sao?
 - + ...
- HS cùng bạn chơi một trò chơi vừa đoán tên trong nhóm nhỏ.
- Một vài HS nói về ích lợi của đôi bàn tay và chia sẻ cảm xúc sau khi chơi.
- HS nghe GV nhận xét chung hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 4: LỚP HỌC CUỐI ĐÔNG (tiết 12 – 14, SHS, tr.50 – 53)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Trao đổi được với bạn về việc làm của các bạn nhỏ trong mỗi bức tranh; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Các bạn học sinh miền núi vừa biết giúp đỡ gia đình, vừa biết vượt khó để đến lớp. Mỗi bạn chính là một búp măng non.*

– Nói được câu thể hiện sự thích thú với một sự vật, sự việc được nhắc đến trong bài đọc; thể hiện cảm xúc với một việc làm tốt của bạn bè.

2. Nghe – kể được câu chuyện *Mơ ước của Sam* theo tranh và câu hỏi gợi ý.

3. Viết được đoạn văn ngắn tả cuốn sách của em, trong đoạn văn có hình ảnh so sánh.

4. Nói được về tên, bìa hoặc tranh minh họa của một cuốn sách em thích.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– Tranh ảnh, video clip những việc làm của những bạn nhỏ để tổ chức hoạt động khởi động.

– Bảng phụ ghi đoạn từ *Đêm qua,...* đến *yêu lao động...*

– Tập ghi âm và video clip minh họa nội dung truyện *Mơ ước của Sam* (nếu có).

– Hình ảnh sơ đồ tư duy, bìa một số sách, truyện để tổ chức hoạt động viết sáng tạo.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trao đổi với bạn về việc làm của các bạn nhỏ trong tranh hoặc ảnh (địa điểm, nhân vật, hoạt động, cảm xúc,...).

– HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh họa để phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Lớp học cuối đông*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (*Gợi ý*: giọng đọc toàn bài thông thả, chậm rãi, nhấn giọng những từ ngữ tả cảnh thiên nhiên, hoạt động, trạng thái của thầy giáo và các bạn nhỏ,...).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *rũ, phả, rử, sươi, ...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Bạn Mua/ thì kể về đám cưới của chị gái,/ về bộ váy áo đẹp nhất,/ sắc sỡ nhất/ mà bạn nhìn thấy.//; Cái hàng rào đá/ được xếp bằng những hòn đá xanh,/ bằng sự khéo léo,/ cần cù/ của những bàn tay yêu lao động...//; ...*

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *rũ* (khô héo, không còn sức sống); *xám xịt* (xám đen lại trông tối và xấu);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 3 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *dè dặt* (còn e ngại, chưa thật mạnh dạn, tự tin);...

– HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 4 trong SHS (*Bạn Mua cảm thấy hào hứng/ vui sướng/ phấn khởi/... khi kể chuyện cho thầy giáo vì bạn được thấy bộ váy đẹp nhất, sắc sỡ nhất trong đám cưới của chị.*)

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu (*Mỗi bạn nhỏ đáng khen vì vừa biết giúp đỡ gia đình trong lao động, trong cuộc sống và biết vượt khó để đến lớp.*)

– HS trả lời câu hỏi 5 trong SHS bằng cách thi kể nối tiếp (GV khuyến khích HS mạnh dạn trả lời, không gò ép HS trả lời theo khuôn mẫu), mỗi HS có thể vẽ nhanh khuôn mặt cảm xúc vào bảng con sau khi nghe bạn kể.

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS luyện đọc đoạn từ *Đêm qua, ... đến yêu lao động...* trong nhóm nhỏ.

– Một vài HS đọc trước lớp đoạn từ *Đêm qua, ... đến yêu lao động...*

– HS khá, giỏi đọc toàn bài.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.2. Nói câu thể hiện cảm xúc

– HS xác định yêu cầu BT 2a.

– HS nói câu thể hiện sự thích thú của bản thân với: *chú bê con của nhà bạn Súa, cái hàng rào đá bạn Chơ xếp cùng bố hoặc bộ váy áo của chị bạn Mua* trong nhóm nhỏ.

(Gợi ý: + *Ồ, chú bê con xinh quá!*
+ *Cái hàng rào đá thật chắc chắn./ Cái hàng rào đá được sắp xếp thật khéo léo!...*
+ *Bộ váy áo mới đẹp làm sao!*
+ ...)

– Một vài HS nói trước lớp.
– HS nghe bạn và GV nhận xét.
– HS xác định yêu cầu BT 2b.
– HS nói câu thể hiện cảm xúc với một việc làm tốt của bạn bè trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.

(Gợi ý: + *Súa đúng là một bạn nhỏ yêu động vật!*
+ *Bạn Chơ thật chăm chỉ!*)

– Một vài HS nói trước lớp.
– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Nói và nghe

Mơ ước của Sam

1. Sam là một cậu bé nhà nghèo. Cha cậu làm thuê cho chủ các trại ngựa trong vùng. Những ngày nghỉ, Sam thường theo cha đi hết trại ngựa này sang trại ngựa khác để phụ giúp ông. Vì thế, cậu rất yêu quý những chú ngựa.

2. Một hôm, thầy giáo ra đề bài: “Lớn lên, em muốn làm nghề gì?”. Khi các bạn viết sẽ trở thành bác sĩ, giáo viên, diễn viên, người làm vườn,... thì Sam viết cậu muốn làm chủ một trại nuôi ngựa. Cuối giờ, thầy giáo gặp Sam, ân cần nói:

– Sam à, mơ ước của em thật tuyệt! Nhưng để làm chủ một trại ngựa cũng không dễ. Em sẽ phải cố gắng nhiều đấy.

Sam lễ phép:

– Dạ...

Thầy động viên:

– Em có thể suy nghĩ thêm và gửi lại bài cho thầy sau.

3. Suốt cả tuần sau đó, Sam suy nghĩ rất nhiều. Cậu quyết định hỏi ý kiến cha.

– Con trai thân yêu, con phải tự quyết định thôi! – Cha cậu bảo.

Cuối cùng, Sam quyết định nộp lại bài làm cũ. Cậu mạnh dạn nói:

– Thưa thầy. Em xin được giữ ước mơ ạ.

4. Nhiều năm trôi qua, một ngày nọ, thầy giáo năm xưa dẫn học trò của mình đi dã ngoại đến một trang trại nuôi ngựa rộng hai trăm mẫu. Thật bất ngờ, chủ trang trại chính là cậu học trò nhỏ năm nào. Hai thầy trò gặp lại nhau. Thầy nói:

– Sam ạ, em là một chàng trai đầy nghị lực. Chúc mừng em đã thực hiện được ước mơ!

Phỏng theo Hạt giống tâm hồn, tập 3

2.1. Nghe kể chuyện Mơ ước của Sam

– HS đọc tên truyện và quan sát tranh minh hoạ, phỏng đoán nội dung câu chuyện.

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ nhất (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể) để kiểm tra phỏng đoán. GV vừa kể vừa dùng các câu hỏi để kích thích sự phỏng đoán, tri tò mò nhằm thu hút sự tập trung của HS.

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ hai (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể phối hợp với tranh, hình ảnh minh hoạ) kết hợp quan sát từng tranh. GV khuyến khích HS ghi chép lại một số tình tiết chính bằng sơ đồ đơn giản.

2.2. Kể từng đoạn câu chuyện

– HS xác định yêu cầu của BT, quan sát các câu hỏi gợi ý dưới tranh.

– HS nghe GV hướng dẫn cách thêm vào đoạn thứ nhất một vài đặc điểm của cậu bé Sam theo gợi ý:

+ Sam thường theo cha đi đâu?

+ Quan sát tranh, cho biết đặc điểm nổi bật của Sam?

+ ...

→ Kể lại đoạn 1 bằng cách thêm vào một vài đặc điểm của cậu bé Sam.

– HS quan sát tranh và nhớ lại nội dung để kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện trong nhóm 4. (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật).

– HS có thể thể hiện sự sáng tạo bằng cách thêm vào từng đoạn của câu chuyện một vài chi tiết nhỏ nhờ câu/ câu hỏi gợi ý của GV:

+ Tả ngoại hình của cậu bé Sam (đoạn 1)

+ Suy nghĩ của Sam khi làm bài (đoạn 2)

+ Lời nói, hành động của bố (đoạn 3)

+ Lời nói, hành động của thầy giáo (đoạn 4)

– 1 – 2 nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện trước lớp.

2.3. Kể toàn bộ câu chuyện

- HS kể lại toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.
- 1 – 2 HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.
- HS nói về nhân vật em thích và giải thích lí do hoặc trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện (nếu còn thời gian).

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Nói về một cuốn sách em thích

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS quan sát và đọc các gợi ý có trong sơ đồ tư duy; HS ghi chép nhanh một số nội dung đơn giản.
- HS nói trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét về nội dung nói, gợi ý cách nói câu có hình ảnh so sánh, phát triển ý,...

3.2. Viết về một cuốn sách của em

- HS xác định yêu cầu của BT 2, đọc lại các ghi chép.
- HS thực hiện vào VBT.
- Một số HS đọc bài trước lớp.
- HS và GV nhận xét bài viết.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Nói về tên, bìa hoặc tranh minh hoạ của một cuốn sách em thích.*
- HS trao đổi với bạn theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ (có thể kết hợp sử dụng bìa sách đã chuẩn bị) dựa vào câu hỏi gợi ý của GV:
 - + Cuốn sách em thích có tên là gì?
 - + Theo em vì sao tác giả lại chọn tên đó?
 - + Bìa cuốn sách được minh hoạ bằng những hình ảnh, màu sắc gì?
 - + ...
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét về hoạt động và tổng kết bài học.

Chủ điểm 4. EM LÀ ĐỘI VIÊN

(Tuần 7 – 8)

Chủ điểm *Em là đội viên* hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *yêu nước, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*: bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước thông qua việc hiểu và có nhận thức đúng đắn về Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; có ý thức phấn đấu trở thành đội viên; biểu hiện ở việc tích cực tham gia các hoạt động học tập, sinh hoạt, lao động; tự hào về truyền thống tốt đẹp của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, về lịch sử vẻ vang của dân tộc. Từ đó, các em thêm gắn bó với bạn bè, trường lớp, có cảm xúc tích cực khi tham gia các hoạt động học tập, rèn luyện ở trường, ở nhà và ở cộng đồng.

BÀI 1: PHẦN THƯỞNG (tiết 1 – 4, SHS, tr.54 – 56)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Trao đổi với bạn những điều em thấy trong bức tranh của bài đọc; nêu được phỏng đoán về nội dung bài qua tên bài và hoạt động khởi động.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; bước đầu đọc phân biệt được lời người dẫn chuyện và các nhân vật với giọng phù hợp; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Khăn quàng đỏ chính là phần thưởng đặc biệt cho những bạn học sinh chăm ngoan. Nhi xứng đáng được nhận phần thưởng đặc biệt này.*

– Tìm đọc một bài thơ về thiếu nhi, viết được *Phiếu đọc sách* và biết cách chia sẻ với bạn về một hình ảnh em thích trong bài thơ.

2. Viết đúng kiểu chữ hoa: P, R, B, tên địa danh và câu ứng dụng.

3. MRVT về *Đội viên*, đặt câu với từ ngữ tìm được.

4. Chia sẻ được cảm xúc của em khi được khen hoặc nhận được phần thưởng.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– Tranh ảnh bài đọc phóng to để tổ chức hoạt động khởi động.

– Hình ảnh hoặc vật thật chiếc khăn quàng đỏ.

– Bảng phụ ghi đoạn từ *Thăm thoát...* đến hết.

– HS mang theo sách có bài thơ về thiếu nhi và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về bài thơ đã đọc.

- Mẫu chữ viết hoa *P, R, B*, cỡ nhỏ.
- Thẻ từ để tổ chức cho HS chơi trò chơi khi thực hiện các BT luyện từ và câu.
- Một số hình ảnh học sinh chăm ngoan, làm việc tốt được khen thưởng, tuyên dương.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Em là đội viên*.

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trao đổi với bạn về những điều em thấy trong tranh: địa điểm, nhân vật (trang phục, hành động, biểu cảm, cảm xúc của mỗi nhân vật,...) → Đọc tên bài và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài mới *Phần thưởng*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (*Gợi ý*: đọc phân biệt giọng các nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả, tươi vui; giọng Nhi ở đoạn 1 ngây thơ pha chút tò mò, ở đoạn 4 thể hiện sự tự hào, vui sướng; giọng bố âu yếm; giọng bạn lớp trưởng tự tin.).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

- + Cách đọc một số từ ngữ khó: quàng, thấm thoát, hăng ao ước, ngược,...
- + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Nghe bố giải thích, / em tự nhủ sẽ cố gắng / để được quàng khăn đỏ / như các anh chị. //; Em còn cùng thành viên của Câu lạc bộ Chia sẻ yêu thương / gói những món quà đặc biệt / gửi tặng các bạn nhỏ / có hoàn cảnh khó khăn. //; ...*
- + Giải thích thêm nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu cần), VD: *thấm thoát* (thời gian qua đi một cách nhanh chóng đến không ngờ);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi và nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS (Câu hỏi 4: *Nhi thấy tự hào khi được kết nạp Đội vì em được bạn bè và thầy cô tin tưởng bầu chọn. Vì đây là phần thưởng đặc biệt dành cho những học sinh chăm ngoan.*), GV cũng có thể cho HS đọc từng đoạn và trả lời câu hỏi theo nội dung đoạn và kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *hăng ao ước* (mong ước một cách thiết tha từ rất lâu),...

- HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.
- HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 5 trong SHS, GV khuyến khích HS mạnh dạn nêu lên suy nghĩ của bản thân (*Gợi ý: Niềm vui của Nhi, Một ngày vui,...*).

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại

- HS xác định được giọng đọc của người dẫn chuyện, từng nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.
- HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Thấm thoát...* đến hết.
- HS luyện đọc trong nhóm đoạn từ *Thấm thoát...* đến hết.
- Một vài nhóm HS đọc phân vai đoạn trước lớp.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một bài thơ về thiếu nhi

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

- HS tìm đọc ở nhà (hoặc ở góc đọc sách của lớp, thư viện trường,...) một bài thơ về thiếu nhi theo hướng dẫn của GV:
 - + Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc bài thơ: *tên bài thơ, tên tác giả, nội dung của bài, những từ ngữ hay, những hình ảnh đẹp,...*
 - + Trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề hoặc nội dung bài thơ.

1.2.2. Chia sẻ về một hình ảnh em thích trong bài thơ

- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về *Phiếu đọc sách* của em: *tên bài thơ, tên tác giả, nội dung của bài, những từ ngữ hay, những hình ảnh đẹp,...* HS có thể đọc bài thơ cho bạn nghe và chia sẻ về một hình ảnh em thích trong bài.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm* của lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Ôn luyện viết chữ P, R, B hoa

- HS quan sát mẫu chữ *P* hoa, nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của chữ *P* hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu (hoặc quan sát qua phần mềm viết chữ), nhắc lại quy trình viết chữ *P* hoa.

– HS viết chữ *P* hoa cỡ nhỏ vào bảng con (nếu HS viết tốt, GV có thể bỏ qua bước này, cho HS viết vào VTV).

– HS quan sát mẫu chữ *R, B* hoa, nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của chữ *R, B* hoa trong mối quan hệ so sánh với chữ *P* hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu (hoặc quan sát qua phần mềm viết chữ) và nhắc lại quy trình viết chữ *R, B* hoa (nếu HS viết tốt có thể chọn một HS thay GV viết chữ *R, B* hoa trên bảng cho cả lớp quan sát).

– HS viết chữ *P, R, B* hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết từ ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ ứng dụng *Pác Bó* (tên khu di tích lịch sử cách mạng quốc gia đặc biệt của Việt Nam, thuộc bản Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng).

– HS nghe GV nhắc lại cách nối từ chữ *P* hoa sang chữ *a*, từ chữ *B* hoa sang chữ *o*.

– HS quan sát cách GV viết chữ *Pác Bó* (nếu cần).

– HS viết chữ *Pác Bó* vào VTV.

2.3. Luyện viết câu ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng:

Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

Ca dao

(Câu ca dao nói về truyền thống tương thân tương ái, khuyên chúng ta phải biết yêu thương, đoàn kết và phải biết giúp đỡ lẫn nhau.)

– HS viết câu ứng dụng vào VTV.

2.4. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ *Lê Hồng Phong* (1902 – 1942, là một nhà hoạt động cách mạng Việt Nam. Ông là Tổng Bí thư thứ hai của Đảng Cộng sản Đông Dương – một trong các tên gọi của Đảng Cộng sản Việt Nam – từ năm 1935 đến năm 1936) và câu ứng dụng *Phần thưởng của Nhi là chiếc khăn quàng đỏ thắm*.

– HS viết nội dung luyện viết thêm vào VTV.

2.5. Đánh giá bài viết

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Mở rộng vốn từ **Đội viên**

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên nhi đồng và tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm đôi. (Đáp án: a. học tập, lao động; b. tốt, khiêm tốn, thật thà, dũng cảm).
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc mẫu.
- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu BT trong nhóm nhỏ bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn*. (Gợi ý: *chăm chỉ học tập, chăm chỉ lao động, giữ gìn vệ sinh, giữ gìn sức khỏe, giữ gìn trường lớp, siêng năng học hỏi,...*).
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Đặt câu nói về hoạt động học tập, rèn luyện của học sinh

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc câu mẫu.
- HS nói về hoạt động học tập, rèn luyện của HS trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.
- 2 – 3 HS nói trước lớp, có thể kết hợp sử dụng hình ảnh các hoạt động ở lớp, ở trường.
- HS thực hiện vào VBT.
- 2 – 3 nhóm HS chia sẻ bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chia sẻ được cảm xúc của em khi được khen hoặc nhận được phần thưởng.*
- HS chia sẻ trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ theo gợi ý của GV:
 - + Nhớ lại một lần em được khen hoặc được nhận phần thưởng.
 - + Lí do em được khen hoặc được nhận phần thưởng.
 - + Nhớ lại lời khen hoặc phần thưởng nhận được.
 - + Nhớ lại cảm xúc của em.
 - + ...

- 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp (HS có thể kết hợp với hình ảnh bản thân khi được khen hoặc nhận được một phần thưởng).
- HS nghe GV nhận xét và tổng kết bài học.

BÀI 2: ĐƠN XIN VÀO ĐỘI (tiết 5 – 7, SHS, tr.57 – 59)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Tìm được từ ngữ gọi tên của các sự vật; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; bước đầu thể hiện đúng giọng đọc văn bản thông tin; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Bạn Tuấn Huy tự viết đơn để xin vào Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.*
- Tìm được đường giúp bạn nhỏ đưa thư và nói câu có từ ngữ chỉ phẩm chất.
- 2.** Nói được về những việc em cần làm để phân đầu trở thành đội viên.
- 3.** Biết cách hoàn thành đơn xin vào Đội theo mẫu.
- 4.** Nói được một số phong trào của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, vật thật của một số vật gắn với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh (huy hiệu Đội, khăn quàng đỏ, cờ Đội, bài hát *Cùng nhau ta đi lên*).
- Hình ảnh sơ đồ đường đi để tổ chức hoạt động tìm đường giúp bạn nhỏ.
- Một số mẫu đơn xin vào Đội.
- Video clip, hình ảnh về một số hoạt động, bài hát về Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh ở trường (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, tìm từ ngữ gọi tên của các sự vật có trong tranh. HS có thể chia sẻ về tên của từng sự vật, hình dáng, kích thước, màu sắc,... của một trong các sự vật đã gọi tên.
- HS đọc tên bài và phỏng đoán nội dung bài đọc.

- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Đơn xin vào Đội*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (*Gợi ý*: giọng đọc toàn bài rõ ràng, chậm rãi; nội dung về lời hứa của bạn Tuấn Huy đọc giọng vui tươi, dứt khoát).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *rèn luyện, trò giỏi,...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Sau khi được học Điều lệ/ và lịch sử Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh,/ em nhận thấy/ Đội là tổ chức tốt nhất/ giúp chúng em học tập,/ rèn luyện,/ trở thành người có ích cho đất nước.//; Phân đầu trở thành trò giỏi,/ con ngoan,/ đội viên gương mẫu.//;...*

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *điều lệ* (văn bản quy định về tổ chức, hoạt động của một đoàn thể); *phân đầu* (gắng sức làm việc để đạt được mục đích);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có).

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 5 trong SHS (GV khuyến khích HS đa dạng hoá nội dung nói về những việc các em cần làm để phân đầu trở thành đội viên), có thể kết hợp sử dụng ảnh chụp các hoạt động của HS.

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc và một số từ ngữ, câu văn cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS nghe GV hướng dẫn đọc đoạn nói về lời hứa của bạn Tuấn Huy.

– HS luyện đọc lại đoạn nói về lời hứa của bạn Tuấn Huy trong nhóm, trước lớp.

– HS khá, giỏi đọc toàn bài.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.2. Tìm đường giúp bạn nhỏ đưa thư và nói câu có từ ngữ chỉ phẩm chất

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS giúp bạn nhỏ đưa thư đến cho các cô chú cán bộ bằng cách tìm đường đi liền mạch, biết trên đường đi có các bức thư ghi từ ngữ chỉ phẩm chất của người liên lạc.

– HS thực hiện vào VBT (Đáp án: đường đi đúng sẽ gặp các từ ngữ *muu trí, dũng cảm, gan dạ, thông minh, nhanh nhẹn*).

– 1 – 2 HS chữa bài bằng cách nối/ tô màu đường đi trên bảng tương tác hoặc trình chiếu bài làm trước lớp.

– HS đọc các từ ngữ xuất hiện trên đường đi và giải nghĩa từ ngữ (nếu cần).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS đọc lại các từ ngữ chỉ phẩm chất vừa tìm ở BT 2 và đặt câu trong nhóm đôi.

– 1 – 2 nhóm HS nói trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Nói và nghe

– HS xác định yêu cầu BT.

– HS quan sát và phân tích sơ đồ tư duy.

– Một nhóm làm mẫu theo kỹ thuật *Bể cá* để các nhóm nhận xét, rút kinh nghiệm.

– HS nói trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, HS có thể ghi chép nhanh nội dung bằng sơ đồ tư duy đơn giản.

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung thực hành.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Chia sẻ với bạn lý do, lời hứa của bản thân khi được vào Đội

– HS xác định yêu cầu của BT 1

– HS đọc gợi ý và tham khảo các đơn xin vào Đội (nếu có).

– HS trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ dựa vào một số câu hỏi gợi ý:

+ Vì sao em muốn vào Đội?

+ Khi được vào Đội, em hứa sẽ học tập, rèn luyện, phấn đấu như thế nào?

+ ...

– Một vài nhóm HS trao đổi trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét về nội dung trao đổi.

3.2. Hoàn thành Đơn xin vào Đội (theo mẫu)

- HS xác định yêu cầu của BT 2, đọc nội dung trên tờ đơn in sẵn.
- HS xác định những thông tin cần điền.
- HS điền thông tin vào đơn in sẵn trên cơ sở kết quả BT 1 vào VBT.
- Một vài HS đọc bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS trưng bày đơn theo kỹ thuật *Phòng tranh* để chia sẻ bài làm trong lớp.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Nói về 1 – 2 phong trào của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.*
- HS trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để nói về phong trào của Đội dựa vào một vài câu hỏi gợi ý của GV:
 - + Tên phong trào
 - + Các hoạt động gắn với phong trào
 - + Mục đích, ý nghĩa của phong trào
 - + Cảm nghĩ của em khi được tham gia phong trào đó
 - + ...
- Một vài HS trình bày trước lớp (có thể kết hợp với hình ảnh, video clip một số hoạt động do Đội tổ chức ở trường).
- HS nghe bạn và GV nhận xét về hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 3: NGÀY EM VÀO ĐỘI (tiết 8 – 11, SHS, tr.60 – 62)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Giúp HS:

1. Đọc:

- Chia sẻ về một niềm vui của em ở trường; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
- Đọc trôi chảy bài đọc thơ, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Cảm xúc, những lời dặn dò, mong mỏi, hi vọng và tin yêu của chị dành cho em trong ngày em vào Đội.*
- Tìm đọc một bài văn về thiếu nhi, viết được *Phiếu đọc sách* và biết cách chia sẻ với bạn về một hình ảnh đẹp trong bài văn.

2. Nghe – viết đúng một đoạn trong bài thơ *Ngày em vào Đội*; luyện tập viết hoa tên địa danh Việt Nam, phân biệt *ch/ tr* hoặc *an/ ang*.

3. Luyện tập biện pháp tu từ so sánh.

4. Đặt được câu có hình ảnh so sánh dựa vào gợi ý.

5. Đóng vai, nói và đáp được lời chúc mừng của chị khi em được kết nạp Đội.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip về hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.
- Bảng phụ ghi ba khổ thơ cuối.
- HS mang theo sách có bài văn về thiếu nhi và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về bài văn đã đọc.
- Video clip, tranh ảnh về một số cảnh đẹp ở Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà.
- Tranh ảnh phóng to, thẻ từ để tổ chức hoạt động luyện từ và câu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ về một niềm vui của em ở trường (HS có thể chia sẻ niềm vui trong học tập như một lời khen, một sản phẩm xinh xắn,... hay niềm vui khi được tham gia các hoạt động khác,...).

– HS quan sát tranh minh họa, đọc tên bài và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài mới *Ngày em vào Đội*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (*Gợi ý*: giọng đọc trong sáng, vui tươi, tha thiết; nhấn giọng ở những từ ngữ nói lên niềm hi vọng của chị về sự thay đổi của em (thời thơ dại, khao khát,...), chỉ màu sắc của chiếc khăn quàng (tươi thắm, đỏ chói), những hình ảnh đẹp (lời ru vời vợi, trời xanh vắng đời,...); ngắt nhịp linh hoạt: 2/ 3, 3/ 2 hoặc 1/ 4, 1/ 2/ 2,...).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *thời thơ dại, vời vợi, đỏ chói, ...*

+ Cách ngắt nhịp một số dòng thơ:

Này em,/ mở cửa ra/
Một trời xanh/ vẫn đợi/
Cánh bướm/ là tiếng gọi/
Mặt biển/ và dòng sông.//

Nắng vườn trưa/ mênh mông/
Bướm bay/ như lời hát/
Con tàu/ là đất nước/
Đưa ta/ tới bến xa.//

Những ngày/ chị đi qua/
Những ngày/ em đang tới/
Khao khát/ lại bắt đầu/
Từ/ màu khăn đỏ chói.//

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *Đoàn* (tên đầy đủ: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, là tổ chức của thanh niên Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS (Gợi ý: 2. Các hình ảnh so sánh trong bài là: màu khăn tươi thắm như lời ru, cánh bướm là tiếng gọi, bướm bay như lời hát, con tàu là đất nước. 3. Ý 3 là ý trả lời đĩnh. 4. Khổ thơ cuối bài ý nói: Em sẽ bước đi trên con đường của chị, con đường của ước mơ, khát khao và hi vọng tuổi trẻ.), kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *vội* (có mức độ cao, xa hoặc sâu tưởng như không sao có thể tới được, ở đây ý nói khăn đỏ gắn bó với em suốt thời niên thiếu, không rời xa);...

– HS rút ra nội dung bài thơ trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài thơ.

– HS nghe GV đọc toàn bài.

– HS luyện đọc 2 – 3 khổ thơ em thích trong nhóm, trước lớp và học thuộc lòng bằng cách tự nhẩm thuộc, xoá dần hoặc thay chữ bằng hình,...

- Một số HS thi đọc thuộc lòng trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một bài văn về thiếu nhi

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

- HS tìm đọc ở nhà (hoặc ở góc đọc sách của lớp, thư viện trường,...) một bài văn về thiếu nhi theo hướng dẫn của GV.
- HS viết vào *Phiếu đọc sách* những nội dung em thích sau khi đọc bài: *tên bài văn, tên tác giả, hình ảnh đẹp,...*
- HS có thể trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài văn.

1.2.2. Chia sẻ về một hình ảnh đẹp trong bài văn

- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về một hình ảnh đẹp trong bài văn em đã đọc. HS có thể đọc bài văn cho bạn nghe và chia sẻ về một hình ảnh đẹp trong bài văn.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào *Góc sáng tạo/ Góc Tiếng Việt* của lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Nghe – viết

- HS đọc lại đoạn thơ trong bài *Ngày em vào Đội*, trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung đoạn thơ.
- HS quan sát, đánh vần (nếu cần) một số tiếng/ từ ngữ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ. VD: *đỏ chói, màu,...*
- HS nghe GV đọc từng dòng thơ và viết vào VBT (GV hướng dẫn HS: lùi vào 3 – 4 ô đầu mỗi dòng thơ).
- HS trao đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.
- HS nghe bạn nhận xét bài viết.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập viết hoa địa danh Việt Nam

- HS xác định yêu cầu của BT 2, đọc và tìm hiểu nghĩa câu ca dao (*Câu ca dao ca ngợi người dân Bình Định tài năng và tâm huyết với nghề xây dựng, xây được những căn nhà mái lá mùa nắng mát mẻ, mùa đông ấm áp; Phú Yên có đồng bằng Tuy Hoà, được*

xem là vừa lúa của miền Trung; Khánh Hoà có trâu tốt).

– HS nhắc lại cách viết hoa tên địa danh Việt Nam (viết hoa các chữ cái đầu tiên tạo thành mỗi tiếng).

– HS nhận xét cách viết tên các địa danh xuất hiện trong câu ca dao và viết lại vào VBT (Đáp án: *bình định* → *Bình Định*, *Phủ yên* → *Phủ Yên*, *khánh Hoà* → *Khánh Hoà*).

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả và nhắc lại những lưu ý khi viết tên địa danh.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Phân biệt ch/ tr hoặc an/ ang

– HS xác định yêu cầu của BT (3), lựa chọn BT phương ngữ phù hợp.

– HS tìm trong nhóm đôi để tìm tiếng phù hợp với mỗi ☼ (Đáp án: **ch/ tr**: *trưa* – *trời* – *Chim* – *trên* – *chuyện* – *Trong*; **an/ ang**: *Ban* – *ràng* – *Làn* – *ngàng* – *vang* – *chan*).

– HS thực hiện vào VBT.

– 2 – 3 HS đại diện các tổ hoặc nhóm chơi trò chơi *Tiếp sức* để chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Tìm hình ảnh so sánh và từ ngữ dùng để so sánh

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS đọc các câu thơ, câu văn và trao đổi trong nhóm để thực hiện các yêu cầu.

– Một vài nhóm chia sẻ kết quả trước lớp. Đáp án:

Sự vật 1	Từ ngữ dùng để so sánh	Sự vật 2
trẻ em	<i>như</i>	<i>búp (trên cành)</i>
trăng khuyết	<i>giống</i>	<i>con thuyền</i>
cây gạo	<i>như</i>	<i>một tháp đèn (khổng lồ)</i>
hàng ngàn bông hoa	<i>là</i>	<i>hàng ngàn ngọn lửa (hồng tươi)</i>
hàng ngàn búp nõn	<i>là</i>	<i>hàng ngàn ánh nến (trong xanh)</i>

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Tìm thêm từ ngữ dùng để so sánh

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS đọc các từ ngữ dùng để so sánh vừa tìm được ở BT 1 và trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ (Gợi ý: a. *như* – *y như*, *giống như*; b. *giống* – *y hết*, *y như*, *như*; c. *như* – *y như*, *y hết*, *giống như*; *là* – *như là*, *y như*; *là* – *như là*, *y như*).

- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.3. Đặt câu có hình ảnh so sánh

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và quan sát tranh và từ ngữ gợi ý.
- HS trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để tìm hình ảnh so sánh và từ ngữ dùng để so sánh. Gợi ý:

Sự vật 1	Từ ngữ dùng để so sánh	Sự vật 2
trăng	<i>như, y như, giống như,...</i>	<i>(cánh/ con/...) diều</i>
<i>(chiếc lá/ cái lá/...) trầu bà</i>	<i>như, tựa như, giống,...</i>	<i>trái tim</i>

- HS đọc lại các từ ngữ đã tìm được và viết vào VBT 1 – 2 câu có hình ảnh so sánh.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.
- Một vài HS chia sẻ bài làm trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Nói và đáp lời chúc mừng của chị khi em được kết nạp Đội.*
- HS phân công để đóng vai, nói và đáp lời chúc mừng trong nhóm đôi.
- 1 – 2 cặp HS đóng vai trước lớp (GV có thể lưu ý HS thể hiện các yếu tố phi ngôn ngữ như ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,... phù hợp).
- HS nghe bạn và GV nhận xét về hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 4: LỄ KẾT NẠP ĐỘI (tiết 12 – 14, SHS, tr.63 – 67)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Kể được tên một số buổi lễ thường được tổ chức ở trường em; nêu được phỏng đoán về nội dung bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Quang cảnh trang nghiêm của buổi lễ kết nạp Đội và niềm hân hoan, xúc động của các bạn đội viên mới.*
- Đóng được vai để nói và đáp lời chúc mừng các bạn đội viên mới của lớp bằng ngôn ngữ, cử chỉ, thái độ phù hợp.

2. Nghe – kể được câu chuyện *Chú bé nhanh trí* theo tranh và câu hỏi gợi ý.
3. Nhận diện và biết cách trả lời thư điện tử cho bạn.
4. Biết cách đặt tên địa chỉ thư điện tử và nói được về tên em đặt.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip một số buổi sinh hoạt dưới cờ ở trường em: lễ khai giảng, lễ chào cờ đầu tuần, lễ giỗ Tổ Hùng Vương, lễ kết nạp Đội,...
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Thầy Tổng phụ trách...* đến “*Sẵn sàng!*”.
- Tập ghi âm và video clip minh họa nội dung truyện *Chú bé nhanh trí* (nếu có).
- Một vài mẫu thư điện tử đơn giản.
- Hình ảnh sơ đồ phóng to để tổ chức hoạt động vận dụng.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ kể tên một số buổi lễ thường được tổ chức ở trường em: lễ khai giảng, lễ chào cờ đầu tuần, lễ giỗ Tổ Hùng Vương, lễ kết nạp Đội,...
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh họa để phỏng đoán nội dung bài đọc: *Cảm xúc vui sướng, tự hào của các bạn HS khi được tham dự Lễ kết nạp Đội tổ chức trang nghiêm ở sân trường.*
- HS nghe GV giới thiệu bài, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Lễ kết nạp Đội*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (*Gợi ý*: toàn bài đọc giọng trong sáng, vui tươi, nhấn giọng những từ ngữ thể hiện sự trang nghiêm của buổi lễ và cảm xúc của các bạn đội viên mới).
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:
 - + Cách đọc một số từ ngữ khó: *náo nức, hân hoan, sẵn sàng, căn dặn, giòn giã, rạng rỡ,...*
 - + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Trong buổi lễ chào cờ sáng nay,/ mọi ánh mắt thân thương/ đều hướng về những học sinh tiêu biểu của khối lớp Ba.//; Sau khi nghe danh sách đội viên mới,/ các bạn học sinh tiêu biểu/ tự tin bước lên.//; Rồi hình ảnh đẹp nhất*

của buổi lễ hiện ra: / khăn quàng đỏ thắm/ được thầy Tổng phụ trách/ đặt lên vai các bạn đội viên mới/ cùng lời căn dặn chan chứa tin yêu.//; ...

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *náo nức* (rất đông, rất vui); *tiêu biểu* (có nhiều thành tích trong học tập, rèn luyện);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *hân hoan* (*nét mặt vui mừng*); ...

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS trả lời câu hỏi 5 trong SHS bằng cách mỗi HS vẽ một khuôn mặt cảm xúc và chia sẻ trước lớp cảm nghĩ nếu được tham dự lễ kết nạp Đội, giải thích lí do em chọn vẽ khuôn mặt cảm xúc.

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc toàn bài phù hợp và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS luyện đọc đoạn từ *Thầy Tổng phụ trách...* đến “*Sẵn sàng!*” trong nhóm nhỏ.

– Một vài HS đọc đoạn từ *Thầy Tổng phụ trách...* đến “*Sẵn sàng!*” trước lớp.

– HS khá, giỏi đọc toàn bài.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.2. Nói và đáp lời chúc mừng các bạn đội viên mới

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS nói trong nhóm đôi, đóng vai: một em nói lời chúc mừng, một em đáp lại lời chúc của bạn.

– HS nghe GV lưu ý đến nét mặt, cử chỉ, thái độ phù hợp khi nói (vui mừng, tự hào, phấn khởi...).

– Một vài nhóm HS nói trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung nói.

2. Nói và nghe

Chú bé nhanh trí

1. Kim Đồng và Thanh Thủy được giao nhiệm vụ canh gác cho cuộc họp của các anh chị trong đội *Thanh niên Cứu quốc*. Kim Đồng ngồi câu bên bờ suối để canh gác,

còn Thanh Thủy đào giun cạnh thác nước để giết mõ báo hiệu khi cần. Phân công xong, Kim Đồng xin một con cá thả vào giỏ rồi cầm hờ cần câu ở gốc vối, đứng bên cây vối nhìn ra.

2. Gió thổi đưa rập rờn lá ngô. Từ trên ngọn cây gạo gần đây, đàn sáo cất tiếng hót vang. Bỗng cả đàn bay vù lên. Tình ý, Kim Đồng biết có người đi vào. Nhìn ra xa, cậu thấy bọn lính đang đi trong ruộng ngô. Cậu vờ kêu to:

– Chà, được con cá rồi! A, cá to quá! To quá!

Bọn lính xô tới:

– Cá bằng nào mà kêu to thế? Cậu được nhiều không?

Kim Đồng chỉ vào giỏ, bình thản trả lời:

– Mới được mỗi con này!

3. Kim Đồng vẫn ngồi câu. Bọn lính kéo nhau vào xóm. Chờ chúng đi khuất, Kim Đồng trèo lên cây vối, nhìn theo. Chắc cuộc họp trong xóm đã kịp tan vì Thanh Thủy nhanh tay giết mõ báo động...

4. Lát sau, bọn lính lục tục đi ra. Kim Đồng nằm úp trên cành vối, nhìn mặt nước như mãi câu mặc cho bọn lính lừ lừ đi ngang qua.

Theo Tô Hoài

2.1. Nghe kể chuyện Chú bé nhanh trí

– HS quan sát tranh, đọc tên truyện.

– HS tìm hiểu về nhân vật, phỏng đoán nội dung câu chuyện (GV có thể giới thiệu thêm: Kim Đồng (1929 – 1943), tên thật là Nông Văn Dền và là một trong năm đội viên đầu tiên. Kim Đồng tham gia hoạt động Cách mạng từ nhỏ, anh đã nhiều lần cùng đồng đội làm nhiệm vụ giao liên, đưa đón Việt Minh và chuyển thư từ. Trong một lần đi liên lạc, khi cán bộ đang có cuộc họp, anh phát hiện có quân Pháp đang tới nơi cư trú của cán bộ, Kim Đồng đã đánh lạc hướng họ để các bạn của mình đưa bộ đội về căn cứ được an toàn. Kim Đồng chạy qua suối, quân Pháp theo không kịp liền nổ súng vào anh. Kim Đồng hi sinh ngay bên bờ suối Lê Nin (Cao Bằng) vào ngày 15 tháng 2 năm 1943, khi vừa tròn 14 tuổi).

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ nhất (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể) để kiểm tra phỏng đoán. GV vừa kể vừa dùng các câu hỏi kích thích sự phỏng đoán, trí tò mò nhằm thu hút sự tập trung chú ý của HS.

– HS trao đổi về phỏng đoán của mình sau khi nghe câu chuyện.

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ hai (có thể dùng tệp ghi âm và ghi hình giọng kể phối hợp với tranh, hình ảnh động minh họa) kết hợp quan sát từng tranh minh họa và ghi chép nhanh các nội dung vào sơ đồ đơn giản để ghi nhớ nội dung từng đoạn câu chuyện.

2.2. Kể lại từng đoạn câu chuyện theo tranh và câu hỏi gợi ý dưới tranh

– HS quan sát tranh và câu hỏi gợi ý dưới tranh, kể lại từng đoạn câu chuyện trong nhóm 4.

– 1 – 2 nhóm HS kể nối tiếp bốn đoạn của câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

2.3. Kể lại toàn bộ câu chuyện

– HS kể lại toàn bộ câu chuyện trong nhóm 2 (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ, phân biệt giọng các nhân vật khi kể).

– 1 – 2 HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

– HS cùng GV trao đổi về ý nghĩa câu chuyện hoặc nói về nhân vật em thích, cho biết lí do hoặc trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện (nếu còn thời gian).

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Nhận diện thể loại thư điện tử

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS đọc thư điện tử của bạn Hồng Hạnh viết cho bạn Vân Anh.

– HS thảo luận nhóm đôi trả lời các câu hỏi.

(Gợi ý: b. + Phần đầu thư: *Địa chỉ người nhận thư; Chủ đề.*

+ Phần nội dung: *Lời xưng hô; những thông tin cần trao đổi.*

+ Phần cuối thư: *Thông tin của người gửi thư.*)

– Một vài nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe GV nhận xét và rút ra những lưu ý khi viết thư điện tử: nội dung, hình thức trình bày,...

3.2. Thực hành viết thư điện tử

– HS xác định yêu cầu của BT 2, đọc các gợi ý.

– HS thảo luận nhóm đôi để tìm ý trả lời cho bức thư.

– HS thực hiện vào VBT.

– Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Đặt tên địa chỉ thư điện tử của em và chia sẻ về tên em đặt.*
- HS xem lại cách đặt tên địa chỉ thư điện tử của bạn Vân Anh, bạn Hồng Hạnh và nghe GV gợi ý:
 - + Tên địa chỉ thư điện tử gồm có những phần nào?
 - + Phần nào do các bạn tự đặt?
 - + Phần đó thường có những thông tin gì?
 - + ...
- HS thực hiện đặt tên thư điện tử cá nhân theo gợi ý của GV.
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ về tên địa chỉ thư điện tử vừa đặt.
- 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét và tổng kết bài học.

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (Tuần 9)

Tuần *Ôn tập giữa học kì I* tiếp tục hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm* thông qua việc ôn lại các bài học ở các chủ điểm *Vào năm học mới, Mái trường mến yêu, Những búp măng non, Em là đội viên.*

TIẾT 1 (SHS, tr.68)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện lại các văn bản truyện đã học từ đầu học kì I: đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài.
2. Ôn luyện viết chữ hoa: viết đúng các chữ *Ă, Â, N, M, Đ, P, R, B* hoa cỡ nhỏ, tên người, tên địa danh Việt Nam và câu ứng dụng.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi.
- Mẫu chữ viết hoa *Ă, Â, N, M, Đ, P, R, B* (cỡ nhỏ).
- Hình ảnh bản đồ Việt Nam và tranh ảnh về Nhà Mạ, Đồng Tháp Mười (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- Nhóm bốn HS bắt thăm, đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài.
- Một số HS đọc và trả lời câu hỏi trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi bằng bông hoa cảm xúc.

2. Ôn luyện viết chữ Ă, Â, N, M, Đ, P, R, B hoa (cỡ nhỏ)

2.1. Ôn luyện viết chữ Ă, Â, N, M, Đ, P, R, B hoa

- HS quan sát mẫu chữ *Ă, Â, N, M, Đ, P, R, B* hoa cỡ nhỏ, xác định chiều cao, độ rộng các chữ, cấu tạo nét của các chữ hoa (theo nhóm chữ).
- HS quan sát GV viết mẫu hoặc quan sát qua phần mềm viết chữ (có thể gọi HS có kĩ thuật viết tốt viết mẫu) và nêu quy trình viết 1 – 2 chữ hoa cỡ nhỏ.
- HS viết chữ *Ă, Â, N, M, Đ, P, R, B* hoa cỡ nhỏ vào VTV.

2.2. Ôn luyện viết từ ứng dụng (tên người, tên địa danh)

- HS đọc tìm hiểu về tên địa danh *Nà Mạ* (Tên một thôn ở xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, quê hương của anh Kim Đồng và cũng là nơi Đội Nhi đồng Cứu quốc được thành lập). HS nghe GV giới thiệu và xác định vị trí tỉnh Cao Bằng trên bản đồ Việt Nam, vị trí thôn Nà Mạ trên bản đồ hành chính tỉnh Cao Bằng.
- HS đọc và tìm hiểu về tên riêng *Đức Thanh* (Tên người phụ trách đầu tiên của Đội Nhi đồng Cứu quốc khi mới thành lập, nay là Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh); *Thanh Minh* (Tên thật là Lý Văn Tịnh, là một trong năm đội viên đầu tiên của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh).
- HS quan sát và nhận xét cách viết các tên riêng *Nà Mạ, Thanh Minh, Đức Thanh*.
- HS xác định độ cao các con chữ, vị trí đặt dấu thanh, khoảng cách giữa các tiếng,...
- HS quan sát cách GV viết từ *Nà Mạ, Thanh Minh, Đức Thanh* (có thể gọi HS có kĩ thuật viết tốt viết mẫu).
- HS viết các tên riêng *Nà Mạ, Thanh Minh, Đức Thanh* vào VTV.

2.3. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của bài ca dao:

*Đông Tháp Mười cò bay thẳng cánh,
Nước Tháp Mười lóng lánh cá tôm.*

*Ai đi Châu Đốc, Nam Vang,
Ghé qua Đồng Tháp bạt ngàn bông sen.*

Ca dao

(Ca ngợi vẻ đẹp trù phú của vùng Đồng Tháp Mười – một vùng đất ngập nước của đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là sản vật nơi đây vô cùng phong phú với nhiều cá tôm và trồng rất nhiều hoa sen, hoa súng,...)

- HS viết câu ứng dụng vào VTV.

2.4. Luyện viết thêm

- HS viết chữ *Ă, Â, N, M, Đ, P, R, B* hoa cỡ nhỏ và câu ca dao vào VTV.
- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của các từ *Đinh Bộ Lĩnh* (924 – 979, là người có công dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất giang sơn. Ông là vị hoàng đế đầu tiên của Việt Nam và đặt tên nước là Đại Cồ Việt); *Trần Phú* (1904 – 1931, là một nhà cách mạng của Việt Nam, là Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam – lúc đó có tên là Đảng Cộng sản Đông Dương – khi mới 26 tuổi); *Bình Dương* (tên một tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ) và của câu ứng dụng: *Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh*.

2.5. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết và tổng kết.

TIẾT 2 (SHS, tr.69 – 70)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện lại các văn bản thông tin đã học từ đầu học kì I: đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài.

2. Nghe – viết được bài thơ *Con tàu của em*; ôn luyện cách viết hoa tên người; phân biệt *ay/ ây* hoặc *iêc/ iêt*.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi.
- Thẻ từ để tổ chức hoạt động chính tả.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi

- HS xác định yêu cầu của BT 1.

– Nhóm bốn HS bắt thăm, đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc hoặc nội dung bài.

– Một số HS đọc và trả lời câu hỏi trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi bằng bông hoa cảm xúc.

2. Ôn luyện viết chính tả

2.1. Nghe – viết

– HS đọc bài thơ *Con tàu của em*, trả lời câu hỏi về nội dung bài viết: *Trường, lớp được bạn nhỏ so sánh với những gì?*

– HS đánh vần một số tiếng/ từ ngữ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *tàu, mỗi, chuyển rung,...*

– HS nghe GV đọc từng dòng và viết bài thơ vào VBT.

– HS nghe GV đọc lại bài viết, tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Ôn luyện cách viết hoa tên riêng

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS nhắc lại cách viết hoa tên riêng và thực hiện vào VBT (Đáp án: *lâm Thanh Yên Đan* → *Lâm Thanh Yên Đan*; *nguyễn khánh linh* → *Nguyễn Khánh Linh*; *Lê đình Huy* → *Lê Đình Huy*; *Trần phúc nguyên* → *Trần Phúc Nguyên*).

– 1 – 2 HS trình bày BT đã chữa trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Phân biệt ay/ ây hoặc iêc/ iêt

– HS xác định yêu cầu của BT 4, lựa chọn BT phương ngữ cần thực hiện.

– HS tìm trong nhóm đôi tiếng phù hợp với mỗi ☼ và thực hiện BT vào VBT.

– HS chơi trò chơi *Tiếp sức* để chữa BT (Đáp án: **ay/ ây**: *máy – mây – thầy – bày – máy – đầy*; **iêc/ iêt**: *việc – viết – miết – biếc – tiếc – xiếc*).

– HS giải nghĩa (nếu cần) và đặt câu với từ ngữ vừa điền.

– HS nghe bạn và GV nhận xét và tổng kết.

TIẾT 3 (SHS, tr.70 – 71)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện lại các văn bản thơ đã học từ đầu học kì I: đọc thuộc lòng một đoạn trong bài thơ em thích và chia sẻ cảm xúc của em sau khi đọc bài.
2. Ôn luyện MRVT *Măng non*; đặt câu với từ ngữ tìm được về hoạt động của trẻ em.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn thơ và câu hỏi.
- Hình ảnh của huy hiệu Đội, 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên nhi đồng, hình ảnh trẻ em, hình ảnh chào cờ.
- Tranh ảnh các phong trào, các hoạt động, việc làm của thiếu nhi.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn đọc thuộc lòng

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- Nhóm bốn HS thi học thuộc lòng một đoạn trong bài thơ em thích và chia sẻ cảm xúc của em sau khi đọc bài.
- Một số HS đọc bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng bằng bông hoa cảm xúc.

2. Mở rộng vốn từ *Măng non*

- HS xác định yêu cầu của BT 2, quan sát ô chữ và đọc các gợi ý.
- HS thi giải ô chữ trong nhóm hoặc trước lớp, có thể tổ chức thành các đội thi (Đáp án: 1. *BÚP MĂNG*; 2. *CHẤM CHỈ*; 3. *NHI ĐỒNG*; 4. *DỪNG CẢM*; 5. *KHIÊM TỐN*; 6. *CHÀO CỜ*; 7. *KẾ HOẠCH NHỎ* – Từ khoá: *MĂNG NON*).
- HS tìm hiểu thêm về một số từ ngữ tìm được ở hàng ngang, hàng dọc bằng hình ảnh, vật thật (nếu có).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Đặt câu về hoạt động của trẻ em

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS đọc lại các từ ngữ tìm được ở BT 2 và quan sát hình gợi ý.
- HS đặt câu trong nhóm đôi và viết vào VBT.
- 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét và tổng kết.

TIẾT 4 (SHS, tr.72)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện lại các văn bản miêu tả đã học từ đầu học kì I: đọc thành tiếng một đoạn trong bài và nói về một hình ảnh đẹp trong bài.
2. Ôn luyện viết đoạn văn ngắn miêu tả đồ vật.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc.
- Tranh ảnh, vật thật một số loại đồ chơi trẻ em.
- Hình ảnh phóng to của sơ đồ tư duy tả đồ chơi.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- Nhóm bốn HS thi đọc thành tiếng một đoạn trong bài văn em thích và nói về một hình ảnh đẹp trong bài.
- Một số HS đọc bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc bài bằng bông hoa cảm xúc.

2. Ôn luyện viết đoạn văn ngắn miêu tả đồ vật

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS quan sát sơ đồ và các hình ảnh hoặc đồ chơi thật để gợi ý.
- HS chia sẻ nhanh về đồ chơi em thích trong nhóm đôi, góp ý, bổ sung cho nhau.
- HS viết đoạn văn ngắn vào VBT.
- 1 – 2 HS chia sẻ bài làm trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, nhắc lại một số lưu ý khi viết đoạn văn miêu tả đồ vật.

TIẾT 5 (SHS, tr.73 – 74)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc trôi chảy bài đọc *Cô Hiệu trưởng*, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; bước đầu đọc phân biệt được lời người dẫn chuyện và lời các nhân vật với giọng phù hợp.
2. Hiểu được nội dung bài đọc: *Cô Hiệu trưởng đã giúp đỡ Tre – một HS gặp khó khăn khi nói – trở nên mạnh dạn bằng tình yêu thương và cách giảng dạy phù hợp.*

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

Thẻ lựa chọn cho HS tham gia trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu

1.1. Ôn luyện đọc thành tiếng

- HS đọc tên bài, quan sát tranh, phỏng đoán nội dung bài đọc trong nhóm nhỏ.
- HS nghe GV giới thiệu bài đọc *Cô Hiệu trưởng*.
- HS đọc nối tiếp các đoạn của bài trong nhóm nhỏ, đọc cả bài trong nhóm đôi và trước lớp.
- HS giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu cần).

1.2. Ôn luyện đọc hiểu

- HS nghe GV hướng dẫn đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời các câu hỏi trong SHS.
- Một vài nhóm chia sẻ kết quả thảo luận trước lớp.
- HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi.
- HS nghe GV nhận xét kết quả và nhận xét bài học.

TIẾT 6 (SHS, tr.74 – 75)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện nhận diện và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh.
2. Ôn luyện đặt và mở rộng câu về đồ chơi hoặc trò chơi.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

Một vài hình ảnh cánh diều (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn luyện biện pháp tu từ so sánh

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc các đoạn thơ, đoạn văn và tìm hình ảnh so sánh trong nhóm đôi (Đáp án: *Cánh diều như dấu á; Diều là hạt cau; Cánh diều như cánh bướm*).
- HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét kết quả và giải thích thêm về các hình ảnh so sánh bằng vật thật, hình ảnh, video.

- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS thảo luận trong nhóm nhỏ và nêu tác dụng của hình ảnh so sánh (Gợi ý: *Giúp câu thơ, câu văn sinh động hơn, HS cảm nhận cảnh điều quen thuộc, gần gũi hơn*).
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

2. Đặt câu về đồ chơi hoặc trò chơi

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và quan sát các gợi ý.
- HS nói miệng trong nhóm nhỏ (GV khuyến khích HS nói nối tiếp các câu thành đoạn ngắn).
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Mở rộng câu bằng từ ngữ trả lời câu hỏi *Khi nào?* hoặc *Ở đâu?*

- HS xác định yêu cầu của BT 3, đọc các câu cho trước.
- HS trao đổi trong nhóm, viết các câu được mở rộng bằng từ ngữ trả lời câu hỏi *Khi nào?* hoặc *Ở đâu?* vào VBT (Gợi ý: a. *Giờ ra chơi,...*; b. *trên sân/ trên sân trường,...*; c. *trên sân/ trên cành cây/ bên cửa sổ/...*).
- 2 – 3 HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

TIẾT 7 (SHS, tr.75)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện viết đoạn văn ngắn giới thiệu một người bạn của em.
2. Trang trí và trình bày bài viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Sơ đồ tư duy giới thiệu một người bạn.
- Một số bài tự giới thiệu đã học.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn luyện viết đoạn văn ngắn giới thiệu một người bạn của em

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và sơ đồ gợi ý.
- HS trao đổi đoạn văn tự giới thiệu trong nhóm đôi, đọc lại các bài tự giới thiệu đã học để tìm ý cho đoạn viết.

- HS thực hiện vào VBT.
- 1 – 2 HS đọc đoạn văn trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét bài viết.

2. Trang trí và trưng bày bài viết

- HS trang trí và trưng bày bài viết bằng kỹ thuật *Phòng tranh*.
- HS quan sát, đọc và nhận xét bài viết của bạn.
- HS nghe GV tổng kết bài học.

Chủ điểm 5. ƯỚC MƠ TUỔI THƠ (Tuần 10 – 11)

Chủ điểm *Ước mơ tuổi thơ* hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*: giúp các em hiểu được mỗi con người sống phải biết ước mơ vươn tới những điều tốt đẹp cho bản thân, gia đình, những người xung quanh cũng như thiên nhiên, môi trường sống. Ước mơ chỉ có thể trở thành hiện thực khi bản thân chúng ta biết cố gắng cùng với sự động viên, giúp đỡ của bố mẹ, bạn bè, thầy cô,... Từ đó, các em có ý thức phấn đấu học tập, rèn luyện, khắc phục khó khăn để chinh phục ước mơ.

BÀI 1: Ý TƯỞNG CỦA CHÚNG MÌNH (tiết 1 – 4, SHS, tr.76 – 78)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Chia sẻ được với bạn về một bức tranh; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài đọc và tranh minh họa.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; bước đầu đọc lời các nhân vật và người dẫn chuyện với giọng phù hợp; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Những chiếc máy mà các bạn nhỏ thể hiện trong tranh là những ý tưởng độc đáo, sáng tạo. Nếu chế tạo được những chiếc máy này, con người sẽ làm việc nhẹ nhàng hơn.*

- Tìm đọc một truyện về ước mơ, viết được *Phiếu đọc sách* và biết cách chia sẻ với bạn về tên, những suy nghĩ, việc làm của nhân vật em thích trong truyện đã đọc.

2. Viết đúng kiểu chữ hoa: C, G, tên địa danh và câu ứng dụng.

3. MRVT về *Ước mơ*, đặt câu với từ ngữ tìm được.

4. Giới thiệu về đồ vật em muốn chế tạo để giúp con người làm việc vui hơn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh vẽ phóng to để tổ chức hoạt động khởi động.
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Vậy là cả lớp...* đến *Minh hào hứng*.
- HS mang theo sách có truyện về ước mơ và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về truyện đã đọc.
- Mẫu chữ viết hoa C, G cỡ nhỏ.
- Thẻ từ màu để tổ chức cho HS chơi trò chơi khi thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm, từ đó nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Ước mơ tuổi thơ*.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ: Chia sẻ được với bạn về một bức tranh của em: chủ đề, cảnh vật, màu sắc,... → Đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc *Ý tưởng của chúng mình* lên bảng.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (*Gợi ý*: giọng người dẫn chuyện thông thả, giọng cô giáo ấm áp, thân thiện; giọng Tâm, Minh hào hứng, thể hiện niềm hi vọng; nhấn giọng khi đọc các từ ngữ hoạt động, đặc điểm (*hào hứng, mềm, nhanh, khổng lồ, tươi cười, ...*)).
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:
 - + Cách đọc một số từ ngữ khó: *vẽ, nhện, sản phẩm, rô bốt, ...*
 - + Cách ngắt, nghỉ một số câu dài: *Bạn Tâm vẽ chiếc ô tô/ mềm như một quả bóng khổng lồ, vừa có đuôi cá để bơi/ vừa có đôi cánh để bay.//; Còn sản phẩm của bạn Minh/ là cái máy hình con cua khổng lồ, càng và chân máy/ đều có thể hút được những hạt lúa trên đồng.//; ...*

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó chưa được chú thích trong SHS (nếu cần),
VD: *chế tạo* (tạo ra sản phẩm),...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS (Đối với câu 3, GV khuyến khích HS nói theo suy nghĩ cá nhân, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có).

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS làm việc cá nhân hoặc nhóm để trả lời câu hỏi 5, HS viết tên truyện đặt được vào một mẫu giấy, chia sẻ về tên và lí do đặt tên trong nhóm. (Tham khảo: *Những chiếc máy thần kì, Một giờ học ý nghĩa,...*)

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc của từng nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS nghe GV đọc lại đoạn *Vậy là cả lớp... đến Minh hào húng.*

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn *Vậy là cả lớp... đến Minh hào húng.*

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một truyện về ước mơ

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một truyện về ước mơ (GV hướng dẫn HS tìm đọc truyện về ước mơ phù hợp với lứa tuổi và có ý nghĩa giáo dục).

– Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều HS thấy thú vị: *tên truyện, tên tác giả, nhân vật (tên, suy nghĩ, việc làm của nhân vật,...)*.

– HS có thể trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề hoặc nội dung truyện.

1.2.2. Chia sẻ những suy nghĩ, việc làm của nhân vật em thích

– HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về những suy nghĩ, việc làm về nhân vật em thích trong truyện đã đọc. Có thể đọc truyện cho bạn nghe hoặc chia sẻ truyện cho các bạn cùng đọc.

– Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm* của lớp.

– HS lắng nghe bạn chia sẻ và đặt câu hỏi về những điều bạn chia sẻ.

- HS nhận xét về *Phiếu đọc sách* của bạn.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Ôn luyện viết chữ C, G hoa

- HS quan sát mẫu chữ C hoa, nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của chữ C hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ C hoa.
- HS viết chữ C hoa cỡ nhỏ vào bảng con (nếu HS viết tốt, GV có thể bỏ qua bước này, cho HS viết vào VTV).
- HS quan sát mẫu chữ G hoa, nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của chữ G hoa trong mối quan hệ so sánh với chữ C hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ G hoa (có thể chọn một HS viết tốt viết chữ G hoa trên bảng cho cả lớp quan sát).
- HS viết chữ C, G hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết từ ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ ứng dụng *Cần Giờ* (Tên một huyện của Thành phố Hồ Chí Minh, ở đây có khu rừng ngập mặn với nhiều loài động thực vật đặc trưng của miền duyên hải Việt Nam).
- HS nghe GV nhắc lại cách nối từ chữ C hoa sang chữ a và từ chữ G hoa sang chữ i (nếu cần).
- HS quan sát cách GV viết chữ *Cần Giờ* (nếu cần).
- HS viết chữ *Cần Giờ* vào VTV.

2.3. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng:

*Bàn tay ta làm nên tất cả,
Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.*

Hoàng Trung Thông

(Câu thơ ca ngợi sức lao động, sáng tạo của con người. Nhờ sức lao động, sự sáng tạo, con người đã chinh phục được thiên nhiên, khắc phục mọi khó khăn làm cho cuộc sống ngày càng tốt đẹp.)

- HS viết câu ứng dụng vào VTV.

2.4. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ *Phan Đình Giót* (1922 – 1954, là một trong 16 anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân được tuyên dương thành tích trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Phan Đình Giót đã tham gia nhiều chiến dịch lớn như: Trung Du, Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên Phủ) và câu ứng dụng: *Con của mày sẽ giúp ba mẹ thu hoạch lúa nhanh hơn.*

– HS viết nội dung luyện viết thêm vào VTV.

2.5. Đánh giá bài viết

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Mở rộng vốn từ Ước mơ

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS có thể thực hiện BT bằng hình thức trò chơi thi tìm từ nhanh với bạn hoặc nhóm của bạn bằng cách nối các tiếng đã cho tạo thành từ ngữ.

– HS nghe GV nhận xét kết quả. (GV chỉ ra những từ ngữ phù hợp như: *ước mơ, mơ ước, ước muốn, ước mong, mong muốn, ao ước, ước ao, mơ mộng, mộng mơ*, một số sự kết hợp không tạo thành từ ngữ như: *muốn ước, muốn mong, ...*).

3.2. Đặt câu có từ ngữ thuộc chủ đề Ước mơ

– HS xác định yêu cầu của BT 2, đọc lại các từ ngữ tìm được ở BT 1 và các câu mẫu.

– HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét để điều chỉnh cách diễn đạt, mở rộng câu,...

– 1 – 2 HS nói câu trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

– HS viết 1 – 2 câu vào VBT.

– HS nhận xét bài làm của bạn trong nhóm đôi.

(Các BT 2b và 2c thực hiện tương tự nhưng có thể lược bớt một vài bước nếu thấy không cần thiết.)

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Giới thiệu về đồ vật em muốn chế tạo để giúp con người làm việc vui hơn.*

– HS suy nghĩ và chia sẻ trong nhóm đôi về đồ vật em muốn chế tạo để giúp con người làm việc vui hơn dựa vào một số câu hỏi gợi ý của GV:

+ Em muốn chế tạo đồ vật gì?

+ Đồ vật ấy dùng để làm gì?

+ Công việc của con người thay đổi như thế nào nếu sử dụng đồ vật em chế tạo?

+ ...

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết tiết học.

BÀI 2: ĐIỀU KÌ DIỆU (tiết 5 – 7, SHS, tr.79 – 81)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Sắp xếp các tiếng thành cụm từ, tìm hiểu nội dung cụm từ xếp được; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa. Hiểu được nội dung bài đọc: *Nhờ ý chí, nghị lực phi thường, Tiến Anh không những khắc phục được khó khăn trong học tập, sinh hoạt do khiếm khuyết cơ thể mà còn thực hiện được ước mơ vẽ tranh của mình.*

– Tìm từ ngữ có nghĩa giống với *cố gắng, say mê*; đặt được câu có từ ngữ tìm được để nói về bạn Tiến Anh.

2. Kể được tên một số nhân vật, nói được về một nhân vật em thích trong truyện đã học theo gợi ý.

3. Nhận diện, tìm ý cho đoạn văn viết về tình cảm với thầy cô giáo hoặc một người bạn.

4. Hát bài hát về ước mơ và nói về ước mơ được nhắc đến trong bài hát.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh ảnh, video clip một số hoạt động/ sản phẩm học tập của Tiến Anh (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ *Tiến Anh trở thành...* đến hết.

– Thẻ từ hoặc bảng nhóm để chơi trò chơi sau hoạt động đọc.

– Một vài truyện hoặc tranh ảnh nhân vật trong truyện thiếu nhi.

– Audio, video clip một số bài hát về ước mơ (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, sắp xếp các từ đã cho thành cụm từ, trao đổi về nội dung cụm từ xếp được (*Vượt lên chính mình*: luôn nỗ lực để vượt qua những giới hạn, những khó khăn để làm được điều tốt đẹp cho bản thân, gia đình và mọi người).
- HS đọc tên bài, phỏng đoán nội dung dựa vào tên bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Điều kì diệu*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *toàn bài đọc giọng thông thả, chậm rãi, giọng của Tiến Anh trong sáng, tự nhiên; nhấn giọng các từ ngữ thể hiện khiếm khuyết và cố gắng, nỗ lực của Tiến Anh, sự động viên của mẹ và từ ngữ chỉ những thành tích em đạt được*).
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:
 - + Cách đọc một số từ ngữ khó: *xuất sắc*,...
 - + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Tiến Anh đạt Giải Triển vọng/ cuộc thi vẽ tranh thiếu nhi Ca-thay lần thứ 10,/ khu vực Hà Nội,/ chủ đề Em vẽ ước mơ của em.//; ...*
 - + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *song sinh* (sinh đôi);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

- HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có).
- HS rút ra nội dung, ý nghĩa của bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.
- HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 5 trong SHS (Đây là câu hỏi mở, GV nên khuyến khích HS chia sẻ các bài học mà các em rút ra được, từ đó kết hợp giáo dục HS cần vượt lên chính mình để chinh phục ước mơ).

1.1.3. Luyện đọc lại

- HS xác định giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.
- HS luyện đọc đoạn từ *Tiến Anh trở thành...* đến hết trong nhóm nhỏ.
- HS luyện đọc trước lớp đoạn từ *Tiến Anh trở thành...* đến hết.
- HS đọc toàn bài.

TIẾT 2

1.2. Tìm và đặt câu với từ ngữ có nghĩa giống nhau

– HS xác định yêu cầu thứ nhất: tìm từ ngữ có nghĩa giống với các từ ngữ *cố gắng, say mê*.

– HS tìm trong nhóm nhỏ bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn* (Đáp án: **cố gắng**: *gắng sức, nỗ lực, ráng,...*; **say mê**: *mê say, đam mê, ham mê,...*), kết hợp tìm hiểu nghĩa của các từ ngữ tìm được (nếu cần).

– HS xác định yêu cầu thứ hai: đặt 1 – 2 câu với từ ngữ tìm được để nói về bạn Tiên Anh bằng kỹ thuật *Tia chớp*.

– HS thảo luận trong nhóm đôi và trình bày kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Nói và nghe

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và kể tên một số nhân vật trong truyện em đã nghe, đã đọc bằng kỹ thuật *Tia chớp*.

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Nhận diện đoạn văn viết về tình cảm với thầy cô giáo hoặc một người bạn

– HS đọc đoạn văn và xác định yêu cầu của BT 1.

– HS đọc và trả lời câu hỏi trong nhóm đôi.

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, có thể rút ra một vài lưu ý khi viết đoạn văn về tình cảm với bạn bè hoặc thầy cô giáo về cấu tạo, nội dung,...

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Tìm ý cho đoạn văn viết về tình cảm với thầy cô giáo hoặc một người bạn

– HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.

– HS trả lời một vài câu hỏi để định hướng việc thực hiện yêu cầu:

+ Em chọn viết về ai? Vì sao?

+ Tình cảm của em với thầy cô hoặc bạn như thế nào về hình dáng, tính tình,...

+ Kỷ niệm đẹp giữa em với thầy cô hoặc bạn ra sao?

+ ...

- HS làm bài cá nhân vào VBT, tập ghi chép bằng sơ đồ.
- Một vài HS chia sẻ sơ đồ trong nhóm và trước lớp (GV có thể chụp bài làm của HS chiếu lên màn hình để HS quan sát).
- HS nghe bạn và GV nhận xét để bổ sung, hoàn chỉnh nội dung tìm ý.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Hát một bài hát về ước mơ, nói về ước mơ được nhắc đến trong bài hát.*
- HS chia đội/ nhóm để thi hát các bài hát về ước mơ trong 3 – 5 phút (mỗi bài có thể chỉ hát 1 – 2 câu).
- HS nói về ước mơ được nhắc đến trong bài hát đã thi theo kĩ thuật *Phản xạ nhanh*.
- HS nghe GV đánh giá và tổng kết bài học.

BÀI 3: CHUYỆN XÂY NHÀ (tiết 8 – 11, SHS, tr.82 – 85)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Trao đổi với bạn về nơi ở của các con vật trong những bức ảnh; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Cuộc sống đầy màu sắc của thế giới loài vật trong vườn cùng với những ngôi nhà nhỏ xinh đã gợi cho bạn nhỏ ước mơ chinh phục thiên nhiên để xây được ngôi nhà trên mây.*
- Tìm đọc một văn bản thông tin về ước mơ, viết được *Phiếu đọc sách* và biết cách chia sẻ với bạn suy nghĩ của em về ước mơ được nhắc đến trong bài đọc.

2. Nghe – viết được đoạn trong bài *Chuyện xây nhà*, phân biệt *ch/ tr; r/ d/ gi* hoặc *iên/ iêng*.

3. Luyện tập về biện pháp tu từ so sánh (so sánh hoạt động với hoạt động).

4. Ôn dấu chấm, ngắt đoạn văn thành các câu.

5. Nói với người thân về ngôi nhà mơ ước theo gợi ý.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip về tổ/ nơi ở của con vật được nhắc đến trong bài đọc và cuộc sống của chúng (nếu có).
- Bảng phụ ghi ba khổ thơ cuối.
- HS mang theo sách, báo có văn bản thông tin về ước mơ và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về văn bản thông tin đã đọc.

- Thẻ từ để tổ chức cho HS chơi trò chơi khi thực hiện các BT luyện từ và câu.
- Tranh, ảnh hỗ trợ để HS viết câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS trao đổi về nơi ở của các con vật trong những bức ảnh. GV có thể cho các em xem thêm một số tranh ảnh, video clip đã chuẩn bị về tổ/ nơi ở một số con vật quen thuộc với các em và cuộc sống của chúng (nếu cần).

- HS quan sát tranh minh hoạ, đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Chuyện xây nhà*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (*Gợi ý*: giọng trong sáng, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ tên loài vật: kiến gió, kiến lửa, xén tóc, bọ ngựa, đom đóm,... và đặc điểm, hành động, tính chất: cuộn, oai, thuê, luyện kiếm, vun vút, giăng đèn, thấp,...).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp và nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *luyện kiếm, vun vút, giăng đèn,...*

+ Cách ngắt nhịp một số dòng thơ:

Nhà/ của chị kiến gió/

Cuộn/ trong tàu lá khoai/

Ụ đất –/ anh kiến lửa/

Xây thành lũy/ đến oai!//

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *thành lũy* (công trình xây đắp kiên cố); *giăng* (làm cho vật có chiều dài căng ra);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 3 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có).

– HS rút ra nội dung bài thơ trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 4 trong SHS (GV khuyến khích HS tự chọn nói về hình ảnh em thích kèm theo lời giải thích đơn giản).

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

- HS xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài thơ.
- HS nghe GV đọc lại ba khổ thơ cuối.
- HS luyện đọc 2 – 3 khổ thơ em thích trong nhóm, trước lớp và học thuộc lòng bằng cách tự nhẩm thuộc, xoá dần hoặc thay chữ bằng hình,...
- Một số HS thi đọc thuộc lòng trước lớp.
- HS nghe bạn đọc và GV nhận xét.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một bài đọc về ước mơ

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

- HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài đọc về ước mơ theo hướng dẫn của GV.
- HS viết vào *Phiếu đọc sách* những thông tin chính sau khi đọc văn bản: *tên bài đọc, tên tác giả, ước mơ, điều thú vị,...*
- HS có thể trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài văn.

1.2.2. Chia sẻ suy nghĩ về ước mơ trong bài đọc

- HS chia sẻ với bạn trong cặp/ nhóm nhỏ suy nghĩ của em về ước mơ được nhắc đến trong bài đọc; có thể đọc bài cho bạn nghe hoặc chia sẻ văn bản thông tin cho các bạn cùng đọc.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm*.
- HS nghe bạn chia sẻ và đặt câu hỏi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Nghe – viết

- HS đọc lại đoạn trong bài thơ *Chuyện xây nhà*, trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung đoạn thơ.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ ngữ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ hoặc do không nhớ quy tắc chính tả. VD: *xén tóc, cửa hiệu, luyện kiếm, gieo, xa tít,...*

- HS nghe GV đọc từng câu và viết vào VBT.
- HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.
- HS nghe bạn nhận xét bài viết và chữa lỗi.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Phân biệt ch/ tr

- HS đọc yêu cầu BT 2 và các từ ngữ trên thẻ.
- HS thảo luận nhóm đôi, làm bài vào VBT (Đáp án: *bản chủ* → *bản trí*, *câu truyện* → *câu chuyện*).
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Phân biệt r/ d/ gi hoặc iên/ iêng

- HS đọc yêu cầu BT (3), lựa chọn BT phương ngữ phân biệt.
- HS tìm trong nhóm đôi chọn chữ hoặc vần và thêm dấu thanh (nếu cần) phù hợp với mỗi 🌀 và thực hiện vào VBT (Đáp án: a. *rom*, *chiều*, *gió*; b. *kiến*, *khiêng*, *nghiêng*, *hiên*).
- HS chữa bài bằng hình thức chia đội, chơi tiếp sức gắn nhanh các thẻ có chứa chữ hoặc vần và dấu thanh phù hợp vào chỗ trống.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Luyện tập về so sánh

- HS đọc yêu cầu của BT 1, đọc các đoạn thơ và câu.
 - HS trao đổi trong nhóm để tìm các hoạt động được so sánh và từ ngữ dùng để so sánh
- Đáp án:

Sự vật	Hoạt động 1	Từ ngữ dùng để so sánh	Hoạt động 2
<i>lá cờ</i>	<i>bay</i>	<i>như</i>	<i>reo</i>
<i>con trâu đen</i>	<i>đi</i>	<i>như</i>	<i>đập đất</i>
<i>đàn đom đóm</i>	<i>bay</i>	<i>như</i>	<i>giăng đèn mở hội</i>

- Các nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét, chốt kết quả theo bảng và giới thiệu dạng so sánh hoạt động với hoạt động.

3.2. Đặt câu có hình ảnh so sánh

- HS xác định yêu cầu của BT 2, đọc mẫu.
- HS viết vào VBT 1 – 2 câu có hình ảnh so sánh.
- HS trao đổi bài và nhận xét theo cặp.
- HS nghe GV nhận xét.

3.3. Ngắt đoạn văn thành bốn câu và chép lại

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS đọc đoạn văn, trao đổi nhóm đôi để xác định vị trí ngắt câu.
- Một HS xác định vị trí ngắt câu trên bảng phụ.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS chép đoạn văn đã ngắt câu vào VBT.
- HS trao đổi VBT để soát lỗi.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Nói với người thân về ngôi nhà mơ ước.*
- HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý của GV để tìm ý cho bài nói (GV khuyến khích HS chuẩn bị nội dung nói bằng cách vẽ sơ đồ tư duy đơn giản vào giấy màu bằng một vài từ khoá và hình ảnh đơn giản):
 - + Ngôi nhà mơ ước của em ở đâu?
 - + Ngôi nhà mơ ước có hình dáng, màu sắc,... ra sao?
 - + Vì sao em lại mơ ước có một ngôi nhà như thế?
 - + ...
- HS nói với bạn trong nhóm về ngôi nhà mơ ước (nếu còn thời gian).
- HS nghe và GV nhận xét.

BÀI 4: ƯỚC MƠ MÀU XANH (tiết 12 – 14, SHS, tr.86 – 89)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Nói được về khu vườn trong tranh và nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và nội dung nói.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa. Hiểu được nội dung bài đọc: *Khu vườn với cây cối xanh mướt đã làm dịu đi cái nắng gay gắt của*

mùa hè, giúp nắng trở thành người bạn dễ thương của mọi vật và thắp lên ước mơ nghề nghiệp ngát xanh của cô bé.

– Đặt tên và nói được câu về bức tranh vẽ theo chủ đề *Ước mơ* em thích.

2. Đọc – kể được truyện *Ý tưởng của chúng mình*.

3. Luyện tập viết đoạn văn ngắn về tình cảm với thầy cô giáo hoặc một người bạn.

4. Nói được về khu vườn mơ ước của em.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Bảng phụ ghi đoạn từ *Một hạt nắng...* đến hết.

– Tranh vẽ thiếu nhi chủ đề *Ước mơ* phóng to để tổ chức hoạt động (nếu có).

– Audio, video kể chuyện (nếu có).

– Tranh ảnh, video clip một số khu vườn đẹp (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói về khu vườn trong bức tranh và đoán suy nghĩ của cô bé.

– HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Ước mơ màu xanh*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (*Gợi ý*: toàn bài đọc giọng thông thả, chậm rãi, nhấn giọng những từ ngữ tả đặc điểm của ánh nắng: chói chang, oi ả, gắt gỏng, trong trẻo..., đặc điểm của cây cối: xoè rộng như một chiếc dù khổng lồ..., đặc điểm, hành động của cô bé: (đôi mắt) xoe tròn, đen láy, thốt lên,...).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp và nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *oi ả, đang dở, gắt gỏng, trong trẻo,...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Những chú dế/ chui sâu vào lòng đất mát mẻ,/ để lại trò chơi trốn tìm/ còn đang dở/ trên vạt cỏ non xanh.//; Những chú dế/ thập thò ở cửa hang,/ chùng chùng như vừa nghĩ ra trò chơi mới/: ừ tim cùng nắng.//; ...*

– GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *chói chang* (độ sáng mạnh, làm cho loá mắt), *oi ả* (rất nóng và ẩm, không có gió, gây cảm giác khó chịu), *gắt gỏng* (ở mức độ cao, tác động khó chịu đến giác quan con người),...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS (Câu 4: *Khoảng trời của đám cây non chính là vòm lá xanh của cây hoàng lan.*), kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có).

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi 5 trong SHS (Gợi ý: *Cô bé ước mơ trở thành người làm vườn vì cô bé muốn được hoà mình vào thiên nhiên, chăm sóc cây cối tươi tốt, đem đến màu xanh cho muôn loài*). Khuyến khích HS nói theo suy nghĩ riêng của các em.

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc của từng nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS luyện đọc đoạn từ *Một hạt nắng...* đến hết trong nhóm nhỏ.

– Một vài HS đọc trước lớp.

– HS đọc toàn bài.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.2. Đặt tên và nói về bức tranh em thích

– HS xác định yêu cầu của hoạt động.

– HS trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để tìm tên phù hợp đặt cho mỗi bức tranh.

– Nhóm HS giới thiệu tên của bức tranh và giải thích.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

– HS tìm ý để nói dựa vào câu hỏi tìm ý của GV:

+ Em thích bức tranh nào?

+ Điều gì ở bức tranh làm cho em thích?

– HS nói với bạn trong nhóm.

– Một vài HS nói trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung nói.

2. Nói và nghe

2.1. Kể lại từng đoạn câu chuyện Ý tưởng của chúng mình

– HS xác định yêu cầu BT.

– HS quan sát tranh và đọc các gợi ý, nhớ lại những sự việc, chi tiết chính trong từng đoạn truyện để kể lại nối tiếp từng đoạn câu chuyện trong nhóm 4 (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật).

– HS thể hiện sự sáng tạo bằng cách thêm vào từng đoạn của câu chuyện một vài chi tiết nhỏ dựa vào gợi ý của GV:

+ Tả giọng của cô giáo hoặc cảm xúc của các bạn khi nghe đề bài (đoạn 1).

+ Suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật (đoạn 2, 3).

– 1 – 2 nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Kể lại toàn bộ câu chuyện

– HS xác định yêu cầu BT.

– HS kể lại toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.

– 1 – 2 HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Nói về tình cảm của em với thầy cô giáo hoặc một người bạn

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS nói trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ 6 – 8 câu về tình cảm của em với thầy cô giáo hoặc một người bạn dựa vào kết quả tìm ý ở bài trước.

– 1 – 2 HS nói trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét để chỉnh sửa, mở rộng câu, phát triển ý,...

3.2. Viết đoạn văn ngắn về tình cảm của em với thầy cô giáo hoặc một người bạn

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS nghe GV lưu ý một số nội dung khi viết:

+ Nội dung

+ Hình thức

+ ...

– HS thực hiện bài viết vào VBT.

3.3. Trang trí và trưng bày bài viết

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS đọc lại và trang trí đơn giản cho bài viết.

– HS trình bày bài viết bằng kỹ thuật *Phòng tranh* trong nhóm hoặc trước lớp.

- HS tham quan *Phòng tranh* và đọc một bài viết em thích.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động vận dụng: *Nói về khu vườn mơ ước của em.*
- HS thảo luận trong nhóm để tìm ý dựa vào một số câu hỏi:
 - + Em tưởng tượng khu vườn của mình ở đâu?
 - + Khu vườn có những loài cây gì? Mỗi loài cây có gì đặc biệt?
 - + Em đã làm gì để chăm sóc những loài cây đó?
 - + Khu vườn giúp ích gì cho em?
 - + ...
- Một vài HS giới thiệu trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét về nội dung giới thiệu.

Chủ điểm 6. CÙNG EM SÁNG TẠO (Tuần 12 – 13)

Chủ điểm *Cùng em sáng tạo* hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*; cung cấp cho các em một số hiểu biết về những người có công tìm tòi, sáng tạo ra những sản phẩm có ích, góp phần cải thiện cuộc sống. Từ đó, các em thêm kính trọng, biết ơn những nhà khoa học, thầy cô và những người có công tìm tòi, khám phá; mạnh dạn thử thách, sáng tạo trong học tập và cuộc sống.

BÀI 1: ĐỒNG HỒ MẶT TRỜI (tiết 1 – 4, SHS, tr.90 – 92)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Nói được về hình dáng và ích lợi của một chiếc đồng hồ em thích; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài đọc và tranh minh họa.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; bước đầu đọc lời các nhân vật và người dẫn chuyện với giọng phù hợp; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Năm hơn mười tuổi, nhờ thích tìm tòi, sáng chế, Niu-ton đã chế tạo ra chiếc đồng hồ dựa vào quy luật chuyển động của Mặt Trời.*
- Tìm đọc một số bài thơ về nghề nghiệp, viết được *Phiếu đọc sách*, đọc các dòng thơ em thích và biết cách chia sẻ lí do em thích những dòng thơ đó.

2. Viết đúng kiểu chữ hoa: *S, L, T*, tên người và câu ứng dụng.
3. MRVT *Sáng tạo*, đặt câu về một sản phẩm sáng tạo.
4. Giới thiệu được một sản phẩm sáng tạo của em hoặc bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, một số mẫu đồng hồ: đồng hồ cát, đồng hồ báo thức, đồng hồ đeo tay,... và một số phát minh của Niu-ton (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Từ những điều quan sát được... đến cháu đã tan học*.
- HS mang theo sách có bài thơ về nghề nghiệp và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về bài thơ đã đọc.
- Mẫu chữ viết hoa *S, L, T* cỡ nhỏ.
- Thẻ từ để tổ chức cho HS chơi trò chơi ở hoạt động luyện từ và câu.
- Tranh ảnh hoặc đồ vật do HS sáng tạo (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm, từ đó nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Cùng em sáng tạo*.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ: nói với bạn về hình dáng và ích lợi của một chiếc đồng hồ em thích. Phỏng đoán nội dung bài đọc nhờ tên bài và tranh minh hoạ.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc *Đồng hồ Mặt Trời* lên bảng (*I-sắc Niu-ton là một trong những người có đóng góp lớn nhất cho sự phát triển của nền khoa học hiện đại thế giới. Những phát minh của ông giúp ích rất nhiều cho nhân loại. Bài đọc này cho biết cụ thể hơn về một trong những phát hiện và sáng chế độc đáo của I-sắc Niu-ton khi ông còn nhỏ*).

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (*Gợi ý*: giọng người dẫn chuyện thông thả, giọng Niu-ton phấn khởi, thể hiện sự lễ phép với bà; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm, hoạt động của Niu-ton, chỉ trạng thái của Mặt Trời, hoạt động của chiếc đồng hồ,...).
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ, trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *I-sắc Niu-ton, tinh xảo,...*

+ Cách ngắt, nghỉ một số câu dài: *Năm hơn mười tuổi,/ trên đường đi học,/ Niu-ton quan sát thấy/ bóng của mình rất dài/ cứ chạy ở đằng trước.//; Mỗi lần/ nhìn thấy “đồng hồ Niu-ton”,/ mọi người lại nhớ đến/ cậu bé khéo tay,/ thông minh/ của làng mình.//; ...*

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó chưa được chú thích trong SHS (nếu cần), VD: *bóng* (vùng không được ánh sáng chiếu tới do bị một vật che khuất hoặc hình của vật trên nền), *quy luật* (một hoạt động ổn định, lặp đi lặp lại).

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu cần).

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS làm việc cá nhân hoặc nhóm để trả lời câu hỏi 5: Viết tên truyện đặt được vào một mẫu giấy làm theo mô hình bìa sách, chia sẻ về tên và lí do đặt tên trong nhóm. (Tham khảo một số tên có thể đặt cho bài đọc: *Cậu bé thần đồng, Cậu bé thích khám phá,...*)

– GV nhận xét và giới thiệu thêm một số phát minh khác của Niu-ton.

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc của người dẫn chuyện và Niu-ton trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Từ những điều quan sát được... đến cháu đã tan học.*

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Từ những điều quan sát được... đến cháu đã tan học.*

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một bài thơ về nghề nghiệp

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài thơ về nghề nghiệp theo hướng dẫn của GV (HS tìm đọc bài thơ phù hợp với lứa tuổi và có ý nghĩa giáo dục: *Bé thành phi công – Vũ Duy Thông, Em làm thợ xây – Hoàng Dân.*)

– Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều HS ghi nhớ (tên bài thơ, tên tác giả, tên nghề nghiệp, đặt tên khác cho bài thơ – nếu thấy phù hợp).

– HS có thể trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề hoặc nội dung bài thơ.

1.2.2. Chia sẻ lí do em thích các dòng thơ

- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về *Phiếu đọc sách*, đọc cho bạn nghe 4 – 6 dòng thơ mình thích và chia sẻ lí do.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm*.
- GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Ôn luyện viết chữ S, L, T hoa

- HS quan sát mẫu chữ S hoa, nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo của chữ S hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ S hoa.
- HS viết chữ S hoa cỡ nhỏ vào bảng con (nếu HS viết tốt, GV có thể bỏ qua bước này, cho HS viết vào VTV).
- HS quan sát mẫu chữ L hoa, nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo của chữ L hoa trong mối quan hệ so sánh với chữ S hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ L hoa (có thể chọn một HS viết tốt viết chữ L hoa trên bảng cho cả lớp quan sát).
- HS quan sát mẫu chữ T hoa, nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo của chữ T hoa trong mối quan hệ so sánh với chữ S và chữ L hoa.
- HS quan sát bạn viết chữ T hoa trên bảng để nhớ lại quy trình.
- HS viết chữ S, L, T hoa vào VTV (GV lưu ý HS về khoảng cách giữa các chữ).

2.2. Luyện viết từ ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ ứng dụng *Võ Thị Sáu* (1933 – 1952, quê ở huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, là một nữ du kích trong kháng chiến chống Pháp ở Việt Nam, người nhiều lần thực hiện các cuộc mưu sát nhắm vào các sĩ quan Pháp. Cô là nữ anh hùng trẻ tuổi của Việt Nam, bị thực dân Pháp bắt và xử bắn năm 19 tuổi).
- HS nghe GV nhắc lại cách nối từ chữ V hoa sang chữ o, từ chữ T hoa sang chữ h, từ chữ S hoa sang chữ a (nếu cần).
- HS quan sát GV viết chữ *Võ Thị Sáu*.
- HS viết chữ *Võ Thị Sáu* vào VTV.

2.3. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng:

*Ai lên Phú Thọ thì lên,
Lên non Cổ Tích, lên đền Hùng Vương.*

Ca dao

(Câu ca dao nhắc nhở mỗi người dân Việt Nam nhớ đến và tự hào về vùng đất Phú Thọ với khu di tích lịch sử Đền Hùng thuộc thôn Cổ Tích, xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Đây là khu di tích được xếp hạng Di tích lịch sử văn hoá Quốc gia đặc biệt, là nơi thờ tự các Vua Hùng đã có công dựng nước – Tổ tiên của dân tộc Việt Nam. Năm 2012, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại.)

- HS viết câu ứng dụng vào VTV.

2.4. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ *Lam Sơn* (tên một địa danh ở Thanh Hoá. Nơi đây là vùng căn cứ đầu tiên của nghĩa quân Lam Sơn vào đầu thế kỉ XV. Ngày nay, Lam Sơn là tên một phường thuộc thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.) và câu ứng dụng: *Từ nhỏ, Niu-ton đã làm được nhiều đồ chơi tinh xảo.*

- HS viết nội dung luyện viết thêm vào VTV.

2.5. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Mở rộng vốn từ Sáng tạo

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS trao đổi trong nhóm đôi để thực hiện BT.
- Hai đội, mỗi đội bốn HS, lên bảng chữa BT bằng hình thức chơi tiếp sức, gắn từng thẻ từ vào vị trí phù hợp trong bảng. HS có thể lấy VD minh hoạ để hiểu sâu hơn nghĩa của các từ ngữ.

Chỉ hoạt động	Chỉ sản phẩm	Chỉ đặc điểm
chế tạo, sáng chế, phát minh, sáng tác, thí nghiệm	bản nhạc, đồng hồ, máy móc, rô-bốt, đèn điện	mới mẻ, độc đáo, tinh xảo, đặc sắc, du dương

- HS quan sát, nhận xét.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc đoạn văn.
- HS trao đổi trong nhóm để thực hiện BT.
- HS làm bài vào VBT.
- 1 – 2 HS chữa bài trước lớp (Đáp án: *sáng chế, phát minh, chế tạo, thí nghiệm*).
- HS đọc lại đoạn văn đã điền từ và tìm hiểu nội dung đoạn văn (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.2. Đặt câu về đặc điểm của một sản phẩm

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và quan sát câu mẫu.
- 1 – 2 HS nói câu trước lớp.
- HS viết câu vào VBT.
- Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Giới thiệu một sản phẩm sáng tạo của em hoặc bạn.*
- HS thảo luận trong nhóm, dựa vào gợi ý của GV:
 - + Sản phẩm sáng tạo em muốn giới thiệu là gì?
 - + Sản phẩm có đặc điểm gì nổi bật?
 - + Cảm xúc của em ra sao khi làm được/ nhìn thấy sản phẩm?
 - + ...
- Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét và tổng kết bài học.

BÀI 2: CUỐN SÁCH EM YÊU (tiết 5 – 7, SHS, tr.93 – 95)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Kể tên một vài cuốn sách em thích; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa. Hiểu được nội dung bài đọc: *Bài đọc là những suy nghĩ, cảm xúc được bạn Hà Vy ghi chép lại sau khi đọc truyện Totto-chan bên cửa sổ. Hi vọng những cảm xúc đẹp ấy sẽ khơi gợi trí tò mò để các bạn tìm đọc tác phẩm rất nổi tiếng này.*

– Biết dùng từ ngữ phù hợp để nhận xét *Phiếu đọc sách* của bạn, nói được câu về *Phiếu đọc sách* em thích.

2. Nói được về một đồ vật em thích dựa vào gợi ý.

3. Viết đoạn văn ngắn tả một đồ dùng cá nhân em thích, trong đoạn văn có hình ảnh so sánh.

4. Tưởng tượng, đóng vai để trò chuyện với một nhân vật em thích trong một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip về các cuộc thi liên quan đến đọc sách (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Đã bao giờ...* đến *thầy Hiệu trưởng*.
- Một số *Phiếu đọc sách* có nội dung hay, hình thức đẹp.
- Tranh ảnh hoặc một số đồ vật quen thuộc với HS hỗ trợ cho hoạt động nói: đồng hồ, cặp sách, quyển truyện, tờ báo,...
- Tranh ảnh, vật thật một số đồ dùng cá nhân để hỗ trợ hoạt động viết sáng tạo.
- Tranh ảnh một số nhân vật hoặc truyện, sách, báo có nhân vật để hỗ trợ hoạt động vận dụng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, kể tên một vài cuốn sách em thích, có thể nêu lí do em thích (nội dung cuốn sách, bìa sách, tranh minh họa,...).
- HS đọc tên bài, phỏng đoán nội dung bài đọc: tên sản phẩm, nhận xét về sản phẩm,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Cuốn sách em yêu*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng đọc mạch lạc, câu hỏi: Đã bao giờ các bạn tưởng tượng trường học của mình được làm từ những toa tàu? đọc với giọng ngạc nhiên, pha chút thú vị; nhấn giọng các từ ngữ: vô cùng đáng yêu, gần một trăm năm, vô cùng hấp dẫn, thích mê, ...*).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *Nhật Bản, Tô-mô-e, Kô-ba-y-a-si, Totto-chan* (Tốt-tô-chan),...

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Các bạn biết không, hôm nay/ tớ được ghé thăm một ngôi trường vô cùng đáng yêu/ qua những trang sách nhỏ.//; Đặc biệt, các bạn ấy/ còn mang tới trường suất cơm trưa/ với những món ăn vô cùng hấp dẫn/ đến từ “núi” và “biển”/ rồi cùng ăn với thầy Hiệu trưởng.//;...*

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *ghé* (đến),...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS (Câu 4: *Bạn Hà Vy thích truyện Totto-chan bên cửa sổ vì trong truyện có ngôi trường vô cùng thú vị, ở đó các bạn học sinh có rất nhiều niềm vui trong học tập cũng như các hoạt động khác.*), kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có).

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 5 trong SHS (GV nên khuyến khích HS chia sẻ một cách tự nhiên theo suy nghĩ riêng).

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS luyện đọc đoạn từ *Đã bao giờ... đến thầy Hiệu trưởng* trong nhóm, trước lớp.

– HS đọc toàn bài.

TIẾT 2

1.2. Nhận xét và nói về Phiếu đọc sách em thích

– HS xác định yêu cầu hoạt động.

– HS chia sẻ trong nhóm nhỏ một *Phiếu đọc sách* của mình.

– HS viết nhận xét bằng một từ vào mẫu giấy nhỏ (được trang trí), sau đó dán vào *Phiếu đọc sách* em thích của một bạn cùng nhóm.

– Một vài HS nói (kết hợp giới thiệu) trước lớp về *Phiếu đọc sách* em thích theo gợi ý:

+ Em thích *Phiếu đọc sách* của bạn nào?

+ Điều gì trong *Phiếu đọc sách* khiến em thích?

+ Em học được điều gì từ cách viết và trang trí *Phiếu đọc sách* của bạn?

+ ...

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Nói và nghe

– HS xác định yêu cầu của BT và đọc các gợi ý.

- HS trao đổi trong nhóm đôi để thực hiện yêu cầu.
- HS tìm ý cho bài nói dựa vào câu hỏi tìm ý, sau đó viết từ khoá hoặc vẽ hình đơn giản vào sơ đồ tư duy:
 - + Đồ vật em thích là gì?
 - + Đồ vật đó có hình dáng, cấu tạo thế nào?
 - + Đồ vật này giúp ích gì cho em và mọi người?
 - + ...
- HS chia sẻ kết quả tìm ý trong cặp/ nhóm nhỏ để bổ sung, hoàn chỉnh.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả tìm ý trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung thực hành.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

- HS xác định yêu cầu của BT và các gợi ý.
- HS nói miệng về đồ dùng cá nhân em thích trong nhóm đôi.
- HS nghe bạn cùng nhóm nhận xét để phát triển ý, bổ sung hình ảnh so sánh,...
- HS viết đoạn văn vào VBT.
- 1 – 2 HS chia sẻ bài làm trước lớp (GV có thể chụp bài làm, đưa lên màn chiếu để HS dễ quan sát).
- HS nghe bạn và GV nhận xét bài viết.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chơi trò chơi Em là phóng viên.*
- HS trao đổi trong nhóm đôi để xác định nhân vật yêu thích; xác định nội dung cuộc trò chuyện với nhân vật (mở đầu, diễn biến, kết thúc) dựa vào câu hỏi gợi ý:
 - + Em và nhân vật sẽ nói và thể hiện cảm xúc gì khi gặp nhau?
 - + Em sẽ hỏi nhân vật điều gì? Nhân vật sẽ trả lời thế nào?
 - + Nhân vật sẽ hỏi em điều gì? Em sẽ trả lời thế nào?
 - + Em và nhân vật sẽ nói gì khi chia tay?
 - + ...
- Những HS thích hoặc biết cùng một nhân vật bắt cặp với nhau để đóng vai, trò chuyện theo yêu cầu.
- 1 – 2 nhóm HS đóng vai trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung thực hành.

BÀI 3: BÀN TAY CÔ GIÁO (tiết 8 – 11, SHS, tr.96 – 99)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Trao đổi được với bạn về những công việc hằng ngày của thầy cô giáo lớp em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Nhờ đôi bàn tay khéo léo và sự sáng tạo, cô giáo đã tạo ra một bức tranh thiên nhiên sinh động.*

– Tìm đọc một bài văn về nghề nghiệp hoặc một sản phẩm sáng tạo, viết được *Phiếu đọc sách* và biết cách chia sẻ với bạn những điều đáng quý của nghề nghiệp hoặc đặc điểm em thích ở sản phẩm sáng tạo được nhắc đến trong bài văn.

2. Nhớ – viết được đoạn trong bài *Bàn tay cô giáo*; biết cách viết tên riêng người nước ngoài; phân biệt *s/ x* hoặc *âc/ ât*.

3. Nhận diện và sử dụng được từ ngữ có nghĩa giống nhau.

4. Nhận diện và sử dụng câu hỏi – từ để hỏi.

5. Đặt tên và giới thiệu bức tranh của cô giáo trong bài đọc với người thân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh ảnh, video về hoạt động của thầy cô giáo (nếu có).

– Bảng phụ ghi bốn khổ thơ cuối.

– HS mang theo sách có bài văn về nghề nghiệp và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về bài văn đã đọc.

– Thẻ từ để tổ chức chơi trò chơi khi thực hiện các BT chính tả.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS trao đổi với bạn trong nhóm đôi về công việc hằng ngày của thầy cô giáo: tên việc, cách thực hiện, cảm xúc của thầy cô khi thực hiện công việc,...

– HS quan sát tranh minh họa, đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Bàn tay cô giáo*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng đọc nhẹ nhàng, trong trẻo, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ cảm xúc: xinh quá, biết bao, ... và đặc điểm, hành động: cong cong, mềm mại, dập dềnh, ...*).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *thoắt, dập dềnh, rì rào, ...*

+ Cách ngắt nhịp một số dòng thơ:

Như/ phép mầu nhiệm/

Hiện/ trước mắt em:/

Biển biếc bình minh/

Rì rào/ sóng vỗ...//

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *thoắt* (rất nhanh); *phô* (lộ ra, hiện ra); *mầu nhiệm* (rất tài tình như có phép lạ);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 3 trong SHS.

– HS xác định nội dung bài thơ trên cơ sở trả lời câu hỏi 4 trong SHS (*cô giáo của em rất khéo tay*).

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài thơ.

– HS nghe GV đọc lại bốn khổ thơ cuối.

– HS luyện đọc bốn khổ thơ cuối trong nhóm, trước lớp và học thuộc lòng.

– HS thi đọc thuộc lòng trước lớp.

– HS nghe bạn đọc và GV nhận xét.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một bài văn về nghề nghiệp hoặc một sản phẩm sáng tạo em thích

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

- HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài văn về nghề nghiệp.
- HS viết vào *Phiếu đọc sách* những nội dung em thích: *tên bài văn, tên tác giả, tên nghề nghiệp, từ ngữ: chỉ hoạt động, chỉ đặc điểm,...*
- HS có thể trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài văn.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về *Phiếu đọc sách* của mình.

1.2.2. Trao đổi với bạn về những điều đáng quý của nghề nghiệp hoặc đặc điểm em thích ở sản phẩm sáng tạo được nhắc đến trong bài văn

- HS xác định yêu cầu của hoạt động.
- HS tìm ý để trao đổi với bạn dựa vào câu hỏi gợi ý:
 - + Bài văn nhắc đến nghề nghiệp gì?
 - + Sản phẩm của nghề nghiệp đó là gì?
 - + Theo em, nghề nghiệp đó có gì đáng quý?
 - + ...
- HS chia sẻ trong nhóm đôi.
- 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Nhớ – viết

- HS nhắm thuộc lại đoạn thơ trong bài *Bàn tay cô giáo*, trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung đoạn thơ.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ ngữ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ hoặc do không nhớ quy tắc chính tả. VD: *phô, toả, đập dềnh,...*
- HS nhớ viết đoạn thơ vào VBT.
- HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, soát lỗi.
- HS nghe bạn nhận xét bài viết và chữa lỗi.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Viết tên riêng người nước ngoài

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận nhóm đôi để xác định các tên riêng viết chưa đúng (Đáp án: *Véc-Xen* → *Véc-xen*; *ro-nê* → *Rơ-nê*; *I-sắc niu-ton* → *I-sắc Niu-ton*).
- HS viết lại các tên riêng vào VBT.
- HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, soát lỗi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét và rút ra quy tắc viết tên riêng người nước ngoài: viết hoa chữ cái đầu tiên của tiếng tạo thành mỗi bộ phận.

2.3. Phân biệt s/ x hoặc âc/ ât

- HS xác định yêu cầu của (3), chọn thực hiện BT phân biệt.
- HS trao đổi trong nhóm đôi để thực hiện yêu cầu và làm vào VBT (Đáp án: a. *sổ, xa, sông, sáng, sao*; b. *giấc, gác, phát, mật*).
- HS chơi trò chơi *Tiếp sức* để chữa bài.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Từ ngữ có nghĩa giống nhau

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS trao đổi trong nhóm đôi để thực hiện yêu cầu.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp (Đáp án: *vịt xiêm – ngan, củ mì – củ sắn, kẹo đậu phộng – kẹo lạc, muối mè – muối vừng*).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- Các nhóm HS tìm từ bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn* (Đáp án: **mẹ**: *má, u, bu, bà,...*; **ba**: *cha, bố, thầy,...*; **lớn**: *to, khổng lồ,...*; **đẹp**: *xinh,...*).
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung.

3.2. Đặt câu có sử dụng từ ngữ ở BT 2

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và quan sát mẫu.
- HS đặt câu trong nhóm đôi.
- 1 – 2 cặp chia sẻ kết quả.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.3. Câu hỏi – từ ngữ dùng để hỏi

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS thực hiện BT trong nhóm nhỏ.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả (Đáp án: *gì, sao, hả*).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Đặt tên và giới thiệu bức tranh của cô giáo trong bài đọc với người thân.*
- HS đặt tên và giới thiệu về bức tranh dựa vào một vài câu hỏi gợi ý:
 - + Em đặt tên bức tranh là gì? Vì sao?
 - + Em muốn giới thiệu điều gì về bức tranh?
 - + ...
- HS tập chia sẻ theo nhóm nhỏ, trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 4: THỨ BẢY XANH (tiết 12 – 14, SHS, tr.100 – 103)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Kể được tên một số đồ dùng hoặc đồ chơi tự làm mà em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh họa.
 - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa. Hiểu được nội dung bài đọc: *Các bạn HS lớp Ba đã tạo nên nhiều mẫu chậu cây độc đáo từ vỏ chai nhựa đã qua sử dụng để trang trí lớp trong ngày thứ Bảy xanh. Việc làm của các bạn vừa làm đẹp trường lớp, vừa góp phần bảo vệ môi trường.*
 - Trao đổi được với bạn ý tưởng trang trí lớp học từ chậu cây tái chế.
2. Nghe – kể được câu chuyện Ông Trạng giỏi tính toán.
3. Luyện tập viết đoạn văn ngắn về lí do em thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.
4. Giải được ô chữ để mở rộng vốn từ về Sáng tạo.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip về lớp học có nhiều cây xanh (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Ở khung cửa sổ... đến hoa sen cạn...*
- Audio, video kể chuyện (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói về một đồ dùng, đồ chơi tự làm mà HS biết.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phỏng đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Thứ Bảy xanh*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *toàn bài đọc giọng thông thả, chậm rãi, nhấn giọng những từ ngữ chỉ các loài cây: cây trầu bà, cây mười giờ..., sự vật: đoàn tàu hoả, đường thêu ngẫu hứng...*).
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp, kết hợp nghe GV hướng dẫn:
 - + Cách đọc một số từ ngữ khó: *ca rô, khéo léo, song sắt,...*
 - + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Hàng chục chậu cây mười giờ/ hình chui gấu ngộ nghĩnh/ được treo so le/ như những đường thêu ngẫu hứng,/ chia khung cửa sổ lớp 3B/ thành ô hoạ tiết ca rô nhiều màu sắc/ trông rất vui mắt.//; ...*
 - + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *cây trầu bà* (một loại cây cảnh thường trồng trong nhà, có tác dụng lọc bụi bẩn trong không khí); *cây mười giờ* (cây hoa mười giờ, thường được trồng để trang trí hành lang, hoặc trồng trong chậu cây ngoài ban công); *hoạ tiết* (hình vẽ cách điệu, dùng để trang trí);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

- HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS.
- HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.
- HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi 5 trong SHS (Gợi ý: *Ngày thứ Bảy được gọi là thứ Bảy xanh vì đó là ngày các bạn HS có những hành động, việc làm giúp cho trường, lớp trở nên xanh, sạch, đẹp hơn*).
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.1.3. Luyện đọc lại

- HS xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.
- HS luyện đọc đoạn từ *Ở khung cửa sổ...* đến *hoa sen cạn...*
- Một vài HS đọc đoạn từ *Ở khung cửa sổ...* đến *hoa sen cạn...* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.2. Trao đổi với bạn ý tưởng trang trí lớp học từ chậu cây tái chế

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Trao đổi với bạn ý tưởng trang trí lớp học từ chậu cây tái chế.*
- HS trao đổi ý tưởng với bạn dựa vào một vài câu hỏi gợi ý:
 - + Chậu cây được làm bằng vật liệu gì?
 - + Chậu cây có hình gì?
 - + Em chọn trồng những loại cây nào?
 - + Để những chậu cây ở vị trí nào cho phù hợp?
 - + ...
- 1– 2 nhóm HS trình bày ý tưởng trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét ý tưởng.

2. Nói và nghe

Ông Trạng giỏi tính toán

1. Lần đó, khi sứ thần nhà Minh sang thăm nước ta, vua Lê Thánh Tông cử Lương Thế Vinh ra tiếp đón. Sứ thần vốn nghe tiếng trạng nguyên nước Việt chẳng những nổi tiếng về văn chương, âm nhạc, mà còn tinh thông cả về toán học, nên rất muốn thử tài.

2. Nhìn thấy một con voi to đang kéo gỗ dưới sông, sứ thần liền thách đố:

– Quan trạng có thể cân xem con voi kia nặng bao nhiêu được không?

Lương Thế Vinh từ tốn đáp:

– Xin vâng.

3. Ra đến bên sông, ông chỉ chiếc thuyền bỏ không, sai lính dắt voi lên. Thuyền đang nổi, do voi nặng nên đắm sâu xuống. Lương Thế Vinh cho lính đánh dấu mép nước bên mạn thuyền rồi dắt voi lên.

4. Lúc này, ông lại ra lệnh cho quân lính chắt đá lên thuyền. Chờ thuyền đắm xuống đúng đến chỗ đánh dấu thì dừng lại.

5. Sau đó, ông cho người cân từng viên đá trên thuyền và cộng lại. Tính xong, ông thông thả nói với sứ nhà Minh:

– Đây, con voi ông vừa chỉ, nặng chừng này cân!

6. Kết quả khiến sứ thần phục lẫn.

Theo Giai thoại Danh nhân Việt Nam

2.1. Nghe GV kể chuyện Ông Trạng giỏi tính toán

– HS phỏng đoán nội dung dựa vào tên truyện và tranh minh họa.

– HS nghe GV kể chuyện lần 1, kiểm tra phỏng đoán kết hợp với ghi chép nhanh một vài tình tiết chính (nếu có).

– HS nghe GV kể chuyện lần 2 (nếu cần), kết hợp quan sát tranh để ghi nhớ các tình tiết.

2.2. Kể lại từng đoạn câu chuyện theo tranh và gợi ý dưới tranh

– HS kể lại nối tiếp từng đoạn câu chuyện trong nhóm 3 dựa vào tranh minh họa và các câu gợi ý (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật).

– HS thể hiện sự sáng tạo bằng cách thêm vào từng đoạn của câu chuyện một vài chi tiết tả ngoại hình hoặc suy nghĩ của nhân vật.

– 1 – 2 nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

2.3. Kể lại toàn bộ câu chuyện

– HS kể lại toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.

– 1 – 2 HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Nói về lí do em thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc, đã nghe

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS nói trong cặp/ nhóm nhỏ về một nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe (có thể kết hợp mang truyện, tập sách có câu chuyện để chia sẻ).

– 1 – 2 HS nói trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét để bổ sung, hoàn thiện phần nói.

3.2. Viết đoạn văn ngắn về lí do em thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc, đã nghe

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS viết bài vào VBT dựa vào nội dung đã nói.
- HS trưng bày bài làm theo kĩ thuật *Phòng tranh* để chia sẻ bài làm trong nhóm hoặc trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét bài viết.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động vận dụng: *Giải ô chữ*.
- HS trao đổi với bạn trong nhóm, dựa vào chủ đề và tranh minh hoạ để giải ô chữ (Đáp án: 1. ĐỌC SÁCH; 2. CA HÁT; 3. ĐOÀN TÀU; 5. ỐNG BÚT; 6. BẢN NHẠC; 7. CHẬU CÂY).
- HS tìm hiểu thêm nghĩa các từ ngữ, có thể bằng hình thức đặt câu (nếu có thời gian).
- GV nhận xét, đánh giá.

Chủ điểm 7. VÒNG TAY BÈ BẠN (Tuần 14 – 15)

Chủ điểm *Vòng tay bè bạn* hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *nhân ái, trách nhiệm*: giúp các em nhận thức được vai trò của tình bạn trong cuộc sống. Từ đó, các em biết trân trọng tình cảm bạn bè, biết yêu mến, quan tâm, chăm sóc bạn bè, biết chia sẻ, động viên bạn khi gặp khó khăn, hoạn nạn.

BÀI 1: CHÚ SẺ VÀ BÔNG HOA BẰNG LĂNG (tiết 1 – 4, SHS, tr.104 – 106)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Nói được về tranh minh hoạ bài đọc; nêu được phỏng đoán về nội dung bài qua tên bài đọc và tranh minh hoạ.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; bước đầu đọc lời các nhân vật và người dẫn chuyện với giọng phù hợp; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Sẻ non và bằng lăng là những người bạn tốt vì đã biết quan tâm, chia sẻ với bé Thơ khi em bị ốm.*

– Tìm đọc một truyện về bạn bè, viết được *Phiếu đọc sách* và biết cách chia sẻ với bạn về đặc điểm, lời nói của một nhân vật em thích trong truyện đã đọc.

2. Viết đúng kiểu chữ hoa: *E, Ê*, tên riêng và câu ứng dụng.

3. MRVT về *Bạn bè*, luyện tập về biện pháp tu từ so sánh (so sánh âm thanh với âm thanh).

4. Biết đóng vai để nói và đáp lời cảm ơn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh ảnh, video clip về cây, hoa bằng lăng và chim sẻ non tập bay (nếu có).

– Thẻ từ, bảng phụ hoặc máy chiếu ghi các từ ngữ khó, câu dài và đoạn *Sẻ non rất yêu bằng lăng... đến nở muộn thế kia?*

– HS mang theo sách có truyện về bạn bè và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về truyện đã đọc.

– Mẫu chữ viết hoa *E, Ê* cỡ nhỏ.

– Thẻ từ màu để tổ chức cho HS chơi trò chơi khi thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm, từ đó nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Vòng tay bạn*.

– HS đọc yêu cầu của hoạt động khởi động, thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ: quan sát tranh, nói với bạn về những điều em thấy trong tranh:

+ Mỗi người, vật, con vật trong tranh đang làm gì?

+ Chuyện gì xảy ra với người, vật, con vật trong tranh? → Đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc *Chú sẻ và bông hoa bằng lăng*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (*Gợi ý*: giọng người dẫn chuyện thông thả, giọng bé Thơ vui tươi, thể hiện sự ngạc nhiên; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm, suy nghĩ và hoạt động của sẻ non, bằng lăng và bé Thơ...).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *nở, ngỗ, chúc, ...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Lập tức,/ sẽ/ nghe thấy tiếng reo/ từ trong gian phòng tràn ngập ánh nắng://;...*

+ Giải thích thêm nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu cần), VD: *bằng lăng* (tên một loài cây thân thẳng, lá hình ô voan màu xanh lục, hoa mọc thành chùm, màu tím nhạt, thường nở vào mùa hè); *ngỗ* (nghĩ là, tưởng là);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 3 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *chấp cánh* (chuẩn bị để thực hiện động tác bay); *chao* (đưa qua đưa lại);...

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 4 và 5 trong SHS (Câu 4: *HS có thể nói về một trong ba nhân vật và đưa ra lời giải thích hợp lí*; Câu 5: *HS có thể chọn đặt một số tên như Tình bạn, Những người bạn tốt, ... dựa vào nội dung bài đã rút ra ở trên*).

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc toàn bài, giọng của bé Thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Sẽ non rất yêu bằng lăng... đến nở muộn thế kia?*

– 1 – 2 HS luyện đọc lời bé Thơ trước lớp.

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Sẽ non rất yêu bằng lăng... đến nở muộn thế kia?*

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một truyện về bạn bè

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một truyện về bạn bè theo hướng dẫn của GV.

– Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em thấy thú vị sau khi đọc truyện: *tên truyện, tên tác giả, nhân vật: tên, đặc điểm, lời nói, ...*

– HS có thể trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung truyện.

1.2.2. Chia sẻ về nhân vật em thích

– HS dựa vào *Phiếu đọc sách* chia sẻ trong nhóm nhỏ về đặc điểm, lời nói của một nhân vật em thích trong truyện. Có thể đọc truyện cho bạn nghe hoặc chia sẻ truyện cho các bạn cùng đọc.

– Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm* của lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Ôn luyện viết chữ E, Ê hoa

– HS quan sát mẫu chữ E hoa, nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của chữ E hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ E hoa.

– HS viết chữ E hoa cỡ nhỏ vào bảng con (nếu HS viết tốt, GV có thể bỏ qua bước này, cho HS viết vào VTV).

– HS quan sát mẫu chữ Ê hoa, nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của chữ Ê hoa trong mối quan hệ so sánh với chữ E hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ Ê hoa (nếu HS viết tốt có thể chọn một HS thay GV viết chữ Ê hoa trên bảng cho cả lớp quan sát).

– HS viết chữ E, Ê hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết từ ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ ứng dụng Ê-đê (Tên một dân tộc ít người, sinh sống chủ yếu ở miền Trung Việt Nam).

– HS quan sát cách GV viết chữ Ê-đê và chú ý dấu gạch nối (nếu cần).

– HS viết chữ Ê-đê vào VTV.

2.3. Luyện viết câu ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng:

Em về hội với Tân Viên

Bức tranh vẽ núi chiều êm Tây Hồ.

Nguyễn Hoàng Sơn

(*Hội Tân Viên: lễ hội mang đặc trưng của vùng đồng bằng Bắc Bộ, được tổ chức ở huyện Ba Vì, Hà Nội, nơi thiên nhiên ban tặng cho cảnh quan tươi đẹp với núi, đồi, rừng, thác, sông, suối, hồ,...*)

– HS viết câu ứng dụng vào VTV.

2.4. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ *Eo Gió* (Tên một eo biển đẹp ở Quy Nhơn. Eo Gió sở hữu những dãy núi hình cánh cung với nhiều hình thù kỳ lạ. Gió từ biển cả lọt qua hõm núi này như rót vào miệng phễu, thổi lồng lộng khiến người vừa đắm mồi hôi vì lợi cát, đến đây đã chợt thấy se lạnh.) và câu ứng dụng: *Em rất khâm phục hành động dũng cảm của sê non.*

– HS viết nội dung luyện viết thêm vào VTV.

2.5. Đánh giá bài viết

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Mở rộng vốn từ Bạn bè

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS đọc các tiếng cho trước, tìm từ cá nhân và chia sẻ, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ.

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. (Đáp án: *bạn học, bạn bè, bạn thân, bạn đường, đôi bạn, bè bạn,...* Với những từ HS ghép đúng nhưng không liên quan tới chủ điểm, GV có thể giải thích thêm). HS tìm hiểu nghĩa, tìm từ ngữ nói về bạn bè trong số các từ ngữ ghép được.

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS đọc mẫu, tìm từ trong nhóm 3 theo kĩ thuật *Mảnh ghép* (mỗi cá nhân thực hiện một yêu cầu → chia sẻ trong nhóm 3). Chữa bài bằng hình thức chơi tiếp sức (a. *yêu thương, quý mến, gắn bó,...*; b. *kể chuyện, đọc thơ, trao đổi,...*; *đuổi bắt, chạy nhảy, đạp xe,...*). HS tìm hiểu nghĩa một số từ ngữ tìm được.

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

– HS xác định yêu cầu của BT 3 và câu mẫu.

– HS làm bài vào VBT.

– 2 – 3 HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Luyện tập về so sánh

– HS xác định yêu cầu của BT 4 và đọc các câu thơ, đoạn thơ.

- HS thảo luận, làm BT theo nhóm nhỏ.
- Một vài nhóm HS chữa bài trước lớp.

Âm thanh 1	Từ ngữ dùng để so sánh	Âm thanh 2
tiếng suối (trong)	như	tiếng hát xa
tiếng mưa	như	tiếng thác (dội về)
tiếng mưa	như	(tiếng) ào ào trận gió
tiếng mưa	như là	(tiếng) đuổi nhau
tiếng mưa	như	(tiếng) đổ thóc

- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Cùng bạn đóng vai, nói lời cảm ơn của bé Thơ tới những người bạn của mình.*
- HS đóng vai để nói và đáp lời cảm ơn trong nhóm ba (HS nghe GV lưu ý về cử chỉ, ánh mắt, gương mặt,... trong quá trình đóng vai).
- Một vài nhóm HS đóng vai trước lớp.
- HS và GV đánh giá, khuyến khích HS diễn đạt lời cảm ơn theo các cách khác nhau.

BÀI 2: THƯ THĂM BẠN (tiết 5 – 7, SHS, tr.107 – 109)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Chia sẻ được với bạn những cách em liên lạc với người thân, bạn bè; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và hình ảnh minh họa.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa. Hiểu được nội dung bài đọc: *Bạn Nhã Uyên viết thư cho bạn Thu Vân để hỏi thăm và kể về việc học tập của mình ở trường mới.*
- Biết cách sử dụng lời xưng hô phù hợp khi viết thư.

2. Nói được về một người bạn của em dựa vào gợi ý.

- 3. Nhận diện được cấu tạo, nội dung một bức thư và biết cách viết lời thăm hỏi trong thư gửi cho bạn bè.

4. Thi đọc thơ về tình bạn và nói được về hình ảnh hoặc câu thơ em thích.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Một số bức thư viết tay (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Thu Vân xa nhớ!*... đến *đọc thơ*,...
- Tranh ảnh, audio, video clip một số vật nuôi trong nhà (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn những cách em liên lạc với người thân, bạn bè. HS có thể nói về hình thức (trao đổi trực tiếp, nhắn tin, gọi điện thoại, viết thư,...), nội dung, thời gian,...

- HS đọc tên bài và quan sát hình thức trình bày để phỏng đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Thư thăm bạn*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *toàn bài đọc giọng rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng: lời xưng hô, từ để hỏi, để kể,...*).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

- + Cách đọc một số từ ngữ khó: *vẫn, khỏe, dễ mến, kể chuyện, diễn kịch,...*
- + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Mình/ rất thích sinh hoạt Câu lạc bộ Em yêu Tiếng Việt/ và thường cùng các bạn kể chuyện, diễn kịch, đọc thơ,...//; Dù vậy,/ mình vẫn luôn nhớ Huế,/ nhớ dòng sông Hương hiền hoà,/ nhớ thầy cô/ và các bạn.//; ...*
- + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *thân thiện* (tử tế và thiện cảm); *hiền hoà* (hiền lành và ôn hoà);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

- HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có),...
- HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.
- HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 5 trong SHS (Khuyến khích HS nói được nhiều ý, phát triển ý kiến cá nhân,...).

1.1.3. Luyện đọc lại

- HS xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.
- HS luyện đọc đoạn từ *Thu Vân xa nhớ!*... đến *đọc thơ*,... trong nhóm nhỏ.
- HS đọc toàn bài.

TIẾT 2

1.2. Trao đổi về lời xưng hô khi viết thư

- HS đọc yêu cầu hoạt động và lời xưng hô bạn Nhã Uyên sử dụng khi viết thư cho bạn Thu Vân.
- HS suy nghĩ, trao đổi về lời xưng hô khi viết thư gửi bạn bè, gửi thầy cô, gửi người thân trong nhóm, ghi vào các thẻ từ.
- HS triển lãm thẻ từ bằng kỹ thuật *Phòng tranh* để cùng quan sát.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Nói và nghe

- HS xác định yêu cầu của BT và gợi ý.
- HS nói về một người bạn của em theo cặp hoặc nhóm nhỏ (*tên, hình dáng, tính tình, tình cảm,...*).
- 1 – 2 HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung nói.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Nhận diện thể loại

- HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc lại bài *Thư thăm bạn*, đọc các thẻ màu hồng và các thẻ màu xanh.
- HS thảo luận nhóm chọn các thẻ màu xanh phù hợp với mỗi thẻ màu hồng.
- HS làm bài vào VBT.
- Một vài cá nhân/ nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS rút ra cấu tạo và những nội dung chính của một bức thư dưới sự hỗ trợ của GV.

3.2. Chia sẻ những nội dung em muốn viết trong bức thư

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.

- HS chia sẻ trong nhóm những nội dung muốn thăm hỏi, thông báo với bạn.
- HS viết bài vào VBT.
- Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động vận dụng: *Thi đọc thơ về tình bạn, nói về hình ảnh hoặc câu thơ em thích.*
- HS thi đọc thơ trong nhóm nhỏ.
- Mỗi nhóm cử một HS thi trước lớp và nói về câu thơ hoặc hình ảnh em thích trong bài thơ đã đọc.
- HS bình chọn bạn đọc hay nhất.
- HS nghe GV nhận xét hoạt động vận dụng.

BÀI 3: ĐÔI BẠN (tiết 8 – 11, SHS, tr.110 – 113)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Nói về sự gắn bó của các sự vật trong tranh; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh họa.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Mưa và gió tuy tính tình khác nhau nhưng lại là đôi bạn thân vì đều có chung một ước mơ: giúp ích cho cuộc sống con người.*
- Tìm đọc một văn bản thông tin về bạn bè, viết được *Phiếu đọc sách* và biết cách chia sẻ với bạn một thông tin thú vị trong bài đọc.

2. Nhớ – viết được đoạn trong bài *Đôi bạn*; phân biệt được *d/ gi*; *d/ gi/ r* hoặc *d/ gi/ v*.

3. Luyện tập về từ ngữ có nghĩa giống nhau.

4. Nhận diện và sử dụng được dấu gạch ngang để đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật.

5. Viết từ ngữ về sở thích và tìm được các bạn có cùng sở thích trong lớp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip một số sự vật, hiện tượng tự nhiên như cầu vồng, con sóc, bông lúa, mưa, gió,... (nếu có).
- Bảng phụ ghi khổ thơ 2, 3, 4.

- HS mang theo sách, báo có văn bản thông tin về bạn bè và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về văn bản thông tin đã đọc.
- Thẻ từ để tổ chức cho HS chơi trò chơi khi thực hiện các BT chính tả, từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ nói về sự gắn bó giữa các sự vật, hiện tượng tự nhiên. GV có thể sử dụng tranh ảnh, audio, video clip hỗ trợ, khuyến khích HS nói (Gợi ý: *cầu vồng gắn bó với đám mây, bầu trời, cơn mưa, gió,... vì chúng thường cùng cầu vồng xuất hiện*).

- HS quan sát tranh minh họa, đọc tên và biết nêu phỏng đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Đôi bạn*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng trong sáng, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ vẻ đẹp, hoạt động, trạng thái của mưa, gió; ngắt nhịp linh hoạt 2/ 3, 3/ 2, 1/ 4,...).
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *ngập ngừng, thoăn thoắt, khe khẽ, toả,...*

+ Cách ngắt nhịp một số dòng thơ:

*Rồi/ gió lại tắt tã/
Đi/ chẳng kịp chào ai/
Làm cho/ cả vườn cây/
Lặng nhìn theo/ ngơ ngác...//

Còn mưa/ thì từng bước/
Đứng đĩnh/ dạo quanh nhà/
Hết đeo nhãn/ cho hoa/
Lại xâu cườm/ cho lá...//*

- + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *ngập ngừng* (tỏ ra e ngại, nửa muốn nửa không); *thoăn thoắt* (động tác nhanh, nhịp nhàng, liên tục); *đứng đĩnh* (thong thả, chậm rãi);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS (Câu 4: *Mưa và gió có chung một ước mơ: giúp ích cho cuộc sống con người.*), kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *tắt tả* (gọi tả dáng đi vội vàng, có vẻ vất vả),...

– HS rút ra nội dung bài thơ trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài thơ.

– HS nghe GV đọc toàn bài.

– HS luyện đọc khổ thơ 2, 3, 4 trong nhóm, trước lớp và học thuộc lòng bằng cách tự nhẩm thuộc, xoá dần hoặc thay chữ bằng hình,...

– Một số HS thi đọc thuộc lòng trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một bài đọc về bạn bè

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài đọc về bạn bè theo hướng dẫn của GV.

– HS viết vào *Phiếu đọc sách* những thông tin chính sau khi đọc văn bản: *tên bài đọc, tên tác giả, nội dung, thông tin thú vị*,...

– HS có thể trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề hoặc nội dung văn bản.

1.2.2. Chia sẻ một thông tin thú vị

– HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ thông tin thú vị trong bài đã đọc. Khuyến khích các em đa dạng nội dung nói.

– Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm* của lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Nhớ – viết

- HS ôn thuộc lòng đoạn viết *Đôi bạn*, trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung đoạn viết.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ ngữ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ. VD: *mở, toả, tắt tả,...*
- HS nhớ viết khổ thơ 2, 3, 4 (từng dòng thơ) vào VBT.
- HS đổi vở cho bạn, tự soát và chữa lỗi trên cơ sở nhớ nội dung đoạn viết.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Phân biệt d/ gi

- HS đọc yêu cầu BT 2 và các câu gợi ý.
- HS tìm từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng *d* hoặc *gi* có nghĩa phù hợp với gợi ý trong nhóm đôi.
- HS viết từ ngữ tìm được vào VBT (Đáp án: a. *giành*, b. *dán*, c. *giúp*, d. *giấu*).
- HS chữa bài trước lớp, đặt câu với 1 – 2 từ tìm được (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV đánh giá bài làm.

2.3. Phân biệt r/ d/ gi hoặc v/ d/ gi

- HS đọc yêu cầu BT (3) và các tiếng, từ cho trước để chọn BT phương ngữ phân biệt *r/ d/ gi* hoặc *v/ d/ gi* phù hợp để thực hiện.
- HS tìm trong nhóm đôi chọn tiếng trong ngoặc đơn phù hợp với mỗi ☉, có thể làm vào VBT (Đáp án: a. *dãi lụa, giải thưởng, rải sỏi, tiếng rao, giao hàng, đồng dao*; b. *vành nón, dành dụm, giành chiến thắng, giang sơn, vang dội, đang tay*).
- HS chơi trò chơi *Tiếp sức* điền tiếng phù hợp vào chỗ trống.
- HS đọc lại và giải nghĩa một số từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV đánh giá bài làm.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Luyện tập về từ ngữ có nghĩa giống nhau

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và các từ ngữ cho trước.
- HS tìm từ ngữ có nghĩa giống nhau trong nhóm đôi (Đáp án: *bé tí – nhỏ xíu, chăm chỉ – chịu khó, hiền lành – hiền hậu, yêu quý – yêu thương, học tập – học hành, to lớn – khổng lồ*).

- Một vài nhóm chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.2. Nhận diện được dấu gạch ngang

- HS xác định yêu cầu của BT 2, đọc đoạn văn và các yêu cầu cho trước đồng thời nghe GV gợi ý (nếu cần):
 - + Đoạn văn có mấy nhân vật? Đó là các nhân vật nào?
 - + Mỗi nhân vật làm gì và nói gì?
 - + Nhờ đâu em nhận ra lời nói của mỗi nhân vật?
 - + ...
- HS thực hiện yêu cầu BT trong nhóm nhỏ.
- HS trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để tìm tác dụng của dấu gạch ngang.
- Một vài nhóm HS chia sẻ bài làm trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.3. Sử dụng được dấu gạch ngang

- HS đọc và phân tích yêu cầu của BT 3.
- HS hỏi đáp trong nhóm đôi theo yêu cầu của BT.
- Một vài nhóm HS hỏi đáp trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, góp ý nội dung hỏi đáp.
- HS viết vào VBT 2 – 3 câu hỏi đáp dựa vào nội dung đã nói.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn trong nhóm đôi.
- Một vài HS chia sẻ bài làm trước lớp, nhận xét về vị trí, tác dụng của dấu gạch ngang.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Viết từ ngữ chỉ sở thích; tìm được các bạn có cùng sở thích; chia sẻ về sở thích của nhóm.*
- HS viết, vẽ đơn giản về sở thích của em, có thể viết vào giấy màu, bảng nhóm hoặc máy bay giấy,...
- HS chia sẻ nội dung viết, vẽ để tìm những bạn có cùng sở thích.
- HS di chuyển và chia sẻ trong nhóm có cùng sở thích về những điều em biết, cảm xúc, thời gian, hoạt động,...
- Một vài HS nói 2 – 3 câu về sở thích của cả nhóm trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét chung hoạt động vận dụng.

BÀI 4: HAI NGƯỜI BẠN (tiết 12 – 14, SHS, tr.114 – 117)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Xếp các tiếng cho trước thành cụm từ và chia sẻ suy nghĩ về cụm từ xếp được; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa. Hiểu được nội dung bài đọc: *Tình bạn thời thơ ấu và những kỉ niệm rất đẹp giữa hai người bạn hàng xóm.*

– Nói được về những hoạt động hoặc trò chơi em thường tham gia cùng bạn và chia sẻ cảm xúc khi cùng bạn tham gia hoạt động hoặc chơi trò chơi.

2. Nghe – kể được câu chuyện *Những người bạn* dựa vào sơ đồ đường đi.

3. Viết được bức thư ngắn gửi tới một người bạn để hỏi thăm và kể về việc học của em.

4. Nói được câu về một người bạn của em dựa vào từ ngữ gợi ý.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Bảng phụ ghi đoạn từ *Tôi bẽ cả chồng sách... đến lật sang trang mới.*

– Tranh ảnh HS cùng nhau tham gia các hoạt động hoặc chơi trò chơi (nếu có).

– Tranh ảnh, audio, video kể chuyện *Những người bạn* (nếu có).

– Vòng xoay *Hoa tình bạn* để chơi trò chơi vận dụng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, xếp các tiếng cho trước thành cụm từ (Đáp án: *Học thầy, học bạn* hoặc *Học bạn, học thầy*) và chia sẻ suy nghĩ về câu xếp được (Ngoài việc học hỏi từ thầy cô giáo, các em còn cần học hỏi kiến thức, điều hay, lẽ phải từ bạn bè).

– HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh họa để phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Hai người bạn*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (*Gợi ý*: giọng đọc toàn bài thông thả, chậm rãi, nhấn giọng những từ ngữ chỉ hoạt động của người và chỉ vẻ đẹp, sự thay đổi của cảnh,...).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *chập choạng, chăm chú, xào xạc, chậm rì, vẩn vơ*,...

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Tôi bê cả chồng sách ra vườn/ và chúng tôi nằm lẫn trên bãi cỏ, mỗi đứa một cuốn sách trong tay, say mê đọc/ đến khi những dòng chữ nhoè đi/ trong bóng chiều chập choạng.//; Nó đọc chậm rì/ nhưng lần nào/ tôi cũng kiên nhẫn chờ nó đọc xong/ để cùng lật sang trang mới.//;...*

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *chập choạng* (chiều tối, mờ mờ tối); *kiên nhẫn* (không nản lòng);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 5 trong SHS (Câu 5: *Hai bạn nhỏ đáng khen vì biết bảo ban, nhường nhịn nhau cùng làm những việc có ích.*), kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *vẩn vơ* (nhìn không tập trung, không xác định được đang nghĩ đến điều gì);...

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS luyện đọc đoạn từ *Tôi bê cả chồng sách...* đến *lật sang trang mới*.

– Một vài HS đọc trước lớp đoạn từ *Tôi bê cả chồng sách...* đến *lật sang trang mới*.

– 1 – 2 HS đọc toàn bài.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.2. Nói về những hoạt động hoặc trò chơi em thường tham gia cùng bạn.

– HS đọc yêu cầu hoạt động và nghe GV hướng dẫn.

– HS bắt cặp: nói về những hoạt động hoặc trò chơi em thường tham gia cùng bạn, chia sẻ cảm xúc của em khi cùng bạn hoạt động hoặc chơi trò chơi.

– Một số cặp HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, khuyến khích HS nói và đáp lời khen theo nhiều cách khác nhau.

2. Nói và nghe

Những người bạn

1. Ngày xưa, ở một vương quốc nọ, có một nàng công chúa xinh đẹp. Công chúa sống trong một toà lâu đài lộng lẫy với những bộ váy thật đẹp, những món đồ chơi thật quý. Tuy có tất cả những gì mà mọi trẻ em mơ ước nhưng cô vẫn buồn. Một ngày nọ, công chúa quyết định lên đường đi tìm một người bạn xứng đáng với mình.

2. Cô đi mãi, đến một cánh đồng và gặp một cậu bé đang ngồi vắt vẻo trên lưng trâu thả diều. Công chúa đứng xem một cách thích thú. Cậu bé nhìn cô, nhoẻn miệng cười:

– Xin chào, bạn có muốn thả diều với tớ không?

–Ồ, không được đâu, mình muốn tìm một người bạn là công chúa cơ!

3. Công chúa nhỏ tiếp tục chặng đường tìm bạn. Ở bìa rừng, cô gặp một cô bé nhặt củi lấm lem tro bếp. Thấy công chúa buồn, cô bé nhặt củi hỏi han, tỏ ý muốn kết bạn nhưng công chúa từ chối và đi tiếp.

4. Đi một quãng, cô nhìn thấy một cậu bé đang ngồi đan rổ. Cô lại một lần nữa từ chối lời đề nghị kết bạn của cậu bé.

5. Cuối cùng, công chúa gặp một con sông. Bên kia bờ, các bạn nhỏ đang chơi đùa thật vui. Công chúa tủi thân ngồi tựa vào một gốc cây và ôm mặt khóc nức nở. Cô bắt đầu thấy hối hận.

6. Một bàn tay bỗng nhẹ nhàng đặt lên vai công chúa. Cô ngẩng lên, cậu bé chần trâu, cô bé nhặt củi và cậu bé đan rổ đều đứng đây. Ba người chia cho công chúa một bó hoa lục bình và nói:

– Công chúa ơi, chúng ta là bạn nhé!

Từ đó, họ là những người bạn tốt nhất của nhau.

Theo Trần Vũ Nguyên

2.1. Nghe kể chuyện Những người bạn

– HS đọc tên truyện và tranh minh hoạ, phỏng đoán nội dung truyện.

– HS nghe GV kể chuyện lần 1, kiểm tra phỏng đoán kết hợp với ghi chép nhanh một vài tình tiết chính (nếu có).

– HS nghe GV kể chuyện lần 2 (nếu cần), kết hợp quan sát tranh để ghi nhớ các tình tiết.

2.2. Kể từng đoạn câu chuyện theo tranh và từ ngữ gợi ý

– HS quan sát sơ đồ, nghe GV hướng dẫn kể đoạn thứ nhất dựa vào một số câu hỏi gợi ý:

+ Chuyện diễn ra khi nào? Ở đâu?

- + Đoạn 1 có những nhân vật nào?
- + Chuyện gì xảy ra với nhân vật đó?
- + ...

→ 1 – 2 HS kể đoạn 1 trước lớp.

– HS quan sát sơ đồ, nghe GV hướng dẫn kể các đoạn tiếp theo dựa vào một số câu hỏi gợi ý:

- + Trên đường đi, công chúa gặp những ai?
- + Theo em, mỗi nhân vật sẽ nói gì với công chúa?
- + Công chúa đáp lại thế nào?
- + ...

– HS quan sát sơ đồ và kết hợp các câu hỏi gợi ý để kể lại nối tiếp từng đoạn câu chuyện trong nhóm 3. (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật).

- 1 – 2 nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

2.3. Kể toàn bộ câu chuyện

- HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.
- 1 – 2 HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

2.4. Tưởng tượng để kể thêm phần kết của câu chuyện

- HS đọc yêu cầu BT.
- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện yêu cầu:
 - + Hoạt động trong tranh diễn ra khi nào? Ở đâu?
 - + Công chúa và các bạn đang làm gì?
 - + ...

→ Tưởng tượng, kể thêm phần kết của câu chuyện.

- HS kể trong nhóm đôi.
- 1 – 2 HS kể trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.
- HS nói về nhân vật em thích và giải thích lí do hoặc trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện (nếu còn thời gian).

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Nói về cách trình bày một bức thư

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và quan sát một vài bức thư viết tay.
- HS trao đổi để nói về cách trình bày các phần trong một bức thư.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Viết thư cho bạn để hỏi thăm và kể về việc học của em

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS viết thư vào VBT.
- HS trưng bày sản phẩm theo kĩ thuật *Phòng tranh* để chia sẻ bài làm trong nhóm nhỏ.
- HS nghe bạn và GV nhận xét bài làm.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động vận dụng: *Nói về một người bạn dựa vào nội dung đã chọn.*
- HS nghe GV hướng dẫn cách chơi: HS xoay *Hoa tình bạn* để tìm từ ngữ gợi ý. Có thể chọn 1 – 2 HS chơi trước lớp:
 - + Em xoay được từ ngữ nào?
 - + Em nói về bạn nào?
 - + Em muốn nói những gì về bạn đó? (Hướng dẫn HS phát triển ý, VD: Giới thiệu tên bạn → Ý nghĩa của tên → Suy nghĩ của em về tên bạn,...).
- HS chơi và nói trong cặp/ nhóm nhỏ 2 – 3 câu về một người bạn của em dựa vào từ ngữ xoay được.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét về hoạt động vận dụng.

Chủ điểm 8. MÁI ẤM GIA ĐÌNH (Tuần 16 – 17)

Chủ điểm *Mái ấm gia đình* hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm*: bồi dưỡng tình cảm yêu thương cha mẹ, anh chị em, ông bà, người thân; thể hiện tình cảm, trách nhiệm với ông bà, cha mẹ và người thân bằng các việc làm cụ thể,... Từ đó, các em thêm yêu quý, biết ơn ông bà, cha mẹ, người thân.

BÀI 1: ÔNG NGOẠI (tiết 1 – 4, SHS, tr.118 – 121)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Nói về hoạt động của người trong tranh; nêu được phỏng đoán về nội dung bài qua tên bài đọc và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; bước đầu đọc lời nhân vật và người dẫn chuyện với giọng phù hợp; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Ông ngoại là người yêu thương, luôn chăm lo, chỉ bảo mọi điều cho bạn nhỏ những ngày chuẩn bị vào lớp Một.*

– Tìm đọc một bài thơ về gia đình, viết được *Phiếu đọc sách* và biết cách chia sẻ với bạn về nội dung bài thơ.

2. Viết đúng kiểu chữ hoa: I, K, tên người và câu ứng dụng.

3. MRVT về *Gia đình*, mở rộng câu *Vì sao? Nhờ đâu?*.

4. Viết được lời cảm ơn gửi tới thầy giáo hoặc cô giáo đầu tiên của em.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh ảnh, video clip người thân giúp con em học tập, cùng các em vui chơi,... (nếu có).
– Bảng phụ ghi đoạn từ *Ông còn nhắc bổng tôi trên tay...* đến hết.
– HS mang theo sách có bài thơ về gia đình và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về bài thơ đã đọc.

– Mẫu chữ viết hoa I, K cỡ nhỏ.

– Thẻ từ để tổ chức cho HS chơi trò chơi khi thực hiện các BT luyện từ và câu.

– Một số mẫu lời cảm ơn (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm, từ đó nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Mái ấm gia đình*.

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ: Nói về hoạt động của người trong tranh (Gợi ý: *HS nói về nội dung tranh → Ông bà, cha mẹ là những người luôn quan tâm, chăm sóc con cháu từ ăn ngủ, học hành, vui chơi,...*); đọc tên bài, phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc *Ông ngoại*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (*Gợi ý*: giọng người dẫn chuyện thông thả, trìu mến, thể hiện thái độ trân trọng; giọng ông ngoại trầm ấm, thể hiện thái độ thân thương, yêu quý cháu; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ cảnh sắc bầu trời mùa thu, khung cảnh trường học, việc làm, thái độ của ông ngoại, từ ngữ chỉ việc làm, thái độ của người cháu).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *lặng lẽ, vắng lặng, loang lổ, trong trẻo, ...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Những cơn gió nóng mùa hè/ đã nhường chỗ cho luồng khí mát dịu mỗi sáng.//; Trời xanh ngắt trên cao,/ xanh như dòng sông trong,/ trôi lặng lẽ giữa những ngọn cây hè phố.//; Tiếng trống buổi sáng trong trẻo ấy/ là tiếng trống trường đầu tiên/, âm vang mãi/ trong đời đi học của tôi/ sau này.//; ...*

+ Giải thích thêm nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu cần), VD: *lặng lẽ* (im lặng, không có tiếng động, tiếng ồn); *vắng lặng* (vắng vẻ và yên tĩnh);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS (Câu 4: *Bạn nhỏ gọi ông ngoại là thầy giáo đầu tiên vì ông ngoại đã hướng dẫn bạn làm quen với trường Tiểu học, dạy những con chữ đầu tiên và giúp bạn chuẩn bị những đồ dùng cần thiết để vào học lớp Một*); kết hợp giải thích nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *chậm rãi* (động tác chậm chậm, không vội vàng); *trong trẻo* (âm thanh rất trong không lẫn tiếng ồn, gây cảm giác dễ chịu);...

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 5 trong SHS (HS có thể kể về việc làm và tình cảm của bố, mẹ, ông, bà, anh, chị hoặc một người thân trong gia đình, họ hàng đã hướng dẫn, dạy dỗ, bảo ban mình).

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc của bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Ông còn nhắc bổng tôi trên tay...* đến hết.

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Ông còn nhắc bóng tôi trên tay...* đến hết.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một bài thơ về gia đình

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài thơ về gia đình theo hướng dẫn của GV.

– Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc bài thơ: *tên bài thơ, tên tác giả, văn thơ, nội dung bài thơ,...*

– Trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề hoặc nội dung bài thơ.

1.2.2. Chia sẻ với bạn về nội dung bài thơ

– HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về nội dung bài thơ theo một vài câu hỏi gợi ý:

+ Bài thơ nói về nội dung gì?

+ Tình cảm giữa mọi người trong gia đình thế nào?

+ ...

– Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Ôn luyện viết chữ I, K hoa

– HS quan sát mẫu chữ *I* hoa, nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét của chữ *I* hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu, nhắc lại quy trình viết chữ *I* hoa.

– HS viết chữ *I* hoa cỡ nhỏ vào bảng con (nếu HS viết tốt, GV có thể bỏ qua bước này, cho HS viết vào VTV).

– HS quan sát mẫu chữ *K* hoa, nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ trong mối quan hệ so sánh với chữ *I* hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu (hoặc quan sát qua phần mềm viết chữ hoa) và nhắc lại quy trình viết chữ *K* hoa (nếu HS viết tốt có thể chọn một HS thay GV viết chữ *K* hoa trên bảng cho cả lớp quan sát).

– HS viết chữ *I, K* hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết từ ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ ứng dụng *Yết Kiêu* (1242 – 1303, là một anh hùng chống giặc ngoại xâm vào đời nhà Trần. Ông là một trong năm mãnh tướng của Trần Hưng Đạo. Ông là người có công giúp nhà Trần chống giặc Nguyên Mông vào thế kỉ XIII với biệt tài thủy chiến).

- HS nghe GV nhắc lại cách nối từ chữ *K* hoa sang chữ *i* (nếu cần).
- HS quan sát cách GV viết chữ *Yết Kiêu* (nếu cần).
- HS viết chữ *Yết Kiêu* vào VTV.

2.3. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng:

Tủ sách im lặng thế thôi

Kể bao chuyện lạ trên đời cho em.

Phan Thị Thanh Nhàn

(Câu thơ nói về giá trị của sách, cung cấp cho em biết bao câu chuyện, bài thơ, tri thức cần thiết cho cuộc sống,...)

- HS viết câu ứng dụng vào VTV.

2.4. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ *Khánh Hoà* (Là một tỉnh ở miền Trung, có thành phố biển Nha Trang đẹp nổi tiếng.) và câu ứng dụng: *Khi vào lớp Một, ông ngoại đã dạy tôi bài học đầu tiên.*

- HS viết nội dung luyện viết thêm vào VTV.

2.5. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Mở rộng vốn từ Gia đình

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc mẫu, tìm từ cá nhân và chia sẻ, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ. Chữa bài bằng hình thức chơi *Truyền điện/ Chuyển hoa* (Đáp án: *chú bác, cô bác, cô dượng, chú thím, cậu dì, dì dượng,...*).
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận, xếp các từ ngữ thành ba nhóm trong nhóm nhỏ.
- HS chữa bài trước lớp bằng hình thức chơi tiếp sức (Đáp án: **mong đợi**: *mong chờ, trông mong, chờ đợi*; **thương yêu**: *yêu thương, yêu quý, thương mến*; **chăm sóc**: *chăm chút, chăm nom, săn sóc,...*).
- HS nghe GV nhận xét kết quả.
- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS làm bài vào VBT.
- 1 – 2 HS chữa bài trước lớp (Đáp án: a. *chăm sóc/ săn sóc*, b. *yêu quý/ yêu thương*, c. *mong chờ/ mong đợi,...*).
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

3.2. Luyện tập về từ ngữ trả lời câu hỏi Vì sao?, Nhờ đâu?

- HS xác định yêu cầu của BT 4, đọc các thẻ màu xanh và các thẻ màu hồng.
- HS làm bài cá nhân vào VBT, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ.
- 1 – 2 HS chữa bài trước lớp.
- HS đọc lại các câu văn, tìm từ ngữ trả lời câu hỏi *Vì sao? Nhờ đâu?*
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Viết lời cảm ơn thầy giáo hoặc cô giáo đầu tiên của em.*
- HS viết lời cảm ơn dựa vào gợi ý của GV:
 - + Thầy giáo hoặc cô giáo đầu tiên của em là ai? Vì sao?
 - + Em muốn nói gì để cảm ơn người đó?
 - + ...
- HS trao đổi về cách gửi lời cảm ơn đến thầy giáo hoặc cô giáo đầu tiên của em.
- HS nghe GV nhận xét và tổng kết bài học.

BÀI 2: VƯỜN DỪA CỦA NGOẠI (tiết 5 – 7, SHS, tr.122 – 125)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Giải được câu đố về cây dừa; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh họa.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa. Hiểu được nội

dùng bài đọc: *Cây dừa gắn bó với cuộc sống của người dân miền Tây*.

– Thi kể tên các loại cây, hoa, quả bắt đầu bằng chữ *d*, nói về một loại cây, hoa, quả đã kể tên.

2. Nói được về một số đặc điểm của một nhân vật trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình em thích theo gợi ý.

3. Biết cách dùng lời xưng hô phù hợp khi viết thư và viết được lời hỏi thăm, lời chúc hoặc lời hứa trong thư hỏi thăm người thân.

4. Thi đọc thơ, văn về các loại cây, hoa hoặc trái cây.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh ảnh, video clip vườn dừa, những hoạt động của người lớn và trẻ em trong vườn dừa, đồ ăn, đồ dùng gia đình làm từ dừa (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ *Vườn dừa đã gắn bó...* đến hết.

– Tranh ảnh, vật thật một số loại cây, hoa, quả tên bắt đầu bằng chữ *d*.

– Một số quyển truyện tranh hoặc quảng cáo phim hoạt hình (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, giải câu đố và chia sẻ với bạn những điều em biết về cây dừa theo gợi ý (đặc điểm, ích lợi,...).

– HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh để phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Vườn dừa của ngoại*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (*Gợi ý*: toàn bài đọc giọng thông thả, vui tươi, nhấn giọng những từ ngữ tả ích lợi của vườn dừa, hoạt động của con người gắn bó với vườn dừa).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *mương, mát rượi, bảy mươi, rạch, ...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Và mát vì có những trái dứa cho nước rất trong/ cho cái dứa mỏng mỏng/ mềm mềm/ vừa đưa vào miệng/ đã muốn tan ra mát rượi.//; Vườn dứa/ đã gắn bó với ông từ thời thơ bé/ đến tận bây giờ/ tuổi đã bảy mươi.//; ...*

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *mương* (kênh nhỏ để tưới tiêu); *đánh đào, đánh đu* (tên các trò chơi dân gian); *rạch* (đường dẫn nước từ sông vào đồng ruộng);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 3 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có).

– HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 4 trong SHS, khuyến khích HS trao đổi, rút ra ý chính. (Gợi ý: *Nói cây dứa là cuộc sống của ông ngoại, của người dân miệt này vì những ngôi nhà được xây dựng dưới bóng dứa, những đồ vật trong nhà, những món ăn đều được làm từ các bộ phận của cây dứa; nhiều hoạt động của con người cũng gắn bó mật thiết với vườn dứa.*)

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc của toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS luyện đọc đoạn từ *Vườn dứa đã gắn bó...* đến hết trong nhóm nhỏ.

– HS luyện đọc trước lớp đoạn từ *Vườn dứa đã gắn bó...* đến hết.

– HS đọc toàn bài.

TIẾT 2

1.2. Thi kể tên và nói về một loại cây, hoa, quả vừa kể.

– HS xác định yêu cầu BT.

– HS chia đội, thi kể tên các loại cây, hoa, quả chứa tiếng bắt đầu bằng chữ *d* (Gợi ý: *dâu, dứa, dứa, hường dương, dẻ, dừa lê, dừa hẩu, dừa lười, thược dược, dã quỳ, dương xỉ, đuối, dâu da, dừa chuột, dạ yến thảo, dừa gang, dâm bụt,...*).

– HS nói 1 – 2 câu trong nhóm đôi về một loại cây vừa kể tên.

– 2 – 3 HS nói trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Nói và nghe

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS quan sát và đọc lời các nhân vật trong tranh và trao đổi, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ theo kỹ thuật *Tia chớp* (Đáp án: *nhân vật ốc sên; xem phim hoạt hình Chú ốc sên bay; dễ thương, đáng yêu, biết ước mơ*).

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS nói trong nhóm đôi.
- 1 – 2 HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung nói.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Trao đổi về lời xưng hô, lời thăm hỏi, lời chúc hoặc lời hứa khi viết thư thăm hỏi người thân

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và các gợi ý.
- HS thảo luận nhóm nhỏ, viết nhanh kết quả vào thẻ từ hoặc ghi chép dưới dạng sơ đồ tư duy.
- HS nói miệng lời thăm hỏi, lời chúc hoặc lời hứa trong nhóm nhỏ.
- 2 – 3 HS nói miệng trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Viết lời chúc hoặc lời hứa trong thư thăm hỏi người thân

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS viết bài vào VBT dựa vào kết quả nói ở BT 1.
- HS triển lãm kết quả trong nhóm hoặc lớp theo kỹ thuật *Phòng tranh*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động vận dụng: *Thi đọc thơ, văn về các loại cây, hoa hoặc trái cây*.
- HS thi đọc thơ, văn trong nhóm, bình chọn bạn đọc hay nhất.
- HS đại diện nhóm thi trước lớp.
- HS bình chọn bạn có giọng đọc truyền cảm nhất.
- HS nghe GV nhận xét và tổng kết hoạt động.

BÀI 3: NHƯ CÓ AI ĐI VẮNG (tiết 8 – 11, SHS, tr.126 – 129)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Chia sẻ về những điều em thường trao đổi qua điện thoại với người thân theo gợi ý; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài thơ, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Tình cảm ông cháu, niềm vui, niềm hạnh phúc khi trò chuyện qua điện thoại; nỗi buồn khi đường dây liên lạc bị hỏng.*

– Tìm đọc một bài văn về gia đình, viết được *Phiếu đọc sách* và biết cách trao đổi với bạn về các từ ngữ dùng hay trong bài.

2. Nghe – viết được đoạn *Vườn trưa*; phân biệt *êch/ uênh; ch/ tr; ac/ at*.

3. Tìm được từ ngữ chỉ đặc điểm, từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau.

4. Đặt được câu có sử dụng từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau nói về đặc điểm của các sự vật, hiện tượng.

5. Đóng vai gọi điện thoại cho ông bà hoặc người thân để hỏi thăm sức khoẻ và kể về một niềm vui của em ở trường; biết chia sẻ cảm xúc khi liên lạc với người thân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh ảnh, video clip về cảnh trao đổi với người thân qua điện thoại (loại máy có định có dây), qua điện báo, điện thoại di động, vô tuyến, truyền hình,... (nếu có).

– Bảng phụ ghi ba khổ thơ đầu.

– HS mang theo sách có bài văn về gia đình và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về bài văn đã đọc.

– Thẻ từ để tổ chức cho HS chơi trò chơi khi thực hiện các BT chính tả, từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ chia sẻ về những điều em thường trao đổi qua điện thoại với người thân theo gợi ý.

– HS quan sát tranh minh hoạ, đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới (Đề liên lạc với người thân, em có thể sử dụng điện thoại di động, điện thoại cố định,...), quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Như có ai đi vắng*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng trong sáng, vui tươi khi đọc ba khổ thơ đầu; giọng trầm, hơi lắng xuống khi đọc khổ thơ cuối; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ cảm xúc của bạn nhỏ khi nói chuyện với ông qua điện thoại; ngắt nhịp 2/ 3 hoặc 3/2*).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *xa ngái, quá chừng, reo giòn,...*

+ Cách ngắt nhịp một số dòng thơ:

Chẳng thấy/ ông nội đâu/

Mà giọng ông/ nói đầy/

Áp tai/ vào ống nghe/

Đỡ nhớ ông/ biết mấy!//

Quê nội/ thì xa ngái/

Chưa một lần/ về thăm/

Chỉ nghe qua/ điện thoại/

Mà quá chừng/ nhớ mong//

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *xa ngái* (phương ngữ – như *xa xôi*: xa và cách trở về không gian, thời gian); *bắt chợt* (xảy ra bất ngờ và trong khoảnh khắc);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 3 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ/ hình ảnh khó, VD: *giòn* (âm thanh nghe vui tai); *đường dây đứt* (đường dây bị hỏng, không liên lạc được);...

– HS rút ra nội dung bài thơ trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS trả lời câu hỏi 4 trong SHS, giải thích lí do về sự lựa chọn của mình (GV động viên, khuyến khích HS trình bày, giải thích).

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài thơ.

- HS nghe GV đọc toàn bài.
- HS luyện đọc ba khổ thơ em thích trong nhóm, trước lớp và học thuộc lòng bằng cách tự nhẩm thuộc, xoá dần hoặc thay chữ bằng hình,...
- Một số HS thi đọc thuộc lòng trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một bài văn về gia đình

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

- HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài văn về gia đình và viết *Phiếu đọc sách* theo hướng dẫn của GV.
- HS viết vào *Phiếu đọc sách* những nội dung em thích sau khi đọc bài văn: *tên bài văn, tên tác giả, từ ngữ chỉ hoạt động, từ ngữ chỉ tình cảm, hình ảnh đẹp,...*
- HS có thể trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề/ bài văn.

1.2.2. Chia sẻ về từ ngữ dùng hay trong bài văn

- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về *Phiếu đọc sách* của em. Có thể đọc bài văn cho bạn nghe hoặc chia sẻ bài văn cho các bạn cùng đọc.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về 2 – 3 từ ngữ dùng hay trong bài văn (từ ngữ đó có thể chỉ hoạt động hoặc chỉ tình cảm,...).
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Nghe – viết

- HS đọc đoạn trong bài *Vườn trưa*, trả lời 2 – 3 câu hỏi về nội dung bài văn
 - + Tên bài văn là gì?
 - + Bài văn tả về cảnh vật gì?
- HS đánh vần một số tiếng/ từ ngữ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ hoặc do ngữ nghĩa. VD: *lành, lạng lẽ, chan chứa, rau răm; dĩa, gió,...*
- HS nghe GV đọc cụm từ và viết vào VBT (GV hướng dẫn HS: căn giữa khi viết tên bài; viết lùi vào một ô khi viết chữ đầu đoạn).
- HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.
- HS nghe bạn nhận xét bài viết.

- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Phân biệt êch/ uêch

- HS đọc yêu cầu BT 2 và tiếng đã cho trước.
- HS cùng bạn (nhóm đôi) chọn vần *êch* hoặc vần *uêch* phù hợp với mỗi ☼.
- HS làm bài vào VBT (Đáp án: *nguyệt ngoạc, bạc phếch, chênh chếch, trống huếch, rỗng tuếch, trắng bệch*).
- HS đọc lại các từ đã điền và giải nghĩa một số từ (GV có thể giải thích thêm: *nguyệt ngoạc* (thường để chỉ nét viết hoặc nét vẽ xiên xẹo, méo mó do chưa thạo hoặc do vội vàng, thiếu cẩn thận); *bạc phếch* (bị phai màu đến mức ngả sang màu trắng đục, trông cũ và xấu), *chênh chếch* (hơi chếch về một phía); *trống huếch* (trống rỗng và hở rộng ra, hoàn toàn không thấy có gì ở bên trong), *rỗng tuếch* (hoàn toàn trống rỗng, hàm ý chê), *trắng bệch* (trắng một cách nhợt nhạt);...
- HS chữa bài trước lớp, có thể đặt câu với 1 – 2 từ tìm được.
- HS nghe bạn và GV đánh giá bài làm.

2.3. Phân biệt ch/ tr hoặc ac/ at

- HS đọc yêu cầu BT (3), chọn BT phân biệt phương ngữ *ch/ tr* hoặc *ac/ at* phù hợp để thực hiện.
- HS tìm trong nhóm đôi chọn chữ hoặc vần thích hợp với mỗi ☼ (Đáp án: a. *chải, trắng, chối, trong*; b. *nhạc, hát, xạc, bắt*).
- HS đọc lại và giải nghĩa một số từ ngữ đã điền, VD: *xạc xào* (từ mô phỏng tiếng như tiếng lá cây lay động va chạm nhẹ vào nhau); *bát ngát* (rộng lớn đến mức tầm mắt không sao bao quát hết được; đồng nghĩa: *bao la, mênh mông, mông mênh*);...
- HS nghe bạn và GV đánh giá bài làm.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Luyện tập về từ ngữ chỉ đặc điểm, từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc đoạn văn, quan sát mẫu, làm bài cá nhân, chia sẻ kết quả trong nhóm đôi (Đáp án: *cao – thấp, rộng – hẹp, dày – mỏng, lớn – bé*).
- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS quan sát tranh, trao đổi trong nhóm nhỏ, trình bày kết quả theo kĩ thuật *Truyền điện/ Chuyển hoa* (Đáp án: *tròn – méo, lạnh – nóng, héo – tươi, cao – thấp, ...*).
- Một vài nhóm chia sẻ kết quả trước lớp.

- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.2. Đặt câu có sử dụng từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS thực hiện yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- Một vài HS chia sẻ bài làm trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Đóng vai gọi điện thoại cho ông bà hoặc người thân để hỏi thăm sức khỏe và kể về một niềm vui của em ở trường; chia sẻ cảm xúc khi gọi điện thoại cho ông bà hoặc người thân.*

- HS đóng vai trong nhóm đôi để gọi điện thoại.
- 1 – 2 cặp HS đóng vai trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS chia sẻ cặp đôi hoặc trong nhóm nhỏ: cảm xúc khi liên lạc với người thân (vui, xúc động, thích thú,...).
- Một vài HS chia sẻ ý tưởng, cảm xúc (nếu có HS phác họa ý tưởng bằng hình vẽ, mời HS đó trình bày và dán hình vẽ vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm*).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 4: THUYỀN GIẤY (tiết 12 – 14, SHS, tr.130 – 133)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Trao đổi về một đồ chơi gấp bằng giấy em thích, nói về cách chơi đồ chơi đó; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh họa.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa. Hiểu được nội dung bài đọc: *Cảm xúc của người mẹ khi ngắm nhìn con hồn nhiên vui chơi; mong con biết ước mơ những điều tốt đẹp cho tương lai.*
- Tìm được từ ngữ nói lên mong ước của em cho người thân. Nói được câu thể hiện mong ước của em với người thân.

2. Nghe – kể được câu chuyện *Món quà tặng cha*.

3. Viết được thư gửi người thân theo gợi ý và tập viết phong bì thư.

4. Thi hát và nói được 1 – 2 câu về bài hát về tình cảm gia đình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Một số đồ chơi gấp bằng giấy, tranh ảnh, video clip trò chơi thả thuyền giấy, cảnh mẹ và con chơi thả thuyền (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Con cười vui thích thú... đến bay xa, con nhé!*
- Tranh ảnh về Pa-xcan, máy tính Pa-xcan.
- Phong bì thư đã có các thông tin, có thể có cả tem thư và dấu bưu điện (nếu có).
- Video clip một số bài hát về tình cảm gia đình.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trao đổi về một đồ chơi gấp bằng giấy em thích, nói về cách chơi đồ chơi đó.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh họa để phỏng đoán nội dung bài đọc: trời mưa, bạn nhỏ vui thích thả thuyền giấy, mẹ âu yếm nhìn con chơi,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Thuyền giấy*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (*Gợi ý*: toàn bài đọc giọng thông thả, chậm rãi, trùu mến, thiết tha; nhấn giọng những từ ngữ tả đặc điểm, hoạt động, suy nghĩ của nhân vật).
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:
 - + Cách đọc một số từ ngữ khó: *dập dềnh, lênh đênh, lạnh canh,...*
 - + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Con gửi gắm mong ước gì/ trong ánh mắt trong veo/ dõi theo từng con thuyền/ đang lênh đênh/ trên sóng nước?//; Những giọt nước mưa trong veo/ vỡ tan trong lòng bàn tay nhỏ nhắn,/ bắn ra những tia nước mát lạnh/ bám trên đầu tóc/ khiến con cười vang.//; Tiếng cười/ va lạnh canh vào mưa,/ làm rộn/ nhịp tim vừa trở lại tuổi thơ của mẹ.//;...*
 - + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *dập dềnh* (vật nổi trên mặt nước chuyển động một cách nhịp nhàng), *lênh đênh* (trôi bập bênh trên mặt nước, không có hướng, có đích nhất định),...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời các câu hỏi 1 – 4 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *xa thăm* (rất xa, xa đến mức như mờ đi, chìm sâu vào khoảng không bao la),...

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– Câu hỏi 5 GV khuyến khích HS nói lên cảm nhận của bản thân khi đọc bài.

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS luyện đọc đoạn từ *Con cười vui thích thú... đến bay xa, con nhé!* trong nhóm nhỏ.

– Một vài HS đọc trước lớp.

– HS đọc toàn bài.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.2. Tìm từ ngữ; nói câu thể hiện mong ước của em cho người thân

– HS tìm từ ngữ nói lên mong ước của em cho người thân theo nhóm nhỏ (khuyến khích HS gắn với hoàn cảnh gia đình để bày tỏ; có thể hướng dẫn HS dùng sơ đồ cành cây để thể hiện: **sức khỏe**: *manh khỏe, khỏe mạnh, nhanh khỏi bệnh, ...*; **công việc**: *thuận lợi, thành công, ...*; **tình cảm**: *tốt đẹp, ...*

– HS nói trong cặp hoặc nhóm: mong ước của em cho người thân.

– Một vài HS nói trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung nói.

2. Nói và nghe

Món quà tặng cha

1. Một hôm, đêm đã rất khuya nhưng Pa-xcan thấy bố vẫn mãi miết cặm cụi trước bàn làm việc. Anh rón rén lại gần, bố anh vẫn không hề hay biết. Ông đang mải mê với những dãy số chi chít và dài dằng dặc – ông phải kiểm tra sổ sách của Sở Tài chính mà ông mới được bổ nhiệm phụ trách.

2. Ngày lại ngày, bố cứ phải ngồi làm việc với những dãy tính cộng trừ, nhân chia với hàng ngàn con số – Pa-xcan nghĩ thầm – Một công việc nhức đầu kinh khủng! Nhưng bố không thể không làm... Bỗng trong đầu Pa-xcan loé lên một tia sáng. Anh lặng lẽ trở về phòng mình. Rồi anh say mê, miệt mài vẽ một sơ đồ gì đó lên giấy.

3. Mười hôm sau, bố Pa-xcan rất ngạc nhiên thấy con trai ôm một vật gì là lạ đặt trên bàn. Pa-xcan thưa:

– Con hi vọng món quà nhỏ này có thể làm bố bớt nhức đầu vì những con số.

4. Thì ra, đó là một cái máy biết làm bốn phép tính cộng, trừ, nhân, chia mà Pa-xcan đã đặt hết tình cảm và trí tuệ của mình vào đó. Đó chính là chiếc máy tính đầu tiên trên thế giới, tổ tiên xa xôi của những chiếc máy tính điện tử hiện đại ngày nay.

Theo Lê Nguyên Long, Phạm Ngọc Toàn

• **Pa-xcan** (Blaise Pascal, 1623 – 1662): *Nhà toán học, vật lý học, triết học và nhà văn người Pháp nổi tiếng. Ông là người đầu tiên sáng chế ra máy tính.*

2.1. Nghe kể chuyện Món quà tặng cha

– HS đọc tên truyện, đọc chú thích về nhân vật chính của câu chuyện, nghe GV giới thiệu thêm về Pa-xcan (Pa-xcan được coi là một cậu bé thần đồng, Pa-xcan nghiên cứu về máy tính khi mới 18 tuổi. Những nghiên cứu của ông có ảnh hưởng quan trọng đến việc phát triển khoa học về kinh tế học và xã hội hiện đại).

– HS đọc lại tên truyện, xem tranh minh họa, từ ngữ gợi ý và phỏng đoán nội dung truyện.

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ nhất (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể) để kiểm tra phỏng đoán. GV vừa kể vừa dùng các câu hỏi kích thích sự phỏng đoán, trí tò mò nhằm thu hút sự tập trung chú ý của HS.

– HS trao đổi về phỏng đoán của mình sau khi nghe câu chuyện.

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ hai (có thể dùng tệp ghi âm và ghi hình giọng kể phối hợp với tranh, hình ảnh động minh họa) kết hợp quan sát từng tranh minh họa để ghi nhớ nội dung từng đoạn câu chuyện.

2.2. Kể từng đoạn và toàn bộ câu chuyện

– HS kể đoạn 1 dựa vào một số câu hỏi gợi ý:

+ Chuyện diễn ra ở đâu?

+ Đoạn 1 có những nhân vật nào? Chuyện gì xảy ra với mỗi nhân vật?

+ Từ ngữ dưới tranh là gì? Từ ngữ đó cho em biết điều gì về câu chuyện?

→ 1 – 2 HS kể đoạn 1 trước lớp.

– HS quan sát tranh số 2, nghe GV hướng dẫn kể đoạn 2 dựa vào câu hỏi gợi ý:

+ Sau khi rời phòng cha, Pa-xcan làm gì? Lúc đó đã mấy giờ sáng?

+ Từ ngữ dưới tranh cho biết Pa-xcan làm việc như thế nào?

→ 1 – 2 HS kể đoạn 2 trước lớp.

- HS quan sát tranh số 3, nghe hướng dẫn kể đoạn 3 dựa vào một số câu hỏi gợi ý:
 - + Pa-xcan đặt món quà lên bàn cha vào lúc nào?
 - + Gương mặt Pa-xcan và cha như thế nào?
 - + Theo em, Pa-xcan nói gì với cha?
 - + Khi nhận món quà, cha Pa-xcan đáp lại con thế nào?
- 1 – 2 HS kể đoạn 3 trước lớp.

- HS quan sát tranh số 4, nghe hướng dẫn kể đoạn 4 dựa vào một số câu hỏi gợi ý:
 - + Pa-xcan giải thích gì với cha về món quà?
 - + Theo em, cha Pa-xcan nói gì với con trai?

(GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật.)

- 1 – 2 nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện trước lớp.
- 1 – 2 HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

2.3. Đặt tên khác cho câu chuyện

- HS đọc yêu cầu BT.
- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện yêu cầu đặt tên khác cho câu chuyện có thể bằng một trong các cách:
 - + Dựa vào nội dung/ ý nghĩa/ nhân vật chính/ chi tiết/ vật nổi bật nhất.
 - + ...
- HS trao đổi về tên mình chọn trong nhóm nhỏ.
- 3 – 5 HS nêu tên câu chuyện mình đặt trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Viết thư cho người thân

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý.
- HS viết thư vào VBT dựa vào gợi ý.
- HS trưng bày sản phẩm theo kỹ thuật *Phòng tranh* để chia sẻ bài làm trong nhóm.
- HS nghe bạn và GV nhận xét bài làm.

3.2. Tập viết phong bì thư

- HS xác định yêu cầu của BT 2, nghe hướng dẫn các nội dung cần viết vào phong bì thư qua quan sát vật thật và trả lời một số câu hỏi:

- + Góc trên cùng phía trái ghi những gì?
- + Bên phải có mấy dòng? Nội dung của từng dòng là gì?
- HS viết vào VBT, chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét bài làm.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động vận dụng: *Chơi trò chơi Em là ca sĩ.*
- HS thi hát các bài về tình cảm gia đình trong nhóm.
- HS nói trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ 1 – 2 câu về bài vừa hát.
- Một vài HS hát, nói về bài hát trước lớp.
- HS nghe bạn, GV nhận xét và tổng kết bài học.

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (Tuần 18)

Tuần *Ôn tập cuối học kì I* tiếp tục hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực* ở HS; rèn luyện và phát triển năng lực *tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo* thông qua việc ôn luyện kiến thức tiếng Việt và các kĩ năng đọc, viết, nói nghe đã hình thành qua các chủ điểm *Ước mơ tuổi thơ, Cùng em sáng tạo, Vòng tay bè bạn, Mái ấm gia đình* kết hợp với kiểm tra, đánh giá cuối học kì I.

TIẾT 1 (SHS, tr.134 – 135)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và học thuộc lòng.
2. Đọc trôi chảy bài *Nắng hồng*, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng nhịp thơ; đọc với giọng phù hợp; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Mẹ và nụ cười của mẹ chính là vạt nắng hồng sưởi ấm mùa đông buốt giá, đem mùa xuân về làm sáng bừng ngôi nhà nhỏ.*

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip cảnh mùa đông ở miền Bắc.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và học thuộc lòng

- HS đọc yêu cầu BT 1.
- Nhóm 4 HS bốc thăm, đọc thành tiếng hoặc thuộc lòng một đoạn trong bài đọc đã học và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc.
- HS nghe bạn đọc để nhớ lại tên bài đọc, tên tác giả, nội dung bài.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi bằng bông hoa cảm xúc.

2. Ôn luyện đọc hiểu

- HS đọc tên bài, quan sát tranh, phỏng đoán nội dung bài đọc trong nhóm nhỏ.
- HS nghe GV giới thiệu bài đọc *Nắng hồng*.
- HS đọc nối tiếp các khổ thơ trong nhóm nhỏ, đọc cả bài trong nhóm đôi và trước lớp.
- HS nghe GV hướng dẫn đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời các câu hỏi trong SHS.
- Một vài nhóm chia sẻ kết quả thảo luận trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả và rút ra nội dung bài đọc.

TIẾT 2 (SHS, tr.135)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và học thuộc lòng.
2. Ôn luyện viết chữ hoa: viết đúng mẫu chữ viết hoa *C, G, S, L, Ê, I, K* cỡ nhỏ, tên địa danh và câu ứng dụng.
3. Phân biệt *d/ r* hoặc *ăn/ ăng*.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phiếu bốc thăm bài đọc.
- Mẫu chữ viết hoa *C, G, S, L, Ê, I, K* cỡ nhỏ.
- Bản đồ hành chính Việt Nam và tranh ảnh về Sơn La, Cần Thơ, Kiên Giang, đồng bằng sông Cửu Long.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và học thuộc lòng

- HS đọc yêu cầu BT 1.
- Nhóm 4 HS bốc thăm, đọc thành tiếng hoặc thuộc lòng một đoạn trong bài đọc đã học và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc.

- HS nghe bạn đọc để nhớ lại tên bài đọc, tên tác giả, nội dung bài.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi bằng bông hoa cảm xúc.

2. Ôn viết chữ C, G, S, L, Ê, I, K hoa cỡ nhỏ

2.1. Ôn viết chữ C, G, S, L, Ê, I, K hoa

- HS quan sát mẫu chữ C, G, S, L, Ê, I, K hoa cỡ nhỏ, xác định chiều cao, độ rộng các chữ (theo nhóm chữ).
- HS quan sát GV viết mẫu (có thể gọi HS có kỹ thuật viết tốt viết mẫu) và nêu quy trình viết chữ 1 – 2 chữ hoa cỡ nhỏ.
- HS viết chữ C, G, S, L, Ê, I, K hoa cỡ nhỏ vào VTV.

2.2. Ôn luyện viết từ và câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu về tên riêng *Sơn La* (tên một tỉnh miền núi Tây Bắc Việt Nam), *Cần Thơ* (là thành phố hiện đại và phát triển nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long) và *Kiên Giang* (tên một tỉnh nằm ven biển phía Tây Nam Việt Nam). HS nghe GV giới thiệu kết hợp xác định vị trí các tỉnh trên bản đồ hành chính Việt Nam hoặc một vài hình ảnh, video clip minh họa.
- HS quan sát và nhận xét cách viết các tên riêng *Sơn La*, *Cần Thơ*, *Kiên Giang*.
- HS xác định độ cao các con chữ, vị trí đặt dấu thanh, khoảng cách giữa các tiếng,...
- HS quan sát cách GV viết từ *Sơn La* (có thể gọi HS có kỹ thuật viết tốt viết mẫu).
- HS viết các tên riêng *Sơn La*, *Cần Thơ*, *Kiên Giang* vào VTV.
- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của bài ca dao:

*Trong đầm gì đẹp bằng sen,
Lá xanh, bông trắng lại chen nhụy vàng.*

*Nhụy vàng, bông trắng, lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.*

Ca dao

(Bài ca dao nói đến vẻ đẹp tinh khiết của hoa sen qua đó ca ngợi vẻ đẹp, phẩm chất của con người Việt Nam, đặc biệt là những người lao động.)

- HS nhắc lại để lưu ý: các chữ viết hoa, chiều cao, khoảng cách giữa các chữ, vị trí đặt dấu thanh,... (nếu cần) và viết câu ứng dụng vào VTV.

2.3. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa các tên riêng: *Lý Thường Kiệt* (1019 – 1105, là một nhà quân sự, nhà chính trị rất nổi tiếng vào thời nhà Lý nước Đại Việt. Ông làm quan qua ba triều Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông và đạt được nhiều thành tựu to lớn,

là một trong hai danh tướng vĩ đại nhất nhà Lý.), *Trần Quang Khải* (1241 – 1294, là một nhà chính trị, quân sự của nước Đại Việt thời Trần. Ông làm đến chức Thừa tướng đời Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông và Trần Anh Tông, coi cả mọi việc trong nước.), *Lê Thị Hồng Gấm* (1951 – 1970, là một nhà cách mạng của Việt Nam, đã tham gia vào công cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước).

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa câu ứng dụng: *Đồng bằng sông Cửu Long là vựa lúa lớn của cả nước.*

– HS viết chữ *C, G, S, L, T, E, Ê, I, K* hoa cỡ nhỏ, từ ứng dụng và câu ca dao vào VTV.

2.4. Đánh giá bài viết

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.5. Phân biệt đ/ r hoặc ăn/ ăng

– HS đọc yêu cầu BT (4) và chọn một trong hai BT để thực hiện.

– HS tìm từ ngữ theo yêu cầu BT trong nhóm nhỏ bằng kĩ thuật *Khăn trải bàn* (Đáp án: a. *hẹp – rộng; khó – dễ; ngắn – dài; mỏng – dày*; b. *cong – thẳng; nhạt – mặn; đen – trắng; mềm – rắn; ...*).

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3 (SHS, tr.136)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và học thuộc lòng.

2. Ôn luyện về biện pháp tu từ so sánh, từ ngữ có nghĩa giống nhau, từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau.

3. Ôn luyện dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than; ôn luyện câu kể, câu hỏi.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Phiếu bốc thăm bài đọc.

– Thẻ từ hoặc bảng nhóm để tổ chức cho HS chơi trò chơi ở BT 2, BT 3.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và học thuộc lòng

– HS đọc yêu cầu BT 1.

– Nhóm 4 HS bốc thăm, đọc thành tiếng hoặc thuộc lòng một đoạn trong bài đọc đã học và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc.

– HS nghe bạn đọc để nhớ lại tên bài đọc, tên tác giả, nội dung bài.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi bằng bông hoa cảm xúc.

2. Ôn luyện về biện pháp tu từ so sánh, từ ngữ có nghĩa giống nhau, từ ngữ có nghĩa trái ngược

2.1. Ôn luyện về từ ngữ dùng để so sánh

– HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc bài thơ.

– HS tìm hình ảnh, từ ngữ dùng để so sánh theo yêu cầu trong nhóm đôi và làm bài vào VBT.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. Đáp án:

Sự vật 1	Đặc điểm	Từ dùng để so sánh	Sự vật 2
cô giáo em	hiền	như	cô Tấm
giọng cô	đằm ấm	như	lời mẹ ru

– HS thảo luận trong nhóm nhỏ nêu tác dụng của các hình ảnh so sánh (Gợi ý: Nhờ có các hình ảnh so sánh, bài thơ sinh động hơn, hình ảnh cô giáo hiện lên thật đẹp, gần gũi như một người mẹ).

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

2.2. Ôn luyện từ ngữ có nghĩa giống nhau, từ ngữ có nghĩa trái ngược

– HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc từ ngữ cho trước.

– HS tìm từ có nghĩa giống nhau, từ ngữ có nghĩa trái ngược theo yêu cầu trong nhóm nhỏ bằng kĩ thuật *Khăn trải bàn*, thống nhất kết quả và làm bài vào VBT.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp, có thể đặt câu với 1 – 2 từ ngữ tìm được.

– HS nghe GV nhận xét kết quả (Gợi ý: *hiền*: *lành – dữ*, *quả* – *trái*, *chín*: *xanh*, *tiếng ca* – *tiếng hát*).

3. Ôn luyện dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than; ôn luyện câu kể, câu hỏi

– HS xác định yêu cầu của BT 4, đọc đoạn văn.

– HS làm BT 4 vào VBT.

– HS chữa bài bằng hình thức chơi tiếp sức.

– HS nghe bạn và GV nhận xét (Đáp án: *dấu chấm*, *dấu chấm*, *dấu chấm*, *dấu chấm than*, *dấu chấm hỏi*).

– HS đọc lại đoạn văn sau khi điền dấu câu.

- HS xác định yêu cầu của BT 5.
- HS làm bài trong nhóm đôi.
- 2 – 3 cặp HS chữa bài trước lớp (Đáp án gợi ý: a. *Những chữ gì trên tấm biển kia?*, b. *Bé vừa đánh vần vừa đọc. Giữa vườn lá um tùm xanh mướt còn ướt đẫm sương đêm, một bông hoa rập rờn trước gió. Màu hoa đỏ thắm. Cánh hoa mịn màng, khum khum úp sát vào nhau như còn ngập ngừng chưa muốn nở hết. Đoá hoa toả hương thơm ngát.*)
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I

(tiết 4 – 7, SHS, tr.137 – 141)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc đúng và trả lời câu hỏi một đoạn văn, đoạn thơ có độ dài 70 – 80 tiếng; tốc độ đọc khoảng 70 – 80 tiếng/ 1 phút.
2. Đọc hiểu và trả lời được các câu hỏi về nội dung bài *Các em nhỏ và cụ già*.
3. Nghe – viết được đoạn văn với tốc độ khoảng 50 – 55 chữ/ 15 phút; trình bày bài hợp lý, biết viết hoa đúng các chữ đầu mỗi dòng thơ.
4. Viết được đoạn văn ngắn hoặc một bức thư.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Một số tờ thăm ghi các đoạn dùng kiểm tra đọc thành tiếng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 – 2

A. ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG ĐỌC

1. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi

- HS nghe GV hướng dẫn và thực hiện nội dung kiểm tra đọc thành tiếng:
 - + HS bắt thăm đoạn đọc.
 - + HS đọc đoạn mình đã bắt thăm và trả lời câu hỏi.
 - + HS nghe GV nhận xét, đánh giá.

2. Đọc hiểu

- HS nghe GV hướng dẫn và thực hiện nội dung kiểm tra đọc hiểu bài *Các em nhỏ và cụ già*:

+ HS đọc thầm bài *Các em nhỏ và cụ già* và tìm hiểu nghĩa một số từ ngữ khó (nếu cần).

+ HS trả lời các câu hỏi, BT đọc hiểu, có thể làm vào VBT.

+ HS chia sẻ kết quả trước lớp.

+ HS nghe GV nhận xét, đánh giá.

TIẾT 3 – 4

B. ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG VIẾT

1. Nghe – viết

- HS nghe GV đọc từng cụm từ trong đoạn văn *Hồ Gươm* và viết vào VBT.
- HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, nghe GV đọc lại bài viết, giúp bạn soát lỗi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét bài viết.

2. Viết đoạn văn ngắn – Viết thư cho bạn bè hoặc người thân

- HS đọc và chọn đề bài phù hợp.
- HS viết bài vào VBT.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.



Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN TRỌNG PHÚC – NGUYỄN VĂN QUẢNG

Biên tập mỹ thuật: THÁI HỮU DƯƠNG

Thiết kế sách: TRẦN NGUYỄN ANH TÚ

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Sửa bản in: NGUYỄN TRỌNG PHÚC – NGUYỄN VĂN QUẢNG

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép,
lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng
văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TIẾNG VIỆT 3 TẬP MỘT – SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số: G2HG3V001M22

In.....bản, (QĐ in số.....) Khổ 19x26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB: 593-2022/CXBIPH/29-397/GD

Số QĐXB:..... ngày tháng.... năm 20 ...

In xong và nộp lưu chiểu thángnăm 20....

Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-31988-3

Tập hai: 978-604-0-31989-0



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 3 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|---|---|
| 1. TIẾNG VIỆT 3 – TẬP MỘT
Sách giáo viên | 7. TIN HỌC 3
Sách giáo viên |
| 2. TIẾNG VIỆT 3 – TẬP HAI
Sách giáo viên | 8. ĐẠO ĐỨC 3
Sách giáo viên |
| 3. TOÁN 3
Sách giáo viên | 9. ÂM NHẠC 3
Sách giáo viên |
| 4. TIẾNG ANH 3 Family and Friends
(National Edition) – Teacher's Guide | 10. MĨ THUẬT 3 (BẢN 1)
Sách giáo viên |
| 5. TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3
Sách giáo viên | 11. MĨ THUẬT 3 (BẢN 2)
Sách giáo viên |
| 6. CÔNG NGHỆ 3
Sách giáo viên | 12. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 3 (BẢN 1)
Sách giáo viên |
| | 13. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3
Sách giáo viên |

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
 - **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
 - **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
 - **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khoá.



ISBN 978-604-0-31988-3



9 786040 319883

Giá: 49.000 đ